**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 40/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

**Mục Lục**

[Tập 391 2](#_Toc420932097)

[Tập 392 22](#_Toc420932098)

[Tập 393 43](#_Toc420932099)

[Tập 394 65](#_Toc420932100)

[Tập 395 87](#_Toc420932101)

[Tập 396 109](#_Toc420932102)

[Tập 397 135](#_Toc420932103)

[Tập 398 156](#_Toc420932104)

[Tập 399 175](#_Toc420932105)

[Tập 400 195](#_Toc420932106)

# Tập 391

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 02.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 483, hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ đoạn giữa.

“Thượng bất chân vi sanh tử, phát bồ đề tâm, dĩ thâm tín nguyện, nhất hướng chuyên niệm, nhi dục vãng sanh, vô hữu thị xứ”. Mấy câu này chúng ta phải đặc biệt coi trọng. Chư Phật Bồ Tát chỉ dạy chúng ta, chư vị Tổ sư khuyên răn chúng ta.

Tam bối vãng sanh, trước đây đã nói qua so sánh với tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này là con đường dễ thực hành. Nhưng nếu không thể đè nén phiền não, giống như đoạn này nói, không phải thực sự vì sanh tử thì không phải là một việc dễ làm. Cho nên then chốt là phải chăng chúng ta nhìn thấu hai thế giới này, nhìn rõ ràng, nhìn thấu suốt rồi. Thế giới Ta bà khổ, thực sự giác ngộ rồi, nó là khổ thật, nó không phải là khổ giả.

“Lạc” của Thế giới Cực Lạc là chân lạc, không phải là lạc được nói trong tình chấp. Ở bên đó tu tập không có bất cứ chướng ngại nào. Thầy giáo là vị mà Chư Phật Như Lai tán thán, tôn kính - Phật A Di Đà, đó là thầy giáo. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi người đều được đích thân Phật A Di Đà chỉ dạy. Chứ không phải do người khác đến giúp đỡ.

Chúng ta biết được người vãng sanh Thế giới Cực Lạc mỗi ngày nhiều như vậy, có thể nói mỗi phút mỗi giây đều không gián đoạn, chúng sanh đến từ mười phương quốc độ khắp pháp giới hư không giới, không biết có bao nhiêu. Phật A Di Đà có thể ứng phó được không? Chúng ta hường dùng phàm tình chúng ta để suy đoán, để quan sát. Chúng ta không biết tình hình thực sự của Thế giới Cực Lạc. Chúng ta căn bản không thể lí giải trí tuệ, đức năng, thần thông, đạo lực của Phật A Di Đà, không biết được!

Di Đà đích thực có thể ứng hóa thân vô lượng vô biên. Một người vãng sanh Ngài liền hiện một tướng, độc lập dạy cho họ. Môi trường học tập như vậy đi đến đâu mà tìm nữa? Chúng ta thích đại chúng cùng nhau học tập. Phật A Di Đà có giảng đường, giảng đường vô lượng vô biên. Mỗi người ngồi tại giảng đường đều cảm thấy Phật A Di Đà vì mình thuyết pháp. Cảm giác này tôi tin rằng chúng ta cũng có. Giảng đường chúng ta người không nhiều, khoảng hai ba chục người, thầy giáo dạy học, học sinh sẽ cảm giác được, thầy giáo hôm nay tiết học này là giảng cho mình. Quí vị đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, quí vị cũng sẽ cảm giác được mỗi tiết học đều là giảng cho bản thân mình, nâng cao cảnh giới của chính mình, tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, làm cho quí vị giờ giờ khắc khắc pháp hỷ sung mãn. Đây gọi là Thế giới Cực Lạc.

Người ở Thế giới Cực Lạc thường sanh tâm hoan hỉ, sẽ không có tạp niệm, sẽ không có phiền não. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chắc chắn không thể phát sanh ở nơi đó. Đây chính là oai thần của Phật A Di Đà, Phật quang của Phật A Di Đà chiếu soi.

Cho nên chúng ta phải thực sự vì sanh tử, chúng ta không vì điều khác, lục đạo sanh tử quá khổ, quá đáng thương! Vì sao còn phải làm những việc này? Vì sanh tử mới phát tâm bồ đề.

Tâm bồ đề là tâm gì? Thực sự tin tưởng Di Đà Tịnh Độ, thực sự muốn sanh đến Thế giới Cực Lạc, thực sự muốn thân cận Phật A Di Đà, dùng tín nguyện sâu, tâm bồ đề, vào hai mươi năm trước, chúng tôi nhắc đến trên đề Kinh Vô Lượng Thọ, “thanh tịnh bình đẳng giác” đây là thâm tín. Tự thọ dụng của bồ đề tâm, chúng ta dùng chân thành, chân thành là thể của tâm bồ đề. Chúng ta phải chân thành giống như Chư Phật Như Lai vậy. Dùng tâm chân thành sinh hoạt, dùng tâm chân thành làm việc, dùng tâm chân thành đối nhân xử sự tiếp vật, một lòng chân thành. Tự thọ dụng của tâm chân thành thanh tịnh bình đẳng giác, tha thọ dụng của tâm chân thành đại từ đại bi, từ bi thêm vào chữ đại, không có điều kiện, trong kinh giáo đại thừa thường nói “vô duyên đại từ”, chữ “duyên” này chính là điều kiện, từ bi không điều kiện,“đồng thể đại bi”. Vì sao không có điều kiện? Khắp pháp giới hư không giới tất cả vạn pháp và bản thân mình. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, dùng thâm tín nguyện, thâm tín thiết nguyện, nguyện vọng khẩn thiết, nhất hướng chuyên niệm, chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta hi vọng đến Thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Vậy là đúng rồi. Nếu như không phải thật vì sanh tử, phát bồ đề tâm, không có thâm tín nguyện, dù có nhất hướng chuyên niệm cũng không thể vãng sanh. Cho nên chân tín, chân nguyện là điều kiện đầu tiên bắt buộc phải có để vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Dưới đây Niệm Lão khai thị cho chúng ta.

“Kính kỳ”, vô cùng cung kính, nguyện cầu “đương thế hành nhân”, đương thế là hiện đại, các đồng học hiện đại tu Tịnh độ.

“Thận mạc sơ văn Tịnh Tông dị hành”, “thận” là cẩn thận, dè dặt, nhất định không nên hiểu nhầm. Nghe nói Tịnh Tông là đạo dễ thực hành, “liền sinh khinh mạn”, đối với pháp môn này, tông phái này liền sanh tâm khinh mạn, tức là không tôn trọng nó. Vì sao vậy? Vì nó là đạo dễ hành. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là đạo khó hành. Đạo khó hành quí vị có thể hành cho thông không? Quí vị hành không thông. Đạo dễ hành con đường này là con đường quí vị nhất định đi qua được. Trong đời này quí vị thực sự có thể thành tựu. Không những không thể khinh mạn, phải có tâm tôn trọng, tâm cảm ơn.

Phật A Di Đà biết căn tánh chúng ta rất hạ liệt, dùng pháp môn này giúp đỡ ta, thành tựu ta. Nếu như khinh mạn, tín tâm phù phiếm, chí nguyện trì hoãn, miệng nói tịnh nghiệp, tâm luyến duyên trần. Bốn chữ này vô cùng vô cùng quan trọng.

Trong tâm còn tham luyến ngũ dục lục trần, còn tham luyến thế gian này. “Cầu sanh như vậy, đợi đến năm lừa”, quí vị xem xem cầm tinh mười hai con giáp có con lừa không? Đến năm con lừa quí vị mới thành tựu, không có năm lừa. Đây là lời cổ nhân thường nói, nghĩa là chắc chắn quí vị không thể thành tựu. Cho nên nhất định phải thật vì sanh tử phát tâm bồ đề. Phải triệt để buông bỏ mọi trần duyên. Không còn mảy may tham luyến nào. Đặc biệt ngày nay tai nạn dồn dập, chúng ta từ những báo cáo của truyền thông, điều nhìn thấy trên mạng, càng nên nhắc nhở bản thân, cảnh giác bản thân nhiều hơn. Trong cuộc đời này hơn nữa thời gian ngắn ngủi, tôi trong hai ba năm nay, tịnh nghiệp của tôi nhất định tu thành.

Tu thành như thế nào? Duyên trần triệt để buông xuống, thâm tín thiết nguyện, nhất hướng chuyên niệm. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thực sự chắc chắn, vậy là đúng rồi. Nếu như tai nạn này qua đi, quí vị vẫn còn ở thế giới này, vậy là quí vị có nhiệm vụ rồi, nhiệm vụ gì? Dọn dẹp tàn cuộc sau tai nạn, giúp xã hội khôi phục trật tự, cần đến trí tuệ của quí vị, cần đến phương pháp của quí vị, cần đến kinh nghiệm của quí vị, đây chính là cần đến công đức tu học của quí vị. Giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, sự nghiệp Bồ Tát. Tôi không phải là Bồ Tát, tôi làm sao có thể làm được? Tín nguyện niệm Phật thành công rồi, người này chính là Bồ Tát. Vẫn còn nơi thế gian này, họ liền có thể giúp đỡ chư Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh.

Đoạn tiếp theo nói: lại tam bối trong bản kinh này và phẩm chín trong Quán kinh phải chăng phù hợp, xưa nói bất nhất.

Đoạn văn này giúp chúng ta đoạn trừ nghi hoặc. Chư vị Tổ sư xưa nay, họ có cách nhìn không giống nhau. Chúng ta gặp được rồi. nên dùng tâm trạng như thế nào để đối phó.

“Luận vi đồng giả”, Tam bối trong kinh này và cửu phẩm của Quán Vô Lượng Thọ Kinh, là cùng một sự việc. “Có Đàm Loan chư sư”, Lược Luận của sư Đàm Loan nói: “sanh an lạc độ giả”, trong Kinh Vô Lượng Thọ chỉ có tam bối thượng trung hạ, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, nhất phẩm phân ra thành thượng trung hạ, ba ba là chín, hợp thành chín phẩm. Đây là điều pháp sư Đàm Loan nói. Đây là bậc cao tăng của Tịnh Tông thời cổ đại.

Lại Tịnh Ảnh Sớ viết: “mười phương thế giới, chư thiên nhân dân, nguyện sanh nước kia, phàm có tam bối, luôn được nêu lên, như trong Quán Kinh, thô phân làm ba, tế phân làm chín”. Đây là Huệ Viễn pháp sư đời nhà Tùy nói. Đó tức là nói rõ tam bối và cửu phẩm cùng một ý nghĩa.

Lại trong Quán Kinh Sớ của Gia Tường nói: Vô Lượng Thọ Kinh tuy rõ tam bối, Thử, chữ thử này tức chỉ cho Quán Vô Lượng Thọ Kinh, trong đó khai tam bối thành cửu bối. Tam bối là thượng, trung , hạ vậy. Cửu bối là ở thượng phẩm có ba, trung hạ cũng như vậy, nên thành cửu bối vậy. Đây cũng là chủ trương tương đồng. Những tổ sư đại đức này.

Lại trong Cảnh Hưng viết, nay cũng hợp với chín phẩm kia. Kim là nói về kinh này. Bỉ là Quán Kinh , “vị thử tam bối”, là quyển này tức bản kinh này nói tam bối. “Cố kỳ nghĩa vô dị”, không có gì sai khác. Tam bối chính là cửu phẩm, cửu phẩm chính là tam bối.

“Lại nữa Liên Trì nói”, “Liên Trì đại sư nói, tam bối cửu phẩm, đúng là phù hợp, còn nghi ngờ gì”, “hựu Thiên Thai”, ở đây chỉ Trí Giả đại sư. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, “vị thử kinh cửu phẩm”, “thử kinh” này chỉ cho Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ. “chưa biết được cao thấp, tức đại bổn tam bối vậy”. Đại bổn chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ. Trí Giả đại sư cũng cùng cách nói như vậy. Đây là nói về sự tương đồng.

Cho đến chủ trương chỗ hai kinh khác nhau. Tức chư sư Linh Chi, Cô Sơn. Những người này trong lịch sử Phật Giáo Trung Quốc, cũng là cao tăng đại đức có danh tiếng. Cách nhìn của họ và những tổ sư đại đức trước đây không giống nhau. Linh Chi, Cô Sơn chư sư những vị này đều có nêu ví dụ. Sư Linh Chi nói tam bối chỉ đối với thượng phẩm trong Quán Kinh, không bao gồm 6 phẩm khác. Tức là trong chín phẩm, tam bối trong Quán Kinh. Ngài nói chỉ đối với thượng tam phẩm: thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Trung tam phẩm, hạ tam phẩm không có trong đó. Đây là ngài nói vậy. Vì sao vậy? Ngài cũng có cái lý của ngài. Ngài nói: vì trung phẩm và hạ phẩm trong Quán Kinh đều chưa phát bồ đề tâm. Đều là những y cứ trong kinh điển nói chưa phát bồ đề tâm. Đây là sư Linh Chi nói.

Cô Sơn nói hơi rộng, nói tam bối trong kinh này chỉ gồm thượng phẩm và trung phẩm trong kinh kia, không phải gồm hạ tam phẩm. Hạ tam phẩm trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, tức là Hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm không bao gồm trong đó. Bởi vì kinh này người trung tam bối vãng sanh đều là người thiện. Người hạ tam bối vãng sanh là người ác, không phải người thiện. Hạ tam phẩm trong Quán Kinh đều là người ác, lâm chung sám hối, niệm Phật được vãng sanh vậy. Cho nên chư sư đều nói hai kinh này không thể phù hợp với nhau, nói đều rất có lý.

Chúng ta xem tiếp, “Liên Trì đại sư trong Viên Trung Sao, Sớ Sao này là sớ sao của Kinh Di Đà, hội thông hai cách nói này, Sớ Sao viết: Thảo am phụ chánh giải nói, cũng trích dẫn lời của chư sư: “Thiên thai coi cửu phẩm đồng với tam bối”, Thiên Thai là Trí Giả đại sư, ngài nói: “nãi ước vị thứ tương đồng, bất ước hành nhân nhi ngôn”. Tức sư Cô Sơn, Linh Chi đều không trái với Thiên Thai, cho nên như vậy, dùng Thiên Thai đản ước vị thứ, tức bối phẩm tương đồng. “Nhị sư” tức là nói Cô Sơn và Linh Chi. Họ là hành nhân, tức nhân tu hành. Cho nên “chỉ tề”, tề tức là bình đẳng, bình đẳng với trung, hạ, bình đẳng với trung bối thượng bối. Bởi vì hạ bối là người ác, người ác vãng sanh, không phải là người thiện. Mỗi mỗi đều có căn cứ, dùng nghĩa khác nhau, nên không trái nhau. Mỗi người nói đều có lý. “Nghiêm khắc mà luận”, nói thật với quí vị, “tức phiền não không khác bồ đề”, phiền não và bồ đề cùng một tự tánh, lúc giác ngộ gọi là bồ đề, lúc mê gọi là phiền não. Mê ngộ không hai, “ban đầu ác đâu trở ngại sau này thiện”, người ác đó sau khi sám hối họ chính là người thiện. Người xưa thường nói lãng tử hồi đầu quí hơn vàng. Người ác thực sự hồi đầu còn thiện hơn cả người thiện. Quí vị làm sao nói họ là người ác được?

Nói người ác đã thành thiện rồi, há không phải đồng với Thánh hiền sao. Cải tà quy chánh, họ chính là Thánh hiền rồi. Đồ tể buông dao lập tức thành Phật, họ đã thành Phật rồi. Quí vị có thể nói người ác này không thể thành Phật sao? Vậy câu nói này phải nói như thế nào?

Cho nên tam bối cửu phẩm thực phối hợp với nhau, sao còn nghi ngờ. Không cần hoài nghi. Hoài nghi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bản thân. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đó gọi là Phật tri kiến Phật. Trong kinh giáo Đại Thừa chúng ta phải thấu triệt, phải rõ ràng. A la hán tức không chấp trước nữa, Bồ Tát thì không phân biệt. Phật không khởi tâm không động niệm, bình đẳng.

“Hội thông trên đây, rất hợp với pháp yếu”. Khế là khế nhập. Chủ trương của Thiên Thai Trí Giả đại sư là hai kinh phù hợp. Cho đến quan sát địa vị sau khi vãng sanh, mà chưa luận đến sự hành trì của nhân địa của họ. Các sư Linh Chi chỉ ra chỗ khác, và chuyên chú vào nơi hành trì nhân địa, cho đến từng phủ định họ đã sớm phát tâm bồ đề và tâm thiện ác trong hằng ngày mà nói.

Tức hạ tam phẩm trong Quán Kinh không thể đồng với hạ phẩm trong bản kinh này, cách nhìn không giống nhau. Cách nhìn này còn có chấp trước. Các sư Linh Chi họ chấp trước, người này sớm phát tâm bồ đề, người kia rất muộn mới phát tâm bồ đề. Phát tâm sớm muộn có sai biệt sao? Chúng ta tỉ mỉ quan sát có lẽ không có sai biệt. Sớm thành Phật và muộn thành Phật là một không phải hai. Sau khi thành Phật không có Phật trước và Phật sau, không có cổ Phật và kim Phật. Đó chỉ là chấp trước của phàm phu. Nước trong sông ngòi về đến biển cả trước, và về đến biển cả sau, có thể có phân biệt sao? có sai biệt sao? Có sai khác hay không. Không có sai biệt. Nhà tối một ngàn năm, một ngọn đèn được thắp lên liền chiếu sáng hết. Ngôi nhà tối một trăm năm, thắp lên một ngọn đèn cũng chiếu sáng được. Nó có sai biệt không? Hà huống trong pháp Đại Thừa, mọi lúc mọi nơi đều dạy chúng ta buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Phân biệt chấp trước quí vị không buông xuống được, đây là chướng ngại, đây là thuộc về sở tri chướng. Tham sân si mạn nghi là phiền não chướng. Nghiên cứu những kinh giáo này trở thành sở tri chướng. Dùng bộ kinh này để phê phán một bộ kinh khác, dùng bộ kinh khác để phê bình bộ kinh này.

Cho nên Phật biết sau này sẽ có tình trạng như vậy, nên trong hội Bát nhã Ngài đã phủ định tất cả, 49 năm không nói một câu nào. Ai nói Phật thuyết pháp là hủy báng Phật. Ngài có nói câu nói nào không? Hiện nay tôi đã hoàn toàn biết Ngài thực sự không nói một câu nào. Ngài muốn nói chuyện, Ngài trở thành phàm phu. Không nói pháp sao lại nói 49 năm, làm sao giảng kinh nhiều như vậy? Đây là nói rõ vì sao Ngài không có thuyết pháp. Phật không có khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm không phân biệt, không chấp trước, quí vị nói pháp gì? Đây là việc thật, đây không phải là việc giả. Có người hỏi tôi, tôi trả lời cho họ, tôi nói đó là gì? là phản ứng. Phật thuyết pháp, Phật thực sự không có thuyết pháp, phản ứng là phản ứng ý niệm của bản thân quí vị. Bởi vì quí vị có cảm, quí vị có cầu Phật, quí vị thỉnh giáo với Đức Phật, nêu ra câu hỏi. Phật không có suy nghĩ xem: quí vị nêu câu hỏi này, tôi suy nghĩ xem làm thế nào để trả lời quí vị. Vậy là ngài thuyết pháp. Phật không có chấp trước, không có phân biệt, cũng không có khởi tâm, cũng không có động niệm, trực tiếp trả lời quí vị. Cho nên Phật nói mà không nói, không nói mà nói. Nếu như quí vị biết nghe, quí vị nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, quí vị ngay lúc đó liền đại triệt đại ngộ. Quí vị liền thành tựu, ly tất cả tướng, tức tất cả pháp. Làm sao quí vị có thể chấp trước? làm sao quí vị có thể phân biệt nơi hư vọng được?

Ngày nay nhà khoa học Nhật bản tiến sĩ Giang Bổn làm thí nghiệm về nước. Một niệm thiện của chúng ta hay là một niệm ác đối với nước này: tôi thích bạn, tôi ghét bạn, dùng ngôn ngữ như vậy, tâm thái như vậy. Nó phản ứng kết tinh cho chúng ta không giống nhau. Thiện niệm, thiện ngôn của chúng ta, nước sẽ phản ứng kết tinh vô cùng đẹp. Ác niệm ác ngôn đồ án phản ứng vô cùng xấu xí. Nước có khởi tâm động niệm không? Nó có nói tôi nghĩ nghĩ xem tôi nên phản ứng như thế nào để đáp lại quí vị hay không? Không có, là trực tiếp. Khoa học thực nghiệm này xuất hiện rồi.

Chúng ta là có ý, có tâm, có ý đối đãi với Phật. Phật là vô tâm vô ý hồi đáp chúng ta. Quí vị nên rõ đạo lý này. Cho nên Ngài hoàn hoàn là phản ứng, giống như đánh trống, đánh mạnh thì tiếng lớn, đánh nhẹ tức tiếng nhỏ, không đánh thì không kêu. Lúc chúng ta đánh trống, trống hoàn toàn không suy nghĩ: tôi phải đáp lại quí vị như thế nào? Không có. Đây là phản ứng tự nhiên. Trong Phật Pháp là phản ứng tự tánh. Nếu như Ngài khởi tâm động niệm, thì Ngài không phải là Phật. Chẳng những không khởi tâm động niệm, mà Ngài còn không phân biệt chấp trước, đó là gì? Bồ Tát, không phải là Phật. Bồ Tát đã không có phân biệt chấp trước rồi, nếu như có phân biệt, chấp trước, Ngài là phàm phu, Ngài không phải là Bồ Tát. Chúng ta luôn dùng cảnh giới phàm phu để quán Phật. Phật cũng coi thành phàm phu, như vậy là sai rồi! Thế giới Cực Lạc thật có tam bối cửu phẩm không? Chúng ta học Tịnh Tông nhiều năm rồi. Kinh Vô Lượng Thọ cũng học mười mấy lần rồi. Trước đây tôi nói rất nhiều, tam bối cửu phẩm là thật hay là giả? Không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Vì sao không thể nói nó không có? Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, địa vị họ chứng đắc đích thực không giống nhau. Có người chứng đắc sâu, có người chứng đắc cạn, cho nên liền có tam bối cửu phẩm. Vì sao không thể nói nó có? Bởi vì đến Thế giới Cực Lạc, được bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Nguyện thứ hai mươi có nói “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, điều này phải nên làm thế nào? A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Là Bồ Tát của cõi Thật báo trang nghiêm. Đều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đều là cảnh giới này. Nhưng phiền não nhất phẩm họ chưa đoạn, đới nghiệp vãng sanh. Sao có thể làm A Duy Việt Trí Bồ Tát? Cho nên không thể nói nó nhất định có, cũng không thể nói nó nhất định không có.

Cũng giống như trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta học nhiều năm Kinh Hoa Nghiêm như vậy, chúng ta hiểu được Viên giáo sơ trụ trở lên 41 địa vị, 41 địa vị này, quí vị có thể nói nó có không? Mọi người cẩn thận suy nghĩ xem, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, trong đó còn có đẳng cấp gì? Có đẳng cấp liền có phân biệt, có chấp trước. Phân biệt chấp trước không có, khởi tâm động niệm đều không có nữa. Sơ trụ Bồ Tát liền không khởi tâm không động niệm nữa. 41 vị Bồ Tát mỗi mỗi đều không khởi tâm, không động niệm. Vậy không phải là bình đẳng rồi sao? Giai cấp đâu mà có? Thật rất khó hiểu.

Vậy Phật thuyết 41 địa vị thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa là bốn mươi, Đẳng giác là bốn mươi mốt. Thế là tôi nhớ lại, tôi từ đâu nhớ lại? Từ trước đây. Đó là từ Kinh Hoa Nghiêm mà học được. Tu Đà hoàn đoạn rồi, ba giới tám mươi tám phẩm kiến hoặc, là Tu Đà Hoàn. Họ vẫn còn tập khí kiến hoặc. Đến nhị quả Tư Đà Hàm, tập khí đã đoạn, sau khi đoạn mất tập khí này, phải đoạn tư hoặc. Tư hoặc có 81 phẩm. Tư hoặc đoạn tận rồi, chứng được A la hán. Nhưng A la hán còn có tập khí tư hoặc chưa đoạn. Tập khí đoạn tận, họ nâng cấp rồi. Họ liền nâng đến Bích Chi Phật. Tập khí kiến tư phiền não này, Bích Chi Phật tập khí kiến tư phiền não đều không còn nữa, đều đã đoạn hết. Họ phải đoạn cái gì nữa? Họ phải đoạn trần sa phiền não, tức là phân biệt. Phân biệt đoạn rồi họ liền thành Bồ Tát. Nhưng Bồ Tát còn mang tập khí trần sa phiền não. Tập khí trần sa phiền não đoạn tận rồi, họ thành Phật rồi, Phật trong thập pháp giới. Phật trong thập pháp giới khởi tâm động niệm chưa đoạn, nên biết khởi tâm động niệm gọi là vô minh. Vô minh chưa đoạn, họ đoạn hết khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm, vô minh đoạn rồi. Họ thoát ly thập pháp giới. Họ trở thành gì? Sơ trụ Bồ Tát. Sơ trụ Bồ Tát vô minh phá rồi, không khởi tâm, không động niệm nữa.

Vậy vô minh có tập khí hay không? Chắc chắn có. Từ đây chúng ta hiểu được tập khí vô thỉ vô minh đoạn tận rồi, họ liền thành Phật. Cho nên bốn mươi mốt địa vị này là vô thỉ vô minh, quá trình đoạn không giống nhau. Tập khí vô thỉ vô minh, cổ đức có một ví dụ, ví dụ rất hay. Ví dụ của cổ nhân dùng bình rượu, dùng bình rượu làm ví dụ, thí dụ 41 vị thứ, 41 cấp bậc, chúng ta dùng 41 chai rượu, tất cả đều đựng rượu đầy bình, cùng một ngày đổ rượu vào, lúc rượu trong bình đổ vào đã được mấy năm rồi, rượu ở trong bình đó đổ hết ra, lau cho sạch hết, lau cho thật sạch chính xác là không còn giọt nào. Đây là gì? Chính là vô minh phiền não đoạn rồi, đem rượu ví dụ cho vô minh phiền não, thực sự đoạn rồi, ngửi bình rượu còn có mùi, nếu như chúng ta mỗi tháng đổ một bình rượu, 41 bình rượu này chính là 41 tháng, mỗi tháng đổ một bình, chúng ta dùng ví dụ này, tháng đầu tiên ngửi ngửi mùi vị đó nhất định rất nồng, lúc tháng thứ hai liền nhạt dần, tháng thứ ba thì càng nhạt hơn, khoảng đến lúc tháng thứ 41, không còn một chút mùi vị nào, đó gọi là thành Phật.

Tôi đối với 41 vị pháp thân đại sĩ, tôi có thể hội như vậy. Cho nên 41 vị thứ không thể nói có, cũng không thể nói không có. Không có là gì? Tập khí của họ đích thực có đậm nhạt không giống nhau. Nhưng tập khí không ảnh hưởng gì. Không trở ngại trí tuệ của họ, không trở ngại thần thông của họ. Không trở ngại hoằng nguyện hóa độ chúng sanh của họ. Tất cả chúng sanh có cảm họ đều có thể ứng, cần ứng thân gì để độ họ liền hiện thân đó.

Quan Thế Âm Bồ Tát 32 ứng, cần dùng thân Phật để độ ngài liền hiện thân Phật. Cần dùng thân Bồ Tát để độ ngài liền hiện thân Bồ Tát. 32 ứng là 32 loại lớn, bao gồm tất cả tướng của chúng sanh, ngài đều có thể thị hiện. Cho nên chúng sanh có cảm ngài liền có ứng. Thật sự có thể giúp người giải quyết vấn đề. Đối với 41 địa vị này chúng ta nên có cách nhìn như vậy. Ngược lại đối với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, tứ độ tam bối cửu phẩm chúng ta cũng có cách nhìn như vậy, vậy là đúng rồi.

Tánh đức không thể nghĩ bàn. Hoằng nguyện oai đức của Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn. Cho nên vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân tướng của họ không khác gì Phật A Di Đà. Trong kinh Phật không nói, phẩm vị không đồng thân tướng liền không giống nhau, không có cách nói như vậy. Mà trong 48 nguyện nói, lúc đến Thế giới Cực Lạc tướng mạo hoàn toàn tương đồng, tương đồng với ai? Tương đồng với Phật A Di Đà, đều là tử ma châu kim sắc thân, Phật là tùy thuận người thế gian chúng ta mà nói, đều có 32 tướng 80 vẻ đẹp. Đây là điều trong Kinh Vô Lượng Thọ nói.

Nhưng Phật nói trong Quán Kinh không phải như vậy. Thân Phật tám vạn bốn ngàn tướng. Mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc mọi người đều như vậy. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, tuy có tứ độ, tuy có cửu phẩm, là thật có, nhưng trên hình thức quí vị hoàn toàn không nhìn thấy. Trên hình tướng quí vị thấy dường như hoàn toàn bình đẳng. Nếu như từ trên tập khí phiền não nhìn thì không giống nhau. Cùng ý nghĩa như 41 địa vị trong Kinh Hoa Nghiêm vậy. Đây là điều chúng ta không thể không biết.

Học Phật đặc biệt là Đại Thừa, chắc chắn không thể có nghi hoặc. Nghi hoặc nhất định phải giải tỏa. Kinh giáo của Phật mục đích quan trọng nhất chính là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Nhưng kinh giáo phải đọc thuộc, tuyệt đối không phải nghe một lần, hai lần là được. Trước đây lúc tôi làm học sinh học kinh giáo với thầy Lý. Thầy giáo từng nói với tôi, nói đến điều gì? Nói đến “đọc kinh một ngàn lần, tự thấy nghĩa của nó”. Thực sự muốn học tập đó chính là không ngừng lặp lại, số lần lặp lại càng nhiều càng tốt. Thầy giáo nói với tôi: ông thấy ở đâu có người học qua một lần mà khai ngộ rồi, có hay không? Không có. Một lần khai ngộ không liễu ngộ được. Không những là học, mà giảng kinh, kinh này tôi đã giảng qua một lần, quí vị khai ngộ chưa? Chưa có khai ngộ. Cổ nhân khai ngộ, tuyệt đại đa số chính là một bộ kinh giảng một trăm lần, giảng hai trăm lần, giảng ba trăm lần, đến cuối cùng khai ngộ rồi. Vì sao vậy? Tâm họ dùng trên một bộ kinh này, dùng lâu rồi tâm liền định, định rồi sẽ khai ngộ.

Cho nên tam học giới định tuệ của họ, nhân giới được định, nhân định khai huệ, khai trí tuệ rồi. Giới “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, con đường này chính là giới. Cho nên tu học một bộ kinh, suốt đời quí vị chỉ giảng một bộ kinh này, chắc chắn khai ngộ. Vì sao vậy? Quí vị chuyên tâm. Cổ nhân có người một đời giảng hơn hai trăm lần Kinh A Di Đà, họ không giảng điều gì khác, họ chỉ giảng một bộ kinh này. Ở đâu mời họ giảng kinh thì giảng một bộ này. Giảng đến cuối cùng đại triệt đại ngộ, vậy đại triệt đại ngộ vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là cõi Thật báo trang nghiêm. Họ không phải là cõi Đồng cư, không phải là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Bí quyết này thầy Lý nói cho tôi. Đọc lướt qua quá nhiều, tâm quí vị bị phân tán, tạp niệm.

Bắt buộc phải biết Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế là ứng cơ thuyết pháp. Căn tánh không đồng, pháp Phật giảng khác nhau. Ngài ứng cơ thuyết pháp. Phật giảng kinh không có dự bị trước, không có thông qua suy nghĩ: ta nên nói cho ngươi như thế nào, không có. Căn tánh không đồng đến thỉnh vấn, Ngài liền phản ứng khác nhau. Chấp trước “không” Phật liền giảng cho quí vị “có”, chấp trước “có” Phật liền giảng cho quí vị là “không”. Phá chấp trước mà thôi! Quí vị hỏi Phật, Phật không có thuyết pháp. Quí vị nói Phật nói sao mâu thuẫn, làm sao mà khi thì nói có, khi thì nói không. Rốt cuộc là không hay là có? Phật nói, Ta đều không có nói. Quí vị không biết nghe, quí vị nếu biết nghe, sẽ nghe được.

Điều này trước đây thầy Lý thường nói, phải nghe ra Phật ý tại ngôn ngoại. Trong lời đó có ý khác, quí vị phải biết nghe. Quí vị cứng nhắc nơi câu nói này là quí vị sai rồi, quí vị không biết nghe. Đọc kinh không thể cứng nhắc trong văn tự, gọi là không thể cứng nhắc trong câu đó. Nghe kinh không thể chết trong ngôn từ. Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta: lìa tướng ngôn từ, lìa tướng danh tự , lìa tướng tâm duyên, đó mới gọi là biết nghe, đọc kinh họ biết đọc. Dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để đọc kinh, những ý nghĩa mà quí vị đọc được toàn là ý của bản thân quí vị, không phải là ý của Phật. Phật không có ý gì, toàn là của bản thân quí vị. Nếu như bản thân quí vị thực sự có thể lìa tất cả tướng, thì ý nghĩa kia sẽ xuất hiện. Ý nghĩa gì? Vô lượng nghĩa. Người căn tánh không đồng đến rồi, đối với quí vị dùng nghĩa này, đối với họ dùng nghĩa kia, toàn là chính xác. Đều từ tự tánh lưu xuất ra. Không phải từ A lại da thức lưu xuất ra. Thứ A lại da thức lưu xuất ra là giả, là từ chân như bản tánh lưu xuất ra, điều này phải nên biết.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau đây.

Liên Trì cuối cùng viết, trước ác không trở ngại sau thiện. Câu nói này “thâm khế thánh tâm”, Thánh là Như Lai Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Người ác không những ghi nhớ điều ác của họ.

Phải giúp đỡ họ quay đầu hướng thiện. Họ chính là người hiền, họ chính là người thiện. Đây là giáo hóa của Phật đà. Người ác lâm chung như có thể sám hối phát tâm, chí tâm niệm Phật, tức người ác đã thành người thiện. Sau khi sám hối, họ đã phát tâm bồ đề. Vì sao vậy? Họ phát tâm, họ thực sự tin rồi. Thực sự muốn cầu sanh Tịnh Độ.

Ngẫu Ích đại sư trong Di Đà Kinh Yếu Giải nói về phát tâm bồ đề ngài chú giải: chân tín, thiết nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề. Ấn Quang Đại sư đọc được chú giải này vô cùng khâm phục. Vì sao vậy? Từ xưa đến nay, những vị cao tăng, Tổ sư đại đức chưa từng nói qua. Ngẫu Ích đại sư nói rõ rồi. Ngài không phải nói tâm bồ đề là chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện, ngài không phải nói như vậy. Ngài nói quí vị thực sự tin tưởng, thực sự muốn sanh Thế giới Cực Lạc, thực sự chịu niệm Phật, quí vị liền phát tâm bồ đề, quí vị là tâm vô thượng bồ đề, nói rất có lý!

Vậy chúng ta hiểu được những ông bà già ở thôn quê, quí vị hỏi họ vì sao gọi là tâm bồ đề họ căn bản là không hiểu, họ đúng là vãng sanh rồi, biết trước giờ đi. Lúc đi tướng lành hi hữu, họ thực sự vãng sanh rồi. Quí vị nói họ chưa phát tâm bồ đề sao, họ phát rồi, quí vị không biết. Ngẫu Ích đại sư điểm phá như vậy, chúng ta hoát nhiên đại ngộ. Họ làm sao mà chưa phát tâm bồ đề được! Cho nên người ác đã thành người thiện. Sám hối, thực sự cầu sanh Thế giới Cực Lạc, họ đã phát tâm bồ đề rồi. Đương nhiên, nhờ Phật nhiếp thọ, tùy nguyện vãng sanh.

Nên Liên Trì đại sư nói: há không phải cùng hàng với Thánh hiền sao, đồng đăng cực lạc vậy. Thượng thượng phẩm vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà. Hạ hạ phẩm vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc cũng gặp Phật A Di Đà. Hơn nữa được bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, hạ hạ phẩm và thượng thượng phẩm gần như không có sai biệt gì. Đó là điều không có trong mười phương thế giới.

Từ đó có thể thấy tam bối trong kinh này, và cửu phẩm kinh kia, thật tướng phù hợp, không được nghi ngờ. Đoạn này là sợ người nghiên cứu kinh giáo, nhìn thấy Tổ sư đại đức có nhiều cách giảng như vậy sẽ khởi tâm nghi hoặc. Vậy là quí vị sai rồi.

Cho nên Liên Trì đại sư đặc biệt giải thích tường tận về hai cách nói này. Nói cho chúng ta biết nó có mâu thuẫn hay không. Tam bối cửu phẩm đích thực là cùng một sự việc, không cần phải hoài nghi nữa.

Lại nữa Báo Ân Luận viết: “thử kinh thượng bối đương xuất gia”. Chữ đương này, thượng bối nói là đương xuất gia. “Trung hạ nhị bối đương tại gia”. Điều này trong kinh văn có.

“Nãi tùng kỳ đa số, thô cử đại phàm, cố vân phàm hữu tam bối.”

Quán Kinh “tựu thử đại phàm lược khai vi cửu. Nhi hựu cực kỳ ưu giáng. Ưu là thượng thượng phẩm, giáng là hạ hạ phẩm”. “Dĩ quát” quát là bao gồm. “vô lượng hành nhân chi bất tề”, “thứ luận cực hảo”. Đây gọi là giảng pháp giảng rất tốt. Bởi vì mỗi người tu nhân không giống nhau. Phía trước nói rất rõ ràng, tín tâm không giống nhau. Có người niềm tin rất sâu sắc, niềm tin kiên định. Có người tin tương đối cạn, sâu cạn không tương đồng. Phát nguyện, nguyện có mạnh yếu khác nhau. Hành, niệm Phật, công phu niệm Phật không giống nhau. Cho nên vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc nhân của nhân địa tu hành không đồng. Vì thế thế giới Tây Phương có tứ độ tam bối cửu phẩm. Lý, sự ở trong đó chúng ta đều làm cho rõ ràng, hiểu cho thấu đáo.

Hàng thượng thượng phẩm vãng sanh, vãng sanh trong chốc lát, thấy Phật nghe pháp, liền ngộ vô sanh pháp nhẫn, chốc lát phụng sự chư Phật, lần lượt thọ ký, trở về bổn quốc, đắc vô lượng bách thiên Đà la ni môn, là người cực ưu trong tam bối. Trong Quán Kinh nói như vậy, cực ưu ở trong tam bối. Đây là người gì? Niệm Phật, niệm đến lý nhất tâm bất loạn. Công phu, công phu có ba loại. Sự nhất tâm bất loạn của trung bối, công phu thành phiến của hạ bối, hạ bối công phu thành phiến sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Niệm đến sự nhất tâm bất loạn sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư. Niệm đến lý nhất tâm bất loạn sanh cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo, Pháp thân Bồ Tát, đó không phải là người thường. Cho nên cổ đức có cách nói này, sau này chúng ta sẽ niệm đến. Cổ đức cho rằng thượng bối vãng sanh là Bồ Tát tứ địa trở lên. Nhưng Thiện Đạo đại sư nói với chúng ta: tứ độ tam bối cửu phẩm luôn do gặp duyên khác nhau. Lời này nói rất hay. Nói cách khác, y theo cách nói của Thiện Đạo đại sư chúng ta có phần. Chúng ta nếu như thực sự nổ lực dụng công, đích thực có thể ngay trong đời này sanh về cõi Thật báo trang nghiêm.

Chúng ta trong kinh Đại Thừa hiểu được, thực sự có thể triệt để buông xuống tất cả các pháp thế gian xuất thế gian, nhất tâm chuyên niệm vậy là đến thượng bối rồi. Vấn đề là quí vị có thể buông bỏ hay không.

Trong giáo lý Đại Thừa nói với chúng ta buông bỏ chấp trước, quí vị liền sanh cõi phương tiện. Buông bỏ vọng tưởng chính là buông xuống khởi tâm động niệm, quí vị liền sanh cõi Thật báo trang nghiêm. Chúng ta có thể trong cuộc sống hằng ngày luyện công phu gì? Luyện không khởi tâm động niệm, nhìn cho rõ ràng minh bạch đó là trí tuệ. Như như bất động đó là thiền định. Định huệ tu ở đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày. Thực sự luyện tập, luyện không khởi tâm, không động niệm. Nếu như luyện không phân biệt, không chấp trước, vậy quí vị vãng sanh là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu như vẫn khởi tâm động niệm, vẫn là phân biệt chấp trước, quí vị vãng sanh Thế giới Cực Lạc là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Chúng ta thực làm, thực sự luyện, chúng ta liền có phần, không cần phải chứng đắc quả vị địa thượng Bồ Tát. Chúng ta thực sự có thể làm liền có thể bình đẳng với họ, cùng tương đồng với họ. Thực sự thượng thượng phẩm vãng sanh, thượng bối thượng phẩm vãng sanh, người này vãng sanh tự tại, họ muốn lúc nào đi thì lúc đó đi.

Thực sự mà nói chúng tôi giảng kinh này giảng nhiều rồi, thực sự có thể tự tại vãng sanh, biết trước giờ đi. Muốn lúc nào đi thì lúc đó đi, thượng phẩm của công phu thành phiến, thượng tam phẩm, cũng chính là ở đoạn này chúng ta nói hạ bối. Hạ bối thượng sanh liền có năng lực này. Liền có thể tự tại vãng sanh, muốn lúc nào đi cũng được. Vì sao vậy? Tôi đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không chấp trước, tất cả đều buông bỏ, chúng ta đều buông bỏ rồi, A Di Đà Phật có biết hay không? Biết. Tin tức của chúng ta truyền đến nơi Ngài. Tôi nay muốn đi, Ngài liền đến tiếp dẫn. Không có chuyện không được tiếp dẫn. Chúng ta vừa khởi tâm động niệm Ngài hoàn toàn biết được. Từ bi của Phật, hoằng nguyện của Phật, ân đức của Phật đối với chúng ta, chúng ta không biết được, Phật quang soi chiếu chúng ta, chúng ta không có cảm xúc, nguyên nhân là gì? Bản thân chúng ta có nghiệp chướng, nghiệp chướng là gì? Chính là phân biệt chấp trước. Cho nên phân biệt chấp trước nhạt một chút, quang đó chúng ta sẽ có được chút ít cảm xúc. Thực sự buông bỏ được vài phân không cần nói là một trăm phần trăm, buông bỏ mười phần trăm, hai mươi phần trăm, chúng ta và Tây Phương A Di Đà Phật, đường dây nóng này đã nối thông được rồi, tức không còn chướng ngại nữa. Cho nên buông bỏ thực sự là quan trọng!

Tôi bắt đầu học Phật, ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, Ngài dạy tôi buông xả, vô cùng quan trọng!

Cho nên đàn chỉ tức sanh, “đàn chỉ”này chỉ cho tốc độ nhanh, đến Thế giới Cực Lạc gặp Phật nghe pháp. Vừa nghe pháp lập tức liền khai ngộ, cũng giống như Huệ Năng đại sư vậy. Trong phương trượng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn hòa thượng, nghe Tổ sư giảng Kinh Kim Cang, chưa đến một nửa liền khai ngộ rồi.

“Tu du”, rất nhanh họ liền có khả năng phân thân đi tham bái mười phương vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai. Bản thân họ, thân của họ trong giảng đường của Phật A Di Đà không chuyển động, vẫn đang nghe kinh nghe pháp, phân thân đã đến mười phương chư Phật quốc độ. Cúng Phật là tu phước, nghe pháp là tu huệ. Phước huệ song tu, vậy là giỏi quá!

“Thứ đệ thọ ký”, mỗi Đức Phật đều thọ ký cho quí vị. Lúc nào quí vị thành Phật, Phật của quí vị, danh hiệu Phật gọi là gì, quí vị ở thế giới nào, độ những chúng sanh nào, đều nói cho quí vị biết.

“Hoàn chí bổn quốc”, đó là phân thân trở lại. Chân thân của bản thân như như bất động.

“Đắc vô lượng bách thiên đà là ni môn”, đà la ni là tổng trì. Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa. Chúng ta nói là tổng cương lĩnh của tất cả pháp. Tổng cương lĩnh của vô lượng vô biên pháp môn, quí vị toàn bộ đều đạt được.

Cho nên trong tam bối, là tối ưu, là tối cao. Hạ hạ phẩm cho đến người ngũ nghịch thập ác, tướng địa ngục hiện, lâm chung sám hối, mười niệm vãng sanh. Cho đến thấp nhất trong hạ bối cũng vậy, hạ phẩm hạ sanh. Là người nào? Người tạo ác, tạo ngũ nghịch thập ác. Ngũ nghịch là: giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hiệp tăng, là năm loại này. Năm loại này là làm ác đến cực điểm, đọa vô gián địa ngục. Trong lúc này họ gặp được thiện hữu, khuyên họ sám hối. Họ thực sự nhận lỗi, tôi sai rồi, thực sự sai rồi, hồi tâm hướng thiện, nguyện cầu sanh Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, cũng có thể được sanh. Đây là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện. thực sự không thể nghĩ bàn.

Quán Kinh biết rõ nó tối ưu, nên nói là cực kỳ ưu giáng. Ở đây nêu hai ví dụ, một là thượng phẩm thượng sanh, một là hạ phẩm hạ sanh ngũ nghịch thập ác.

Hai kinh này thoạt nhìn dường như không giống, mà thật ra ý nghĩa lại đồng. Đều đến Thế giới Cực Lạc rồi. Ngũ nghịch thập ác chỉ cần lâm chung sám hối vẫn còn kịp.

Dưới đây kinh văn này chính thức giảng tỉ mỉ cho chúng ta. Trong chú giải nói kỹ.

Chúng ta xem kinh văn, xem phần thượng bối trước.

“Vãng sanh thượng bối, xả nhà bỏ dục, mà làm sa môn, phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, tu các công đức, nguyện sanh nước kia. Các chúng sanh đó, giờ khắc lâm chung, Phật A Di Đà và chư Thánh chúng, hiện ngay trước mặt, chỉ trong khoảnh khắc, liền theo Phật kia, vãng sanh cực lạc, bèn trong hoa bảy báu, tự nhiên hóa sanh, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Cho nên A Nan, nếu có chúng sanh, muốn ngay đời này, gặp Phật A Di Đà, nên phát tâm vô thượng bồ đề, lại phải chuyên niệm Cực Lạc quốc độ, tích tập thiện căn, nên trì hồi hướng. nhờ đó gặp Phật, sanh vào nước kia, được bất thối chuyển, cho đến vô thượng bồ đề.”

Đoạn kinh văn này giới thiệu cho chúng ta thượng phẩm thượng sanh.

Xuống dưới, đây là chú giải của Niệm Lão. Thượng bối vãng sanh ở trong kinh phải chăng là phàm phu cũng có phần. Cho đến một vấn đề lớn của Tịnh Tông, phàm phu chúng ta có phần hay không. Vấn đề lớn này cổ đức có nói hạnh của Bồ Tát, như nói thượng thượng phẩm phải Bồ Tát từ tứ địa đến thất địa. Thượng trung phẩm thì phải Bồ Tát từ sơ địa đến tứ địa. Ngoài ra có thể suy ra mà biết.

Trung phẩm trung sanh trở xuống mới là chỗ phàm phu có thể đạt đến. Chính là phàm phu cao nhất là trung phẩm trung sanh, trung phẩm thượng sanh trở lên chính là thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh, trung phẩm thượng sanh. Bốn địa vị này đều là của Bồ Tát, phàm phu không có phần. Cổ đức nói vậy.

Nếu như vậy, tức Di Đà đại nguyện vô thượng, sự vi diệu độc đáo của Tây phương Tịnh Độ, pháp môn niệm Phật dễ thực hành, sự thù thắng của vãng sanh diệu pháp đều thành hí luận, đây là nói đùa thôi. Điều này cần phải giải thích tường tận, phải chăm chỉ học tập. Nếu như vậy, nếu như quả nhiên giống cổ đức nói, bốn địa vị trước của cửu phẩm đều là của Bồ Tát, phàm phu không có phần. Đại nguyện của Phật A Di Đà làm sao có thể gọi là vô thượng? Vi diệu độc đáo của Thế giới Cực Lạc, vi diệu độc đáo cũng không thể xưng tán. Sự dễ thực hành của pháp môn niệm Phật, dễ hành nhưng bốn phẩm trên không thể hành. Sự dễ hành này cũng nói không thông. Sự thù thắng của vãng sanh diệu pháp, tất cả đều là nói chơi cho vui, hí luận chính là nói giỡn cho vui.

Phật A Di Đà có thể nói giỡn với chúng ta không? Phật Thích Ca Mâu Ni có thể nói giỡn với chúng ta không? Không thể. Trong Phật Pháp xưa nay chưa từng có hí luận. Tất cả đệ tử Phật Giáo phải đoạn tuyệt hí luận. Có lý nào bản thân còn nói hí luận? Cho đến dùng diệu pháp Tịnh Tông không thể nghĩ bàn cũng lại trở thành pháp có thể nghĩ bàn vậy. Cách nói này của cổ nhân, vậy là Tịnh Tông không phải là không thể nghĩ bàn, mà có thể nghĩ bàn. Nên đây thật là then chốt của Tịnh Tông.

Phần trước của quyển này giải: hai, trong phần đại cương: “tuy lược luận có một hai chỗ chưa nói rõ ý nghĩa, thử giải tường tận hơn”. Trong phần đại cương đã từng nói qua, chưa nói tường tận. Ở đây chúng ta nên thảo luận rõ ràng vấn đề này.

“Cổ thuyết chi phi”, cổ nhân nói về điều đó nói sai rồi. Ai nói họ giảng sai rồi? Thiện Đạo đại sư đời nhà Đường.

“Rộng dẫn kinh luận, đả phá cách nói cũ”, Thiện Đạo đại sư người Nhật bản vô cùng sùng bái. Chúng tôi đến Nhật Bản tham quan, phát hiện người Nhật Bản sùng bái Tổ sư của Trung Quốc nhất là Thiện Đạo đại sư, người thứ hai là Trí Giả đại sư. Khắp nơi đều có thể nhìn thấy tượng của hai vị đại sư, có tượng tạc bằng gỗ, có tượng làm bằng đá. Tượng đều được làm rất lớn, rất phổ biến. Tông Tịnh Độ đều rất nhiều chùa đều dùng danh xưng của Thiện Đạo đại sư gọi là Thiện Đạo tự. Quí vị nhìn thấy Thiện Đạo Tự liền biết đó là Tịnh Độ Tông. Tôi từng thỉnh giáo họ, tôi nói: nghe nói Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái lai, quí vị có cách nói này không? Có. Họ đời này qua đời khác tương truyền Thiện Đạo là Phật A Di Đà. Trí Giả đại sư là Phật Thích Ca Mâu Ni, là Phật tái lai.

Trong Tứ Thiếp Sớ do đại sư trước tác nói rằng, Tứ Thiếp Sớ chính là bản do Thiện Đạo đại sư chú giải về Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, do Thiện Đạo đại sư chú giải. Trong đây ngài đã nói, nói rất rõ ràng.

“Hựu khán thử định thiện”, chữ “thử” này chỉ cho Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, “và văn ý trong tam bối thượng hạ, luôn là sau khi Phật nhập diệt, ngũ trược phàm phu do vì ngộ duyên có khác, dẫn đến cửu phẩm sai khác.” Điều này nói hay quá! Điều này nói rõ tứ độ tam bối cửu phẩm chúng ta có phần, chỉ là do ngộ duyên khác nhau, mới có sai biệt của cửu phẩm.

“Thượng phẩm tam nhân” chính là thượng bối, trong Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta nói thượng bối, là gặp đại phàm phu. Trung phẩm tam nhân là gặp tiểu phàm phu. Hạ phẩm tam nhân là gặp ác phàm phu. Đại phàm phu, tiểu phàm phu, ác phàm phu này toàn là phàm phu. Đây là người gì? người niệm Phật. Pháp môn này gặp được người niệm Phật này.

Chúng ta tiếp tục xem phần dưới, “dĩ ác nghiệp cố”, đây đặc biệt nói về hạ phẩm phàm phu, hạ phẩm tam nhân, gặp ác phàm phu, do dùng ác nghiệp, “lâm chung tá thiện”, tá thiện tức nhờ thiện, thừa Phật nguyện lực, vẫn được vãng sanh, đến kia hoa nở, mới bắt đầu phát tâm, làm sao mà nói người ban đầu học đại thừa được. Chư sư xưa nói hạ bối là phàm phu mới học Đại Thừa. Nếu thấy như vậy, tự sai làm người sai theo, nguy hại rất lớn. Cách nhìn này là sai, nếu như cách nhìn như vậy, bản thân quí vị mất đi cơ duyên, hơn nữa quí vị còn làm người khác ngộ nhận.

Trong sớ lại dẫn thập tắc của Quán Kinh để chứng minh cho thuyết này, nay không trích đầy đủ.

Chúng tôi đã tra ra được mười nguyên tắc của Quán Kinh. Tại đây chúng ta phải nỗ lực học tập. Đây là Thiện Đạo đại sư nói. Thiện Đạo đại sư nói trong Tứ Thiếp Sớ.

Thứ nhất, như Quán Kinh nói, trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói: Phật bảo Vi Đề - Vi Đề Hi phu nhân, Ta nay vì ngươi rộng nói các ví dụ, tức là ví dụ. Cũng khiến tất cả phàm phu trong tương lai muốn tu tịnh nghiệp, được sanh Tây Phương Cực lạc quốc độ, đó là một chứng minh. Đây là chứng cứ thứ nhất.

Vi Đề Hi phu nhân là phụ nữ phàm phu tại gia, gặp phải biến cố gia đình, điều này trong kinh điển ghi chép rất rõ ràng. Con trai của bà là một thái tử, nghe theo lời Đề Bà Đạt Đa xúi giục, Đề Bà Đạt Đa dạy thái tử, dùng cách nói hiện nay là phát động một cuộc chính biến cướp đoạt chính quyền, bắt phụ thân của mình nhốt vào ngục, bản thân tuyên bố làm quốc vương, hi vọng làm cho phụ thân mình chết đói, nhốt vào trong ngục không cho ông ăn uống. Cũng không cho bất cứ người nào tiếp kiến. Mẫu thân thái tử tức là hoàng hậu, vào nhà giam thăm ông, người giám ngục không thể không cho bà vào, người khác không thể tiếp cận ông, phu nhân có thể tiếp cận ông, phu nhân bôi mật ong lên thân thể, sau khi đi vào để cho quốc vương liếm mật trên người bà, đem vào bằng cách đó. Cho nên quốc vương mỗi ngày có thể duy trì được thân mạng. Sau đó sự việc này bị thái tử biết được, mẫu thân ông ta cũng bị nhốt vào tù, vốn là muốn giết luôn bà, lúc đó mẫu thân ông ta không còn cách gì cả, mới cầu Phật. Bà là hộ pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, cầu Phật đến cứu bà. Bà vừa động niệm, Phật liền biết được, Phật từ không trung giáng xuống, ở trong cung đình thuyết pháp cho bà.

Đây là duyên khởi của Quán Kinh, dạy bà 16 loại pháp quán. Pháp thứ mười sáu chính là pháp môn niệm Phật. Nhất hướng chuyên niệm, cho nên Ngài nói: ta nay vì ngươi rộng nói rất nhiều rất nhiều thí dụ. Cũng khiến cho tất cả phàm phu đời sau muốn tu tịnh nghiệp, được sanh Tây phương Cực lạc quốc độ.

Đây là “tất cả phàm phu” muốn tu tịnh nghiệp. Ở đây chứng minh Tịnh Độ là vì tất cả phàm phu.

Thứ hai, Như Lai ngày nay vì tất cả chúng sanh đời sau bị giặc phiền não làm hại mà nói thanh tịnh nghiệp. Đây là chứng cứ thứ hai.

Quí vị xem xem Tây phương Tịnh Độ là vì tất cả chúng sanh phiền não vô cùng nghiêm trọng. Chúng ta ngày nay đều bị phiền não làm hại, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, mỗi chữ đều đầy đủ, chúng ta biết được đây là phiền não, đoạn không được, buông không xuống. Bị phiền não trói buộc, không có năng lực xa rời lục đạo luân hồi. Phật Thích Ca Mâu Ni từ bi, vì chúng ta đời sau chính là vì chúng ta đời nay, vì tất cả những người phiền não sâu nặng này mà nói pháp thanh tịnh nghiệp.

Ba là, Như Lai ngày nay, dạy Vi Đề Hi và tất cả chúng sanh đời sau quán về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đây là chứng cứ thứ ba. Quán là quán tưởng, quán không dùng tâm ý thức, dùng tâm ý thức gọi là tưởng, không dùng tâm ý thức gọi là quán. Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Nhất tâm cầu nguyện Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Bốn là, Vi Đề bạch Phật: con nay nhờ Phật lực nên thấy được quốc độ kia, nhìn thấy Thế giới Cực Lạc. Đó là Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thần lực hiển hiện Thế Giới Tây Phương Cực Lạc cho bà thấy. Bà nhìn thấy rồi. Nếu như Phật diệt độ rồi chư chúng sanh xấu ác bất thiện năm khổ bức bách, làm sao thấy được Phật quốc độ kia.

Vi Đề Hi rất may mắn sống cùng thời đại với Phật Thích Ca Mâu Ni, trở thành hộ pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc nguy nan, đây là ranh giới sanh tử, Phật đến giải cứu bà, đến giúp đỡ bà, bà có được may mắn như vậy. Vậy sau khi Phật diệt độ, chúng sanh sau này đặc biệt là hiện nay, xấu ác bất thiện, năm khổ bức bách, đây là nói thời đại chúng ta ngày nay, làm sao thấy được Phật quốc độ kia. “Vân hà”, là làm sao mới có thể thấy được Thế Giới Tây Phương Cực Lạc A Di Đà Phật quốc độ. Đây là chứng cứ thứ tư.

Thứ năm, như nay mới quán, Phật bảo Vi Đề: bà và chúng sanh chuyên niệm như sau đây cho đến tất cả chúng sanh sanh ra đã mù, nếu người có mắt, đều thấy mặt trời đã đến. Đây là chứng cứ thứ năm.

Phật dạy bà quán tưởng, mười sáu loại quán pháp, bất kỳ loại quán pháp nào quán thành công rồi, đều có thể vãng sanh. Phật nói ra mười sáu phương pháp này, niệm Phật có thật tướng niệm Phật, có quán tưởng niệm Phật. Đây thuộc về quán tưởng. Có quán tượng niệm Phật, quán tượng Phật, tạo tượng, có trì danh niệm Phật. Thế Tôn, Tổ sư đại đức cho đến Quan Âm, Thế Chí, đều khuyên chúng ta trì danh niệm Phật. Trì danh là pháp quán thứ mười sáu. Cho nên ở đây nói: Phật bảo Vi Đề Hi phu nhân, bà cho đến chúng sanh chuyên niệm theo đây, cho đến tất cả chúng sanh, có mắt tốt, mà không phải sanh ra đã mù. Sanh ra đã mù là trẻ em mới sinh ra mắt đã bị mù rồi. Đương nhiên nó không biết được mặt trời, chưa từng thấy mặt trời. Vậy không phải sanh ra đã mù, mắt bị mù rồi, nói với họ về mặt trời, họ cũng có ấn tượng, họ còn có thể quán tưởng. Quán tưởng mặt trời lặn, quán tưởng Tây phương, Tây phương ở đâu? Nơi mặt trời xuống núi chính là Tây phương, luôn luôn tưởng, quán tưởng thành công rồi, mặt trời lặn kia liền ở trong ấn tượng quí vị. Quí vị mở mắt ra nhìn thấy tướng của mặt trời, nhắm mắt lại cũng nhìn thấy tướng mặt trời lặn đó. Vậy là quán tưởng thành công rồi. Thực sự mà nói cũng khó khăn lắm. Mặt trời lặn đó ở ngay trước mắt, đây là tâm có chuyên chú. Chuyên chú nơi Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Thứ sáu, như trong Địa quán nói: Phật bảo A Nan, ngươi trì Phật ngữ, vì tất cả chúng sanh đời vị lai, muốn thoát khổ não, nên nói pháp quán địa này. Đây là chứng cứ thứ sáu.

Trong những chứng cứ này một điểm quan trọng đều là vì chúng sanh đời vị lai. Nói cách khác, là vì những chúng sanh chúng ta ngày nay. Chúng sanh phiền não, khổ nạn trong lục đạo. Không phải vì Bồ Tát. Thiện Đạo đại sư nêu ra một số ví dụ này cho chúng ta.

Thứ bảy, như trong Hoa tòa quán nói: Vi Đề bạch Phật, Vi Đề Hi phu nhân bạch Phật rằng: con nhờ Phật lực được thấy Phật A Di Đà và hai Bồ Tát, vị lai chúng sanh làm sao mà thấy được. Quí vị xem đều nghĩ đến, nơi nơi đều giảng đến chúng sanh đời vị lai. Chúng sanh vị lai làm sao mới có thể gặp được Phật A Di Đà, gặp được Quan Âm, Thế Chí?

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đại Thế Chí Bồ Tát nói với chúng ta: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai, nhất định gặp Phật. Cũng là dạy đại chúng chúng ta, không phải dạy cho Bồ Tát, không phải dạy cho Thanh Văn, Duyên Giác. Đối tượng toàn bộ là chúng sanh trong lục đạo. Chúng ta nếu như tin tưởng như vậy. Đây là chứng cứ thứ bảy.

Thứ tám, “trong thứ hạ đáp thỉnh nói” . Đây là trả lời câu hỏi Vi Đề Hi phu nhân nêu ra. Phật bảo Vi Đề Hi, ngươi và chúng sanh muốn quán Phật kia, nên khởi tưởng niệm. Đây là chứng cứ thứ tám, nói với bà Vi Đề Hi. “Nhữ” là chỉ cho phu nhân, Vi Đề Hi phu nhân và chúng sanh, chúng sanh này là chúng sanh hiện tại, chúng sanh vị lai, đều bao gồm trong đó. Quí vị nên quán Phật kia, quí vị muốn gặp Phật A Di Đà, nên khởi tưởng niệm. Tưởng là nhớ đến Phật, niệm là niệm Phật. Tức là Đại Thế Chí Bồ Tát nói: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại vị lai, nhất định gặp Phật.

Trong Kinh giáo Đại Thừa Phật thường thường nói: “tất cả các pháp từ tâm tưởng sanh”, Phật từ đâu mà đến vậy? Phật từ tâm tưởng mà đến. Đạo lý này chúng ta không thể không biết. Vì sao tưởng Phật Phật liền hiện tiền? Tưởng là duyên, Phật là trong tự tánh vốn có đầy đủ. Cho nên tự tánh là nhân, nhân duyên đầy đủ, quả báo liền hiện tiền, quả Phật liền hiện tiền. Tâm tưởng không thể nghĩ bàn. Đây là chứng cứ thứ tám. Bây giờ thời gian hết rồi, đoạn sau còn hai điều, chúng ta tiết sau học tiếp.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây. HẾT TẬP 391

# Tập 392

Chuyển ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 03.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 486, chúng ta bắt đầu xem hàng thứ 6 từ dưới lên, “hựu khán thử Quán Kinh định thiện”, bắt đầu từ câu này. Chúng ta đọc nó một lần, đây là một đoạn.

“Hựu khán thử Quán Kinh định thiện, cập tam bối thượng hạ văn ý, tổng thị Phật khứ thế hậu, ngũ trược phàm phu, đãn dĩ ngộ duyên hữu dị, chí linh cửu phẩm sai biệt. Hà giả, thượng phẩm tam nhân, thị ngộ đại phàm phu. Trung phẩm tam nhân, thị ngộ tiểu phàm phu. Hạ phẩm tam nhân, thị ngộ ác phàm phu. Dĩ ác nghiệp cố, lâm chung tá thiện, thừa Phật nguyện lực, nãi đắc vãng sanh. Đáo bỉ hoa khai, phương thỉ phát tâm. Hà đắc ngôn thị thỉ học đại thừa nhân dã”.

Bên dưới trong dấu ngoặc đơn nói: “Cổ sư vị hạ bối, thị đại thừa thỉ học phàm phu. Nhược tác thử kiến, tự thất ngộ tha, vi hại tư thâm. Sớ trung phục dẫn Quán King phật tắc, dĩ chứng kỳ thuyết”. Mười quy tắc này chúng ta đã học tám điều, phía sau còn có hai điều.

Ý nghĩa quan trọng nhất của đoạn này, Thiện Đạo đại nói rõ, tứ độ tam bối cửu phẩm của thế giới Cực Lạc hoàn toàn là vì phàm phu. Nói cách khác, mỗi người chúng ta đều có phần, đây thực sự chẳng thể nghĩ bàn, pháp lớn đốn ngộ viên mãn vô cùng thù thắng. Thượng phẩm tam bối là gặp đại phàm phu, thế nào gọi là đại phàm phu? Người có tâm lượng lớn. Người xưa thường nói lượng lớn phước lớn, đây gọi là đại phàm phu, thời xưa dịch là phàm phu tâm lớn. Khởi tâm động niệm không nghĩ bản thân, thường nghĩ đến người khác, nghĩ thiên hạ đời sau, hạng người này gọi là phàm phu có tâm rộng lớn.

Tiểu phàm phu tâm lượng nhỏ hơn, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến bản thân và gia đình. Nghĩ đến bản thân mình, nghĩ đến gia đình mình, nghĩ đến dòng tộc của mình. Tâm lượng không mở rộng, không dùng tâm bình đẳng để nghĩ đến tất cả chúng sanh.

Hạ bối chính là ác phàm phu, khởi tâm động niệm đều tự tư tự lợi, là bất thiện, hạng này là phàm phu. Cũng chính là nói, phàm phu trong sáu nẻo mỗi người đều có duyên, sanh vào ba phẩm thượng trung hạ, đều là tự họ dùng tâm không giống nhau. Những lời này của Thiện Đạo đại sư cũng không phải nói tùy tiện, Kinh Quán Vô Lượng Thọ có thể làm chứng. Ngài ở trong Quán Kinh Sớ đã nói mười điều.

Hôm nay chúng ta xem từ điều thứ 9, giống như lời trong Quán Kinh nói: “Phật cáo Vi Đề, chư Phật Như Lai, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tưởng trung. Thị cố nhữ đẳng tâm tưởng Phật thời giả, thị kỳ cửu chứng dã”. Đây là quán tượng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, tức là tạc một bức tượng Phật A Di Đà, là bức tượng Phật mà quý vị thích nhất, quý vị yêu nhất, một tượng Phật mà quý vị tôn trọng nhất. Quý vị thường nhìn thấy, ấn tượng rất sâu đậm, mỗi ngày nhìn, không rời bức tượng. Cho nên quán tượng niệm Phật không dễ, cần có phước báu rất lớn. Vì sao? Quý vị rất nhàn rỗi, không có công việc, lại có rất nhiều người chăm sóc, hầu hạ, quý vị mới có phước báu lớn như vậy.

Mỗi ngày ở Phật đường nhìn tượng Phật, quý vị rời khỏi Phật đường, thì quán tượng này đã ngừng lại, cho nên nó không bằng quán tưởng. Quán tưởng là tượng Phật không ở trước mặt, chỉ thường nghĩ đến Phật. Quán tượng, quý vị phải từng phút từng giây nhìn tượng Phật, trong lòng có Phật, rời khỏi tượng thì không còn nữa. Cho nên quán tưởng với quán tượng, người thông thường đều kết hợp nó lại, khiến nhớ Phật niệm Phật không đến nỗi gián đoạn.

Điều cuối cùng, “Như cửu phẩm chi trung, nhất nhất thuyết ngôn vi chư chúng sanh giả”. Câu này rất quan trọng, luôn nói rõ Thập Lục Quán đều là vì chúng sanh, không có nói là vì địa thượng Bồ Tát, vì người của tầng lớp tu học chứng quả nào đó. Không nói như vậy, tất cả đều nói là chúng sanh, vì các chúng sanh. Đại sư đưa ra mười chứng cứ này, chứng minh lời này của ngài nói là chính xác vậy. Chính là thượng thượng phẩm quyết định là đại tâm phàm phu\_Tâm lượng rộng, tâm từ bi lớn, niệm niệm đều nghĩ đến giúp tất cả chúng sanh khổ nạn.

Tiểu phàm phu tâm lượng nhỏ, cũng bằng lòng giúp đỡ hết thảy chúng sanh, nhưng tâm lượng của họ không có lớn như vậy. Loại thứ ba là tạo tác bất thiện, tự tư tự lợi, cho đến hại người lợi mình, làm những việc này. Gặp được thiện tri thức, sám hối nghiệp chướng, quay đầu hướng thiện, niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Cách nói này rất hay! Điều này đặc biệt nói đến hạ phẩm, nói rất tường tận.

Người ở hạ phẩm, hạ phẩm tam nhân là gặp ác phàm phu. “Dĩ ác nghiệp cố, lâm chung tá thiện”. Lúc sắp lâm chung duyên quá thù thắng gặp được thiện tri thức, thiện tri thức khuyên bảo họ. Ở đây có điều kiện: thứ nhất là gặp thiện tri thức. Thứ hai thiện tri thức khuyên bảo, họ có thể lĩnh hội, sau khi lĩnh hội họ chân chính sám hối, biết lỗi lầm trước đây, chân tín, chân phát nguyện cầu sanh tịnh độ, họ cũng có thể được sanh, đây là hạ tam bối.

“Đáo bỉ hoa khai”, đến thế giới Cực Lạc hoa khai thấy Phật, bắt đầu phát tâm, phát tâm bồ đề. Cho nên nói “hà đắc ngôn thị”, phía dưới này có chú giải. Cổ đại đức cho rằng hạ bối là phàm phu mới học đại thừa, vừa mới bắt đầu. Thiện Đạo đại sư nói: Tại sao nói, quý vị tại sao có thể nói họ là người mới học đại thừa? Vậy chúng ta biết người tạo nghiệp ác lúc sắp lâm chung, nghe được thiện hữu khuyên bảo lập tức có thể hồi tâm, không phải không có nguyên nhân, có nguyên nhân. Nguyên nhân là gì? Trong đời quá khứ của họ, đời trước từng học qua đại thừa, từng tu qua tịnh độ.

Trong đời này không có gặp được thiện duyên, chính là nhân duyên không có, họ còn có thiện căn phước báu rất dày đang vùi chôn nơi đó, ác nghiệp của họ đã chướng ngại nó, không khởi hiện hành. Lúc lâm chúng gặp được thiện tri thức, duyên này, gặp được nhân duyên, thiện tri thức vừa khuyên, khơi ra thiện căn quá khứ ở trong A Lại Da Thức của họ, không phải không có đạo lí. Cho nên khuyên bảo chúng sanh, họ không tin tưởng cũng không sao cả, chỉ cần họ thấy được tượng Phật nghe được danh hiệu Phật Bồ Tát, cổ đại đức nói: “nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng (một lần nghe được, mãi là giống đạo)”. Đó là cái gì? Đó chính là thiện căn phước đức của họ đã trồng được. Hiện nay ác nghiệp tập khí rất nặng, nó không thể nẩy mầm, không thể sinh trưởng, nhưng hạt giống trồng rồi, đời này đời sau gặp được thiện duyên thì họ được thành tựu. Đây chính là vì sao tạo hình tượng Phật Bồ Tát, sẽ có phước báu rất lớn.

Âm thanh niệm Phật, niệm Phật lớn tiếng, khiến người xung quanh đều nghe được, họ cũng đã trồng thiện căn, đạo lí chính là ở nơi đây. Người tu phước, người thấy tượng Phật, người nghe Phật hiệu, phải chăng có thể đạt được lợi ích ngay trong hiện tiền? Phải xem thiện căn của họ, xem phước đức của họ. Nếu như họ vừa nghe được, vừa thấy được, họ thực sự có thể tin tưởng, thực sự có thể phát nguyện muốn cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Vậy thiện căn của họ đã được phát hiện, thiện căn phước đức đều hiện ra, đời này họ rất có thể được vãng sanh.

Lời này phải nghe hiểu “rất có thể” không phải là tuyệt đối. Như thế nào mới là tuyệt đối? Tâm đó kiên định, đời này chúng ta không thể không đi, thì họ nhất định đi. Phải quyết tâm như vậy, không thể không đi. Nên biết, tâm của chúng ta vừa động, thì Phật A Di Đà đã biết rồi, chúng ta có quyết tâm như vậy, Phật A Di Đà làm sao có thể không tiếp dẫn? Ngài không tiếp dẫn, vậy nguyện của ngài phát ra, không phải đã không thể thực hiện ư? Thệ nguyện của ngài là tiếp dẫn hết thảy chúng sanh mười phương nguyện sanh tịnh độ.

Chúng ta nguyện thật, thật muốn được sanh ngay trong đời này, thì duyên này đã chín mùi. Nói cách khác, đối với thế giới hiện tiền này của chúng ta chắc chắn không thể có mảy may chấp trước, phải triệt để buông xả. Phàm là người niệm Phật, niệm rất tốt, lâm chung không thể vãng sanh, nguyên nhân là vì sao? Họ chưa đoạn tình chấp, họ còn tham luyến năm dục sáu trần của thế gian này, chưa buông được. Điều này rất phiền phức!

Chúng ta chỉ cần lĩnh lặng để quan sát, người thực sự vãng sanh tuyệt đại đa số là gì? Người nghèo. Họ ở trong xã hội này không có địa vị không có của cải, sống cuộc sống khổ cực. Khổ của thế gian này, khổ của Ta Bà, họ thật sự đã nếm đủ, thật không muốn chịu khổ thêm nửa, họ thật muốn đi, cho nên họ đã đi được, lúc vãng sanh đoan tướng hy hữu (hiếm có). Người giàu có học Phật, ngược lại lúc đi thật rất khó khăn, chưa hẳn vãng sanh, Vì sao? Tham luyến thế gian này, thế giới này rất tốt, rất hay, còn không nỡ rời xa, đây chính là người giàu không sánh được với người nghèo.

Người nghèo hiện tại khổ, nhưng tương lai được vui, đến thế giới Cực Lạc để được lạc. Người giàu có hiện tại hưởng lạc, tương lai phải xoay vần trong sáu nẻo, không cách gì đến được thế giới Cực Lạc ngay trong đời này, đạo lí này nhất định phải hiểu, điều này chúng ta nhất định phải thận trọng để xử lí. Hay nói cách khác, phải niệm niệm buông xả được. Cuộc sống giàu có hay không không quan trọng, có thì hưởng thụ không nên để ở trong tâm. Để ở trong tâm, có lạc thọ thì hỏng rồi, có camt giác hưởng lạc là sai, vì sao? Quý vị đã tạo nghiệp. Hưởng thọ, biết đây là khổ, đây là không, cũng chính là khổ không vô thương mà trong kinh Phật thường nói. Thấy được tất cả hưởng thọ đều là khổ không vô thường, thì tâm của quý vị đã không nhiễm, đây gọi là chân tu hành. Thật tu không nhất định phải buông xả trên mặt sự, trên sự buông xả là một loại tăng thượng duyên rất nặng của nghiệp chướng. Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà thị hiện, tuyệt đại đa số người giàu không buông được, chính là niềm vui của họ, họ hưởng lạc của lạc thọ, họ cho rằng có khoái lạc.

Phật nói ba cõi đều khổ, tám khổ là khổ khổ, khi hưởng thọ quý vị phải hiểu được hoại khổ. Quý vị không thể hưởng thụ mãi mãi, sẽ có một ngày quý vị phải buông xả, quý vị buông xả thì cảm thấy vô cùng đau khổ. Quý vị bình thường thì hiểu được, kiểu hưởng thọ này là giả vậy, không phải thật. Không để ở trong tâm, thì quý vị không bị ô nhiễm, đây gọi là chân tu hành, đây gọi là chân công phu. Phàm phu bậc cao, đây là chúng sanh của sáu nẻo, họ không cần Phật dạy bảo, họ cũng biết, họ liền giác ngộ, đây là đại phàm phu. Họ hiểu được khổ khổ, hoại khổ, cho nên tâm cảnh của họ thản nhiên vạn duyên buông xả. Từ bỏ cảm thọ khổ lạc ưu hỷ, họ đều tự nhiên, không để điều gì trong tâm, lấy tâm bình đẳng để gánh vác, người tu hành chân chánh!

Biết được thân là gốc của khổ, vì sao tạo nghiệp? Vì cái thân này. Từ xưa đến nay người nào tạo nghiệp không phải vì thân? Cho nên có một loại người thông minh bậc cao, họ không muốn cái thân này nên họ không tạo nghiệp.

Trong sáu nẻo, thiên nhân của Vô Sắc giới, đó là phàm phu bậc cao, họ không cần thân thể\_Vô Sắc giới. Phật hóa độ chúng sanh chỉ có thể độ được dục giới, sắc giới, vô sắc giới, bên trong không có Phật, vì sao không có Phật? Họ không cần Phật pháp, họ không tiếp nhận Phật pháp, tự cho rằng mình đã thành Phật rồi, đã được đại bác Niết Bàn. Đây là một sai lầm, cho rằng đó chính là cảnh giới Phật, chính là thường tịch quang, sai lầm, nhận thức sai!

Thọ mạng đó thật lâu, trong kinh Phật nói, trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thọ mạng tám vạn đại kiếp. Chúng ta nghĩ xem một đại kiếp là thế nào? Là vũ trụ này thành trụ hoại không một lần, vậy vũ trụ này thành trụ hoại không tám vạn lần, như vậy là bao nhiêu năm? Thời gian dài bao nhiêu! Đây là thọ mạng của thiên nhân trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, nhưng vẫn có lúc đến, thời khắc đã đến, định công của họ mất đi. Phiền não tập khí trong A Lại Da lại hiện ra, hiện hành thì thế nào? Hiện hành trôi lăn trong luân hồi. Phật dạy đó gọi là hành khổ, hành khổ là cái gì? Không thể duy trì mãi mãi.

Khi thọ mạng chưa đến, họ không cảm nhận được điều gì là khổ. Thật vậy, giống như hỷ lạc thanh tịnh của chư Phật Bồ Tát, nó không phải kích động, nhưng thời khắc đã đến, lúc này họ mới hiểu được, hiểu ra thì đã muộn, không còn kịp nữa. Họ vừa phát giác thọ mạng của họ đã hết, cho nên Phật nó ba cõi, ba loại khổ của dục giới đều phải chịu: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Sắc giới thiên nhân họ không có khổ khổ, họ có hoại khổ, có hành khổ. Vô Sắc giới thiên nhân không có khổ khổ, không có hoại khổ, họ có hành khổ, chính là họ không giữ được.

Phật nói với chúng ta là lời thật, là chư Phật Như Lai đã thân chứng, đây đều là sự thật, không phải là tỷ lượng, không phải phi lượng, hoàn toàn là cảnh giới hiện lượng.

Đại sư trích dẫn mười điều trong Quán Kinh, chứng minh lĩnh hội của ngài, nhận biết của ngài là chính xác tuyệt đối. Cũng như Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, chính là vì chúng sanh sáu nẻo trong quốc độ của chư Phật, từ bi đến cùng cực.

Cho nên tổng kết sau cùng lại nói: “Đại sư trực thị, Cực Lạc cửu phẩm liên đài, quân thị trược thế phàm phu vãng sanh chi vị”. Tứ độ tam bối cữu phẩm đều là ngũ trược ác thế. Địa vị của những phàm phu này sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, địa vị thực sự có cao thấp không giống nhau. Cao thấp không giống nhau như ở trước Thiện Đạo đại sư\_Một câu nói nổi tiếng nhất: vì gặp duyên khác nhau, vì thế chín phẩm sai biệt. Vậy chúng ta nghĩ xem chúng ta quá may mắn, duyên chúng ta gặp được quá thù thắng. Mình học và hiểu Phật pháp, từ từ đại tâm phát ra, đây là bản thân của quý vị. Chúng ta gặp được đại thừa, gặp được Tịnh tông, gặp được Vô Lượng Thọ, lại gặp được quyển hội tập của Hạ Liên cư sĩ, gặp được chú giải của Hoàng Niệm Tổ, duyên này quá thù thắng.

Trên trái đất này có mấy người gặp được! Gặp được rồi quý vị tin tưởng, quý vị thật sự phát nguyện vãng sanh, thì quý vị chắc chắn được sanh. Vì chưa đủ trình độ hiểu rõ kinh giáo, địa vị vãng sanh tây phương Cực Lạc tương đối thấp, đạo lý chính là như vậy. Nếu như quý vị đối với kinh giáo thành thục, thông suốt, hiểu rõ, thì địa vị của quý vị sẽ cao. Nếu như không những thông đạt hiểu rõ mà còn thân thể lực hành, chúng ta thật làm, vậy địa vị của quý vị càng cao, quý vị trở thành đại tâm phàm phu. Đại tâm phàm phu tâm lớn, giải lớn, hành lớn, thì họ trở thành thượng bối vãng sanh. Cho nên trong kinh giáo ví dụ: ở thế giới Ta Bà tu hành một ngày, bằng ở thế giới Cực Lạc tu hành một trăm năm. Nói cách khác thế giới Cực Lạc tu hành một trăm năm, không bằng ở thế giới này tu hành một ngày, thế giới này quá hay. Vì sao vậy? Thế giới Cực Lạc nâng cao rất ổn định, thế giới này là cao cao thấp thấp nhấp nhô rất lớn, lên cũng nhanh, té xuống cũng nhanh, là môi trường như vậy. Giống như chèo thuyền vậy, thế giới Cực Lạc là gió yên biển lặng, ở nơi này là sóng lớn, sóng dữ. Quý vị có thể chịu được khảo nghiệm, đến thế giới Cực Lạc nâng cao rất nhanh.

Vậy môi trường của chúng ta chính là khảo nghiệm của chúng ta. Phật Thích Ca Mâu Ni làm tấm gương để chúng ta thấy. Phật Thích Ca Mâu Ni có thể cư trú nơi môi trường rất tốt, cũng có thể cư trú một nơi cả đời không xuống núi, Ngài làm được, ngài không có thị hiện ra điều này, ngài thị hiện một chàng trai lưu lạc, không ở cố định, ngày ngày chuyển nhà. Thực tại là ngài biểu diễn, dù là biểu diễn một tai họa lớn. Trước đây chúng ta từng chạy nạn, kháng chiến với người Nhật Bản 8 năm, ngày ngày trốn nạn, không ở cố định. 8 năm đã đi mười tỉnh, hoàn toàn đi bộ, không có công cụ giao thông, đi được mấy vạn dặm.

Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà biểu diễn những điều này, nói cách khác chúng ta tương lai sẽ gặp được khó khăn như vậy, nếu không ngài vì sao trưng bày như vậy? Thói quen cuộc sống của chúng ta, đến lúc đó quý vị một chút khổ đều không cảm nhận được, vì sao? Đây chính là cuộc sống hằng ngày của quý vị, đã quen cuộc sống sung sướng, nên họ cảm thấy đây là cực hình, họ không chịu được. Chúng ta ngày ngày đang chịu, mỗi ngày đang chịu, phải ở trong thói quen mới nuôi dưỡng thành điều gì? Như như bất động, mắt thấy sắc tướng, không bị sắc tướng phá rối, tâm chúng ta đã định, tâm đã thanh tịnh. Dùng phương pháp gì thanh tịnh? Mặc niệm Phật hiệu. Phương pháp này hay, niệm đến lúc có trình độ nhất định thì họ tự nhiên có năng lực, không bị quấy rầy.

Ở trong môi trường bị quấy rối nhưng không bị quấy rối, đây gọi là chân công phu, nhất định phải hiểu: Phàm có hình tướng điều là hư vọng. Nhất định phải có tâm từ bi, lân mẫn những chúng sanh mê hoặc điên đảo tạo nghiệp này. Niệm niệm hi vọng tự chúng ta làm được tấm gương tốt, khiến họ cảm ngộ, giúp họ quay đầu, giúp họ giác ngộ. Tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề.

Cái khổ của chúng sanh từ đâu đến? Khổ từ mê hoặc điên đảo, tạo tác nghiệp không thiện. Lạc từ đâu mà đến? Lạc từ giác ngộ, thông đạt hiểu rõ đối với hết thảy chân tướng của pháp. Người mê hoàn toàn vì bản thân, tự tư tự lợi. Ngày nay cái gọi là lấy người làm gốc, thì họ lấy cá nhân họ là gốc. Người giác ngộ, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng\_Người giác ngộ. Ngã tướng tồn tại không? Tồn tại. Nhân tướng cũng tồn tại, chúng sanh tướng cũng tồn tại, thọ giả tướng cũng tồn tại. Tại sao lại nói không? Không chấp trước, biết được những tướng này là huyễn tướng, cái có này là huyễn có, không phải thật có, đương thể tức không liễu bất khả đắc.

Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói: “tức tướng li tướng, li tức đồng thời, li tức bất nhị”, đây là chư Phật Bồ Tát ứng hóa ở thế gian, họ thị hiện cho chúng ta, ở đây làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta, dạy chúng ta học tập. Khiến chúng ta ở trong tất cả cảnh duyên không sanh phiền não, chỉ sanh trí tuệ. Thuận cảnh thiện duyên sanh trí tuệ, nghịch cảnh ác duyên cũng sanh trí tuệ. Cho nên lúc đó, tâm của quý vị sung mãn từ bi, sung mãn cảm ân, đây chính là chư Phật Như Lai, chư Phật Như Lai không có lúc nào không cảm ân. Niệm niệm đều trong thế giới cảm ân, niệm niệm trong thế giới hoan hỷ, thế giới hỷ lạc. Độ người là độ mình, lợi người là lợi mình, phương tiện người khác chính là độ hóa chúng sanh, nhà Phật nói phương tiện thiện Xảo.

Tứ đức của Hoàn Nguyên Quán: cái thứ nhất nói: “tùy duyên diệu dụng”, tùy duyên diệu dụng chính là phương tiện thiện Xảo. Phương tiện là tùy duyên, thiện Xảo là diệu dụng. Vì sao? Nâng cao chính mình cũng là nâng cao người khác, đây gọi là thiện xảo.

“Duy nhân thế gian ngộ duyên, hữu đại thừa tiểu thừa chi sai dị. Cố vãng sanh hậu, hữu thượng bối trung bối chi bất đồng. Tịnh tông nãi tối cực viên đốn chi giáo, đại căn đại khí chi phàm phu, nhược năng tín thọ, viên giải viên tu. Tắc dữ thường nhân nhật kiếp tương bội”.

Cái gì là nhật kiếp tương bội? Người căn cơ tròn đầy tu một ngày bằng với người bình thường tu một kiếp, không thể so sánh! Vì sao vậy? người bình thường nghiệp chướng nặng nề, phiền não tập khí sâu dày, so đo tính toán từng chút. Đến đời nào quý vị mới có thể được tâm thanh tịnh bình đẳng? Lời nói này là đúng vậy. Công phu tu hành là gì? Ngay trên đề kinh, quý vị đã được thanh tịnh chăng? Đạt được thanh tịnh thì quý vị là A La Hán, ở Hoa Nghiêm thì quý vị là Bồ Tát thập tín vị. Đạt được tâm bình đẳng quý vị đã lên cao, quý vị là Phật Bồ Tát ở trong thập tín. Đạt được Giác vậy quý vị vượt qua mười pháp giới, quý vị là pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo, cái này cao hơn cái kia. Viên nhân trong thời gian một đời ngắn ngủi, đã có thể đưa mình từ phẩm vị thấp nhất nâng lên đến phẩm vị cao nhất, đây là đại căn đại khí.

Trước tiên phải học Chữ “Đại”, đại là cái gì? Đại có thể bao dung, có thể bao có thể dung gọi là đại, tâm ôm trọn cả hư không pháp giới, không có gì không thể bao dung. Trên có thể bao dung chư Phật Như Lai, dưới có thể bao dung ác đạo chúng sanh. Đối đãi bình đẳng, không có phân biệt, không có chấp trước. Người tu hành như vậy, thì người tu hành có phân biệt, có chấp trước đó không thể sánh được. Người như vậy tu hành một ngày, bằng với người có phân biệt có chấp trước tu một kiếp. Cho nên vì sao mọi nơi trong kinh điển, đều khuyên chúng ta phát tâm đại bồ đề, đạo lí là ở nơi này. Quý vị vừa phát tâm đại bồ đề, quý vị tu một ngày người khác tu một kiếp. Quý vị tu mấy mươi năm thực sự dùng tịnh độ để nói: từ hạ hạ phẩm quý vị tu đến thượng thượng phẩm, không phải việc khó, thật là gặp duyên không giống nhau. Quý vị làm rõ đạo lí, làm rõ phương pháp rồi, đâu có không thành công được!

Không thể rời kinh giáo, dù một ngày, “Nhất nhật bạo chi, thập nhật hàn chi” (một ngày nóng nãy, 10 năm lạnh lẽo), đây là tiểu phàm phu. Tiểu phàm phu trở thành đại phàm phu, bí quyết ở đây chính là không rời kinh giáo, chúng ta nghe hằng ngày, học hằng ngày, không phải ở chổ học nhiều. Một bộ kinh cũng được, học đi học lại, người xưa nói: “đọc sách nghàn lần, nghĩa nó tự thấy (độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến)”. Chúng ta thấy từ xưa đến nay những người có thành tựu, bí quyết của họ chính là thật thà, nghe lời, thật làm.

Thông thường nói đến mười năm, người xưa Trung Quốc thường nói: “mười năm dong đèn, một lúc thành danh (thập tải hàn song, nhất cử thành danh)”. Căn tánh của người bình thường, phải ba bốn năm mới được định, tâm thanh tịnh đã đạt được rồi. Công phu ba bốn năm có thể không bị ngoại cảnh bên ngoài cảm nhiễm, đây là đắc định. Định ba bốn năm đã khai ngộ rồi, mặc dù không thể như Phật Thích Ca Mâu Ni, như Lục Tổ Huệ Năng đại triệt đại ngộ. Quý vị đạt được đại ngộ là điều có thể, đó không phải là tiểu ngộ, đại ngộ, không phải triệt ngộ, đại ngộ. Đại ngộ là cảnh giới nào? Đại ngộ là cảnh giới của Phật Bồ Tát trong mười pháp giới, triệt ngộ là cảnh giới của pháp thân đại sĩ.

Quý vị thấy có thể mang chúng ta từ địa vị phàm phu sáu nẻo, nâng lên đến trong mười pháp giới địa vị của chư Phật Bồ Tát. Chúng ta trong một đời có thể làm được, vấn đề chính là sợ quý vị không dám làm. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ tin thật, chúng ta đối với kinh giáo chân tín, không một chút hoài nghi, người khác nói là mê tín, là giả. Họ nói là việc của họ chúng ta làm là việc của chúng ta, chúng ta tuyệt đối không nên bị họ làm dao động, lúc tôi mới học là như vậy. Lúc đó, ở Đài Loan tôi có không ít thầy giáo, trong các thầy giáo chỉ có Châu Bang Đạo, hiệu trưởng của chúng tôi. Ông học Phật, ông hiểu được, ông không bị chướng ngại, ông khích lệ tôi. Các thầy giáo khác đều nói, Phật học có thể học, không nên quá mê, cho rằng tôi học hơi quá đáng, quá mê rồi. Cấp trên, đồng nghiệp, bằng hữu đều nói tôi mê, mê quá chừng rồi, tại sao xuất gia đi làm hòa thượng?

Đều cho rằng tôi chọn sai con đường rồi, chỉ có Phương Đông Mỹ tiên sinh với Châu Bang Đạo. Thầy Phương vừa thấy tôi xuống tóc đến thăm ông. Hả! “em làm thật à?”. Tôi nói đúng vậy, chính thầy nói, hưởng thọ cao nhất của nhân sinh,“đúng, em đi rất đúng!”. Người khác không phải nghĩ như vậy, lại chính là Châu Bang Đạo\_thầy Châu, vì ông cũng là học Phật với thầy Lý. Chúng tôi học Phật cùng một thầy giáo, ông nhìn thấy rất hoan hỷ, ngoài ra đều nói tôi làm sai.

Nhưng qua ba bốn mươi năm, những bằng hữu xưa này đều đã già, đã về hưu, sau khi về hưu gặp tôi “ông chọn đúng rồi!”. Thừa nhận tự chính họ đã sai, tôi đã đi đúng. Luôn ở trong kinh điển, không một ngày rời bỏ, vì kinh điển là bảo vật! Đây gọi là pháp bảo, danh phù hợp với thực chất, ai biết điều này? Không biết.

Lúc đó tôi học Phật, pháp bảo này thật sự gọi là bảo, vì sao vậy? Quá hy hữu. Bên ngoài không mua được, chỉ có trong tàng kinh các của tự viện có một số, chủng loại cũng không nhiều, số lượng rất ít. Cho nên chúng tôi năm đó học những kinh giáo này, lợi dụng tuần nghĩ lễ đến tự viện để chép kinh. Từ sáng sớm chép đến chiều tối, chép một ngày đại khái có thể chép tám nghìn chữ. Nếu như quý vị không dám dùng thời gian một ngày thì quý vị không đạt được, ngày nay thuật in ấn quá phát triển, giá thành rất thấp. Người bình thường có thể mua một bộ Đại Tạng Kinh để ở trong nhà, trước đây việc đó ai dám nghĩ!

Tỉnh An Huy của chúng tôi, cả tỉnh có mấy bộ Tạng Kinh? Hai bộ rưỡi, hai bộ hoàn chỉnh, có một bộ thiếu sót không đủ. Thật khó được! một số tự viện không có Tạng Kinh. Ngày nay trong nhà mỗi người chúng ta đều có thể có một bộ Tạng Kinh, cái này người xưa không dám nghĩ đến. Có rồi thì nên đọc, ngày nay không những có thể có một bộ Tạng Kinh, còn có thể có một bộ Tứ khố Toàn Thư, quả thật nhân duyên thù thắng!

Trước đây làm hoàng đế mới được, mới có một bộ như vậy, Tứ Khố Toàn Thư năm đó sau khi biên thành tổng cộng chỉ có bảy bộ, Hội Yếu chỉ có hai bộ. Hội Yếu người khác không xem được, hai bộ đều là của hoàng thượng xem, một bộ là ở thư phòng của hoàng thượng\_Si Tảo đường là thư phòng của hoàng thượng. Còn một bộ khác để ở vườn Viên Minh, biệt thự của ông, người bình thường không xem được. Bảy bộ Tứ Khố đặt ở bảy nơi, đặt ở bảy trọng điểm văn hóa của thành phố trên toàn quốc. Tất cả người đọc sách trong thiên hạ đều muốn đến những nơi này để chép, sách không mượn ra ngoài được nên phải đến đó chép. Quý vị thấy trước đây đọc sách rất cực khổ, rất khó khăn! Đối với sách tịch, Họ trân quý, giữ gìn, họ đạt được quá khó. Ngày nay có được quá dễ dàng, muốn sách gì viết bức thư gửi cho tôi thì liền có, sao lại có việc dễ như vậy! Cho nên họ có được rồi không trân trọng, vì sao? Có được quá dễ.

Chúng tôi năm đó đối với Tứ Khố Toàn Thư đã nghĩ cả đời, không dám nghĩ chúng tôi sẽ có được, không dám nghĩ đến. Lúc được Tứ Khố Toàn Thư, thật là vui mừng khôn xiết, sau này tôi đến Úc châu, có một vị đồng tu, ông muốn cúng dường tôi một số tiền, lúc đó tiền Đài Loan hình như là hơn một trăm vạn. Đúng lúc nhà in ấn Thương Vụ lần đầu in Tứ Khố Toàn Thư, hình như một bộ là một trăm sáu mươi mấy vạn. Tôi nói với họ: các ông có thể tặng cho tôi một bộ Tứ Khố Toàn Thư cho chăng, ông rất hoan hỷ. Nhưng sau mấy lần đi giao thiệp mới biết chỉ còn lại một bộ cuối cùng, mà bộ này bị người Nhật Bản đặt rồi, đặt rồi nhưng chưa trả tiền. Cho nên tiệm sách thông báo cho người Nhật Bản nói chúng tôi cần, để họ nhanh chóng đưa tiền, họ không đưa được tiền, nhưng người này rất lợi hại.

Ông nói bộ sách này họ nhường cho chúng tôi, chúng tôi phải đưa một số tiền cho ông ta, phải đưa cho ông ta 12 vạn, tiền Đài Loan, 12 vạn. Kết quả cũng rất hiếm có, vị đồng tu này cũng đã cho ông ta rồi, cho nên bộ sách này mua được khoảng chừng hai trăm vạn. Bộ sách này ngày nay để ở Tịnh Tông Học Viện Úc Châu, thực sự không dễ dàng! Sách này để ở nơi đó, có một số người ở đó nghiên cứu, học tập, làm tài liệu tham khảo. Nếu như sách này để ở trong nhà làm đồ trang trí, làm tô điểm thêm, cúng dường sâu mọt, sách để lâu thì bên trong sinh sâu mọt, cúng dường sâu mọt. Như vậy thì đã tạo nghiệp, như vẫy thì đã sai. Nếu như không có người đọc, thì nên tặng cho thư viện đại học, đại học học văn học, học văn sử, họ cần cái này làm tư liệu tham khảo.

Trường học học sinh nhiều, trường học nhất định có sách này, nhưng một hai bộ quá ít. Thư viện cất thư không sợ nhiều, tốt nhất mỗi loại ít nhất đều phải có 10 bộ, vì sao? Nhiều người muốn mượn như vậy, mới có thể quay vòng qua lại. Cho nên chúng tôi hy vọng cúng dường thư viện đại học, để bộ kinh thư này thường có người đọc có người đi sưu tập nhưng tài liệu này. Không thể cô phụ nó, như vậy thì tốt.

Kinh Phật những năm trở lại đây chúng ta toàn lực đề xướng, đề xướng này là Ấn Quang đại sư dẫn đầu. Chúng ta tỉ mỉ quan sát vị tổ sư này, suốt đời ngài mười phương cúng dường chỉ làm một việc, ấn kinh bố thí. Năm đó thỉnh thoảng cũng có tai nạn, hạn hán thủy tai không thường có. Thỉnh thoảng có tai nạn, lão pháp sư nghe được cũng rất quan tâm, cũng đưa tay cứu trợ. Từ trong khoản tiền ấn kinh lấy một ít tiền để cứu nạn, nói rõ lão hòa thượng cả đời lấy ấn kinh bố thí pháp bảo làm chủ, cả đời làm việc này.

Vào năm 1977, lần đầu tiên tôi đến HongKong giảng kinh đã phát hiện, tôi giảng kinh ở thư viện Phật giáo Trung Hoa phố Cửu Long giới hạn, do Đàm Hư pháp sư xây dựng, đạo tràng nhỏ, không lớn. Bên trong tàng thư, đối với hoằng hóa xã chính là hoằng hóa xã của Ấn Quang đại sư. Những kinh luận, thiện thư in ấn cất giữ rất nhiều. Ấn Quang đại sư cách chúng ta gần nhất, tôi có cơ hội ở đó xem rất nhiều thứ, những sách lưu thông của Ấn Tổ.

Tôi xem sách thích xem trang bản quyền, Sách cầm đến tay đầu tiên tôi liền giở trang bản quyền. Nếu như trên trang bản quyền ghi: có bản quyền, in ấn sẽ bị truy cứu, tôi sẽ không xem bộ sách này. Có rất nhiều người hỏi tôi tại vì sao? Tôi nói người này tâm lượng quá nhỏ, tự tư tự lợi, tâm lượng nhỏ, tự tư tự lợi không có trí tuệ. Thứ họ nói cũng chẳng phải cao minh, không nên lãng phí thời gian của chúng ta, tiểu phàm phu, họ không phải là đại phàm phu. Đại phàm phu nhất định phía sau là: “hoan nghênh phiên ấn, công đức vô lượng”, đó là đại phàm phu, tâm lượng lớn.

Tôi vừa xem trang sau của Ấn Quang đại sư, quá hay. Không những là “hoan nghênh phiên ấn, công đức vô lượng”, mà còn thấy được ba loại sách, số lượng in ấn kinh người, xếp thành chi chit. Bản thứ nhất, bản thứ hai, bản thứ bản, bản thứ tư, xếp đến hơn hai mươi bản. Số lượng ít nhất của mỗi bản là 5 vạn quyển, 6 vạn quyển, 8 vạn quyển, 10 vạn quyển in như thế, sách gì? Liễu Phàm Tứ Huấn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư, ba loại sách này. Tôi cảm thấy rất kì lạ, lão hòa thượng vì sao in nhiều như vậy? Lại thấy ngài đề xướng in ấn kinh sách, một nghìn quyển, hai nghìn quyển, ba nghìn quyển, đây khó mà so được. Tôi thấy được sự việc đó, đã nghĩ hơn hai tuần lễ, để ở trong đầu, vì sao lão hòa thượng làm như vậy? Bây giờ không cần nói rồi, bây giờ hoàn toàn đã biết, giáo dục nhân quả có thể cứu thế giới. Giảng Phật giảng Nho khuyên người hành thiện, người ta chưa hẳn đã nghe hiểu được. Nhưng thiện có thiện báo, ác có ác báo, quý vị nghe được không thể không sợ, giáo dục nhân quả.

Đặc biệt là quý vị thấy ngày nay bao nhiêu người trẻ tuổi, người trung niên muốn thay đổi vận mạng. Ba loại sách này chính là thay đổi vận mạng, tôi khái lược dự tính một chút ba loại sách này, lão pháp sư đại khái đã in trên ba trăm vạn quyển, ở thời đại của ngài như vậy thì quả là đáng nễ! Ba trăm vạn quyển, thật khiếp người.

Điều này làm cho tôi chú ý, cho nên lúc đó chúng tôi giảng kinh xong trở về Đài Loan, thì tôi mang ba loại sách này in ấn ở Đài Loan, mỗi loại in năm vạn quyển. Đây là chúng tôi lần đầu in sách số lượng trên vạn quyển, còn lão hòa thượng đã thấy được xã hội trước mắt. Lúc đó đã đang làm công việc dự phòng, chúng ta có thể lĩnh hội được, có thể phát hiện được, tiếp tục làm. Lão hòa thượng đi rồi, chúng ta làm theo, đây mới là học trò của lão hòa thượng. Cho nên Liễu Phàm Tứ Huấn tôi xem hơn ba mươi lần. Chu Kính Trụ lão cư sĩ giới thiệu cho tôi đọc, lúc đó còn chưa học Phật. Chỉ là đã biết tiếp nhận giáo huấn của Phương Đông Mỹ tiên sinh, biết thứ này là học vấn lớn, là triết học cao cấp, ở cùng với người già, tốt! Khẳng định được ưu điểm, người già có trí tuệ, kinh nghiệm phong phú, rất nhiều câu chuyện, với người già ngày ngày nghe họ kể chuyện, hoàn toàn giảng cả đời của họ gặp phải, ví dụ rõ ràng, tuyệt đối không phải là giả.

Bảo với chúng ta luân hồi có thật báo ứng có thật, con người không có sanh tử, thân thể chết rồi linh hồn vẫn còn. Linh hồn vần rất sinh động, đây đều là người già tự thân họ trải qua. Chúng ta thường ở cùng nhau, họ thật là kể không hết chuyện, rất sinh động, quý vị tiếp xúc với họ không thể không tin, tiếp xúc được đại thừa kinh giáo, muốn ngừng cũng không thể.

Lúc tôi mới xuất gia, cũng có một số người cúng dường cho tôi, tôi đều không cần, tôi nói quý vị mua sách tặng cho tôi, đến nơi nào để mua, tôi nói với họ ở nơi nào có. Quý vị mua sách tặng cho tôi, tôi hoan hỷ, tôi không cần tiền, cho nên sách tôi thu thập được rất nhiều, ngày ngày không rời kinh giáo. Lúc đó không hiểu chuyên sâu một môn, huân tu lâu dài, không hiểu đạo lí này. Cho nên tôi vẫn đi con đường của người bình thường, học rộng nghe nhiều, được lợi ích không nhiều. Lợi ích gì? Phật học thường thức phong phú, xem rất nhiều, nhớ rất nhiều, học kiểu ghi hỏi.

Không có được tam muội, không có khai ngộ, đây là tổn thất thực sự. Lúc đó không ai bảo với tôi, tôi rất nghe lời, thật có người bảo với tôi một môn chuyên sâu, thì tôi làm thật. Tôi học Phật năm thứ năm mới quen thầy Lý, học giáo lý với thầy Lý ông không hạn chế nghiêm khắc. Nhưng ông chỉ hạn chế quý vị chỉ có thể học một loại, không thể cùng lúc học hai loại, cùng lúc muốn học hai môn công phu ông không dạy, ông chỉ dạy quý vị một loại, một loại học xong, có thể học thêm loại thứ hai. Ông dùng phương pháp này, chúng tôi ở đó đã nếm được mùi vị của phương pháp này, cảm thấy rất có đạo lí, vì sao? Quý vị đang trong thời gian học tập, đại khái thời gian là một hai tháng. Một hai tháng toàn bộ tinh thần, ý chí, thời gian của quý vị, toàn bộ tập trung ở một điểm, hiệu quả rất tốt.

Thầy giáo dùng cách dạy học của tư thục thời xưa, chúng tôi nếm được mùi vị này. Lúc nhỏ tuy từng học tư thục, ấn tượng đã không còn, lúc đó tuổi còn quá nhỏ, tôi hình như là sáu bảy tuổi đi tư thục, nên ấn tượng rất mơ hồ. Học kinh giáo với thầy Lý ấn tượng này còn rất sâu sắc, tôi mới biết, một môn chuyên sâu, huân tu lâu dài, là có thể khai mở trí tuệ, có thể đại triệt đại ngộ. Sau khi ngộ lại tiếp tục nghiên cứu nhiều, lại tiếp tục học rộng nghe nhiều sẽ rất dễ.

Giống như Long Thọ Bồ Tát sau khi đại triệt đại ngộ, mới đọc kinh điển của Phật Thích Ca Mâu Ni lưu lại, tất cả các kinh. Ngài chỉ dùng thời gian ba tháng đọc xong toàn bộ, quả thật rất thù thắng! Phải chăng như chúng ta một quyển sách từ đầu đến cuối? Ngài không phải vậy, ngài chỉ cần giở mấy trang, sách này thì đã hiểu hết, cái này thật lợi hại.

Giống như những gì trong Đàn Kinh nói: Pháp Đạt thiền sư đến Tào Khê thỉnh giáo Lục Tổ, ngài chuyên đọc Kinh Pháp Hoa, thật là một môn chuyên sâu, huân tu lâu dài. Ngài nói với Lục Tổ, ngài đọc Kinh Pháp Hoa khoảng hơn ba nghàn lần, Kinh Pháp Hoa rất dài. Chúng ta biết, nhiều nhất một ngày đọc một biến, hơn ba nghìn lần phải 10 năm, mười năm công phu. Lục Tổ hỏi ngài tông chỉ Kinh Pháp Hoa, ngài nói không được, ông thỉnh giáo Lục Tổ. Lục Tổ nói bộ kinh này tôi chưa từng nghe qua, ngài không biết chữ, đương nhiên không thể đọc sách, chưa nghe qua, ông đã đọc thuộc như vậy rồi thì đọc cho ta nghe xem.

Kinh Pháp Hoa 28 phẩm, ông đọc đến phẩm thứ hai. Lục Tổ nói, không cần đọc nữa, ta đã hiểu hết, liền đem đại ý của Kinh Pháp Hoa nói cho ông nghe, ông đã khai ngộ. Cho nên quý vị hiểu được sau khi thực sự khai ngộ, đọc kinh đọc vài chương là được, kinh này ý gì hoàn toàn hiểu được, đâu cần rắc rối như vậy! Cho nên một bộ Đại Tạng Kinh ba tháng đã thông hết, vậy quý vị lúc chưa khai ngộ, quý vị ba tháng một bộ kinh cũng không thể thông được, đừng nói là toàn bộ Đại Tạng Kinh, một bộ cũng không thông được.

Phương pháp của người xưa hay, phương pháp bây giờ đã hại bao nhiêu người, bao nhiêu người lấy phương pháp dạy học hiện đại này, làm bế tắc cửa ngộ của mình. Đều dựa vào cái gì? Ghi nhớ, nghe nhiều nhớ nhiều. Ghi nhớ không được, là hữu hạn, trí tuệ thông đạt đó là không có hạn lượng, vô hạn. Người thời nay xem thường người xưa, tự mình hại mình. Nếu quý vị có thể tôn trọng người xưa, nương vào phương pháp của người xưa để học. Thì thế giới ngày nay, bao nhiêu thánh hiền quân tử, bao nhiêu người khai ngộ. Người khai ngộ nhiều, thánh hiền quân tử nhiều. Thế giới này ổn định lâu dài, người người đều hưởng phúc, hạnh phúc mỹ mãn.

Nhưng thế giới ngày nay thánh hiền quân tử không còn, chúng ta đến sau 70 tuổi, mới hoàn toàn hiểu được đạo lí này, đều không còn hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận. Nhưng tự mình học thì quá muộn rồi, thời gian đã qua rồi, cho nên hôm nay chúng ta một môn chuyên sâu, một môn nào? Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta huân tu lâu dài một bộ kinh này, mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày cùng chia sẽ với bạn cùng học, chư vị đồng học có duyên với chúng ta. Một ngày đọc kinh bốn giờ đồng hồ, chia sẽ bốn giờ đồng hồ, an lạc vô cùng! Thật là pháp hỷ sung mãn, Khổng Tử nói: “học và thường ôn tập, chẳng phải tốt sao (học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ)”, thường sinh tâm hoan hỷ.

Nếu như không phải thời gian dài huân tu như vậy, quý vị cái gì cũng đều không đạt được, cái gì là quý báu, điều này mới thật là quý báu. Cái gì là nhân sinh? An lạc là nhân sinh, quý vị sống không an lạc, sống như chịu tội, đáng thương làm sao, phải sống thật an lạc! Thật an lạc là cái gì? Cùng với Phật Bồ Tát, ngày ngày sống cùng với Phật Bồ Tát, ngày ngày sống cùng các bậc cổ thánh tiên hiền, cuộc sống này thật an lạc.

Hai câu cuối cùng: “Cố năng nhất sanh công viên, kính đăng thượng phẩm dã”. Chính là động viên hàng phàm phu chúng ta, quan sát tường tận trong kinh, toàn là vì phàm phu sáu nẻo, không phải vì những thánh nhân chứng quả, không phải vậy. Cho nên chúng ta nếu như có thể thật tin tưởng, có thể tiếp nhận, có thể viên giải, có thể viên tu, chúng ta trong đời này có thể chứng được thượng phẩm thượng sanh.

Bây giờ kinh này, kiêm nhặt dư luận, chứng minh tam bối vãng sanh, thật vì phàm phu, cùng với thánh nhân. Chư A La Hán này, chư Vị Bồ Tát này là phụ, chủ yếu là đối với phàm phu.

Trong kinh “phẩm tất thành chánh giác”, ở đây có hai bài kệ, chúng ta xem hai bài kệ này: “Linh bỉ chư quần sanh, trường dạ vô ưu não, xuất sanh chúng thiện căn, thành tựu bồ đề quả”, đây là bài thứ nhất. “Linh bỉ” này thực tại nói, chuyên môn vì\_Vì ai? Vì chúng sanh sáu nẻo trong cõi nước chư Phật, làm sao biết được là sáu nẻo? Vì bên dưới có “trường dạ”. Trường dạ là vô minh, chúng sanh sáu nẻo vô minh phiền não rất sâu nặng, Phải nương vào đại từ đại bi của Phật A Di Đà vì giúp đỡ những chúng sanh này. Ở trong sáu nẻo luân hồi ít ưu ít sầu, giúp đỡ chúng ta hóa giải phiền não.

“Xuất sanh thiện căn, thành tựu bồ đề”. Thiện căn chính là có năng lực nhận thức chánh pháp, biết giá trị của nó, quý vị tin nó, quý vị thật sự muốn học tập, đây chính là thiện căn. Siêng năng học tập chắc chắn đắc quả, quả này là khai ngộ, bồ đề chính là khai ngộ.

“Ta nếu thành chánh giác, lấy tên vô lượng thọ, chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước ta, như Phật kim sắc thân, diệu tướng đều viên mãn (ngã nhược thành chánh giác, lập danh vô lượng thọ, chúng sanh văn thử hiệu, cụ lai ngã sát trung, như phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn)”, quý vị xem quả thật rất vi diệu!

Ngã là Phật A Di Đà tự xưng, đây là Phật A Di Đà nói lúc ở nhân địa, khi ngài chưa thành Phật. Nếu như có một ngày ta thành Phật, danh hiệu của ta là Vô Lượng Thọ, chính là A Di Đà, A Di Đà Phật. Chúng sanh nghe danh hiệu này, đều đến cõi nước ta. Nghe đến danh hiệu của Phật A Di Đà, biết được có thế giới Cực Lạc, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, gặp được Kinh A Di Đà, gặp được Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, gặp những kinh điển này.

Những kinh điển này giới thiệu về thế giới tây phương Cực Lạc. Nhận thức, hiểu rõ, khẳng định đối với thế giới tây phương. Thật sự phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, đều được đi. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, khi đến thế giới Cực Lạc như kim sắc thân của Phật. Quý vị thị hiện thân tướng ở thế giới Cực Lạc, hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Ở đây không nói rõ, như kim sắc thân của Phật, diệu tướng đều viên mãn, là Bồ Tát của phẩm nào, hoặc là thượng bối thượng sanh, họ không nói như vậy. Không nói như vậy, từ thượng thượng phẩm đến hạ hạ phẩm tất cả đều như vậy.

Diệu tướng là tướng tốt, người thế gian chúng ta nói 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Trong Kinh Quán Vô Lượng thọ cũng đã nói chữ số, thân có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi mỗi tướng có tám vạn bốn nghìn vẻ đẹp, không phải là 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Chúng ta không cách nào tưởng tượng, quả thật gọi là không thể nghĩ bàn.

Bên dưới rất đơn giản chính là giải thích của Niệm Lão: “bốn câu đầu nói rõ lí do của đại nguyện”. A Di Đà Phật vì sao phải phát 48 lời nguyện, điểm này chúng ta phải làm cho rõ ràng. Là thấy chúng sanh sáu nẻo quá đau khổ, lạc mất tự tánh, tạo nghiệp chịu quả báo, họ quá đáng thương. A Di Đà Phật có trí tuệ, có năng lực giúp họ, cho nên ngài phát tâm, phát tâm này chính là 48 nguyện, nguyện nguyện đều là vì chúng sanh sáu nẻo. Chúng sanh sanh ra thiện căn là nguyên nhân của vãng sanh, đầy đủ điều kiện vãng sanh. Như kim sắc than của Phật, diệu tướng đều viên mãn, chính là thành tựu bồ đề quả, đã đến thế giới Cực Lạc để làm Phật!

Nên ở sau chú giải của Hoàng Niệm Tổ, bốn câu đầu nói rõ lí do của đại nguyện, nguyên nhân của 48 lời nguyện. Vì sao phát 48 lời nguyện? Thật là ưu sầu phiền não suốt đêm dài tăm tối. “Đãi sanh thiện căn chi cụ phược phàm phu dã”, phàm phu cũng muốn có trí tuệ, cũng muốn có thiện căn, không biết trí tuệ và thiện căn từ đâu đến, muốn cầu cầu không được. Nhưng trong tâm của chúng sanh có ý nghĩ này thì Phật biết. Ngài sẽ giúp đỡ họ, giúp đỡ những chúng sanh sáu nẻo của ba đời mười phương trong biến pháp giới lìa đau khổ, rời các sầu bi khổ não. Đây là lìa khổ, tâm có sầu bi, thân có khổ não. Như thế nào mới có thể rời khổ? Sanh ra thiện căn sẽ lìa khổ, đây là sự thật. Thành tựu bồ đề là được niềm vui, thực sự giúp đỡ chúng sanh rời khổ đắc lạc.

“Cố tri sở dục phổ tế giả, thật vi trường dạ ưu não, Đãi sanh thiện căn cụ phược phàm phu dã”. Kinh văn này nói rất rõ ràng, rất tường tận, thực sự là ở trong sáu nẻo những chúng sanh khổ não này, chờ đợi sanh thiện căn, rất muốn sanh thiện căn, nhưng thiện căn không sanh được, là hàng phàm phu này.

“Kế tứ cú kệ”, kế là phía sau, tiếp theo phía sau. “Minh phổ tế chi pháp”, phổ biến cứu độ chúng sanh, phương pháp là gì? “chúng sanh nghe danh, sanh về nước ta (chúng sanh văn danh, lai sanh ngã sát). Đây là phương pháp Phật A Di Đà giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn rời khổ đắc lạc. Nghe danh, ở trong này bao hàm kinh điển, danh là danh hiệu, kinh điển là nói tường tận hàm nghĩa của trong danh hiệu. Nếu như đối với hàm nghĩa của danh hiệu không hiểu rõ, không rõ ràng, có hoài nghi, thì tín tâm của quý vị không thể kiến lập. Cho nên kinh điển nhất định phải nói rõ ràng, nói tường tận, giới thiệu tây phương Cực Lạc cho quý vị, giới thiệu Phật A Di Đà cho quý vị. Quý vị đã nhận thức về vị thầy này, đã quen thuộc với môi trường tu. Quý vị thực sự phát tâm, chúng ta nhất định đi theo vị thầy này, chúng ta muốn vào trường học này, ở trong môi trường tu học này để thành tựu đạo nghiệp của mình, như vậy tâm này mới có thể phát ra được. Quý vị đối với thế giới Cực Lạc không quen thuộc, như vậy làm sao được!

“Thử chư chúng sanh, diệc tức trường dạ ưu não trung chi quần sanh”. Trường dạ chính là lục đạo luân hồi, là những chúng sanh chịu đau khổ trong luân hồi. Nên ngài Thiện Đạo nói, tam bối cửu phẩm, đều là vì phàm phu trong đời ngũ trược, sau khi Phật niết bàn. Lời này nói thật rõ ràng tường tận, Phật A Di Đà là vì chúng ta mà phát nguyện tu hành thành Phật. Thế giới Cực Lạc là kiến tạo một môi trường tu học lý tưởng cho chúng ta. Đây là sự cống hiến viên mãn nhât Phật A Di Đà, đối hết thảy chư Phật Như Lai khắp biến pháp giới hư không giới. Bởi vì chư Phật Như Lai đều là lấy độ chúng sanh làm sự nghiệp, họ không có việc khác. Nhưng chúng sanh khó độ, làm sao có thể khiến chúng sanh tạo tác tội nghiệp cực nặng, giúp họ quay đầu nhanh chóng, giúp họ tu hành chứng quả? Phương pháp này của Phật A Di Đà thật diệu tuyệt!

Hai câu cuối: “như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn. Khả kiến ưu não phàm phu, nhất đăng bỉ độ”. Chỉ cần quý vị đến thế giới Cực Lạc đều là thân chân kim sắc. Đây là tự độ, tự mình đắc lạc, tự lợi. “diệu tướng như phật, viên mãn đầy đủ (diệu tướng như Phật, viên mãn cụ túc)”. Điều này chính xác ở trong thế giới mười phương của chư Phật không có, Thích Ca Mâu Ni chưa từng nói đến.

“Hạ cánh vân”, ở dưới lại nói: “diệc dĩ đại bi tâm, lợi ích chư quần phẩm, li dục thâm chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh” bốn câu này là lợi tha, độ tha. Nói cách khác sanh về thế giới Cực Lạc thì tự độ, mà tự độ này là tự độ viên mãn, không phải nói quý vị là Tu Đà Hoàn quý vị là A La Hán, không phải vậy, quý vị đã thành Phật. Quý vị tìm hết Đại Tạng Kinh, cũng không tìm được pháp môn thư hai như vậy. Gặp được pháp môn này! Là phước báu từ vô lượng kiếp ngày nay đã hiện tiền.

Quý vị không biết, nhưng chư Phật Bồ Tát thấy được rất rõ ràng. Quý vị quả nhiên tin thật, nguyện thiết, chư Phật hoan hỷ, không thể không giúp quý vị. Vì sao? Chư Phật hy vọng chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Sau khi thành Phật, quý vị giống với chư Phật, quý vị cũng sẽ giống chư Phật Như Lai đại từ đại bi giúp người khác, cũng lấy tâm đại bi lợi ích chư quần sanh. Làm sao giúp họ? Li dục và sâu vào chánh niệm.

Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán, câu thứ nhất “tùy duyên diệu dụng”, tùy thuận mọi duyên. Thiện duyên ác duyên, thuận cảnh nghịch cảnh, vì sao? Tự mình không có chướng ngại, không có phân biệt chấp trược thì một chút chướng ngại đều không có, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Niệm niệm giúp hết thảy chúng sanh, giáo hóa hết thảy chúng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ, tự nhiên họ được ly khổ đắc lạc.

Ly khổ đắc lạc là quả, nhân là phá mê khai ngộ, chính là quý vị làm tấm gương tốt cho họ noi theo. Để họ thấy được hoan hỷ thấy được giác ngộ, muốn học với quý vị. Quý vị có thể giới thiệu với họ, hình dáng này của tôi là học từ Phật A Di Đà, phương thức cuộc sống này của tôi là học ở thế giới Cực Lạc. Họ ngưỡng mộ chúng ta, chúng ta giới thiệu họ đến thế giới Cực Lạc, chúng tangưỡng mộ thế giới Cực Lạc, chúng ta đang học tập ở thế giới Cực Lạc. Quý vị theo thôi, tôi vẫn làm chưa tốt, chưa đủ viên mãn, A Di Đà Phật viên mãn, A Di Đà Phật ở đâu? ở Kinh Vô Lượng Thọ, ở trong Tịnh Độ Đại Kinh Giải, quý vị đến đây để học thì đúng, li dục.

Tất cả tội nghiệp đều là tình dục tạo nên, thứ này là gốc rể, phải nhổ sạch tận gốc rể. Sau đó cần phải chánh niệm, không những phải chánh niệm, mà phải chánh niệm thâm sâu, tin thật, hiểu thật và thật sự hành trì. Dùng lời kinh này để nói, chính là phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm. Một phương hướng, một mục tiêu, cuộc đời chúng ta không nên băn khoăn cho mình, không nên nghĩ đến người nhà của mình. Vì sao? Đây đều là giả! Quá xem trọng thân thể, quá xem trọng nhà của quý vị, thì quý vị đã mê, quý vị mê quá nặng. Đến bao giờ mới ngóc đầu lên được? Thật sự học Phật. Lúc giảng kinh tôi thường nói: chúng ta sống ở thế gian chỉ có một ngày hôm nay, còn ngày mai? Không có ngày mai, thọ mạng của chúng ta chỉ có một ngày, ngày hôm nay chúng ta nên làm việc gì, cái gì nên làm, cái gì không nên làm, đều rất rõ ràng, không cần người khác nói.

Chúng ta chỉ có thời gian một ngày, thời gian một ngày này của chúng ta phải siêng năng niệm A Di Đà Phật, chúng ta muốn đi đến thế giới Cực Lạc. Không cần thân này nữa, cuộc sống ở thế gian tất cả các thứ phụ thuộc càng không liên quan, hà tất lưu luyến nó? Cái gì cũng không lưu luyến, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật chỉ có thế giới Cực Lạc, đâu có đạo lí nào không vãng sanh!

Trong kinh điển đại thừa đức Phật thường dạy “hết thảy pháp từ tâm tưởng mà sanh”, tâm tưởng của tôi hôm nay chính là A Di Đà Phật, chính là thế giới Cực Lạc, ngoài cái này ra thì không còn cái gì khác. Thực sự là niệm niệm cầu vãng sanh, không muốn sống nơi này, thân thể này còn ở nơi này, ở một ngày thì sao? Ở một ngày thì hành trì một ngày. Là dựa vào cách làm này của chúng ta, đây chính là làm tấm gương tốt cho mọi người. Cách niệm Phật phải như vậy, cách học Phật phải như vậy thì quá hay.

Còn tham luyến thế gian, tham luyên tự thân, tham luyến bản thân và gia đình. Như vậy là luân hồi trong sáu nẻo, chứ không phải học Phật, đạo lí này không thể không hiểu. Không hiểu thì đã sai cả một đời, đời này chỉ kết duyên với A Di Đà Phật, chứ không thể vãng sanh! Ngày nay nhu cầu bức thiết của chúng ta, là trong đời này tùy thời tùy khắc đều có thể đi được, như vậy mới được. Chúng ta không uổng phí khi đến cuộc đời này, đời này gặp được Phật pháp, học không uổng phí. Xứng đáng với Phật Bồ Tát, xứng đáng với chính mình, xứng đáng với tổ tông, xứng đáng với cha mẹ. Thành tựu chắc chắn ở một đời không thể đợi đến đời sau, cũng cần có tâm đại từ bi, giống như Phật giúp chúng sanh vậy.

Tuệ, tuệ phải tịnh, tịnh là gì? Bên trong không có xen tạp, không có hoài nghi, tuệ này là tịnh tuệ, có hoài nghi có tạp chất thì không tịnh. Hành, hành là tạo tác của chúng ta, tạo tác của lời nói. Phạm hạnh, phạm là thanh tịnh, trong ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, cũng không xen lẫn tự tư tự lợi, cũng không xen lẫn thất tình ngũ dục. Thân khẩu của chúng ta liền được thanh tịnh.

“Thị biểu” những khai thị này, khai thị trong kinh văn đều là tượng trưng. “Chư vãng sanh giả”, từ thượng thượng phầm đến hạ hạ phẩm, chính là người vãnh sanh trong chín phẩm. “hoa nở thấy phật, thân tâm liền tịnh (hoa khai kiến phật, thân tâm đốn tịnh)”, trong bình thường tâm luôn hướng về, gắng sức để làm được. Đến lúc vãng sanh thấy được A Di Đà Phật, Phật quang gia trì quý vị, nguyện của Phật gia trì quý vị, 48 nguyện gia trì quý vị, thần thông đạo lục của Phật gia trì quý vị, quý vị lập tức thân tâm thanh tịnh, đây là điều quý vị không ngờ được.

Trí tuệ đã hiện tiền, “trí tuệ mãnh lợi”, đại từ đại bi vô lượng vô biên từ bi khắp biến pháp giới. “Tự giác giác tha, thành tựu bồ đề”, tự giác chính là giác tha, giác tha chính là tự giác, tự tha là một không phải hai. “Thị giai Phật A Di Đà, oai thần lực cố”. Đại lực là “bổn nguyện lực cô”. Đại nguyện, là 48 lời nguyện. “Mãn túc nguyện cố” là đại viên mãn. “Minh liễu” là đại trí. “Kiên cố” là đại đức. “Cứu cánh” là đại hạnh.

Đến thế giới Cực Lạc, được sự gia trì này của Phật A Di Đà thì tất cả đều đạt được. Pháp môn này, hoàn toàn nương nhờ Phật lực. Nên nhớ tự tha không hai, thật sự nương về Phật chính là nương vào tự tánh của mình, A Di Đà Phật từ đâu đến? Tự tánh biến hiện ra, thân hiện tại này của chúng ta cũng là tự tánh biến hiện ra. Từ trên mặt thể mà nói thì không có gì sai khác, nhưng từ trên tướng mà nói thì không giống nhau. Phật cực kỳ thanh tịnh, còn chúng ta bây giờ là cực kỳ nhiễm trược. Từ trên tánh mà nói là một loại, từ trên tướng mà nói là có sai khác, điều này nhất định phải hiểu.

Cho nên chúng ta mượn tượng Phật A Di Đà để điêu khắc chính mình, đây gọi là pháp môn tha lực. A Di Đà Phật có thần thông, đức năng, đạo lực gia trì chúng ta.

“Cố năng linh trường dạ ưu não chi phàm phu, trí tuệ thanh tịnh, thân tâm như Phật có thể khiến phàm phu vô minh ưu sầu, trí tuệ thanh tịnh, thân tâm như phật”. Đây chính là có thể giúp đỡ, có năng lực giúp phàm phu vô minh ưu sầu, chính là phàm phu trong luân hồi sáu nẻo, giúp họ được trí tuệ thanh tịnh, giúp họ được thân tâm như Phật.

“Do thị khả kiến, thử độ đại tâm phàm phu, mông Phật gia bị. Thượng bối vãng sanh, đắc vô sanh nhẫn, hựu hà túc dị”, đây là điều đương nhiên! Nhưng trên thực tế chúng ta là thân phận gì? Chúng ta là phàm phu tạo ác ngiệp, tạo tội nghiệp cực trọng, chỉ cần chúng ta nghiêm túc phản tỉnh quay đầu lại.

Chúng ta dùng 12 chữ của các bậc tổ tông, hiếu chúng ta làm được chưa? Hiếu dưỡng cha mẹ chưa làm được, vậy đễ làm được chưa? Chính là tình thương yêu anh em, tình thương giữa thầy giáo, đồng học, bằng hữu, đây đều là đạo của để, chưa làm được. Vì sao chưa làm được? Tự tư tự lợi . Chỉ có chính mình, không nghĩ đến người khác, đến cha mẹ anh em, đều không nghĩ đến,như vậy là trung không làm được, nghĩa không làm được.

Ở dưới là lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, chữ nào chúng ta làm được? 12 chữ này là đức mục căn bản để làm người. Cho nên hôm nay chúng ta hiểu được, đời này chúng ta đã tạo những nghiệp gì. Tạo những tội nghiệp cực nặng này, Phật Bồ Tát không trách chúng ta, Phật Bồ Tát tha thứ cho chúng ta. Vì sao vậy? Chúng ta từ nhỏ không có ai dạy, cha mẹ không dạy tốt chúng ta, thầy giáo cũng không dạy tốt chúng ta. Ở trong một hồ nhuộm lớn của xã hội này, chúng ta gặp phải ô nhiễm nghiêm trọng. Thế nên Phật từ bi, trong Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất hay: người đi trước bất thiện, không biết đạo đức, không có người dạy. Không có ai dạy chúng ta, tất cả tội lỗi của chúng ta hôm nay họ sẽ không khiển trách chúng ta, họ tha thứ cho chúng ta, bỏ qua cho chúng ta.

Chúng ta nên biết, chúng ta bây giờ đã hiểu rõ. Bây giờ đọc tụng đại thừa đã biết được, phải nghiêm túc sửa đổi lổi lầm, phải làm được 12 chữ mà các tổ tông truyền lại. Khởi tâm động niệm trong tâm chúng ta có, ngôn ngữ tạo tác trên thân có, phải làm ra mới là thật. Nói được làm không được không ích gì, phải làm được 10 thiện nghiệp đạo của Phật dạy cho chúng ta, nói được làm không được là giả. Không phải thiện tri thức, không phải thiện nam tử, thiện nữ nhơn, nhất định phải làm được. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không ác khẩu, không hai lời, không ỷ ngữ, không tham, không sân, không si phải luôn để trong tâm.

Dùng một câu A Di Đà Phật đánh bỏ tất cả tạp niệm, hồi phục lại tâm thanh tịnh của chúng ta, đây gọi là chân tu hành!

Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học đến chỗ này.

Hết tập 392

# Tập 393

Chuyển ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 03.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 487, hàng thứ 7 từ dưới lên, bắt đầu xem ở giữa. “Thị cố Thiện Đạo sư viết”, bắt đầu xem từ đây.

Tam bối cửu phẩm luôn là vì những phàm phu ngũ trược sau khi Phật nhập diệt. Hai câu cuối: “Như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn, khả kiến ưu não phàm phu, nhất đăng bỉ độ, tất giai thân chân kim sắc, diệu tướng như Phật, viên mãn cụ túc”, bắt đầu xem từ đây.

Đoạn văn này, tuy ở trước đã đề cập đến, nó là một phân đoạn. Trong đoạn này, Niệm Lão dẫn chứng các tổ sư đại đức xưa, nhiều lần nói rõ tứ độ tam bối cửu phẩm của thế giới tây phương Cực Lạc. Thực sự là Phật A Di Đà vì tiếp dẫn biến pháp giới hư không giới, tất cả chúng sanh sáu nẻo trong hết thảy cõi nước chư Phật. Cho nên thế giới tây phương, tam bối cửu phẩm này mỗi người chúng ta đều có phần, đây khác với những gì cổ đại đức đã nói. Các bậc cổ đức cho rằng thượng bối là địa thượng Bồ Tát mới có thể chứng được, trung bối, thượng bối ngày càng hạ thấp.

Thiện Đạo đại sư dẫn chứng nhiều kinh luận, phê bình những thứ không thỏa đáng của người xưa nói, nó thực sự là vì phàm phu. Cho nên ngài nói gặp đại tâm phàm phu, đây là sanh thượng bối vãng sanh, như thế nào gọi là đại phàm phu? Tâm lượng lớn. Khởi tâm động niệm đều nghĩ đến hết thảy chúng sanh khổ nạn, đây là đại phàm phu. Còn tiểu phàm phu thì sao? Là nghĩ đến bản thân mình, nghĩ đến gia đình mình, nghĩ đến người thân của mình, đây là tiểu phàm phu.

Hạ bối vãng sanh là phàm phu tạo ác nghiệp, tạo ngũ nghịch thập ác. Lúc lâm chung gặp được thiện hữu khuyên bảo họ, họ có thể tiếp nhận, có thể tin, có thể hiểu, và có thể thực hành, đây là hạ bối vãng sanh, thế nên tam bối cửu phẩm chúng ta đều có phần. Quan niệm này vô cùng quan trọng, hiển thị sự thù thắng của tịnh độ, nguyện lực của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn.

Ở đây nói rất rõ ràng, đặt biệt là hai câu cuối: như thân kim sắc của Phật, diệu tướng đều viên mãn. Vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, đích thực là chứng được pháp thân bình đẳng, đây không phải dựa vào chính mình đoạn hoặc chứng chân, mà hoàn toàn là nương vào bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Phật nếu không gia trì thì nó không diệu, vừa gia trì thì đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, vãng sanh không do mình.

Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thân thể của mình giống như Phật A Di Đà, tử ma chân kim sắc thân. Tướng mạo giống như Phật A Di Đà, diệu tướng như Phật, như trong Quán Kinh đã nói: Phật A Di Đà thân có tám vạn bốn nghìn tướng tốt, mỗi tướng đều có tám vạn bốn nghìn vẻ đẹp, chúng ta không cách gì tưởng tượng được, thật chẳng thể nghĩ bàn. Hiển thị ra sự thù thắng vô cùng của thế giới Cực Lạc, diệu tướng như Phật, viên mãn cụ túc.

Bên dưới nói: “Diệc dĩ đại bi tâm, lợi ích chư quần phẩm, li dục thâm chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh (cũng lấy tâm đại bi, lợi ích chư quần sanh, rời dục vào chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh). Đây là nói rõ vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, thân tâm lập tức được thanh tịnh, trí tuệ hiện tiền, tâm từ bi cũng hiện tiền, tự giác giác tha, thành tựu viên mãn, cũng giống như Phật.

Phàm phu sáu nẻo của hết thảy chư Phật Như Lai trong mười pháp giới, có duyên với quý vị. Câu này nên ghi nhớ: “Phật không độ chúng sanh không có duyên”, có duyên với quý vị, cho dù là có thiện duyên, có ác duyên, miễn là có duyên với quý vị. Có duyên lúc họ gặp phải khổ nạn, họ ở nơi đó cầu cứu, hy vọng Phật Bồ Tát gia trì họ, bảo vệ họ. Ý niệm này quý vị lập tức biết được, nếu quý vị ở thế giới Cực Lạc lập tức biết được, liền có thể hiện thân để cứu độ họ. Nên lấy thân gì để độ được thì quý vị hiện thân đó, quý vị được tự tại. Đến thế giới tây phương Cực Lạc sẽ có năng lực này, cho nên tự độ độ tha. Những cái này đều là oai thần lực, đại lực của Phật A Di Đà

“Bổn nguyện lực cố”, là đại nguyện, “mãn túc nguyện cố” là đầy đủ nguyện lực, “minh liễu” là đại trí, “kiên cố” là đại đức, “cứu cánh” là đại hạnh. Phật lấy những trí tuệ oai đức này gia trì quý vị, quý vị mới có năng lực giống như Phật để phổ độ chúng sanh khổ nạn trong sáu nẻo. “cố năng linh trường dạ” trường dạ chính là luân hồi, người đọa lạc vào trong luân hồi, nếu như không gặp được pháp môn Tịnh độ, muốn thoát li luân hồi thì quả thật rất khó. Đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay cứ mãi sanh tử luân hồi, nay được oai lực bổn nguyện của Phật gia trì, quý vị có năng lực giúp những chúng sanh khổ nạn này. Giúp họ “trí tuệ thanh tịnh”, giúp họ “thân tâm như Phật”.

“Như thị khả kiến, thử độ đại tâm phàm phu, mông Phật gia bị. Thượng bối vãng sanh, đắc vô sanh nhẫn, hựu hà túc dị”. Ở đây vô cùng khẳng định chúng ta có thể làm được, nên nổ lực tu học, thế gian cái gì cũng đều là giả, không có thứ gì là thật cả. Vì sao không siêng năng tu học để thực hành?

“Pháp Tạng tỷ kheo dĩ kệ tụng nguyện” (tỷ kheo Pháp Tạng lấy kệ khen tụng), bên dưới lấy bài kệ để khen tụng: “Thủ cú tức thị ngã kiến siêu thế chí”. Kiến là kiến lập. “Thử chánh siêu thế chi xứ, an đắc thủ thập phương chi thường quy, dĩ luận Cực Lạc chi phẩm vị?” Cho nên phẩm vị Cực Lạc đặc biệt vô cùng, họ không phải dựa vào tự lực, mà hoàn toàn nương vào tha lực. Tự lực chính là lúc nãy nói là chỉ tâm lượng lớn nhỏ, có thể thật sự quan tâm đến hết thảy chúng sanh khổ nạn, có thể bỏ thân vì người, đây chính là đại tâm phàm phu.

Đại tâm phàm phu tu hành vãng sanh sẽ có cơ hội được ba phẩm của thượng bối: Thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Thế nên chúng ta cần phải phát nguyện, cần phải thương yêu chúng sanh khổ nạn giống như Phật Bồ Tát. Đối với chúng sanh khổ nạn, chúng sanh tạo tội nghiệp, không nên ghét bỏ, cũng không nên quở trách. Họ vô cùng đáng thương, tạo tác tội nghiệp, quả báo đều ở địa ngục, quý vị nghĩ xem địa ngục khổ làm sao. Vì sao họ tạo tội nghiệp? Vì không ai dạy họ, điều này không thể không biết.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Phật dạy rất hay: “tiên nhân bất thiện”, cha mẹ của họ không biết, ông bà họ cũng không biết, tằng tổ của họ cũng không biết, thậm chí đến cao tổ của họ cũng không biết. Giáo dục truyền thống luân lí đạo đức, đã bỏ bê một hai trăm năm rồi.

Trước đây lúc Từ Hy thái hậu thời nhà Thanh, thì bà đã sơ ý, không lưu ý, đã không xem trọng, tình hình ngày càng xấu hơn. Triều Thanh diệt vong, đến thời Dân Quốc, Phật giáo suy đến tận cùng. Tuy vẫn còn có người học Phật, nhưng cuối cùng Phật là gì thì không ai biết, cũng chính là người thật sự hiểu được Phật pháp không nhiều.

Năm đầu Dân Quốc, pháp sư giảng kinh hoằng pháp chẳng qua cũng chỉ mười mấy người mà thôi. Đến thời đại của tôi, lúc tôi còn trẻ, khoảng hai mưới mấy tuổi. Người hoằng pháp lợi sanh thật quá ít, toàn Trung Quốc chưa đến mười người. Tôi học Phật 60 năm, đến ngày hôm nay thì sao? Ngày nay càng ít, ngày nay có thể tìm không đến năm người. Cho nên người bình thường vô tri tạo tác tội nghiệp, nên phải thứ tha cho họ, nên khoang dung họ. Hy vọng họ có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể học tập chăm chỉ, như vậy mới đúng.

Chúng ta xem tiếp đoạn phía dưới. “Hựu Vô Lượng Thọ Kinh Sao viết: Cảnh hưng minh hứa, tam bối cửu phẩm, phàm phu vãng sanh, cố bỉ thích vân: Nhât, phàm tiểu vãng sanh, Nhị, đại thánh vãng sanh, ngôn phàm tiểu giả, chỉ tam bối”. Câu nói này vô cùng quan trọng, phàm phu tiểu thừa những người vãng sanh này, ở thế giới tây phương Cực Lạc là địa vị gì? Có thượng bối, có trung bối, có hạ bối. Tam bối chính là cửu phẩm mà trong Quán Kinh nói.

“Hựu Du Tâm An Lạc Đạo viết, hựu tứ thập bát nguyện. Sơ tiên vi nhất thiết phàm phu, hậu kiêm vi tam thừa thánh nhân”. Câu thứ nhất quan trọng, sơ là thứ nhất, trước là hết thảy phàm phu. Đây là bổn tâm của Phật Di Đà, là bổn nguyện của Phật Di Đà, chúng ta cần phải biết. Sau mới là kiêm luôn tam thừa thánh nhân, tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đó là phụ. Dụng ý thật sự là vì phàm phu sáu nẻo

“Cố tri tịnh độ tông ý, bổn vi phàm phu, kiêm vi thánh nhân”. Chúng ta đọc đến đây, phải tri ân báo ân. Nếu như không có Phật A Di Đà, không có pháp môn Tịnh tông, căn bản chúng ta không thể có bất cứ thành tựu nào. Đừng nói là thành tựu lớn, thành tựu nhỏ nhất chính là quả tiểu thừa Tu Đà Hoàn, sơ quả.

Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ Tát sơ tín vị của thập tín vị, đây là đại thừa, đại thừa sơ tín, tiểu thừa là sơ quả, chúng ta có thể làm được chăng? Nhưng thực tế thì căn bản không thể được, vì sao? Đây là tiểu tiểu thánh, là mức độ thấp nhất. Trong kinh Phật nói rất rõ ràng, cần phải đoạn 88 phẩm kiến hoặc của tam giới, có thể đoạn được chăng? 88 phẩm kiến hoặc ở trong kinh đại thừa, Phật Bồ Tát thông thường quy nạp nó thành năm loại lớn, chính là năm loại lớn của kiến tư phiền não, kiến phiền não:

Thứ nhất là thân kiến: ai có thể phá được? Không còn chấp trước thân này là tôi, có ai làm được chăng? Giống như nữa bộ trước của Kinh Kim Cang đã nói: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Phá đượcbốn tương\_Mới phá bốn tướng là tiểu thừa Tu Đà Hoàn, đã bước vào Bồ Tát đại thừa sơ tín vị.

Khoảng 30 năm lại đây, chúng tôi thường khuyên bảo bạn học, cần phải thực hành. Tôi khuyên mọi người cùng buông xả tự tư tự lợi, buông xả tham danh lợi dưỡng, buông xả năm dục sáu trần, buông xả tham sân si mạn, tôi nói 16 chữ này. Điều này không dể làm được, đến được sơ tín vị chăng? Không, chỉ đến ngoài cửa, đến sơ tín, đến cửa của sơ quả, chưa vào được. Đưa quý vị đến ngoài cửa, còn đi vào thì sao? Đi vào, tôi chưa có tiêu chuẩn này, phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật chính là phải phá kiến hoặc, thực sự buông xả ngã kiến, biết thân không phải là ta.

Thân là gì? Thân là sở hữu của tôi, giống như áo quần vậy, áo quần không phải của tôi, là sở hữu của tôi, thân không phải tôi. Cái gì là tôi? Linh tánh là tôi. Nhà Phật nói bản tánh chân như là tôi, minh tâm kiến tánh, quý vị tìm được cái tôi chân thật. Cái tôi chân thật này chưa tìm được, chỉ là biết thân này không phải tôi. Minh tâm kiến tánh mới được coi là tìm được cái tôi chân thật, tìm được cái tôi chân thật như vậy quý vị đã thành Phật. Bồ Tát có lúc còn chưa tìm được cái tôi chân thật, Phật đã tìm được, không phải không có cái tôi.

rong đại thừa giáo thường dạy bốn đức “thường lạc ngã tịnh”. Pháp thân có, bát nhã có, giải thoát có. Pháp thân có thường lạc ngã tịnh, bát nhã có thường lạc ngã tịnh, giải thoát có thường lạc ngã tịnh, sao có thể không có cái tôi? Chỉ là không những phàm phu sáu nẻo đã mê, không biết, mà tứ thánh pháp giới cũng không biết. Tốn thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tứ thánh pháp giới cũng chưa tìm thấy. Thế mới biết nó rất khó, thật không dể chút nào, Sau khi phá thân kiến, còn phá được biên kiến.

Biên kiến là gì? Dùng lời nói của ngày nay để nói tức là đối lập, chúng ta luôn đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, tôi bạn và anh đều đối lập. Đây là kiến giải sai lầm, chân tướng sự thật là cái gì? Chân tướng sự thật là vạn sự vạn vật trong biến pháp giới, hư không giới, với chúng ta là một thể. Cho nên trong Bồ Tát đạo nói: “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Vô duyên là không có điều kiện, từ bi là yêu , thương yêu vô điều kiện. Thương yêu mình, yêu chúng sanh, yêu cây cối hoa cỏ, yêu núi sông đại địa, yêu biến pháp giới hư không giới, vì sao? Là một thể với chúng ta, sao có thể đối lập được? Đối lập là sai lầm.

Thứ hai là biên kiến. Thứ ba chúng ta gọi là thành kiến, thành kiến là cái gì? Tự cho mình đúng. Ở đây có hai loại lớn, thành kiến trên mặt nhân gọi là giới thủ kiến, thành kiến trên quả là kiến thủ kiến. Hai loại này đều thuộc về thành kiến, sai lầm, tự cho là đúng, nhưng sự thật không phải vậy.

Loại sau cùng là tà kiến, không thuộc về cách nhìn sai lầm và kiến giải sai lầm của bốn loại trước, tất cả bao gồm trong loại này. Nói một cách khác, tiểu thừa Tư Đà Hoàn tuy không có bản lĩnh gì lớn, nhưng tri kiến của họ rất chơn chánh, họ không phải tà tri tà kiến, họ rất có tri kiến. Nhưng có phiền não, phiền não chưa đoạn sạch. Kiến tư phiền nào, kiến phiền não đã đoạn, tư chưa đoạn. Đoạn kiến hoặc dễ, đoạn tư hoặc rất khó, tư hoặc là vương vấn không dứt, không dễ đoạn hết. Tư hoặc là tư tưởng, tư tưởng sai lầm, là gì? Tham sân si mạn nghi, đoạn tận sai lầm trong năm loại tư tưởng này, họ liền chứng quả A La Hán, được tâm thanh tịnh.

Trên đề kinh nói: “thanh tịnh bình đẳng giác”. Họ đạt được tâm thanh tịnh, tức đã chứng quả A La Hán. Chúng ta ngày nay một phẩm phiền não cũng chưa đoạn được, kiến tư phiền não cũng còn, vẫn là chấp trước thân này là tôi, có thể vãng sanh chăng? Có thể, gọi là đới nghiệp vãng sanh, chỉ có pháp môn này.

Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn tất cả đều không có, không có mang nghiệp, đều là đoạn hoặc chứng chân, cho nên rất khó. Pháp môn này so với 8400 pháp môn, thì dể hơn nhiều. Nhưng dễ nó vẫn có đều kiện, điều kiện gì? Kiến hoặc này quý vị cần có năng lực chế phục nó, chưa đoạn. Chế phục cái gì? Tuy có nhưng nó không khởi tác dụng, như vậy mới có thể vãng sanh. Dùng cái gì để chế phục? Dùng câu danh hiệu này để chế phục, cho nên phương pháp trì danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn!

Phương pháp này quá diệu, khiến chúng ta khởi tâm động niệm đều niệm A Di Đà Phật. Ý nghĩ mới khởi lên, người xưa nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác muộn”. Quý vị giác ngộ nhanh, ý nghĩ mới khởi lên cho dù là thiện niệm hay ác niệm, nhưng ý nghĩ thứ hai liền đổi thành A Di Đà Phật, khiến trong tâm chúng ta, ở mọi lúc mọi nơi, chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra đều không có gì nữa. Dưỡng thành thói quen này, ý nghĩ vừa khởi chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phât sẽ tương ưng với thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị thấy thiện niệm của chúng ta tương ưng với ba đường thiện, ác niệm của chúng ta tương ưng với ba đường ác.

Niệm niệm chúng ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật không ở trong đường thiện của sáu nẻo, trong ác đạo cũng không có, họ ở đâu có? Thế giới tây phương Cực Lạc có. Quý vị tương ưng với họ, chắc chắn đến được thế giới Cực Lạc, niệm Phật vãng sanh là đạo lí như vậy. Phải luôn rõ ràng, tường tận.

Niệm thành công câu A Di Đà Phật này, như thế nào gọi là niệm thành công? Lúc không niệm nó cũng khởi lên, lúc niệm có A Di Đà Phật, không niệm cũng có A Di Đà Phật, thuộc rồi, thành thục rồi. Xa dần tất cả phiền não tri kiến khác. Lúc nghĩ đến công việc, đặc biệt là lúc đang đau khổ, thiên tai, niệm thứ nhất chính là A Di Đà Phật, như vậy là thành công.

Nguyện thứ 18 của 48 nguyện, lúc lâm chung một niệm, mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, cho nên niệm Phật rất bức thiết! Trong đời này của chúng ta đại sự nhân duyên lớn là cái gì? Là niệm Phật, ngoài niệm Phật ra toàn là việc nhỏ, đều không phải việc cần gấp, việc cấp thiết nhất chính là niệm Phật. Khuyên người niệm Phật, thực sự niệm thành công đối với mình có lợi rất lớn.

Lợi ích gì? Thân tâm của mình mạnh khỏe, quý vị không thể sinh bệnh, bệnh từ đâu mà sanh? Phật nói nguồn gốc của bệnh tật chính là năm độc tham sân si mạn nghi. Trong tâm chúng ta đều có năm độc, cho dễ dàng cảm nhiễm vi khuẩn bênh bên ngoài, đó là ngoại duyên.

Trong tâm nếu không có năm độc, bên ngoài bệnh độc như thế nào đều không cách gì xâm nhập vào được, chúng ta ngày nay gọi là sức đề kháng. Nếu có sức đề kháng mạnh, bệnh độc như thế nào vào đến quý vị đều không sao, đều không khởi tác dụng. Vì sao? Thân tâm quý vị mạnh khỏe, đây là cái lợi đối với chính mình. Còn có một cái lợi lớn, không những tự mình được lợi ích mà người khác cũng được lợi ích. Quý vị sống ở nơi này không có tai nạn, vì sao? Người xưa thường nói: phúc nhân cư phúc nhân địa, phúc địa phúc nhân cư (người có phước ở đất phước, đất phước người có phước ở).

Quý vị tu hành, tu đến lúc một câu A Di Đà Phật, có thể chế phục được tất cả vọng niệm. Như vậy quý vị là người có phước báu lớn, phước báu lớn nhất của nhân gian thiên thượng. Quý vị ở nơi này, nơi này không có tai nạn. Nói cách khác nhân dân nơi này đều hưởng phước của quý vị. Việc này có thể không làm sao? Không thể không làm điều này.

Niệm Phật, nhất định phải giống A Di Đà Phật, A Di Đà Phật mỗi niệm giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn. Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ ly khổ đắc lạc, giúp họ vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc chứng được Phật quả cứu cánh viên mãn ngay trong đời này. Chúng ta trong một đời này có duyên phận thù thắng như vậy, thật khó được! Quý vị phải nên thực sự tin tưởng, thực sự nguyện sanh về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Ở thế giới Cực Lạc tu hành thành tựu, thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu thì quý vị giống như Phật A Di Đà, phổ độ chúng sanh đau khổ trong hư không pháp giới.

Câu phía sau: “Kiêm vi thánh nhân”, thánh nhân cũng phải độ, nhưng ưu tiên chúng sanh khổ nạn, vì họ quá khổ, phải ưu tiên họ. Bồ Tát nghe được pháp môn này, niệm Phật cầu vãng sanh, hay. A La Hán gặp được pháp môn này, Bích Chi Phật gặp được pháp môn này, cũng phát tâm cầu sanh tịnh độ, đều hay, nhưng đây chỉ là phụ, chủ yếu là đối với chúng sanh tội khổ ở trong sáu nẻo.

“Cánh cứ bản phẩm”, kinh văn ở đây. “Khai khẩu tiện đạo viết, thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm hữu tam bối. Kinh trung tam bối, chỉ thị thập phương chi chư thiên nhân dân”. Chư thiên nhân dân là chúng sanh sáu nẻo, không có nói đến Bồ Tát, Thanh Văn.

Quý vị xem kinh văn này rất rõ ràng, nên biết tam bối là chỉ, đầu tiên là phàm phu, nhưng trong kinh cũng kiêm luôn thánh nhân. Phàm phu chúng ta đối với kinh giáo này chắc chắn không thể hoài nghi, nếu như hoài nghi, chịu thiệt thòi là chúng ta, thiệt thòi này của chúng ta có thể rất lớn, vì sao? Bỏ lỡ cơ hội thành Phật ngay trong đời này. Ngay trong đời này chúng ta có thể thành Phật, chắc chắn có thể thành Phật, đây là điều hy hữu khó gặp biết bao.

Kiêm vì thánh nhân, phía dưới trong Phẩm Bổ Tát Vãng Sanh: “Thập phương thế giới chư Bồ Tát chúng, đương vãng sanh giả, đãn thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận”. Ở đây nói rõ chư Bồ Tát trong mười phương thế giới, niệm Phật vãng sanh rất nhiều! Quá nhiều, thật quá nhiều. Nói tên của họ cả kiếp cũng không nói hết, vô lượng kiếp cũng không thể nói hết. Quý vị nói Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc có bao nhiêu.

Trong kinh văn, ở trước chúng ta đọc đến: “kỳ thượng bối giả, xả gia khí dục, nhi tác sa môn” . Đến chỗ này mới giảng được một câu đầu của kinh văn: “xả gia khí dục, nhi tác sa môn”. Thượng bối phải lìa gia đình, rời xa gia đình là sao? Xuất gia. “khí dục: ly dục dã”, nhất định buông xả tình dục, vì sao? Tình dục là nguyên nhân của luân hồi sáu nẻo, luân hồi sáu nẻo từ đâu đến? Chính là tình thâm, dục vọng của chúng sanh nhiều, thế giới này trở thành luân hồi sáu nẻo.

Quý vị hỏi họ vì sao có thể trở thành luân hồi sáu nẻo? Điều này trong kinh đại thừa Phật thường nói, “cảnh tùy tâm chuyển”, cảnh giới bên ngoài tùy theo tâm mà chuyển. Dọ vậy có thể biết, tình dục là nhân tố thứ nhất tạo nên hình tướng của sáu nẻo, chỉ cần có tình có dục thì sáu nẻo sẽ hiện ra. Nếu như tình và dục không có nữa, đoạn được rồi, nói cho các vị là sáu nẻo không còn nữa. Tình dục nếu được chế phục, chưa đoạn, quý vị còn ở sáu nẻo. Nhưng quý vị không ở dục giới, quý vị đến sắc giới. Do vậy có thể biết, tình dục rất nghiêm trọng, thứ này không buông xuống, dục giới rất khổ! Trời sắc giới so với dục giới thù thắng hơn rất nhiều rất nhiều.

Đây là điều chúng ta không thể không biết, không thể không biết được, đây không phải là thứ tốt, nhưng người thế gian tham luyến, không ai bằng lòng buông xuống, chúng ta nên biết đạo lí này. Từ vô thỉ kiếp thì chúng ta đã vì điều này, mà đọa lạc trong luân hồi sáu nẻo. Đời này gặp được đại thừa, gặp được Tịnh tông, mới hiểu được việc này. Mới biết được từ vô lượng kiếp ở trong sáu nẻo, chịu bao nhiêu là khổ, chịu bao nhiêu nạn, đều là vì hai chữ này. Sau khi hiểu được thì chúng ta thực sự bỏ xuống, thực sự buông xuống gọi là xuất gia. Cho nên xuất gia không nhất định xuất gia trên hình thức, ở sau Niệm Lão đều nói đến.

“Nhi tác sa môn”, sa môn chính là người tu hành, làm một vị tăng. Luận Tỳ Bà Sa nói: “Gia thị phiền não nhân. Phu xuất gia giả, vi diệt cấu lụy, cố nghi viễn ly dã”. Gia\_có nhà là có phiền não, cho nên chữ nhà này, văn tự của Trung Quốc tất hay. Nó là phù hiệu của trí tuệ, trên toàn thế giới không tìm được nhà thứ hai. Chúng ta đem chữ nhà này dùng chữ triện để viết, thì quý vị đã rõ, vừa nhìn thì đã hiểu được ý nghĩa của nó. Cái che phía trên, dùng chữ triện viết, thì giống như một cái phòng, giống cái phòng, giống như vẻ một cái phòng vậy. Trong phòng là cái gì? Là một con heo, tượng trưng cái gì? Tượng trưng cho ý nghĩa mê hoặc điên đảo. Văn tự Trung Quốc là phù hiệu của trí tuệ, quý vị tuy không biết đọc như thế nào, nhưng quý vị nhìn hình dáng của nó, là có thể hiểu được ý nghĩa.

Trong cái phòng nhỏ là một con heo, cho nên chữ này ý nghĩa không hay, không phải một việc tốt. Lão tổ tông dùng loại phù hiệu, này chính là luôn luôn nhắc nhở chúng ta, nhà không thể lưu luyến. Lưu luyến thì vĩnh viễn không ra được luân hồi sáu nẻo, thực sự là nhân duyên của phiền não. Vậy còn xuất gia? Xuất gia là vì diệt, cấu là ô nhiễm, lụy là mệt mõi, phiền não. Nói cách khác là vì diệt phiền não, cho nên thoát li ngôi nhà này.

Rời xa, quan trọng nhất là trong tâm rời xa, sự không sao cả, sự là cái gì? Sự sự vô ngại, chướng ngại nhất chính là ý nghĩ. Trong tâm có, trên mặt sự đã xuất gia rồi, nhưng tâm vẫn còn, như vậy là chưa xuất gia, có thể tạo nghiệp càng nặng. Trái lại không bằng cư sĩ tại gia học Phật, họ thật sự buông xã gia gia đình, thật sự đã không ô nhiễm, cao minh.

Cho nên trong Phật pháp nói nhà, nhà có ruộng đất, nhà có phiền não, nhà có sanh tử, nhà có luân hồi, quý vị ra khỏi nhà nào? Nhà có ruộng đất chính là của người bình thường chúng ta bây giờ, cái này không quan trọng, nên ra khỏi nhà phiền não, phải ra khỏi nhà sanh tử. Ý nghĩa xuất gia này thật thâm sâu.

Xuất cũng có bốn loại, loại thứ nhất: “thân xuất tâm bất xuất”, thân xuất gia rồi, trong tâm ngày ngày vẫn nhớ đến nhà, nhớ đến người thân quyến thuộc không buông được. Thân ra rồi tâm chưa ra, không ích gì. Loại thứ hai: “tâm xuất thân bất xuất”, cư sĩ ở nhà tu hành họ thật đã ra rồi, vì sao? Tâm họ đã ra, thân tuy có, trong tâm họ không có, cái này cao! Loại thứ ba: Thân tâm đều xuất, chính là thực sự là người xuất gia, tiêu chuẩn của người xuất gia. Loại thứ tư: “thân tâm đều không xuất”, đây là người ở nhà không học Phật, hoặc giả lúc học Phật, nhưng rất lưu luyến nhà, phàm phu tạo nghiệp. Cho nên nhà có bốn loại, xuất cũng có bốn loại.

Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế, ngài hiện bày ra cho chúng ta, ngài là thân tâm đều xuất, nên Phật chứng được quả vị tối cao. Còn có một cư sĩ tại gia Duy Ma Cật, Duy Ma Cật thị hiện là tâm xuất thân không xuất, ngài cũng thành Phật. Điều này nói, thân xuất hay không không sao cả, quan trọng nhất là tâm. Cư sĩ tại gia có thể thành Bồ Tát có thể thành Phật.

Đức Thế Tôn khi còn tại thế, hai vị Phật đồng thời xuất hiện ở thế gian, một là Phật tại gia, một là Phật xuất gia. Quý vị đi đọc Kinh Duy Ma, quý vị thấy cư sĩ Duy Ma giảng kinh dạy học, Phật Thích Ca Mâu Ni phái đệ tử của ngài đi nghe kinh. Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ đệ nhất trong hội của Thế Tôn, Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất. Phái những đệ tử này đi nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, thấy được cư sĩ Duy Ma đảnh lễ ba bái, đi nhiễu phía hữu ba vòng. Sự cung kính lễ tiết đó cũng giống như đối với Phật Thích Ca Mâu Ni vậy.

Cho nên Phật pháp là sư đạo, sư đạo là vị thầy lớn nhất. Không thể nói thầy này là người xuất gia, đại sư chúng ta gặp họ phải nên cung kính, còn thầy giáo này là cư sĩ chúng ta xuống thấp một bậc, tâm liền khinh mạn. Như vậy là sai, hoàn toàn sai rồi, căn bản không hiểu được, cư sĩ tại gia tu hành chứng quả không khác gì xuất gia Bồ Tát. Nói cách khác, rốt cuộc tu hành là nên xuất gia hay nên tại gia? Nhân duyên mỗi người không giống nhau, không có chướng ngại.

Giống như những đạo lí này bây giờ không ai giảng, trong cửa Phật xưng hô là hòa thượng. Gọi là hòa thượng quan hệ có thể không giống nhau, hòa thượng không thể gọi tùy tiện, hòa thượng là tiếng phạn, tiếng Ấn Độ. Ý nghĩa là gì? Thân giáo sư. Pháp mà chúng ta học được, tự thân thầy giáo này truyền cho chúng ta, họ là thân giáo sư của chúng ta, dùng tiếng Ấn Độ họ là hòa thượng của chúng ta. Chư vị đã biết được hòa thượng của tôi là ai chưa? Lý Bính Nam lão cư sĩ, ngài là hòa thượng của tôi, tôi theo ngài 10 năm. Đại thừa kinh giáo, pháp môn tịnh tông đều là ngài truyền cho tôi.

Xuất gia, có hòa thượng thế độ, có hòa thượng thọ giới, có hòa thượng giới, có hòa thượng thế độ. Đó đều là kết duyên, là sư phụ lãnh vào cửa, tu hành là cá nhân.

Trong hòa thượng tôn trọng nhất lớn nhất, gọi là hòa thượng truyền pháp. Đời này của chúng ta có thể thành tựu hay, có quan hệ rất lớn với thân giáo sư, có quan hệ không lớn với thế độ sư, có quan hệ cũng không lớn với truyền giới sư. Lớn nhất chính là vị thầy trực tiếp chỉ đạo chúng ta tu hành, vị thầy này lớn nhất, nhà Phật gọi là pháp tử, gọi là truyền pháp. Những thường thức này chúng ta đều cần phải biết. Phật pháp thực sự nói về sựu tu hành thành tựu của quý vị. Cho nên ý nghĩa xuất gia rất sâu.

“Hựu Huyền Uẩn sư vân: Xuất gia tạo ác cực nan, như lục địa hành thuyền, tại gia khởi quá tức dị, như hải trung phiếm châu”. Đây là Huyền Uẩn pháp sư nói, vì sao? Hoàn cảnh xuất gia tốt, đạo tràng này người xưa gọi là dựa chúng nương chúng, thực tu thực hành trì, có thiện tri thức dẫn dắt. Ngày xưa là như vậy, bây giờ thông thường đạo tràng không có, vì sao? Không còn nghiên cứu kinh giáo, Phật giáo biến chất 180 độ. Nhất định phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật lúc còn tại thế, cả đời dạy học, quý vị thực sự đã hiểu, thì quý vị hiểu được, Phật pháp không phải là tôn giáo, là giáo dục.

Thích Ca Mâu Ni Phật 30 tuổi giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài bắt đầu giáo hóa. 30 tuổi bắt đầu dạy học, 79 tuổi viên tịch. Từ khai ngộ đến viên tịch 49 năm, không có một ngày gián đoạn, ngài là một thầy giáo tốt, thật sự là một người thầy mẫu mực. Trong kinh điển, chúng ta không thấy Đức Thích ca Mâu Ni Phật có ngày nào nghĩ ngơi. Chúng ta xem kinh điển của rất nhiều tôn giáo, có chủ nhật, được nghĩ ngơi một ngày. Còn Đức Thích Ca Mâu Ni Phật không có nghĩ ngơi, ngày ngày dạy học, năm hết tết đến cũng không nghĩ ngơi. Vậy chúng ta đã hiểu, Phật pháp ở thể gian mục đích là gì? Giáo hóa chúng sanh, hai chữ giáo hóa quá hay!

Nếu như nói dạy học, dạy học là nhân không có quá. Hai chữ giáo hóa có nhân có quả. Giáo là dạy học, hóa là học sinh sau khi tiếp nhận giáo hóa thay đổi khí chất, là quả xuất hiện. Có chuyển ác thành thiện, có chuyển tà thành chánh, có chuyển mê thành ngộ, có chuyển phàm thành thánh, đây là hóa! Cho nên hai chữ giáo hóa thật hay. Thế nên Phật pháp phải dùng danh từ hiện đại này để nói, nó là một kiểu giáo dục văn hóa đa nguyên, hoặc giả chúng ta nói giáo dục xã hội đa nguyên.

Thích Ca Mâu Ni Phật là nhà giáo dục, biểu hiện của ngài, là người làm công tác nghĩa vụ giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Ngài dạy học không thu học phí, mà còn giáo dục rất bình đẳng. Không phân quốc tịch, không phân chủng tộc, không phân tín ngưỡng, bất kể quý vị tin tôn giáo nào quý vị đều có thể đến học. Cho nên trong đệ tử của Phật, có rất nhiều người truyền giáo của các tôn giáo khác nhau. Thậm chí đến người đứng đầu trong tôn giáo, đều bái Phật Thích Ca Mâu Ni làm thầy, theo Phật Thích Ca Mâu Ni học trí tuệ, nâng cao cảnh giới của mình, điều này chúng ta không thể không biết được. Trong Phật pháp tuyệt đối không tìm thấy mê tín, bất kể việc gì, đều nói thật rõ ràng, minh bạch. Cho nên ngày xưa ở trong đạo tràng, muốn làm điều ác cũng rất khó.

Cùng một đạo lí, thế giới Cực Lạc đều là người tu hành, thế giới Cực Lạc Phật A Di Đà giảng kinh dạy học, không có một ngày ngừng nghĩ. Thế giới đó rất đặc biệt, thân chánh báo của con người là pháp tánh thân, không phải là thân máu thịt. Y báo của họ, cấy cối hoa cỏ, núi sông đại địa cũng là pháp tánh, thể pháp tánh, cõi pháp tánh. Cho nên ở nơi nó không thấy hiện tượng thay đổi, người sống được một vạn tuổi vẫn trẻ, không thay đổi. Vĩnh viễn trẻ mãi, vinh viễn không già, vĩnh viễn không yếu, thế giới này tuyệt vời. Người không cần ăn uống, quý vị thấy ăn uống của chúng ta rất rắc rối, thế giới Cực Lạc không cần ăn uống, người ở thế giới Cực Lạc không cần ngủ nghĩ, thế giới Cực Lạc không có đêm tối, thế giới quang minh. Thân của mỗi người phóng ánh sáng, thân của chúng ta phóng ánh sáng, Phật cũng phóng ánh sáng, mỗi người đều phóng ánh sáng, cây cối hoa cỏ phóng ánh sáng, sông núi đại địa phóng ánh sáng, không có cái gì là không phóng ánh sáng, là thế giới quang minh. Nên không cần nhật nguyệt không cần đèn, vì thế việc học tập của họ không gián đoạn.

Chúng ta ở đây không được, chúng ta ăn cơm đã gián đoạn, ngủ nghĩ cũng gián đoạn, nên việc học rất khó. Họ học tập không có gián đoạn, quý vị có thể tưởng tượng được họ học nhanh thế nào. Thế nên đến thế giới tây phương Cực Lạc, quý vị muốn khởi một niệm ác, tạo một việc xấu, không có cơ hội. Thế giới tây phương Cực Lạc tham sân si mạn nghi không sanh khởi lên, cho dù có tập khí này cũng không khởi lên được. Vì sao? Con người chúng ta ở thế giới này tham tài, thế giới tây phương Cực Lạc không ai tham tài cả, tiền tài châu báu không ai cần. Đem vàng ròng đến, quý vị thấy dùng để trải đường, giống đường nhựa ở đây của chúng ta vậy.

Ở đây có người nào đào vài miếng nhựa đường để trong nhà làm bảo bối chăng? Không có, vì sao? Quá nhiều. Nên vàng ròng ở thế giới Cực Lạc không ai cần, châu báu không ai cần, châu báu để làm gì? Vật liệu xây dựng, làm nhà, vật liệu để kiến trúc xây dựng, không ai cần. Phỉ thúy, ngọc màu xanh, trong suốt, đây là loại ngọc quý báu nhất, phỉ thúy của thế giới Cực Lạc là cái gì? Là mặt đất, mặt đất ở đó không phải là bùn đất, mà là phỉ thúy. Nói cách khác, phỉ thúy ở cỏi Ta Bà, ở thế giới Cực Lạc là dất cát, quý vị sẽ nghĩ sự giàu có của thế giới đó, phước báu của thế giới đó.

Phòng ốc để ở, tâm quý vị nghĩ như thế nào thì nó biến thành như thế ấy, không cần thiết kế, không cần thi công. Tùy ý niệm mà hiện ra, không cần nữa thì nó mất đi, cũng không cần đập phá, sạch sẽ không chút ô nhiễm, quý vị nói thế giới này đi đâu để tìm? Ở thế giới này, phòng ốc lớn tôi không dám ở, quý vị hỏi vì sao, tôi nói đó không phải người ở trong nhà mà là nhà ở trong người. Quý vị phải hầu hạ phòng ốc, phải quét dọn không mệt lắm sao?

Ở thế giới này nhà ở càng nhỏ càng tốt, vì sao? Dễ dọn dẹp, vài phút đã dọn dẹp sạch sẽ, ở rất thỏa mái. Ở thế giới tây phương Cực Lạc không liên quan, phòng nhà dù lớn cũng không cần dọn dẹp, không cần quét dọn, nhưng không một chút dơ bẩn. Thế giới Cực Lạc không có việc gì cần quý vị làm, áo quần mang lâu cần phải thay giặt, muốn thay thì đã thay đồ mới, còn cũ thì sao? Cũ không thấy nữa. Không cần lo lắng gì, toàn tâm toàn lực tu đạo, đều lo học tập. Khắp biến pháp giới hư không giới, không tìm được nơi thứ hai có môi trường tu học như vậy, chỉ có duy nhất Phật A Di Đà có, như vậy mà có thể không đi ư?

Duyên của chúng ta với Phật A Di Đà đã rất sâu, sao biết được? Vì ngày ngày nhớ ngài, ngày ngày nghĩ đến ngài, nhân duyên này đúng là sâu sắc. Tĩnh tâm để phản tỉnh sẽ biết, chúng ta niệm danh hiệu chư Phật Bồ Tát, danh hiệu nào niệm nhiều nhất? Phật A Di Đà. Chúng ta học tập kinh điển, thì kinh điển nào, khi học tập chúng ta dùng tâm lực và thời gian nhiều nhất? Tịnh độ ngũ kinh. Điều này nói rõ, duyên của chúng ta với Phật A Di Đà rất sâu.

Ở đây chúng ta vừa mới phát tâm, thực sự nghĩ đến thế giới tây phương Cực Lạc, là đã đăng ký ở thế giới Cực Lạc, đã đăng ký tên xong, đăng ký ở đâu? Đăng ký ở trên hoa sen. Trong ao bảy báu mọc một đóa sen, trên hoa sen có tên của quý vị, đã đăng ký, đã ghi danh. Tương lai về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật liền mang đóa sen này đến tiếp dẫn. Công phu niệm Phật càng chuyên cần thì hoa càng lớn. Cho nên thế giới Cực Lạc không thấy vật gì có sự thay đổi, chỉ có hoa sen trong ao bảy báu thay đổi, từ từ biến lớn lên, ánh sáng càng biến càng đẹp. Nếu thoái tâm không học, học pháp môn khác, đóa sen này khô chết, không còn nữa. Quý vị vừa động niệm là có, không động niệm liền mất đi, cho nên thế giới Cực Lạc chỉ thấy được thứ này có sanh có diệt, chính là hoa sen. Ngoài hoa sen ra, tất cả vạn sự vạn vật đều có sanh diệt.

Ở đây Pháp sư nói, xuất gia tu đạo dễ, tại gia tu đạo rất khó, vì sao? Tại gia rất dễ tạo nghiệp, tạo nghiệp là sao? Tham sân si mạn nghi, đây là ác nghiệp.

Xuất gia tu đạo dễ, ví như chèo thuyền trong biển. Tại gia tu phước rất khó, như chèo thuyền trên đất. Tuy nhiên có tâm xuất gia mà thân không xuất gia, thân xuất gia mà tâm không xuất gia. Nay thân tâm đều xuất gia, nên gọi là từ bỏ gia đình, xa lìa dục lạc.

Trông đoạn kinh văn này nói; từ bỏ gia đình, xa lìa dục lạc, là chú trọng nơi tâm, dục vọng phải hạ thấp. Chúng sanh rất nhiều dục vọng, từ đâu đến? Đều từ nơi thân, vì sao vậy? Vì bảo dưỡng thân này, để giữ gìn thân này, nên không thể không vì thân này mà lo nghĩ, đây là tạo rất nhiều nghiệp. Việc này sai rồi ư? Nói thật, là đã sai, nói giả dối thì không sai. Tại sao nói thật thì sai? Họ chưa hiểu rỏ đạo lí của vũ trụ nhân sinh, nếu như thật hiểu rỏ rõ thì đạo dưỡng sanh của họ không cần dựa vào vật chất. Tốt hơn vật chất nhiều, đó là gì? Ý niệm! Điều này Phật nói nhiều rồi, hết thảy pháp từ tâm mà sanh ra. Nếu như trong tâm của quý vị đều là A Di Đà Phật, thân của quý vị từ từ trở thành thân kim cang bất hoại, nhưng sắc tướng của không giống Phật A Di Đà. Thân ngài có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, chí ít có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp sẽ hiện ra.

Như vậy có cần dinh dưỡng chăng? Một chút thức ăn là đủ. Quý vị xem, từ xưa đến nay, người tu hành ăn cái gì? Đức Phật lúc còn tại thế, ngài đi khất thực, người ta cho gì ăn nấy. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người xuất gia Trung Quốc ăn một món, canh với thức ăn lẫn lộn. Đó là trong các tự viện ngày xưa, ngày nay không còn nữa, ăn cơm qua đường.

Trai đường, trai là ngày ăn một bữa, đây gọi là trai. Ăn cơm gọi là ăn tập thể, đây là quy tắc của Phật môn. Phật môn dung hợp vạn pháp thành một thể, mặc áo quần, màu sắc áo quần\_Y phục này, gọi là cà sa. Đây là màu chính, màu sắc chính trong Phật môn, là màu sắc gì? Đỏ vàng lam trắng đen, năm loại màu sắc hòa thành cùng một, Ca sa này bao gồm tất cả năn màu sắc, nhằm tránh màu sắc của thế gian.

Màu sắc chính của thế gian là năm màu đỏ vàng lam trắng đen. Phật không mặc, Phật mang tạp sắc, năm loại màu sắc nhuộm lại với nhau. Ăn cơm cũng vậy, một bát cơm, cơm với thức ăn hòa cùng nhau, mùi vị như thế nào? Chua ngọt đắng cay mặn hòa lại với nhau, trộn lẫn với nhau gọi là cà sa. Nên mặc y phục, đây là màu cà sa, ăn cơm là vị cà sa, chỉ một món ăn. Không có rất rất nhiều chủng loại bày ra ở đó, đó là pháp thế gian, cho nên người xuất gia đơn giản.

Thầy của tôi Lý Bính Nam lão cư sĩ, người tại gia, không xuất gia, nhưng ông sống cuộc sống của người xuất gia, ngày ăn một bữa. Tôi theo ông 10 năm, tôi thấy rất rõ ràng, không có ai chăm sóc ông, 90 tuổi không có ai chăm, vẫn là tự mình nấu ăn tự mình giặc áo quần. Lúc 95 tuổi, ông mới cho phép hai người trẻ chăm sóc ông, chứng minh điều gì? Chứng minh thân thể của ông khỏe, tự ông có thể làm. Ăn cơm chỉ một cái nồi, nồi chính là bát, đem gom lại, gọi là đem gom lại. Quý vị thấy, là cái nồi, lượng không lớn, chỉ đủ ông ăn một bữa, đây là nồi.

Ông là người Sơn Đông Tế Nam, thích ăn bột mỳ, mỗi ngày nấu mỳ để vào một ít rau xanh, một hai miếng đậu phụ. Từ khi mới nhóm lửa, hạ nồi và đến khi ăn xong dọn dẹp sạch sẽ, rất sạch sẽ, chỉ nữa tiếng. Không lãng phí thời gian, không cần nhiều bát rửa nhiều như vậy, thật phiền hà. Chỉ một cái, nồi cũng là nó, bát cũng là nó, thật tự tại.

Nhưng ông rất từ bi, không như những người trì giới khác, rất chấp trước, thầy không hề chấp chặt. Buổi tối mời ông ăn cơm, ông đi, ông sẽ đi với quý vị. Tôi lúc đó cũng có chút hoài nghi, thầy bảo với tôi, người ta bây giờ công việc của họ bận rộn, họ chỉ có ban đêm mới có thể ngồi cùng quý vị, mới có thể đến với quý vị để thỉnh giáo. Như vậy nếu quý vị ban đêm không đị thì cơ hội của họ không còn nữa.

Vì độ chúng sanh, phải giúp họ, ban đêm lúc mời đi ăn, thầy cũng đi, cũng sẽ ăn một chút ít, vui với mọi người. Nhưng để khai thị, vì thế thầy nói nhiều, còn ăn đồ ăn rất ít. Có khi, ban đêm ông có việc cần xã giao, ông mang tôi theo cùng, tôi ngồi một bên. Nghe ông giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ như thế nào, những phương tiện thiện xảo đó chúng ta nên học theo. Còn món ăn tối là gì? Là lên lớp, là dạy học. Trong Phật pháp đây gọi là khai giới, đây không phải phá giới gọi là khai duyên.

Gặp những cơ hội này, cơ hội đặt biệt quý vị không nên bỏ qua. Đừng cho rằng tôi phải giữ giới, tôi không thể đi, xin thông cảm cho tôi, người bây giờ làm sao có thể? Thông cảm tôi, thì cơ hội không còn nữa. Cho nên thầy thật sự là từ bi vô tận, linh hoạt không bảo thủ, không khô khan, không cố chấp chút nào.

Nói giới luật với tôi, giới luật có khai giá trì phạm, nhất định phải hiểu, không hiểu là không thể trì giới, không hiểu nên cứ cố chấp vào giới điều, như vậy là sai rồi. Nhưng chúng ta có tín tâm, không có chút hoài nghi nào, thân tâm mạnh khỏe, một ngày ăn một bữa, ăn gì cũng được. Khất thực, người ta cho cái gì ăn cái đó, không có phân biệt không có chấp trước, nên ông không có bệnh. Lúc tâm được thanh tịnh, tất cả những đồ ăn không sạch để trước mặt quý vị, ý niệm của quý vị biến nó thành thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, làm sao có thể tiếp nhận ô nhiễm? Đều biến thành thanh tịnh, cho nên tôi có thể lĩnh hội được.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đi khất thực dọc đường, người ta cúng dường ngài, đó đều là đề hồ thượng phẩm mùi vị tốt nhất, vì sao? Đến miệng của ngài thì đã thay đổi, liền biến thành bồ đề thượng vị. Cảnh tùy tâm chuyển, thức ăn là cảnh giới, vào đến miệng lập tức chuyển biến. Tôi biết đạo lí này, cho nên đối với việc này không hề nghi ngại, vì thế cuộc sống tùy duyên thật tự tại.

Nhất định phải bắt bẻ thì thật đau khổ, rất nhọc lòng, như vậy tâm không thanh tịnh, tùy duyên, tâm liền thanh tịnh. Cho nên thanh tịnh này gọi là diệu dụng, tùy duyên diệu dụng, chính là nó không chướng ngại tâm thanh tịnh của quý vị. Không những không chướng ngại mà còn thành tựu tâm thanh tịnh của quý vị, đạo lí này thật sâu.

“Hết thảy chúng sanh do khát ái vậy (nhất thiết chúng sanh do ái khá cố)”. Khát là thí dụ, giống như chúng ta khát đang muốn uống nước, khuyết điểm này là cái gì? Đây chính là một chữ ái. Chúng sanh có ái, cho nên có thân, đầu tiên yêu bản thân mình, từ trong đây bắt đầu khởi lên rất nhiều phiền não. “Vì có thân này nên có cõi nước(Do huyễn thân cố, nhân hữu quốc độ)”, mới có môi trường y báo.

Điều này trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ: “hiển nhất thể, khởi nhị dụn)”. Tôi từ đâu đến? Tôi đến từ ái dục. Quý vị thấy một niệm bất giác đầu tiên, một niệm bất giác này không có nguyên nhân, nên gọi là vô thỉ vô minh. Vô thỉ là gì? Không có bắt đầu, không có quá khứ, không có vị lai, một niệm lúc đó.

Một niệm lúc này chúng ta cũng đã làm rõ rồi. Di Lạc Bồ Tát đã nói: môt cái búng tay có 32 ức trăm nghìn niệm, tức là một trên 32 ức trăm ngàn niệm là một gảy mống tay. Đó gọi là một niệm, gọi là một niệm ngay lúc đó. Một niệm đó bất giác liền xuất hiện vô minh. Vô minh là gì? A Lại Da, A Lại Da là chủ tạo vật. Thân thể của chúng ta, hư không pháp giới đều là A Lại Da biến ra. Hư không pháp giới và chính mình vốn là cùng một thể, vĩnh viễn là một thể. Do vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên cho rằng không phải một thể, sai rồi. Phật Bồ Tát biết là một thể, cho nên từ một thể khởi hai dụng, ở đây biết được phàm phu chính là vì ái, chánh báo chính là Mạt Na Thức. Trong Mạt Na Thức Phật bảo với chúng ta “tứ đại phiền não thường tương tùy”, gọi là vô thỉ vô minh.

Thứ nhất thân kiến, ngã kiến, chấp trước, không có tôi, chấp trước có cái tôi, như vậy là sai, ngã kiến. Thứ hai ngã ái, ngã ái là tham. Ngã mạn, chúng ta ngạo mạn, ngạo mạn là sân nhuế. Ngã si, là ngu si, quý vị thấy tham sân si, bốn đại phiền não thường tương tùy. Đồng thời cùng khởi lên, Khởi lên cùng một lúc với ngã kiến, đây chính là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức chúng sanh không biết, chấp trước A Lại Da Thức là ngã. Vì có cái chấp trước này, nó liền hiện một huyễn thân, thân này là cái gì? Hiện tượng vật chất, tướng phần của Mạt Na Thức. Ngã, tham sân si là kiến phần của Mạt Na Thức, tự thể của Mạt Na Thức là tự chứng phần, tự tánh của tự chứng phần là nghiệp tướng của A Lại Da. Đây là nói rõ thân tâm quốc độ từ đâu mà có.

Quý vị thực sự hiểu rõ, minh bạch “xả gia khí dục, ái khát tịnh cố”, tịnh này chính là chuyển A Lại Da thành đại viên cảnh trí, chuyển Mạt Na thành bình đẳng tính trí, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, chuyển năm thức trước thành thành sở tác trí. Chuyển thức thành trí, đây là khai ngộ, đây chính gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vừa chuyển thì thân liền thanh tịnh, quốc độ cũng đã thanh tịnh, cảnh tùy tâm chuyển.

Tâm là chủ tể, tâm là năng sanh năng hiện, cảnh giới là sở sanh sở hiện. Chúng ta hiểu được đạo lí này cố gắng để dụng tâm, thì tự nhiên có thể chuyển được. Chúng ta có thể sống giống như Phật Bồ Tát, cuộc sống như vậy thực sự hạnh phúc mỹ mãn, không cần sống cuộc sống đau khổ của nhân gian. Bây giờ tuy không thể hoàn toàn chuyển nhưng vẫn giống được vài phần, vậy chúng ta học phật không phải đã lãng phí, học Phật có tiến bộ rồi, học Phật biểu hiện ở bên ngoài, thực là vô lượng pháp hỷ, vô lượng hỷ lạc.

“Đại Bát Nhã Kinh vân: Bồ Tát Ma Ha Tát, chí tánh háo du chư Phật quốc độ, ưng viễn ly cư gia. Cố tri xuất gia vi Tịnh độ chánh nhân, dĩ viễn ly bất tịnh cố”. Bồ Tát, Ma Ha Tát là đại Bồ Tát, trong câu này phạm vi bao quát rất rộng. Từ thập tín vị đến thập hồi hướng đều xưng Bồ Tát, 40 vị thứ. Thâp tín, Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng đều xưng Bồ Tát. Thập địa và Đẳng Giác gọi là Ma Ha Tát, cho nên trong danh hiệu này có 51 vị thứ, Bồ Tát Ma Ha Tát.

Họ thích vân du các cõi nước Phật, thích đến mỗi một cõi nước Phật để học tập, Phật môn gọi là tham học. Cõi nước chư Phật họ đều có năng lực để đi, đi cúng Phật, cúng Phật là tu phước, đi nghe kinh nghe pháp là học trí tuệ, phược tuệ song tu, đây chính là sự nghiệp của Bồ Tát. Sau khi tu thành giáo họ hóa chúng sanh, lúc đang tu học cũng có giáo hóa chúng sanh, gặp được có duyên thì họ độ. Mà những vị Bồ Tát này, đều có năng lực thân phận, đều có năng lực hóa thân. Có thể hóa vô lượng vô biên thân. Nên cần phải rời xa cư gia, điều này phải chú ý đến, chính là rời bỏ bất tịnh. Cư gia nên dùng ý nghĩa là bất tịnh, rất viên mãn, rời bỏ tất cả nhiễm trước. Đại thừa kinh giáo thường dạy: rời bỏ phân biệt chấp trước, thật sự làm được không phân biệt, không chấp trước, vậy là đúng rồi.

“Cố tri xuất gia vi Tịnh độ chánh nhân, dĩ viễn ly bất tịnh”, chú trọng ở câu sau, viễn ly bất tịnh, đây là nguyên nhân chính của Tịnh độ, cũng chính là điều kiện quan trọng nhất để vãng sanh thế giới Cực Lạc.

“Đường Hải Đông Nguyên Hiểu sư, ư Du Tâm An Lạc Đạo viết: Vô Lượng Thọ Kinh, thuyết tam bối nhân. Thượng bối chi trung thuyết hữu ngũ cú”. Hải Đông thời nhà Đường, bây giờ là Hàn Quốc, Cao Ly (Triều Tiên). Nguyên Hiểu pháp sư, người Hàn Quốc, ngài du học ở Trung Quốc thân cận Thiện Đạo đại sư. Sau khi về nước đem Tịnh độ tông truyền đến Hàn Quốc, là sơ tổ tịnh tông của Hàn Quốc.

Du Tâm An Lạc Đạo, bộ sách này là trước tác của ngài, trong sách này ngài viết: Kinh Vô Lượng Thọ nói nhân của tam bối. Trong thượng bối nói có năm câu: Thứ nhất: từ bỏ gia đình xa lìa dục lạc để làm sa môn, ở đây hiển bày ra phương tiện chánh nhân, chú trọng ở phương tiện. Thực sự ở thời đại đó, chúng ta biết được thời đại Tùy Đường là thời kỳ hoàng kim của Phật giáo Trung Quốc. Đường Thái Tông hoàng đế với mấy vị cao tông sau này, cho đến Võ Tắc Thiên, trung tông, đều là hộ trì Phật pháp. Trong lịch sử Trung Quốc, Phật giáo thời đại này là hưng thịnh nhất, họ hộ pháp rất đắc lực.

Đạo tràng lúc đó tốt, chân tu. Mười tông phái Phật giáo Trung Quốc, đều trước sau thành lập vào thời đại đó. Tám tông của đại thừa, hai tông của tiểu thừa, đều có tổ sư đại đức chỉ đạo, người thành tựu quá nhiều, lúc đó xuất gia tu đạo thật sự là tốt.

Hai là: phát tâm bồ đề, là minh chánh nhân. Quý vị thấy, xuất gia tìm được một môi trường tu học tốt, đây là phương tiện. Có phương tiện tốt tâm bồ đề mới chân chính phát ra được, tâm bồ đề. Những gì chúng ta nói dễ hiểu hơn so với tổ sư đại đức ngày xưa, bồ đề tâm là chân tâm, chân tâm chính là chân thành. Ấn Quang đại sự ngài thường nói thành kính, một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, không có tâm thành kính, Phật đến dạy quý vị, quý vị cũng không được lợi ích, vì sao? Không tương ưng. Âm thanh văn tự của chư Phật Bồ Tát, đều là từ trong tự tánh chảy ra, chân tâm lưu lộ. Quý vị không phải chân tâm, không tương ưng. Quý vị nghe xong giải thích ý nghĩa sai, đây không phải ý nghĩa của Phật là ý nghĩa của chính quý vị. Nếu là chân tâm, quý vị thật hiểu được ý nghĩa của Phật, thật hiểu được ý nghĩa của Phật thì quý vị khai ngộ rồi. Nghe kinh một lần là đại triệt đại ngộ.

Cũng là ở thời nhà Đường, Huệ Năng đại sư đã làm một tấm gương cho chúng ta, chúng ta đọc kinh một nghìn lần không khai ngộ, nghe mấy trăm lần cũng không khai ngộ, là nguyên nhân nào? Không dùng chân tâm. Nhưng vì sao Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa từng đến giảng đường ngày nào, cũng chưa từng đến thiền đường ngày nào, một ngày cũng chưa từng đến. Ngũ tổ Hoằng Nhẫn phân phối công việc cho ngài, là ở trong nhà bếp xay gạo chẻ củi, ngài là tiều phu làm nghề củ của mình. Cho nên ngài ở Hoàng Mai đã tám tháng, chưa từng đến giảng đường, chưa từng đến thiền đường.

Ở trên thực tế mà nói, ngài là một nghĩa công trong chùa, thân phận như vậy, nhưng sau cùng Ngũ Tổ truyền y bát cho ngài, đây là việc ngoài dự liệu của mọi người. Chỉ là một ngày sau cùng đó Ngũ Tổ gọi gặp ngài, canh ba nữa đêm, ở trong phòng của phương trượng, không có ai nghe được, không có ai biết được, nói đại ý Kinh Kim Cang với ngài. Chúng ta dự nhiều nhất là khoảng hơn hai giờ đồng hồ, giảng đến “ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”. Khoảng một phần ba, cũng có lẽ còn chưa đến, thì ngài đại triệt đại ngộ, ngài đã hiểu rõ, y bát của Ngũ Tổ đem truyền cho ngài, vì sao?

Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang cho ngài là chân tâm lưu lộ, Huệ Năng đại sư nghe kinh là thành kính để nghe, tôi thường nói vạn phần thành kính thì quý vị được vạn phần lợi ích. Ấn Tổ nói: một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính không phải đã được mười phần lợi ích rồi sao? Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, nghìn phần thành kính được nghìn phần lợi ích, vạn phần thành kính ngài đạt được tối đa, Huệ Năng đại sư là đạt được tối đa. Vừa nghe thì thế nào? Đã thành Phật, thực sự đã minh tâm kiến tánh.

Liền đem nghe kinh tâm đắc trình bày với thầy, trình bày cho ngũ tổ Hoằng Nhẫn 5 câu: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh bốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn không dao động. Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.

Nói đến ở đây, lão hòa thượng nói, được rồi, không cần nói nữa, truyền y bát cho ngài bảo ngài nhanh chóng rời đi. Vì sao vậy? Sợ người khác đố kị, người khác sẽ hại ngài, bảo ngài lẫn tránh đi. Lẫn tránh ở trong đội thợ săn 15 năm, đại khái bên ngoài đã việc này quên hết rồi, 15 năm, quên hết rồi, ngài liền xuất hiện. Thiền tông lớn mạnh lên rất nhiều, đây là gì? Vạn phần tôn kính, một chút cũng không thiệt thòi, chúng ta ngày nay nghe kinh học giáo lí không có tâm cung kính nhiều như vậy. Cho nên đọc kinh đều đã hiểu sai ý nghĩa của kinh, không phải ý nghĩa của Phật là ý nghĩa của mình. Nghe kinh cũng vậy, không nghe được cái thật chất, tất cả đều là ý nghĩa của mình đang giải thích giáo huấn của Phật Bồ Tát, đều đã làm sai.

Ngày nay khó khăn nhất của Phật giáo, khó ở chổ nào? khó ở chỗ không có tâm cung kính, không có tâm cung kính Phật Bồ Tát đến dạy cũng dạy không được, khó ở chổ này. Lúc xưa có một chút tâm cung kính, đó là cái gì? Từ nhỏ dạy dỗ mà có. Thời đại của tôi, nhờ được chút ánh sáng, được chút ánh sáng là gì? Sinh ra ở nông thôn, nếu như sinh ra ở đô thị thì cũng không có, thành kính này không học được nữa. Nhưng ở nông thôn, nông thôn còn rất cổ hủ, quý vị có một số người từ nông thôn đến, quê hương chúng tôi là nơi khởi nguồn của phái Đồng Thành, cho nên ở hai triều đại Minh Thanh văn phong rất thạnh. Trẻ con ở nông thôn đều đi học, tư thục, quên hương chúng tôi tư thục rất nhiều.

Tôi 6,7 tuổi đã đi học tư thục, tôi nhớ thời gian rất ngắn, đại khái chỉ có một năm, thì đổi thành trường học ngắn hạn, do chính phủ tổ chức. Giáo trình trong trường học ngắn hạn, không còn học cổ thư, đổi thành cái gì mà con chó kiêu, con mèo nhảy, đổi thành giáo trình như vậy, thực sự hỏng rồi. Nhưng cũng may là còn chút ấn tượng, đối với cha mẹ không có không hiếu thuận, đối với anh em không có không thương yêu, đối với tôn trưởng không có không cung kính, đây là chúng tôi từ nhở dưỡng thành.

Tôi học tư thục, tư thục tuy không lớn, ở từ đường, trong nhà bà con của tôi, Vương Thị tông từ, bây giờ từ đường cũng không còn nữa. Ngày vào tư thục được bái thầy, Cha tôi mang theo lễ vậy cúng dường thầy, người nông thôn, mang một chút lễ vật, vào học đường, ở đại điện. Đại điện đó trên thực tế là đại điện của tế lễ tổ tiên, trong đó cúng một bài vị, mấy chữ đó tôi đọc được: “đại thành chí thánh tiên sư chi thần vị”, một bài vị rất lớn cúng ở trong đó. Cha tôi ở phía trước, tôi theo sau, thầy giáo ngồi ở bên cạnh, bạn học đứng ở hai bên. Cha tôi dẫn tôi đối với Khổng Lão Phu Tư hành lễ ba quỳ chín lạy, hành đại lễ.

Sau khi bái xong mời thầy giáo lên ngồi, thầy giáo ngồi ở dưới bài vị của Khổng Phu Tử. Cha tôi dẫn tôi hướng về thầy giáo hành lễ ba quỳ chín lạy, chúng tôi mới hiểu được tôn sư trọng đạo, cha tôi đối với thầy giáo quỳ ở dưới đất ba quỳ chín lạy. Dám không nghe lời thầy không? Không dám không nghe, đây là cha với thầy giáo trình diễn, dạy cái gì? Dạy chúng ta tôn sư trọng đạo, tôn sư trọng đạo học được từ đây, không phải giảng cho chúng ta nghe. Thầy giáo với cha trình diễn cho chúng tôi xem, bạn bè đứng hai bên, xem lễ. Mỗi học sinh lúc đi vào đều hành đại lễ như vậy, cho nên chúng tôi tôn kính đối với thầy giáo, suốt đời đều không thể quên được.

Đời này tôi học Phật, được sự chiếu cố của chư vị giáo sư, đích thực rất lợi ích. Một lần ở từ đường đó lễ bái ba quỳ chín lạy, chính là sự việc này, nếu như đối với thầy giáo không có tâm cung kính này, thầy giáo làm sao có thể chiếu cố quý vị? Đâu có đạo lí này? Là điều không thể.

Tôi với Phương Đông Mỹ tiên sinh không quen biết, không ai giới thiệu, chỉ nghe nói ông là người Đồng Thành, Đồng Thành cách nhà tôi không xa, là đồng hương. Không quen, rất mạo muội viết một bức thư gửi ông, nhưng thư của tôi là viết bằng thể văn cổ, dùng bút long viết chữ khải chân phương, cung cung kính kính.

Thầy giáo nhận được thư của tôi, một tuần thì hồi âm hẹn tôi gặp ở nhà ông, tôi đến nhà của ông, đương nhiên lễ phép cũng rất chu đáo. Ông xem cái gì? Ông xem cái này, chúng tôi sau này từ từ đã hiểu được, thái độ cung kính này của học sinh đối với thầy quá ít, có thể ông không thấy được, thấy được một mình tôi, thì đã làm bảo bối, đã đặt biệt chiếu cố. Tôi viết thư cầu mong, chỉ là hy vọng có thể đến trường nghe bài giảng của ông, chỉ vậy mà thôi.

Ông không để tôi đến trường học, mở lớp ở trong nhà, mỗi ngày chủ nhật, hai giờ đồng hồ, học sinh chỉ một mình tôi, một thầy một trò. Mỗi tuần hai giờ học, tôi đã học được như vậy. Ông vì sao phải bỏ ra thời gian, đặt biệt bỏ ra thời gian để dạy tôi? Thành kính, tôn sư trọng đạo. Tôi muốn học, hiếu học, không làm tôi mãn nguyện, như vậy ông có lỗi với tôi. Phàm là người thật sự có học thuật, đều hy vọng có truyền nhân truyền thừa đạo nghiệp của minh.

Người xưa thường nói: “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại (bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất)”, làm thầy giáo không có người truyền thừa là thất bại. Một đời không tìm được học sinh truyền thừa, vậy làm thế nào? Viết sách, dùng chữ nghĩa truyền đi, hi vọng hậu nhân có duyên có thể đọc được sách của họ, là nguyên nhân như vậy.

Tôi gặp Chương Gia đại sư, đó là có người giới thiệu. Chương Gia đại sư hẹn với tôi một tuần một lần, giống như Phương Đông Mỹ tiên sinh vậy, hai giờ đồng hồ. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, sau khi đại sư viên tịch, một năm sau tôi quen thầy Lý.

Thầy Lý, là Chu Kính Vũ lão cư sĩ giới thiệu, tôi theo ông 10 năm, học kinh giáo, học đại thừa. Đặt biệt chiếu cố không có gìkhác, chính là sáu, bảy tuổi ở từ đường thấy cha mẹ đem tôi lạy ba lạy, là học được từ đó, một đời vĩnh viễn không thể quên được. Nếu như không có duyên này, nhiều nhất thì thầy giáo nói, được thôi! Tôi lên lớp em đến dự thính cũng được, chứ không đơn độc dạy cho quý vị. Cho nên tất cả pháp từ trong cung kính cầu được, quý vị có thể được bao nhiêu chính là xem quý vị có bao nhiêu tâm cung kính, đây là điều tất nhiên. Không có tâm cung kính Phật Bồ Tát giảng kinh nói pháp cho quý vị, quý vị cũng không nghe được, cũng không nghe hiểu. Biểu hiện cung kính chưa đủ, không đạt được gì, phải chân thành. Đây là chân thành của tâm bồ đề, chính là chánh nhân.

Thứ ba: chuyên niệm Phật này, đây là nói tu quán, làm thật. Quán là gì? Nói như hiện nay chính là quan niệm, quý vị có rất nhiều quan niệm sai lầm, đem quan niệm sai lầm sửa cho đúng đây gọi là tu quán. Như vậy mọi người đã dễ hiểu, xã hội ngày nay rất rắc rối, rắc rối ở chổ nào? Quan niệm sai lầm phổ biến, coi quan niệm sai lầm cho là đúng, ngược lại cho quan niệm đúng đắn cho là sai lầm. Điều này rắc rối quá lớn, điều này đã dẫn đến thiên tai. Còn đối với mình mà nói, mang theo bệnh tật, thân tâm không khỏe mạnh. Đối với hoàn cảnh để nói là mang theo tai nạn. Người học Phật này hiểu điều này, đặt biệt là học đại thừa, cảnh tùy tâm chuyển, núi sông đại địa là tùy theo ý nghĩ của chúng ta mà chuyển. Ý nghĩ của chúng ta tốt, thì núi sông đại địa tốt, ý nghĩ không tốt, thì khuyết điểm của núi sông đại địa liền hiện ra.

Trong Kinh Lăng Nghiêm bảo với chúng ta, tâm tham, tâm tham nặng, xã hội đại chúng đều tham tâm, nên chiêu cảm lấy thủy tai. Sân nhuế chiêu cảm lấy hỏa tai, núi lửa phun trào, trái đất nóng dần lên. Ngu si cảm được phong tai, ngạo mạn cảm được là động đất, hoài nghi cảm được là đại địa lỏng lẻo không kiên cố. Núi sẽ đổ xuống, mặt đất sẽ chìm xuống, đây là hoài nghi. Những tai hại do hoài nghi chiêu cảm ra, không thể xem nhẹ nó rất nghiêm trọng, điều này chúng ta không thể không biết.

Tín tâm kiên định, đại địa sẽ kiên cố, thì sẽ không xảy ra sự cố. Người ngày nay không có tín tâm, cho nên vấn đề đã bày ra. Quý vị thực sự siêng năng học tập và nghiên cứu Phật pháp đại thừa, quý vị biết xã hội ngày nay vì sao biến thành như vậy? Dùng cách nào đế cải sửa nó? Được, có phương pháp, không phải không có cách.

Phật từ lâu đã nói qua: trừ bỏ tham sân si, siêng tu giới định tuệ, thì vấn đề đã giải quyết được. Câu này là một câu năm chữ, chúng ta nên hiểu được “siêng tu giới định tuệ”, giới định tuệ là sửa đổi tất cả quan niệm không tốt. “Trừ bỏ tham sân si” phía sau tham sân si còn có mạn, nghi, tất cả đều trừ bỏ. Thân tâm của chúng ta hồi phục lại bình thường, núi sông đại địa cũng hồi phục lại bình thường, bình thường là khỏe mạnh nhất, bình thường không có bệnh tật.

Thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học đến chỗ này.

Hết tập 393

# Tập 394

Chuyễn ngữ: Nguyên Thanh

Biên tập: Nguyên Tâm

Giảng ngày:4.5.2011

Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_Hong Kong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin an tọa. Mời quý vị xem "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải" trang 489, chúng ta bắt đầu xem từ hàng thứ hai:

“Đường Hải Đông Nguyên Hiểu sư ư Du Tâm An Lạc Đạo viết: Vô Lượng Thọ Kinh, thuyết tâm bối nhân. Thượng bối chi trung thuyết hữu ngũ câu. Nhất giả xã gia ly dục nhi tác sa môn, thử hiển phát khởi chánh nhân phương tiện. Nhị giả phát bồ đề tâm, thị minh chánh nhân”. Buổi học trước chúng ta học đến chổ này. Chúng ta xem tiếp dưới đây:

“Tam giả chuyên tâm niệm bỉ Phật, thị minh tu quán”. “Quán” này tức là niệm, thông thường chúng ta nói là quan niệm, quan niệm của phàm phu lục đạo chúng ta đã sai. Thấy sai, niệm cũng sai, trong quan niệm đều không biết được thật tướng của các pháp, không hiểu được chân tướng của tất cả các pháp. Quan niệm sai lầm đầu tiên, là chấp trước thân này là ta, từ chổ sai này nên sai đến cuối cùng, tất cả đều sai.

Ở trong kinh luận, đâu đâu Phật cũng dạy chúng ta, thân này không phải là ta, tu hành phải bắt đầu từ sự phá chấp. Nếu thật sự hiểu được thân này không phải là ta, cũng chính là thật sự hiểu được thân này không phải là ta, thì chúng ta sẽ không vì thân này mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, để chiêu cảm khổ báo trong địa ngục tam đồ, thật là oan uổng. Chúng ta không thể trách người khác, mà là trách quan niệm sai lầm của chúng ta, cho nên phải sửa đổi quan niệm này lại. Phải tin lời Phật dạy là đúng, nhất định không được hoài nghi Phật Bồ Tát, hoài nghi kinh điển, hoài nghi là chúng ta đã sai lầm rất lớn.

Nhưng chúng ta xem thử thế gian này, xem thử chúng sanh trong lục đạo, ai không chấp trước thân này là ta? Tất cả đều chấp trước như vậy. Bây giờ chúng ta đã biết hoàn toàn sai, nếu họ sửa đổi lại quan niệm này, thì họ không ở trong lục đạo, thì họ đã vượt thoát lục đạo. Sở dĩ rơi vào trong lục đạo, là do sự sai lầm này, điều này chúng ta không thể không biết, không được không biết được.

Thân là gì? thân là sở hữu của ta, ví như nói là của ta, là sở hữu của ta, không phải là ta. Như áo quần, mọi người đều biết áo quần không phải là ta, áo quần là của ta, áo quần của ta, áo quần không phải là ta. Thân này có sanh tử, quý vị phải biết, ta không có sanh tử, cái gì gọi là ta? Rất nhiều người cho rằng linh hồn là ta, linh hồn không chết, thân chết rồi, nhưng linh hồn vẫn còn.

Quý vị thử xem trong quyển sách này viết, Khởi Tát Quân Đoàn Đông Chánh Trung Quốc Chi Mê, đây là một quân đội cổ La Mã, rất hùng mạnh, có hơn 10 vạn người, tất cả đều chết ở Trung Quốc. 2 ngàn 1 trăm năm trước, linh hồn của họ bây giờ vẫn còn rất vất vưởng, đã nhập vào một phụ nữ ở Cam Túc, họ đem câu chuyện 2 ngàn 1 trăm năm trước, kể ra rất rõ ràng, rất ràng mạch, họ không chết. Hiện tại bản thân họ đã biết sai rồi, thật sự sai rồi, họ chịu quá nhiều khổ nạn, làm du hồn trong quỷ đạo, tức là cô hồn dã quỷ, không có nơi nương tựa, lưu lạc khắp nơi, không có gì để ăn. Trong bộ sách này viết rất hay, cuối cùng gặp được một vị Bồ Tát đến giúp đở họ, chúng tôi nghĩ rằng vị Bồ Tát này chắc là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Bây giờ nhóm quỷ này đều học Phật, nghe nói một số người được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, họ niệm Phật, biết được pháp môn Tịnh Độ, biết được Phật A Di Đà.

Linh hồn có phải là ta chăng? Trong kinh Phật dạy rằng, linh hồn là một cái ta điên đảo mê hoặc, không thể nói nó không phải là ta, nhưng nó bị mê hoặc, nó không có trí huệ. Có trí huệ thì sẽ không mê hoặc, thì sẽ không đầu thai vào trong lục đạo, rồi làm chuyện oan oan tương báo, không làm những chuyện ngu ngốc như vậy. Trong Phật pháp nói linh tánh là ta. Linh hồn đã giác ngộ, thì không gọi là linh hồn nữa, mà gọi là linh tánh, linh tánh là ta, linh tánh bất sanh bất diệt.

Đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, tánh đó hình dạng như thế nào? Ngài trình với hòa thượng Hoằng Nhẫn rằng, thứ nhất, tánh là thanh tịnh, xưa nay không nhiễm ô, vĩnh viễn không ô nhiễm.

Hôm nay chúng ta nói nhiểm ô, ở sau kinh Phật có chữ “nhiểm ô ý”, tức là nói A lại da, Mạt na, ý thức đều có nhiểm ô, linh tánh không nhiểm ô. Linh tánh là chân tâm, là cái ta chân thật. A lại da là giả, là vọng tâm, là cái ta giả chứ không phải cái ta chân thật, cho nên quan niệm này rất quan trọng.

Bây giờ chúng ta phải trở về với chánh niệm, tìm ra cái ta chân thật, phải dùng phương pháp gì? phương pháp của Tịnh tông vô cùng mầu nhiệm, là chuyên niệm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là ai? Trong kinh nói, ở thế giới Tây phương có một đức Phật, gọi là Phật A Di Đà. Có phải là thật chăng? Là thật, chắc chắn không phải là giả. Nếu từ trên lý mà nói, từ tự tánh mà nói, thì Phật A Di Đà chính là ta, ta chính là Phật A Di Đà. Câu danh hiệu Phật A Di Đà này hoàn toàn là tiếng Phạn\_ tiếng Ấn Độ. Nếu dịch thành tiếng Trung Quốc, thì quý vị đã hiểu rõ rồi, A dịch là vô, Di Dà dịch là lượng, Phật dịch là giác, hoàn toàn chiếu theo chữ Trung Quốc để dịch, danh hiệu này nghĩa là Vô Lượng Giác, Vô Lượng Giác là gì? Vô Lượng Giác là tự tánh.

Trong kinh Pháp Hoa Thế Tôn dạy chúng ta rằng: Hết thay chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, đó là Vô Lượng Giác. Nói cách khác, tất cả thông hiệu của chư Phật, danh hiệu chung của chư Phật gọi là Phật A Di Đà. Không có đức Phật nào không phải là Phật A Di Đà, là Vô Lượng Giác! Chúng ta cũng là Vô Lượng Giác, hiện tại chúng ta bị mê mờ, chúng ta là Phật A Di Đà mê hoặc điên đảo. Ở thế giới Tây phương Cực Lạc là Phật A Di Đà giác ngộ, là một không phải là hai, chúng sanh và Phật không hai, tánh tướng nhất thể, đây là nói thật với quý vị, không chút giả dối. Cho nên bản thân chúng ta phải hiểu rõ, mình phải trân quý, hy vọng trong đời này bỏ vọng về chân, trong đời này của chúng ta nhất định phải phát tâm làm Phật.

Ở trước bản kinh nói về A Xà Vương tử, quý vị thấy rất dễ thương. Nhóm người trẻ tuổi của A Xà vương tử, nghe Phật nói về thế giới Tây phương Cực Lạc, giới thiệu về Phật A Di Đà, họ liền phát tâm, mỗi người đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực lạc thành Phật, giống như Phật A Di Đà không khác. Khởi tâm động niệm của nhóm thanh niên này chưa nói thành lời, Phật Thích Ca Mâu Ni đã biết rồi, Ngài có tha tâm thông nên biết, Phật khen ngợi họ, thọ ký cho họ.

Hôm nay ở đây chúng ta phát tâm, Phật A Di Đà đã biết, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng biết, Ngài cũng thọ ký cho chúng ta. Bản thân chúng ta mê hoặc điên đảo, trong vọng tâm đầy dẩy vọng tưởng phân biệt chấp trước, cho nên tuy Phật tán thán chúng ta, thọ ký cho chúng ta, nhưng chúng ta cũng không cảm nhận được. Chúng ta biết Phật nhất định tán thán, nhất định thọ ký cho chúng ta, điều này chúng ta không nên hoài nghi. Chỉ là nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, nên không cảm nhận được mà thôi. Cho nên tu quán là chân tu, tu hành chân thật.

“Tứ giả tác chư công đức, thị chư khởi hành. Thử quán cập hành tức vi trợ nghiệp”, đây là lời của sư Nguyên Hiểu. “Tác chư công đức”, phàm là việc tốt thì nên làm, việc gì gọi là tốt? Là việc lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh nhất định phải nghĩ đến, hiện tiền chúng sanh được lợi ích, tương lai cũng được lợi ích, kiếp sau cũng được lợi ích, đây gọi là lợi ích chân thật.

Nếu như chỉ lợi trước mắt, nhưng kiếp sau không được lợi ích, thì đó là lợi ích không chân thật. Ví dụ hôm nay quý vị được giàu có, đó là kiếp này, quý vị được mấy trăm ức, mấy ngàn ức, bây giờ có thể hưởng thụ, nhưng chết rồi một đồng cũng không mang theo được, nói không chừng kiếp sau còn phải đọa lạc. Hiện tại được lợi ích, nhưng kiếp sau không được lợi ích, thì đó là giả, không phải lợi ích chân thật.

Chư Phật Bồ Tát cho chúng sanh lợi ích, các Ngài không phải cho quý vị lợi ích trong kiếp này, trên thực tế là thật sự cho quý vị lợi ích. Nhục thân của đời này có thể ăn no mặc ấm, sống qua ngày tháng là được rồi, quý vị còn muốn nhiều thêm nữa để làm gì? Không cần nhiều. Đời này phải quan tâm đến lợi ích lớn cho đời sau kiếp sau, giúp quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Ở thế giới Cực Lạc một kiếp thì thành Phật viên mãn, đây là lợi ích rốt ráo viên mãn, điều này cần phải biết.

Trong kiếp này, tuy cuộc sống có chút khổ, Phật thường dạy chúng ta “lấy khổ làm thầy”, vì sao? Bởi cuộc sống có khổ, thì quý vị mới không lưu luyến gì ở thế gian này. Nếu như cuộc sống quá sung sướng, thì quý vị sẽ lưu luyến chốn này, không muốn đến thế giới Cực Lạc, vậy là quý vị sai rồi. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni làm gương cho chúng ta, Ngài buông bỏ tất cả cuộc sống vật chất. Tất cả tài sản của Phật Thích Ca Mâu Ni đều ở trên thân, có bao nhiêu thứ? 3 y một bình bát, đó là toàn bộ tài sản của Ngài, trừ những thứ này ra Ngài không có gì cả.

Ăn thì đi khất thực, tối ngủ dưới gốc cây, không phải sống một hai ngày, một năm hai năm, không phải như vậy, Ngài sống suốt cuộc đời như vậy. Từ lúc19 tuổi rời khỏi gia đình đi xuất gia, Ngài đều sống cuộc sống như vậy, 79 tuổi viên tịch, làm một tấm gương tốt nhất cho chúng ta, không có gì cả.

Vậy ngài làm các công đức, ngài làm công đức gì? Ngày ngày giảng kinh dạy học chính là Ngài làm công đức, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, công đức rất lớn! Mục đích là gì? mục đích là giúp chúng sanh thoát khổ được vui. Khổ do đâu mà có? là từ mê hoặc điên đảo mà có. Vui từ đâu mà có? vui là từ giác ngộ chân chánh mà có. Giúp chúng sanh thoát khổ được vui, đó là dạy học, mục đích dạy học là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, đây gọi là Phật sự. Trong kinh Phật nói Phật sự, thì đây gọi là Phật sự, việc mà Phật làm. Sự nghiệp của Phật, chính là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này quý vị cần phải biết.

“Nguyên Hiểu sư dĩ niệm Phật vi trợ nghiệp”, quán, hành đều thuộc về trợ nghiệp. “Thử thuyết vị uẩn”, tức là không thỏa đáng. “Tiền dĩ ư minh tống chương biện chi”, chổ này không cần nói nhiều nữa. Các bậc đại đức ngày xưa, như đại sư Liên Trì nói, niệm Phật là chánh nhân, chánh trợ song tu, đây là chánh tu. Còn trợ tu thì sao? Trợ tu cũng là niệm Phật, chánh trợ đều là niệm Phật. Phân biệt chánh và trợ như thế nào? Chánh là định khóa, khóa là thời khóa tụng sáng và tối, khóa là định cho mỗi ngày, quy định chúng ta nhất định phải niệm bao nhiêu biến, đây là định khóa. Ngoài định khóa ra, thì bất cứ lúc nào, bất cứ chổ nào đều niệm Phật. Nếu có việc phải suy nghĩ, thì quý vị dừng niệm Phật để xử lý công việc; xử lý công việc rồi thì niệm Phật tiếp, đây gọi là tán khóa, tức là trợ niệm. Chánh và trợ đều là niệm Phật, mới gọi là nhất hướng chuyên niệm. Chữ nhất này là nhất tâm chuyên niệm, cũng có thể nói là một phương hướng chuyên niệm.

Cuộc đời của tôi đi con đường này là thế giới Tây Phương Cực Lạc, mục tiêu của tôi là thân cận Phật A Di Đà, ngoài điều này ra tôi hoàn toàn buông bỏ. Không còn phân biệt, không còn chấp trước nữa, điều này là đúng. Trong kiếp này người này nhất định được vãng sanh, chẳng có ai không vãng sanh.

Điều cuối cùng là, “ngũ giả nguyện sanh bỉ quốc”, tất cả có năm điều, điều cuối cùng này là nguyện, bốn điều trước là hạnh. “Hạnh nguyện hòa hợp, nãi đắc sanh cố”, thì chắc chắn được vãng sanh. Sư Nguyên Hiểu nói rất hay, Nguyên Hiểu là người triều đại nhà Đường, Hải Đông là Hàn Quốc bây giờ, lúc đó sư đến Trung Quốc du học và thân gần đại sư Thiện Đạo.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây: “Thượng”, thượng là nói ở trên, đoạn ở trên. “Khởi Tín Luận”, Khởi Tín luận là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, không phải Đại Thừa Khởi Tín Luận, là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, do Bành Tế Thanh trước tác:“Dĩ xuất gia vi Tịnh Độ chánh nhân”, đây là trong Khởi Tín Luận này nói: “Nguyên Hiểu sư dĩ xuất gia vi hiển phát chánh nhân chi phương tiện”.

Hai loại kiến giải có đại thể tương đồng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói “hậu thuyết giảo uẩn”. Thuyết của Sư Nguyên Hiểu hình như thỏa đáng hơn một chút, nói càng hay hơn, lấy việc xuất gia làm phương tiện hiển phát chánh nhân. “Nhược kiêm cứu Quán Kinh”, chúng ta tham khảo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh\_Trong Quán Kinh, thượng tam phẩm không nói xuất gia, thượng phẩm trung sanh có tu hành các giới. Trong trung phẩm trung sanh có nói, nếu trì giới Sa Di một ngày một đêm, nếu trì giới cụ túc một ngày một đêm. Cái Kinh chính là Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong chín phẩm, duy có hai phẩm này đích thực chỉ xuất gia.Có văn tự này, ngoài ra trong trong bảy không nói đến xuất gia.

Cho nên cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, sư Nguyên Hiểu lấy việc xuất gia làm hiển phát phương tiện chánh nhân, ông nói câu này rất thỏa đáng. “Đãn bổn kinh phản chi”. Trong Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh nói hoàn toàn trái ngược, vì sao? Quán Kinh có chín phẩm, ba phẩm trước là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, tương đương với thượng bối trong Vô Lượng Thọ Kinh nói. Thượng bối của Vô Lượng Thọ Kinh là nói đến xuất gia, ba phẩm trên của Quán kinh không nói đến xuất gia, trung bối mới nói đến xuất gia. Trung bối thì sao? bổn kinh của chúng ta, “trung bối tắc vị bất năng hành tác sa môn”, tức là không xuất gia. Cho nên trong Vô Lượng Thọ kinh nói, và trong Quán kinh nói không giống nhau.

Phía dưới là giải thích, Cơ duyên chúng sanh vô cùng khác nhau, nhân địa tuu hành cũng vạn lần sai biệt, chúng ta thường nói là thiên sai vạn biệt. Người người sai khác, mỗi một bất đồng,“khái quát nhi thô phân bối phẩm, lược hiển vị thứ”. Điều này nhất định phải hiểu, Phật chỉ nói khái quát chung chung, không nói rõ, nói sơ lược vị thứ. Trộm nghĩ, chữ trộm này là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kiêm tốn, tức là tôi nghĩ “tùy bệnh cho thuốc, tùy cơ thuyết pháp”.

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài giảng kinh dạy học cũng có đối tượng, Quán Kinh là lây phu nhân Vi Đề Hi làm đối tượng. Giảng Vô Lượng Thọ kinh thì khác, đây là trong đại hội có 1 vạn 2 ngàn đại tỳ kheo, 5 trăm tỳ kheo ni, nhân duyên hoàn toàn khác với trường hợp trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phật tùy cơ nói pháp, căn cơ của thính chúng không giống nhau, nên Phật nói pháp khác nhau. Giống như bác sĩ chửa bệnh, họ bị bệnh gì thì cho thuốc đó.

“Cố vị khả câu ư nhất cách, tử ư câu hạ”, chúng ta hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của Phật thuyết pháp. Trong bài kệ khai kinh nói rất hay “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Tập khí của người phàm phu rất nặng, phải nghiên cứu, phải truy cứu từ gốc đến ngọn, thái độ này có chính xác chăng? không thể nói là không chính xác, cũng không thể nói hoàn toàn chính xác. Vì sao vậy? Chấp trước quá đáng thì biến thành chướng ngại, cẩu thả trái lại dễ dàng khai ngộ.

Gia Cát Lượng đọc sách, không cầu hiểu rõ, chỉ xem đại ý của nó, đây là phương pháp đọc sách của ông ta. Có người khi đọc sách nhất định phải truy tìm nguồn gốc, phải hiểu rõ ràng, minh bạch, họ có thật sự hiểu rõ không? Vấn đề rất lớn. Đến một giai đoạn tự cho là đã hiểu rõ ràng, minh bạch, thì họ không thể tiến lên phía trước được. Nếu như tiến lên phía trước, thì thật sự tất cả pháp sâu xa vô lượng.

Bất cứ một pháp nào, thật sự biết học, thiện học, là phải đắc định, là phải khai mở trí huệ, đây gọi là thiện học. Chấp trước cứng nhắc sẽ chướng ngại cho sự đắc định, phân biệt cũng chướng ngại cho sự đắc định, buông bỏ được phân biệt chấp trước thì rất dễ dàng nhập định. Trong định cảnh giới hiện tiền, tốt, bởi vì đó là cảnh giới hiện lượng, quý vị đích thân thấy được, quý vị đích thân tiếp xúc được, chẳng có pháp nào không thông hiểu thấu triệt.

Người xưa cầu học chú trọng ở sự khai ngộ, người nay cầu học chú trọng ở chổ học rộng biết nhiều, đi con đường không giống nhau. Người xưa có trí huệ, người nay có kiến thức, có tri thức, có tri thức nhưng không có trí huệ. Người xưa có trí huệ, trong trí huệ có tri thức, trong tri thức không có trí huệ, vì sao? Bởi tâm của trí huệ là thanh tịnh, tâm của tri thức là trôi nỗi, là nóng nảy, không giống nhau. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, không để lại di chứng, tri thức giải quyết vấn đề để lại một đại đội di chứng, rất đáng sợ.

Ngày xưa, người làm sự nghiệp lớn, tâm thanh tịnh, trí huệ quyết đoán, cho nên xử lý công việc rất tốt, rất thỏa đáng. Bây giờ không có, cho nên xã hội lộn xộn, việc gì cũng làm không tốt. Nghĩ thì rất tốt, rốt cuộc khi làm ra thì biến dạng, biến chất; trí huệ xử lý vĩnh viễn không biến đổi, đây là sự khác biệt giữa trí huệ và tri thức. Cho nên chúng ta học Phật phải học trí huệ, nhất định phải đạt định huệ, nhân giới đạt định, nhân định khai huệ. Giới là quy cũ, giữ quy cũ, không được bậy bạ, không được ý kiến khác người, tuân thủ người xưa, biện pháp xưa của Phật Bồ Tát. Biện pháp xưa này, thập phương tam thế nhất thiết chư Phật đều dùng phương pháp này để thành tựu, để đạt định khai huệ.

Hôm nay chúng ta nghĩ một phương pháp mới, không cần phương pháp cũ nữa, thử nghiệm phương pháp mới, thử nghiệm 1 trăm lần, 1 ngàn lần cũng có khuyết điểm. Như vậy chúng ta mới thật sự nghĩ đến người xưa rất giỏi, phương pháp của người xưa truyền cả ngàn năm, truyền vạn năm, vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn không có khuyết điểm. Quý vị không tuân thủ phương pháp của họ thì quý vị sẽ phát sanh khuyết điểm. Vì sao? Bởi phương pháp của người xưa là từ trong tự tánh phát ra, phương pháp của người xưa là trí huệ chân thật.

Như bộ kinh này của chúng ta nói ba điều chân thật, điều này rất tuyệt vời. Chân thật rốt ráo là nói về bổn tánh chân như, bộ kinh này là từ bổn tánh chân như phát ra, lại trở về bổn tánh chân như. Chân thật trí huệ, chân thật lợi ích, đây là ba loại chân thật. Nếu quý vị không tin, quý vị muốn ý kiến khác người, muốn nghĩ đến một phương pháp khác, nhưng nghĩ không ra, không có năng lực này. Nghĩ ra được cho rằng là phương pháp hay, và cứ theo vậy mà làm, khiến xảy ra điều tệ hại, xảy ra vấn đề, điều này quý vị không thể không biết.

Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, vẫn là người xưa đúng, điều này chẳng thể không khâm phục. Phương pháp xưa, ngàn năm vạn đời xã hội an định, nhân dân hạnh phúc, không có khuyết điểm. Những bậc cổ thánh tiên Hiền, người sanh thiên thì sanh thiên, người học Phật thì thành Phật, họ không ở trong ba đường ác.

“Thiết kế Vô Lượng Thọ hội thượng”, “thiết” là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khiêm tốn, tức là chúng ta tính xem trên pháp hội Vô Lượng Thọ: “A Nan đương cơ, tịnh hữu đại tỳ kheo vạn nhị thiên nhân, tỳ kheo ni ngũ bách nhân, như thị xuất gia đại đức, giai ưng thượng bối vãng sanh”. Không sai chút nào, khi Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn xuống những người nghe giảng kinh, Ngài khẳng định họ đều là thượng bối vãng sanh, thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Bản kinh này là đệ nhất kinh của Tịnh độ, điều này các đại đức xưa nay cùng khẳng định, Tịnh tông đệ nhất kinh.

“Sở thị nãi chánh tông điển phạm”, là điển hình mô phạm. “Xuất gia tu hành đắc thượng bối vãng sanh, nãi hợp thường tình”, đây là điều xứng đáng, khẳng định họ là thượng bối vãng sanh. “Phật cố khế thử nhân duyên, nhi thuyết thượng bối sanh giả, xuất gia khí dục, nhi tác sa môn”, cho nên Phật có câu nói này.

Đối với Quán Kinh, không giống với kinh này, “tắc đại dị ư thị”. Hoàn toàn không tương đồng với duyên của Vô Lượng Thọ kinh. Thính chúng, Phật nói Vô Lượng Thọ kinh, quý vị xem thính chúng: tỳ kheo xuất gia có 1 vạn 2 ngàn người, tỳ kheo ni 5 trăm người, pháp hội này rất thù thắng, rất trang nghiêm, có nhiều người xuất gia cùng ở một nơi như vậy.

Nhân duyên của Quán Kinh là phu nhân Vi Đề Hi, bà mang theo một tốp cung nữ của mình, là người tại gia. Phu nhân Vi Đề Hi gặp nạn, con trai bất hiếu phát khởi chính biến, muốn lật đổ chình quyền của cha để làm quốc vương, ông ta làm chính biến. Cho nên vị quốc vương này là cha, Vi Đề Hi là mẹ, gặp phải biến cố gia đình như vậy, khổ không kể xiết, ở trong trạng huống này bà cầu Phật Thích Ca Mâu Ni cứu bà.Lúc bấy giờ bên cạnh Phật chỉ có A Nan và Mục Kiền Liên, hai cánh tay đắc lực của Phật.

“Thích phạm chư thiên, hư không vũ hoa”, những vị thần hộ pháp tại không trung nhìn thấy phu nhân Vi Đề Hi cầu pháp, Thế Tôn khai thị cho bà, nên hoan hỷ rải hoa cúng dường. “Hội trung A Nan, Mục Liên vi đại quyền thị hiện chi tỳ kheo, chúng ta biết rằng, A nan và Mục Kiền Liên là đại Bồ Tát tái sanh. Mục Kiền Liên đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lên thuyền từ trở lại độ sanh. Ngài ở trong hội Đức Thích Ca hóa độ chúng sanh thị hiện làm đệ tử, biểu hiện là thần thông đệ nhất. Còn A Nan là biểu hiện đa văn đệ nhất, cho nên họ đã thị hiện.

“Dư vô xuất gia chi chúng. Ư thử hội thượng đương cơ văn pháp tịnh thượng bối vãng sanh giả, chủ yếu thị Vi Đề Hi phu nhân đẳng tại gia nhân”. Ở đây nói rất rõ ràng, Phật Thích Ca Mâu Ni tùy cơ thuyết pháp, tình hình của pháp hội Vô Lượng và pháp hội Quán Kinh hoàn toàn không giống nhau “Cố Phật ưng kỳ cơ duyên, ư thượng phẩm sanh trung giai vị ngôn xuất gia”. Không có người xuất gia, phu nhân Vi Đề Hi và các thị nữ, dẫn theo một số cung nữ, đều là những người tại gia, không có người xuất gia, cho nên không nói đến người xuất gia.

“Hựu Quán Kinh viết: Vi Đề Hi phu nhân dữ ngũ bách thị nữ”, đây là nói về số lượng người. Lúc nói Quán Kinh, thính chúng là phu nhân Vi Đề Hi dẫn theo 5 trăm cung nữ. “Văn Phật sở thuyết”, phu nhân và những cung nữ này nghe Phật thuyết pháp, “ưng thời tức kiến Cực Lạc thế giới quảng trường chi tướng”, tức là nhìn thấy thế giới Cực Lạc quảng đại trang nghiêm. “Đắc kiến Phật thân”, thấy được hiện thân của Phật A Di Đà, “cập nhị Bồ Tát”, nhị Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. Tâm sanh hoan hỷ, khen là việc chưa từng có, hoát nhiên đại ngộ, đãi vô sanh nhẫn. “Đãi” tức là đạt được, điều này quá tuyệt vời, đạt được vô sanh nhẫn. Đây là nói phu nhân Vi Đề Hi đạt được vô sanh nhẫn. Thông thường đạt được vô sanh nhẫn là thất địa Bồ Tát.

Trong Nhân Vương kinh nói, Nhân Vương kinh nói về 5 loại nhẫn, vô sanh nhẫn là Bồ Tát địa vị cao đạt đến, Bồ Tát thất địa là hạ phẩm vô sanh nhẫn, Bồ Tát bát địa là trung phẩm, Bồ Tát cửu địa là thượng phẩm, họ đạt được vô sanh nhẫn. Lên trên nữa gọi là tịch diệt nhẫn, thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt nhẫn, Đẳng Giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt nhẫn, Diệu Giác quả vị là Phật quả, đã thành Phật, thật sự đã thành Phật, thượng phẩm tịch diệt nhẫn, thanh tịnh tịch diệt. Cho nên vô sanh nhẫn là đại Bồ Tát, phu nhân Vi Đề Hi đã chứng được. 500 thị nữ đi theo bà, thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ không bằng phu nhân Vi Đề Hi. Như vậy cho thấy rằng, phu nhân Vi Đề Hi cũng là Bồ Tát tái sanh, không phải là phàm phu.

“Ngũ bách thị nữ, phát a nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc”. Đây là nói 5 trăm thị nữ thấy Phật nghe pháp, phát vô thượng bồ đề tâm, nguyện sanh thế giới Cực Lạc. “Thế Tôn tất ký”, tất ký, ký là thọ ký cho họ, thọ ký cho 5 trăm thị nữ này, “giai đương vãng sanh”, Phật nói với họ rằng, tương lai các ngươi đều được vãng sanh.

“Sanh bỉ quốc dĩ , hoạch đắc chư Phật hiện tiền tam muội, vô lượng chư thiên, phát vô thượng đạo tâm”. Sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị sẽ đạt được hiện tiền tam muội của chư Phật Bồ Tát, câu này là nói chung chung, vì sao? 500 người này căn tánh của họ không giống nhau, cho nên đắc tam muội cũng không giống nhau. Nhưng tất cả đều đắc tam muội, tam muội sâu cạn sai biệt không đồng.

Lúc bấy giờ vô lượng chư thiên, tức là chư thiên lúc trước rải hoa cúng dường. Chư thiên này nhìn thấy trạng huống như vậy cũng phát vô thượng đạo tâm, tâm vô thượng đạo là tâm bồ đề, họ cũng phát bồ đề tâm. Có thể thấy, trong hội Quán Kinh, chúng đương cơ đều là căn khí đại thừa. Thế Tôn giảng hội Quán Vô Lượng Phật kinh này, những thính chúng có duyên, 500 thị nữ đều là căn khí đại thừa, vì sao? Nghe đến pháp đại thừa họ tin được, hiểu được, hoan hỷ tiếp thọ, phát nguyện vãng sanh, đây là thuần căn khí đại thừa.

“Hựu giai thị tại gia phát tâm”, họ là những người không xuất gia, người xuất gia chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni và hai vị thị giả là A Nan và Mục Kiền Liên, ngoài hai vị này ra thính chúng đều là người tại gia, tại gia phát tâm. “Như thị chư nhân, định khả thượng bối vãng sanh”, chư nhân tức là không phải chỉ một mình phu nhân Vi Đề Hi, mà tất cả đều là thượng bối vãng sanh. Thượng bối vãng sanh có ba bậc, là thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, và thượng phẩm hạ sanh, họ đều ở trong ba phẩm này, ba phẩm trên.

“Thả Vi Đề Hi phu nhân ngộ vô sanh pháp nhẫn ư hiện thế, tất thị thượng phẩm thượng sanh Cực Lạc Phật độ”, lúc đó bà nghe rồi liền ngộ vô sanh pháp nhẫn, như thế nào gọi là vô sanh pháp nhẫn? Trước nói chữ nhẫn, chữ nhẫn ở đây là nói khẳng định, đồng ý lời Phật dạy tất cả pháp là bất sanh bất diệt, tức là vô sanh. Tất cả pháp vô sanh, vô sanh tức vô diệt, nhất thiết pháp bất sanh bất diệt, họ có thể thừa nhận, có thể tiếp thọ, không chút hoài nghi, đây gọi là vô sanh nhẫn. Cảnh giới này trong thiền tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Đại sư Huệ Năng khai ngộ là cảnh giới này, ở trong hội của ngũ tổ đắc vô sanh pháp nhẫn. Cho nên Ngài nói “nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đây chính là vô sanh pháp nhẫn, y bát của ngũ tổ lập tức truyền lại cho Ngài, trở thành vị tổ đời thứ 6.

Cho nên phu nhân Vi Đề Hi ngay hiện đời, hiện tiền ngộ vô sanh pháp nhẫn, đây không phải đến thế giới Cực Lạc, nghe Phật thuyết pháp bà liền đạt được. Cảnh giới hoàn toàn tương đồng với đại sư Huệ Năng nghe pháp ở ngũ tổ, bà vãng sanh thế giới Cực Lạc chắc chắn là thượng phẩm thượng sanh.

Vi Đề Hy và các phụ nữ tai gia, ngay đời này chứng vô sanh nhẫn, thượng phẩm vãng sanh, đủ để chứng thượng bối vãng sanh, không giới hạn ở chúng xuất gia. Ý nghĩa này đã giảng thông rồi, đã nói rõ ràng minh bạch rồi. Lại hiện rỏ diệu pháp của Tịnh độ tông, là phá trừ tất cả những quy củ, đều chứng được cứu cánh viên mãn, thật không thể nghĩ bàn. Tịnh tông vi diệu là ở chổ này, nó không giống với 8 vạn 4 ngàn pháp môn khác, quy cách của 8 vạn 4 ngàn pháp môn đó không tương đồng với Tịnh tông, Tịnh tông xác thực chí cực viên đốn, chí viên cực đốn, bất khả tư nghì.

“Hựu Báo Ân luận trung viết: Lưu Di Dân tam độ kiến Phật, y phú thủ ma, tự đương thượng phẩm, phi xuất gia dã”. Đây là vào thời đại Đông Tấn thân cận sơ tổ Huệ Viễn. Ở Trung Quốc, thời Đông Tấn đại sư Huệ Viễn kiến lập niệm Phật Đường sớm nhất ở Lô Sơn- niệm Phật đường Đông Lâm. Đây là đạo tràng đầu tiên của Tịnh độ tông ở Trung Quốc, bây giờ gọi là Đông Lâm tự.

Lưu Di Dân là một thành viên trong niệm Phật đường, cư sĩ tại gia, trong đó có xuất gia, có tại gia, 123 người, ở đây tu niệm Phật. Họ rất lợi hại, khi đã bước vào niệm Phật đường này là không muốn ra nữa, muốn ở đây vãng sanh.

Bên ngoài niệm Phật đường có một con suối nhỏ gọi là suối Hổ, dùng suối Hổ làm ranh giới, người chỉ được ở trong ranh giới, không ra ngoài ranh giới, mọi người đều phát tín tâm, quyết một lòng ở đây niệm Phật. Lúc bấy giờ chỉ có một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, A Di Đà kinh, chúng ta biết khi đó đã đến Trung Quốc rồi, nhưng chưa được dịch sang tiếng Trung, là tiếng Phạn, chưa được dịch ra. Cho nên Lô Sơn Đông Lâm Liên Xã chỉ có một bộ kinh, tức là Vô Lượng Thọ kinh.

Vô Lượng Thọ kinh được phiên dịch sớm nhất, thời đại hậu Hán đã được phiên dịch rồi, do ngài An Thế Cao dịch, nhưng quyển này đã thất truyền, trong mục lục của Tạng kinh có, nhưng quyển này không còn nữa. Lưu Di Dân ở trong niệm Phật Đường niệm Phật, ba lần thấy được Phật A Di Đà, y phục của Phật A Di Đà, Ngài khoác y cà sa, dùng y cà sa trùm lên ông ta, trùm lên thân thể của Lưu Di Dân, tay của Phật A Di Đà xoa đầu ông ta, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Ba lần thấy Phật, y trùm tay xoa, ông ta vãng sanh đương nhiên là thượng phẩm vãng sanh, không dám nói thượng phẩm thượng sanh, chắc chắn tại thượng bối, thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh, khẳng định ông ta là thượng bối, không phải người xuất gia, ông ta là tại gia.

“Nhi phàm Liên tông chư tổ, cập Duy Ma, Hiền Hộ đẳng, nhất thiết sào tố danh đức chi vãng sanh giả, khả liệt tri hĩ”. Đây là nói tổng quát, phàm là các vị tổ sư của Tịnh Độ tông, những vị tổ sư này là được mọi người công nhận. Tịnh Độ tông không có truyền pháp, các tông phái khác đều có truyền pháp, đời này truyền đến đời khác, có quyển pháp, chứng thư truyền lại, chỉ có Tịnh Độ tông không có.

Tổ sư của Tịnh Độ tông là do dân chọn, người thầy viên tịch, hậu nhân công nhận, họ có thể xưng là nhất đại tổ sư, nên đều không phải lúc sống. Sau khi chết mọi người mới tôn sùng, họ là đời tổ sư thứ mấy. Thế nên tổ sư của Tịnh tông là dân chọn, không phải truyền thừa từ đời này đến đời khác, không phải như vậy mà là do dân chọn. Là sau khi vãng sanh rồi người đời sau chọn, không phải ngay lúc đó.

Đời thứ hai tức là triều đại nhà Đường, quý vị xem từ Đông Tấn đến triều đại nhà Đường khoảng trong thời gian này không có người thứ hai, mọi người không chọn nữa. Triều đại nhà Đường lại xuất hiện một người, đó là Thiện Đạo, ngôn hạnh giáo huấn, những lời dạy, những gì đã truyền của ông hoàn toàn tương ưng với Vô Lượng Thọ kinh, A Di Đà kinh, hoặc Quán kinh, mọi người đều nói đây là tổ sư một đời. Quý vị thấy tổ sư của mỗi tông phái đều truyền đến mấy chục đời, đều là 5- 6 mươi đời. Tịnh Độ tông mới 13 đời, tức là 13 vị.

Cuối cùng là năm Dân Quốc, mọi người công nhận đại sư Ấn Quang là vị tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông. Những vị tổ sư này khẳng định thượng bối vãng sanh. Cùng như cư sĩ Duy Ma Cật lúc Phật còn tại thế,

“Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ”, ở trước kinh này nói, 16 vị chánh sĩ Bồ tát này đều là tại gia. “Nhất thiết sào tố danh đức chi vãng sanh giả, khả liệt tri hĩ”, chúng ta có thể tưởng tượng họ đều là thượng bối vãng sanh.

Dưới đây giới thiệu, “Tấn đại Lưu Di Dân, dữ Lô sơn Viễn công đồng hội niệm Phật giả dã. Vãng sanh tại Viễn công tiền”, ông ta vãng sanh trước Huệ Viễn đại sư. “Viễn công lâm chung, phương tùng định khởi. kiến A Di Đà Phật, thân mãn hư không. viên quang chi trung, hữu chư hóa Phật. Quan Âm Thế Chí, tả hữu thị lập”. Khi đại sư Huệ Viễn vãng sanh, Lưu Di Dân theo Phật đến nghinh đón, trong Liên Xã những người vãng sanh trước đều theo Phật đến. Sự ghi chép này tuyệt đối không phải là giả, tuyệt đối không phải lừa dối người, quý vị thấy khi đại sư Huệ Viễn vãng sanh, mới từ trong định dậy, đang nhập định, trong định xuất định thấy thân Phật A Di Đà đầy khắp hư không, đây là thật. Trong ánh hào quang có chư vị hóa Phật, Quan Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, đây là thấy được tượng Phật.

Tôi đã thấy một lần, không phải ở trong định, mà là trong mơ. Năm 79 tuổi tôi bị một cơn bệnh, cơn bệnh đó làm tôi sắp vãng sanh, nhưng không đi được. Quả thực thấy được thân tướng Phật A Di Đà đầy khắp hư không, tướng rất lớn. Tôi nhìn thấy Phật Thích ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Tỳ Lô Giá Na. Bởi vì tôi giảng Hoa Nghiêm kinh, giảng Hoa Nghiêm kinh nên tôi đến lễ lạy, lạy thứ nhất là lạy Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lạy thứ hai là lạy Phật A Di Đà, lạy thứ ba là lạy Phật Tỳ Lô Giá Na. Lạy thành thói quen, cho nên khi đó thấy được ba vị Phật đều là thân mãn hư không. Cuối cùng trong tâm tôi liền niệm Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát, thì tượng Phật không còn nữa, mà Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra, cũng là thân mãn hư không.

Tôi chỉ chú ý xem tượng Phật Bồ Tát, ở sau lưng tôi có người hỏi tôi, họ hỏi thì tôi trả lời, tôi không quay đầu lại, không biết người đó là ai? họ hỏi tôi rất nhiều, tôi thật sự muốn vãng sanh, đi theo Phật. Lúc đó nhớ đến khi mới học Phật, đại sư Chương Gia nói với tôi: Cuộc đời của tôi là do Phật Bồ Tát sắp đặt. Cho nên tôi đáp rằng, nếu như Phật Bồ tát còn muốn tôi sống thêm vài năm, cũng không sao, như vậy rồi tĩnh lại.

Giấc mơ này không phải là giấc mơ bình thường, nó quá chân thật. Tôi thấy ở giữa cánh đồng rộng mênh mông, tôi nằm trên bãi cỏ nhìn những giải núi trùng trùng điệp điệp trước mặt, rất giống từng tầng từng tầng Thương sơn ở Vân Nam, nhưng không có biển, trước Thương sơn có hồ Nhĩ Hải, không nhìn thấy biển, trước mặt là thảo nguyên vô cùng vô cùng rộng lớn, tôi nhìn thấy hiện tượng này. Đây là thấy Phật, khi vãng sanh thấy được Phật A Di Đà.

“Hựu kiến thủy lưu quan minh, phân thập tứ chi, hồi chú thượng hạ, diễn thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã chi âm”. Đây là ao sen thất bảo, nước của nó chảy ngược lên trên, chảy xuống dưới; nước ở thế gian chúng ta chỉ chảy xuống dưới, không thể chảy ngược lên trên. Nước ở thế giới Cực Lạc trên dưới đều chảy được, khi nước chảy phát ra âm thanh, âm thanh này quý vị lắng nghe chúng nó đều đang giảng kinh thuyết pháp, giảng vô thường, khổ, không, vô ngã.

“Phật cáo Viễn viết”, Phật A Di Đà bảo đại sư Huệ Viễn rằng: “ngã dĩ bổn nguyện lực cố, lai an ủi nhữ, như hậu thất nhật, đương sanh ngã quốc”. Quý vị xem, trước 7 ngày, Phật đến bảo với ông, sau 7 ngày thì đến tiếp dẫn. “Hựu kiến xã trung tiên hóa giả”, trong Liên Xã người vãng sanh trước, có “Phật Đà Da Xá”, đây là một người xuất gia ở Ấn Độ, cũng tham gia Liên Xã này. Có những người xuất gia “Huệ Trì, Huệ Vĩnh”, cư sĩ tại gia Lưu Di Dân” vân vân ở sau không nói đến. “Giai tại trắc”, đều ở bên cạnh Phật, theo Phật đến tiếp dẫn.

“Tiền ấp viết”, những người vãng sanh ở Liên Xã, thấy đại sư Huệ Viễn, đều đến đảnh lễ, đều đến vái chào, họ nói “sư tảo phát tâm, hà lai chi vãn”. Đại sư Huệ Viễn triệu tập mọi người đến tu hành, phát tâm rất sớm, tại sao Ngài lại đến thế giới Cực Lạc muộn như vậy? họ đều đã đi trước , theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn.

Lưu Di Dân lúc còn sống đã ba lần thấy Phật, sau đó lại theo Phật đến đón ngài Huệ Viễn, đúng là cư sĩ được thượng phẩm vãng sanh, những người này đều có thế làm ví dụ chứng minh. Đây là thật không phải giả, cư sĩ tại gia có thể thượng phẩm vãng sanh, đại sư Thiện Đạo nói lời này là thật, không phải giả: Thế giới Tây phương tam bối cửu phẩm, hoàn toàn là vì phàm phu lục đạo mà thiết lập.

Phàm phu lục đạo thường do gặp duyên bất đồng, gặp phải đại phàm phu, tức là thượng phẩm thượng sanh, thượng bối vãng sanh. Tiểu phàm phu, đó chính là trung bối vãng sanh. Ác phàm phu, là hạ bối vãng sanh. Nhưng chúng sanh hạ bối vãng sanh đều là tạo tác tội nghiệp. Cho nên tạo tác tội nghiệp cũng không sợ, cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ. Tạo tội nghiệp gì? là tội cực trọng ngũ nghịch thập ác, thì đọa vào địa ngục A Tỳ. Nếu quý vị gặp được thiện duyên, lâm mạng chung thời gặp được người khuyên quý vị niệm Phật cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị nghe rồi tin tưởng, quý vị thực hành, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, thì chắc chắn được vãng sanh. Pháp môn này vô cùng thù thắng, pháp môn này không dễ gặp.

Quý vị thấy bây giờ toàn thế giới có gần 7 tỷ người, trong 7 tỷ người này có bao nhiêu người gặp được Phật pháp? tôi muốn nói được nghe đến Phật, biết có Phật, khoảng chừng 1/7 thôi, có khoảng 1 tỷ người. 7 tỷ người chỉ có 1 tỷ người, 1/7, 1/7 người này nghe được, biết được có Phật pháp. Nhưng thật sự tiếp xúc với Phật pháp, có thể là 1/10, 1 tỷ người biến thành 100 triệu người, thật sự tiếp xúc được Phật pháp. Tiếp xúc được Phật pháp, nhưng Phật pháp có thật có giả, nếu tiếp xúc Phật pháp giả, thì không khởi tác dụng. Gặp được Phật pháp thật, có thể trong 10 người chỉ có một người thôi, quý vị sẽ giảm dần dần, 1 tỷ người biến thành 100 triệu người, 1/10. 1/10 này là 1 trăm triệu người, nếu như gặp được Tịnh Độ, có thể lại là 1/10, vậy thì còn lại 10 triệu người. Trong 10 triệu người, có thể gặp được bộ kinh này, bổn Hội Tập này, gặp được chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, e rằng không đến 100 người, vậy quý vị mới biết rằng pháp môn này đáng quý chừng nào.

Bởi vì bổn Hội Tập này mới xuất hiện gần đây, mới xuất hiện năm Dân Quốc đầu tiên. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải thì càng gần đây hơn, quyển này ra đời khoảng hơn 20 năm chưa đến 30 năm. Khi chúng tôi ở Mỹ liên lạc, thì quyển này mới viết ra. Quyển này mang đến nước Mỹ là in bằng in dầu, loại giấy sáp này là để đánh chữ, in bằng in dầu. Điều này chúng tôi có kinh nghiệm, chúng tôi đã trãi qua thời đại này, một tờ giấy sáp có thể in bao nhiêu trang? Đại khái có thể in từ 120-130 trang, sau nữa thì không rõ, thì nhạt rồi. In được rõ ràng khoảng chừng 120 trang.

Nói cách khác, ông ta lưu thông chỉ có 120 bộ. Ông ta mang một bộ đến nước Mỹ, chắc là chọn bộ rõ ràng nhất, mang đến Mỹ tặng cho tôi. Tôi xem xong vô cùng hoan hỷ, chăm chỉ xem qua một lần rồi để học trò liên hệ với ông ta, thỉnh giáo ông có bản quyền hay không? nếu không có bản quyền thì tôi in, nếu cần có bản quyền, thì thôi.

Ông ta hồi âm thư bảo tôi, sách không có bản quyền, hoan nghênh tái bản. Cho nên chúng tôi ở Đài Loan in lần thứ nhất, lần thứ nhất 1 vạn quyển bìa cứng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ muốn tôi viết lời tựa cho ông, phía trước chèn vào ảnh chụp chung của chúng tôi, vô cùng hoan hỷ, 1 vạn quyển này lưu thông tại hải ngoại. Hiện tại bản Hội Tập và chú giải này, tôi dự tính lưu thông tại thế gian này, có thể đã hơn 50 vạn quyển, ít nhất cũng có 50 vạn quyển lưu thông trên toàn thế giới, vô cùng hy hữu khó gặp.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn dưới đây: “Hoa Nghiêm trung, Thiện Tài tham ngũ thập tam thiện tri thức, tại gia nhân thật cư đa số”. Thật vậy, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, người xuất gia chỉ có 6 vị, các người khác đều là tại gia, nam nữ già trẻ các ngành các nghề. 53 vị thiện tri thức là biểu trưng cho các tầng lớp trong xã hội, nghề nghiệp của mỗi người không giống nhau, cho nên nam nữ già trẻ các ngành các nghề đều có. Họ biểu trưng cho điều gì? Biểu trưng cho chúng ta từ sáng đến tối, từ khi ngủ dậy đến trước khi đi ngủ, quý vị tiếp xúc với xã hội rộng lớn tức là 53 tham.

Tham học không dễ, Thiện Tài là đệ tử của Bồ Tát Văn Thù. Trong hội Bồ Tát Văn Thù đạt được căn bản trí, thông thường chúng ta nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong hội Văn Thù được khai ngộ, sau khi ngộ rồi khởi tu. Trước khi khai ngộ không được rời thầy, khai ngộ rồi thì thầy bảo quý vị ra đi, đi khắp nơi tham học. Điều gì quý vị cũng có thể xem, điều gì cũng có thể nghe, điều gì cũng có thể tiếp xúc, hoàn toàn khai mở. Khi chưa khai ngộ thì chưa khai mở, phải ở bên cạnh thầy, không được rời thầy.

Căn bản trí là gì? Căn bản trí là vô tri, bát nhã vô tri, đó là minh tâm kiến tánh, là đỉnh cao của tâm thanh tịnh, nhất niệm bất sanh. Khi khởi tác dụng thì không gì không biết, bát nhã vô tri, biết hết tất cả. Vì sao bảo quý vị đi tham học? tham học gọi là hậu đắc trí, quý vị tham học thì sẽ biết không có gì là không biết. Quý vị tiếp xúc, tiếp xúc là biết được, nghe là biết được, thấy là biết được, ngài biểu hiện cho chúng ta những điều này.

Tham thứ nhất trong 53 tham, là tỳ kheo Cát Tường Vân, là người xuất gia. Trong 53 tham người xuất gia chỉ có 6 vị, ở trước 3 vị, sau có ba vị. Tỳ kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? là tu Ban Châu Tam Muội, Ban Châu Tam Muội là chuyên niệm Phật A Di Đà, một kỳ 90 ngày.

Ban Châu Tam muội rất nghiêm khắc, 90 ngày không được ngủ, không được nằm, có thể ngồi, có thể đứng, có thể đi. 90 ngày đêm không được rời khỏi đạo tràng, cho nên rất vất vả, người bình thường không chịu nổi. Cần phải trẻ tuổi, tinh thần tốt, sức khỏe tốt, mới tu được pháp môn này. Giống như chúng ta nhập thất có người hộ trì, đến giờ người ta đem thức ăn cho quý vị, quý vị chuyên niệm Phật A Di Đà. Ngài tu pháp môn này, Thiện tài Đồng Tử đến tham vấn ngài. Nói cách khác, là đến học tập ngài.

Người xưa thường nói “tiên nhập vi chủ”. Quý vị muốn hỏi Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn nào? ông ta học Ban Châu Tam Muội, học pháp môn niệm Phật. Bồ Tát, tỳ kheo Cát Tường Vân là tượng trưng Bồ Tát sơ trụ, Thiện Tài Đồng tử chứng đắc địa vị sơ trụ, mới thấy được Bồ Tát sơ trụ. Bồ Tát khai thị cho ông 21 loại pháp môn niệm Phật, con số 21 là con số viên mãn, nó không tượng trưng cho con số, mà tượng trưng cho sự đại viên mãn, là sự viên mãn của Mật tông.

Hoa Nghiêm kinh là dùng số 10, số 10 tượng trưng cho sự viên mãn, chữ số từ một đến 10 tượng trưng cho sự đại viên mãn. Trong Di Đà kinh dùng số 7 tượng trưng cho sự viên mãn, cho nên nó không phải là con số. Nếu quý vị xem nó thành con số là sai. 7 có ý nghĩa gì? là tứ phương, thượng hạ, ở giữa là viên mãn, nó có ý nghĩa này.

21 môn triển khai thì vô lượng vô biên pháp môn. Nói cách khác, chẳng có một pháp môn nào không phải là pháp môn niệm Phật. Trong Hoa Nghiêm kinh nói “một là tất cả, tất cả là một”, là đạo lý này. Mỗi pháp môn đều là pháp môn niệm Phật, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, pháp môn này là chủ, pháp môn là chủ, 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là trợ tu, đều là trợ giúp.

Nếu là thiền tông, thì thiền tông này là chủ, tham thiền này là chủ, 8 vạn 4 ngàn pháp môn bao gồm pháp môn niệm Phật đều là trợ, chủ và trợ liền phân khai. Nếu như hôm nay chúng ta nghiên cứu giáo, đây cũng là một môn, nghiên cứu giáo, thì giáo là thứ nhất, niệm Phật, thiền đều là trợ tu. Một cái chủ, những thứ khác đều là bạn, đều là trợ tu, bình đẳng!

Trong kinh Kim Cang nói rất hay “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, cho nên bất luận pháp môn nào chúng ta cũng phải cung kính, cũng phải tôn trọng. Các pháp môn khác với pháp môn mình học quyết định là nhất thể, quý vị mới có thể khế nhập được. Nếu quý vị phân biệt cái này cao, cái kia thấp thì không được rồi, thì quý vị không học được gì cả. Không những không học được, mà quý vị còn tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp gì? là báng Phật, báng pháp, báng tăng. Quý vị phê bình tức là hủy báng, nếu quý vị hủy báng Tam Bảo, trong Giới Kinh nói là đọa địa ngục Vô Gián, rất phiền phức.

Thiện Tài 53 tham là tượng trưng vô lượng vô biên pháp môn, mỗi pháp môn đều cung kính, mỗi pháp môn đều tán thán, mỗi pháp môn đều buông bỏ, ông ta rời khỏi, cáo từ, đó là buông bỏ. Mỗi pháp môn đều không được chấp trước. Hết thảy pháp môn không có phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, thì quý vị đã đạt được hoàn toàn rồi, thật sự không thể nghĩ bàn. Cho nên tượng trưng của 53 tham, là tượng trưng cho đại viên mãn. Quý vị xem, cuối cùng biểu hiện rất có ý nghĩa, thứ 53 là Bồ Tát Phổ Hiền. Thiện Tài đi tham vấn, Bồ Tát Phổ Hiền nói cho ông Thập Đại Nguyện Vương Đạo Quy Cực Lạc, ý nghĩa này tượng trưng rất rõ rang. Người đầu tiên tham vấn pháp môn niệm Phật là tỳ kheo Cát Tường Vân, người sau cùng dẫn ông đến thế giới Cực Lạc.

Tôi đọc Hoa Nghiêm kinh, nhìn thấy điều này, mới tin tưởng Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyệt vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Không những chỉ mình đi, mà còn dẫn theo 41 vị pháp thân đại sĩ trong hải hội Hoa Tạng, tất cả đều đền thế giới Cực Lạc. Để lễ bái Phật A Di Đà, học tập Phật A Di Đà, nhìn thấy không khí này, quá vĩ đại, không thể không phục. Hải hội Hoa Tạng là tổng pháp môn của hết thảy chư Phật, cuối cùng quy về Tịnh Độ, là biểu trưng ý nghĩa này.

Tịnh Tông là pháp môn đệ nhất. Vô Lượng Thọ kinh là kinh đệ nhất. Thời kỳ mạt pháp tu các pháp môn khác không thành tựu được, nếu không tin quý vị thử xem, quý vị có thể làm được vô ngã không? trong kinh Kim Cang nói rất đúng, “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, quý vị làm được không? Quý vị không làm được thì quý vị không vào được pháp môn nào cả. Quý vị thật sự làm được, quý vị mới có thể nhập môn.

Tiểu thừa chứng Tu Đà Hoàn, đại thừa viên giáo là Bồ Tát sơ tín vị, quý vị đã nhập môn, thế nên rất khó! Đây là nói rõ đa số là người tại gia, người xuất gia chỉ là thiểu số, Phật pháp lấy việc độ người tại gia làm chủ, không phải người xuất gia. Như trường học thế gian của chúng ta, thân phận của người xuất gia là gì? là thân phận giáo sư, giáo sư dạy học. Trường học nào bồi dưỡng giáo sư? Là đại học sư phạm bồi dưỡng giáo sư, chuyên môn đạo tạo giáo sư. Những giáo sư đã tốt nghiệp, được phân ở tất cả các trường học để giáo hóa chúng sanh.

Giáo dục nhất định phải lấy quần chúng xã hội làm đối tượng giáo hóa, Tịnh tông cũng như vậy, lấy lục đạo chúng sanh khổ nạn trong biến pháp giới hư không giới làm đối tượng giáo hóa. Cho nên Bồ Tát, Thanh Văn là phụ thuộc, nhưng họ muốn phát tâm cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, thân cận Phật A Di Đà, Phật A Di Đà hoan nghênh, không cự tuyệt, đều hoan nghênh tất cả. Cho nên hải hội Liên Trì vô cùng trang nghiêm, vô cùng thù thắng.

“Mật tông trung Cát Cư phái tổ sư vi cư sĩ, nhân tổ sư thị bạch y, cố tục xưng Bạch giáo”. Bởi vì ông ta không phải là người xuất gia, ông ta là cư sĩ tại gia, nhưng ông ta là tổ sư. “Duy Ma cư sĩ nãi kim túc Như Lai thị hiện”, cũng là cư sĩ tại gia. “Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ quân thị tại gia Bồ Tát”, nhưng là tại gia chứng đắc bồ Tát đẳng giác, địa vị của họ cùng với Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ngang nhau. Mười sáu người này, là chúng Bồ Tát thượng thủ trong kinh này. Ý nghĩa tượng trưng này, chúng ta nhất định phải hiểu, Tịnh Độ tông khẳng định lấy tại gia làm chủ. Cho nên những Bồ Tát tại gia này là Bồ Tát đẳng giác, đều là chúng Bồ Tát thượng thủ trong kinh này. Thế nên không vì tướng xuất gia hay tại gia mà sanh phân biệt.

Phật ở trong kinh luận thường nói về xuất gia, xuất có bốn loại, gia cũng có bốn loại, bốn loại này chúng ta phải hiểu rỏ. Bốn loại nhà, loại thứ nhất gọi là “điền trạch chi gia”, tức hôm nay chúng ta nói là nhà thế tục. Quý vi có ruộng đất, quý vị có nhà cửa, đây là nhà của quý vị, đây là nhà của thế gian. Nhà mà Đức Phật nói còn có ý nghĩa rất quan trọng. Loại thứ hai là gì? lục đạo là nhà, luân hồi là nhà, nhà cửa ruộng vườn là việc nhỏ, nhà luân hồi là việc lớn. Cao lên nữa, sanh tử là nhà, phiền não là nhà, Phật đã nói bốn loại này.

Quý vị có thể ra khỏi nhà phiền não, có thể ra khỏi nhà sanh tử, có thể ra khỏi nhà lục đạo, thì quý vị thật sự ra khỏi nhà rồi. Bây giờ quý vị chỉ ra khỏi nhà cửa ruộng vườn, quý vị không thể đoạn phiền não, không thể thoát sanh tử, không thể ra khỏi tam giới, vẫn còn ở trong luân hồi lục đạo chưa ra khỏi được.

Nhà có bốn loại, Phàm phu chỉ biết ra khỏi nhà thế tục, nhưng không ra khỏi lục đạo. Tiểu thừa có thể ra khỏi nhà kiến tư phiền não, chứng quả A La hán, ra khỏi lục đạo. Sanh tử có hai loại, họ đã ra khỏi phân đoạn sanh tử, nhưng chưa ra khỏi biến dị sanh tử, họ vẫn còn. Biến dị sanh tử trong thập pháp giới, thập pháp giới đó là nhà. Phải phá được nhất phẩm vô minh, chứng được một phần pháp thân, vậy là ra khỏi nhà thập pháp giới. Đến cõi thật báo, biến dị sanh tử không còn, quý vị mới thật sự ra khởi nhà sanh tử.

Xuất cũng có bốn loại. Loại thứ nhất, thân xuất nhưng tâm không xuất, thân đã xuất rồi, trong tâm vẫn còn tham luyến, lấy gì? lấy đạo tràng làm nhà của mình, đã ra khỏi ngôi nhà nhỏ rồi, bây giờ lại chấp vào nhà lớn, đây là thân xuất nhưng tâm chưa xuất. Loại thứ hai, tâm xuất thân không xuất, tức là nhà cư sĩ, tâm xuất gia rồi, thân còn tại gia. Loại thư ba, thân tâm đều xuất, tức là các bậc tổ sư của chúng ta, Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta là thân tâm đều xuất. Loại thứ tư là người tại gia, thân tâm đều không xuất, đây là chỉ cho điều gì? là người tại gia học Phật, tâm cũng không xuất, thân cũng không xuất, họ tu điều gì? nhiều nhất là tu được chút phước báo, không thể vãng sanh; vãng sanh phải như thế nào? tâm xuất thân không xuất, chắc chắn được vãng sanh. Cho nên xuất có bốn loại, gia cũng có bốn loại.

Ở đây đưa ra phần tựa trong kinh này “Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ”, đều là Bồ Tát tại gia, làm thượng thủ trượng trưng của kinh này, cho nên chúng ta không thể, từ trên tướng xuất gia và tại gia mà sanh phân biệt. Giống như đại sư Chương Gia trước đây nói với tôi, “Phật pháp quan trọng vật chất, không quan trọng hình thức”, không được phân biệt trên hình thức, quan trọng là thực chất.

“Bổn kinh vị thượng bối giả, xuất gia khí tục”. Chúng ta biết rằng, xuất gia là tâm xuất gia, tâm xuất thân bất xuất, phu nhân Vi Đề Hi là tâm xuất gia. Thượng phẩm trong Quán Kinh không nói đến xuất gia, phu nhân Vi Đề Hy là nữ nhân tại gia, chứng thượng phẩm vãng sanh. 500 thượng phẩm cũng chứng thượng phẩn thượng sanh. Trong thương bối có tam phẩm, thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh.

Hai kinh không trái nhau, đều là phu nhân Vi Đề Hy là tâm xuất gia, ví dụ phía nam nước tôi lấy gạo làm thức ăn chính, phương bắc lại lấy bột mỳ làm món ăn chính. Gạo và bột mì tuy khác nhau, nhưng công năng tác dụng đều là món ăn chính giống nhau. Dùng điều này để ví dụ cho người tại gia, xuất gia. Nên thượng phẩm thượng sanh, tâm xuất gia nhưng người tai gia cũng được. đây chính là cư sĩ tại gia có thể nâng lên đến thượng phẩm thượng sanh hay không? có thể. Người xuất gia cần phải thân tâm đều xuất mới có thể thượng phẩm thượng sanh; người tại gia là tâm xuất thân bất xuất, lấy tâm làm chủ, nếu tâm thật sự xuất gia, thì đây là thượng phẩm thượng sanh.

Lại nữa như trung thượng phẩm, trung trung phẩm trong Quán Kinh là người xuất gia. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, người tại gia cũng có thế, hai kinh hợp lại, nói rỏ được ý nghĩa chân thật. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, trung thượng phẩm, trung trung phẩm, hai phẩm này ông nói đến trì giới, trì giới sa di, trì giới tỳ kheo, đây là người xuất gia. Cho nên tam bối cửu phẩm hợp lại xem, trong mỗi phẩm vị đều có người xuất gia, đều có người tại gia. Rốt cuộc là người xuất gia nhiều hay người tại gia nhiều? điều đó phải nhìn ở tâm, hoàn toàn ở nơi tâm không quan tâm đến thân. Thân xuất gia hay không xuất gia thực sự không có vấn đề gì, quan trọng nhất là tâm xuất gia, thân và tâm đều xuất gia là làm tấm gương tốt cho xã hội, làm một pháp biểu tượng, dụng ý là ở chổ này. Vì sao? người thông thường thì thân này và nhà không dễ buông bỏ, quý vị phải làm được, để cho họ luôn nhìn thấy: quý vị nhìn họ đã buông bỏ rồi, tôi vì sao không buông bỏ được? dụng ý là ở chổ này, không gì khác.

Đây là trong Hoàn Nguyên Quán nói tứ đức, đức thứ hai là làm gương tốt cho xã hội đại chúng, gọi là “oai nghi hữu tắc”. Oai nghi của chúng ta như vậy có thì thể nhắc nhở được một số đại chúng. Quý vị nói tại gia khó khăn hơn, không phải không được, được, cũng được. Nhưng người xuất gia thì rất rõ ràng, quý vị đi ra ngoài, mọi người nhìn thấy, họ sẽ nhớ đến Phật, nhớ đến Phật giáo tức là nhớ đến Phật, trong A lại da thức chẳng phải đã trồng một hạt giống Phật rồi chăng? không cần nói gì, chỉ nhìn thấy hình thức, thì cũng khiến cho chúng sanh trồng thiện căn này.

Tại gia thì sao? tại gia thì đeo một tràng hạt, để mọi người nhìn thấy, cầm một tràng hạt, người này là học Phật. Đây là gì? hữu ý hay vô ý mọi nơi đều tiếp dẫn chúng sanh, cho chúng sanh trồng một hạt giống kim cang. Chủng tử này, tuy trong đời này họ không đạt được lợi ích, nhưng kiếp sau lại gặp được Phật pháp, thì chủng tử này liền khởi hiện hành, nó sẽ khởi tác dụng.

Hôm nay chúng ta gặp được Phật pháp, khởi tác dụng, chịu phát tâm học Phật, nguyên nhân là gì? bởi trong kiếp quá khứ của chúng ta có người giúp chúng ta trồng hạt giống này, đời này của chúng ta khởi tác dụng. Chúng ta phải hiểu, phải báo ân, từng giờ từng phút giúp người khác làm hạt giống, để cho trong A lại da của mọi người đều có hạt giống Phật pháp, là những người xung quanh mình đều được độ. Chúng ta có thể thực hành tam phước, lục hòa, thì sức mạnh nhiếp thọ sẽ rất lớn. Điều đầu tiên, chúng ta thấy bất cứ người nào cũng nên chào hỏi, vì sao? cảm giác thân thiết, người học Phật từ bi như vậy, hài hòa như vậy, thì họ được truyền cảm.

Khi mọi người xuống xe, chúng ta nhất định cúi chào 90 độ, cảm động người, họ nhìn thấy chúng ta thì hoan hỷ. Ở ngoại quốc chúng tôi làm cảm động láng giềng, láng giềng sẽ từ từ quen biết, quen biết rồi thì chào hỏi chúng tôi, nói chuyện với chúng tôi. Câu đầu tiên hỏi chúng tôi là: Quý vị làm nghề gì? quý vị làm nghề gì, sao quý vị an vui như vậy? họ rất hâm mộ, công việc của họ rất mệt, rất khổ! Họ nhìn thấy chúng tôi suốt ngày nở nụ cười. Quý vị thật an vui, quý vị làm nghề gì? chúng ta có thể dạy họ, chúng tôi là người học Phật. Như thế nào gọi là học Phật? học Phật là học trí huệ, học giác ngộ, từ từ họ sẽ hiểu.

Chung ta có thể hỏi họ, quý vị có cần phước báo không? nói phước báo họ nghe không hiểu, quý vị có cần của cải không? cần. Quý vị có cần an vui không? cần. Quý vị có cần sống lâu không? cần. Chúng tôi chính là học những điều này, chúng tôi đã đạt được rồi. Họ nhất định hỏi: Phương pháp nào mà quý vị đạt được? chúng ta từng bước từng bước hướng dẫn họ.

Lời nói của chúng ta là thật, không lừa dối họ, xác thực thế giới Cực Lạc rất an vui. Tu Tịnh Độ là tu điều gì? là tu phước, tu của cải, tu an lạc, tu sức khỏe sống lâu. Không nên dùng danh từ Phật học, dùng danh từ Phật học họ không hiểu, nói như vậy họ rất dễ hiểu. Như thế nào để được của cải? là bố thí, bố thí của cải được của cải, càng cho càng nhiều. Bố thí pháp được an vui, càng cho càng vui. Bố thí vô úy được sức khỏe sống lâu. Chỉ cần quý vị tu ba loại bố thí này, thì ba loại quả báo sẽ đến rất nhanh, là thật không phải giả, dám làm, người dám làm, lập tức có phước báo.

Các nhà xí nghiệp đều thích phát tài, lên đại học học học viện thương nghiệp cũng không phát tài nỗi, vì sao? bởi những giáo viên của học viện thương nghiệp đều là những giáo viên nghèo, thu nhập rất có hạn, bản thân họ không thể phát tài, làm sao họ dạy quý vị phát tài được? làm gì có chuyện này?

Khi tôi ở Úc, có một lần, cao ốc học viện thương nghiệp của đại học Cách Lý Phi Tư đã xây xong, làm lễ đưa vào sử dụng. Thầy hiệu trưởng mời tôi đến tham dự, tôi ngồi cùng với hai người. Họ mời một học giả chuyên gia người Mỹ, chuyên môn nghiên cứu tài chính, dạy tài chính, học vị tiến sĩ, là giáo thọ rất nỗi tiếng đến diễn giảng. Tôi nói với thầy hiệu trưởng: những điều ông ta nói là giả. Thầy hiệu trưởng trố mắt nói: sao gọi là giả? “ông ta là một giáo thọ nghèo, ông ta không phát tài, nếu ông ta có thể dạy người phát tài, thì ông ta là phú ông ức vạn mới đúng chứ. Mỗi ngày ông ta phải dựa vào đồng lương để sống, ông ta không phát tài, tôi không tin ông ta”, thầy hiệu trưởng ngẩn người ra. Tôi nói: “tôi hiểu được đạo lý phát tài, tôi thật sự phát tài, thầy xem mỗi năm tôi bố thí làm những việc thiện ít nhất cũng 1 ngàn vạn Mỹ kim, năm nào cũng như vậy, ông ta không bằng tôi, tôi biết dạy, ông ta không biết dạy”.

Thầy hiệu trưởng là bạn thân của tôi, xác thực đây cũng là cơ hội để tôi giáo dục. Phát tài như thế nào? tài là do bố thí phát. Ông ta không hiểu nguyên nhân phát tài, phải dùng các loại thủ đoạn, đó là trong số mệnh của quý vị có của cải. Nếu trong số mệnh của quý vị không có của cải, thì quý vị dùng thủ đoạn gì cũng không đạt được, quý vị cũng không thể phát tài được. Người Trung Quốc biết đoán số, người ngoại quốc cũng biết, số mệnh của quý vị có của cải hay không. Cho nên Phật pháp giảng đạo lý phát tài, phương pháp phát tài cho chúng ta, nói rất rõ ràng, rất có hiệu nghiệm.

Trong Quán Kinh, trung thượng phẩm, trung trung phẩm là người xuất gia, Vô Lượng Thọ kinh là người tại gia, đây là Hoàng Niệm Tổ để chúng ta hợp hai kinh lại để tham khảo. “Thị cố ưng thiện thể thánh tâm”, đây là Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà nói với chúng ta, quý vị phải hiểu nó, hiểu ý nghĩa chân thật của nó. “Thiết mạc tử chấp văn cú”, không nên chấp trước, đọc kinh không nên chấp trước vào văn cú, nghe kinh không nên chấp trước ngôn thuyết.

“Xã gia khí tục, ưng trước trọng ư tâm xuất gia”, bất luận tại gia hay xuất gia, nhưng tâm nhất định là xuất gia. Nên hai bộ kinh này cùng một tông chỉ, những gì trong hai bộ kinh này nói, quý vị có thể viên dung, quý vị không sản sanh mâu thuẫn. Quý vị sẽ có tính tâm kiên định, không đến nỗi sản sanh nghi hoặc, đây là đúng. Cho nên nói rất nhiều đến “xã gia khí tục”, chủ yếu là sợ quý vị xem nhiều kinh, kiến giải bất đồng sẽ sanh ra hiểu lầm. Phật chỉ nói một ý nghĩa, nhất định phải hiểu ý nghĩa của Ngài. Kệ khai kinh nói “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, câu kệ này rất quan trọng, không được hiểu sai ý nghĩa.Thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.

# Tập 395

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:04.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 491 hàng thứ hai từ dưới lên, bắt đầu xem từ chỗ phát tâm bồ đề.

Phát tâm bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm, Phật A Di Đà. Câu kinh văn này vô cùng quan trọng, “thử vi toàn kinh chi cương tông” cương là cương lĩnh, tông là tông yếu, cũng chính là câu nói quan trọng nhất trong toàn bộ kinh. “Dĩ tường luận ư minh tông chương hỷ” trước đó khi nói về đại cương, có đề cập đến Kinh Di Đà Yếu Giải. Lấy tín nguyện trì danh làm tông chỉ của tiểu bổn kinh Di Đà, chú giải kinh này lấy phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm làm tông chỉ. Ý nghĩa hoàn toàn tương đồng như trong tiểu bổn Kinh Di Đà nói, nên tôn chỉ của nó giống nhau.

“Tín nguyện tức Quán Kinh trung chi tam tâm” trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói ba loại tâm, ba loại tâm này chính là tâm bồ đề. Thứ nhất là chí thành tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba hồi hướng phát nguyện tâm. Căn cứ ý nghĩa trong Tứ Thiếp Sớ, Tứ Thiếp Sớ là Thiện Đạo đại sư trước tác, cũng chính là căn cứ vào ý của Thiện Đạo đại sư nói. Thứ nhất, tâm chí thành,cũng chính là tâm chân thật, chính là chân tâm. Tâm mà người thế gian thường dùng là vọng tâm, hư ngụy, không thật. Chúng ta học Phật nhất định phải dùng chân tâm, vì sao? Phật pháp là từ trong chân tâm hiển lộ ra, không thông qua con đường tư duy. Tư tưởng của chúng ta là đệ lục ý thức, không phải chân tâm. Tình chấp của chúng ta như lo lắng, đây là tác dụng của đệ thất Mạt na thức, cũng không phải chân tâm, những thứ này đều là vọng tâm.

Dùng vọng tâm chính là luân hồi lục đạo, vọng tâm là tâm luân hồi lục đạo. Dùng chính đáng, hoàn toàn nghe theo giáo huấn của Phật, y giáo phụng hành, nhưng họ không phải chân tâm. Quả báo đạt được chính là tứ thánh pháp giới, phân bốn cấp: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đều không phải dùng chân tâm. Cũng chính là nói, họ không có phát tâm bồ đề. Thật sự phát tâm bồ đề, chắc chắn sẽ vượt ra, vượt ra ngoài tứ thánh pháp giới. Cũng chính là vượt ra khỏi Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, hạng người nào? Trong các bậc cổ đức, như Đàm Loan, Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Trí Giả, những vị này đều đã siêu việt. Thiền tông như lịch đại chư vị tổ sư, họ đều dùng chân tâm, chân tâm vượt ra mười pháp giới, không phải chỉ siêu việt lục đạo.

Chúng ta có chân tâm, nhưng không phát khởi, nếu thật sự phát khởi, chúng ta cũng có thể vượt ra khỏi như vậy. Thế nên trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nên sống bằng tâm chân thành, dùng tâm chân thành để xử sự đối nhân tiếp vật. Người khác dùng tâm hư vọng đối đãi chúng ta, chúng ta dùng chân tâm đối đãi người, vì sao? Chúng ta không muốn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Tâm hư ngụy chính là tám thức 51 tâm sở, nhất định phải biết đây là tâm luân hồi. Tùy thuận phiền não tập khí, tức là tạo nghiệp luân hồi. Chúng ta dùng tâm chân thành, không còn tạo nghiệp luân hồi nữa, hy vọng đời này vĩnh thoát luân hồi, ý chính là như vậy, điều này không thể không biết.

Thứ hai là thâm tâm, thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Chí thành tâm là thể, lý thể của chân tâm, hai loại sau là tác dụng của chân tâm, vì sao tác dụng là hai loại? Một cái là tự thọ dụng chính là chân thành tâm đối với chính mình gọi là thâm tâm. Chân thành tâm đối với người khác gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Đây là khởi dụng, từ thể khởi dụng.

Trong Tứ Thiếp Sớ nói: “Nhị thâm tâm giả, thâm tín tâm dã” điều này nói rất hay. Thâm tín, thâm tín có hai: Thứ nhất quyết định thâm tín, vì tự thân hiện là tội ác sanh tử phàm phu, điều này nhất định phải tin. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác\_Trong Kinh Địa Tạng nói rất hay: Chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, là nói người trên địa cầu này, không có gì không phải nghiệp, không gì không phải là tội, nhưng tự mình không hay biết, vì sao là tôi nghiệp? Khởi tâm động niệm là sai. Chân tâm không những không có chấp trước, không có phân biệt, đến khởi tâm động niệm đều không có, đây là chân tâm. Khởi tâm động niệm là mê gọi là vô minh, như vậy là sai. Vô minh là hoàn toàn không biết gì về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, nên nói là mê hoặc điên đảo. Chúng ta thấy sai và nghĩ sai đối với mọi hiện tượng, kiến giải và ý tưởng đã sai, do đó quý vị nói sai, làm cũng sai, gọi là tạo nghiệp. Thấy sai, nghĩ sai gọi là mê hoặc. Ngôn ngữ, hành vi gọi là tạo nghiệp, tạo nghiệp gì? Tạo nghiệp luân hồi lục đạo.

Tuy đạt được giáo huấn của thánh hiền, chúng ta học được luân lý, đạo đức, nhân quả, coi như là không tệ. Những điều này thuộc về thiện, thiện trong lục đạo, quả báo ở trong tam thiện đạo, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Người không ra khỏi được luân hồi lục đạo, nhất định ở trong tam ác đạo thời gian dài, ở trong tam thiện đạo thời gian ngắn, vì sao? Trong vô lượng kiếp đến nay quá mê mờ, tập khí ác quá nặng. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiên Thân Bồ Tát nói: Lục đạo phàm phu chúng ta, tâm sở bất thiện khởi tâm động niệm có 26 loại, đây là phiền não. Sáu loại căn bản phiền não, 20 loại tùy phiền não, phiền não này khởi tác dụng chính là tạo ác nghiệp, thiện tâm sở chỉ có 11 loại.

Quý vị thử nghĩ xem thiện chỉ có 11 loại, ác có 26 loại. Chứng tỏ ác niệm nhiều, thiện niệm ít, sức mạnh ác lớn, sức mạnh thiện nhỏ. Thế nên ở thế gian này học hư hỏng rất dễ, học điều tốt rất khó, nguyên nhân căn bản là tâm sở khác nhau. Hiện nay lại thêm hoàn cảnh bên ngoài mê hoặc, cũng có tổ chức một vài giảng tọa về truyền thống văn hóa, nói đến những điều thiện, nhưng đối với xã hội ảnh hưởng không lớn. Người ta nghe rồi có thể phấn chấn một lúc, năm ba ngày sau liền nhạt dần, mười hai mươi ngày thì không còn nữa, lại trở về như xưa.

Mà huân tập bất thiện, lực lượng đó quá mạnh, họ ngày ngày không ngừng truyền bá tin tức trên ti vi, mạng internet. Lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, sức mạnh đó lớn biết bao, nên con người sao có thể không học hư hỏng được. Ngày nay con người học hư hỏng là bình thường, phải biết Phật Bồ Tát đối đãi với chúng ta như thế nào. Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã” ngài dạy chúng ta không nên trách cứ, đại chúng trong xã hội này, không ai dạy họ.

Xã hội cũ ngày xưa, một hai trăm năm trước, hoàn cảnh tốt hơn ngày nay, vì sao? Mỗi người đều coi trọng giáo dục luân lý đạo đức. Không những người đọc sách coi trọng, mà người không biết chữ cũng coi trọng, vào tuổi tác của tôi còn có thể cảm nhận được. Hay nói cách, khác 80 năm trước tôi ở tại nông thôn\_Người nông thôn chúng tôi, nông thôn tương đương thủ cựu. Thành thị từ từ thay đổi, nhưng nông thôn không thay đổi. Mẹ tôi không biết chữ, chưa từng đọc sách nhưng hiểu được luân lý, hiểu đạo đức, hiểu được nhân quả. Thế nên chúng tôi từ nhỏ, tiếp thu giáo huấn của mẹ, khởi tâm động niệm cũng không giám nghĩ bậy. Biết được tôn kính tổ tiên, tôn kính thiên địa quỷ thần, hiện nay nói là mê tín. Nhưng những giáo huấn này khiến nhân tâm thiết thực, không giám có ác niệm. Phụ nữ nông thôn, ngày lễ ngày tết đều đến chùa thắp hương. Chùa, miếu thần, miếu thần hoàng, mẹ tôi mỗi năm phải đi năm ba lần. Dẫn chúng tôi đến miếu thần hoàng, thắp hương xong đi xem điện Diêm Vương\_Thập điện diêm vương. Mẹ chỉ cho chúng tôi biết từng điều một. Quý vị xem, chịu kiểu hình phạt này, họ tạo thành tội nghiệp như thế nào. Chúng tôi đều ghi nhớ suốt đời không quên, nghiệp nhân quả báo quả thật đáng sợ.

Mười tuổi, chúng tôi dọn từ nông thôn lên thành thị ở. Thành thị với nông thôn không giống nhau, không đơn thuần chất phác như ở nông thôn, sau đó ở luôn tại thành thị. Cũng may từ nhỏ chúng tôi đã tiếp thu những giáo dục này, chưa thay đổi. 20 tuổi, tôi rất hứng thú với truyền thống văn hóa. 26 tuổi, gặp được ông Phương Đông Mỹ, biết được kinh điển Phật giáo là đại học vấn. Sau khi tiếp xúc, vô cùng hoan hỷ, muốn dứt bỏ cũng không được. Điều này suốt 60 năm nay, ngày ngày đọc nó, ngày ngày đang học tập, nên không bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm, không bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, rất may mắn! Rất khó được!

Tôi cũng cảm thấy tập khí ác của mình rất nặng, khó đối trị, nhưng điều này không đối trị sẽ rất phiền phức, sau cùng dùng phương pháp gì để đối trị? Thầy Lý dạy tôi phương pháp giảng kinh. Tôi đã thử, rất hay, nên duy trì mãi đến nay. Mới học giảng kinh, giảng một tiếng, nhưng phải chuẩn bị 40 tiếng, một tuần giảng hai lần, giảng ba lần thì hơi khổ, giảng hai lần còn được, rất thoải mái\_Chuẩn bị 40 tiếng, để lên bục giảng một tiếng.

Viết bản thảo, giảng bản thảo còn phải sửa không biết bao nhiêu lần. Một năm sau tiến bộ rất nhiều\_Một năm sau, tôi giảng một tiếng, chuẩn bị khoảng mười tiếng là đủ. Quý vị xem, từ 40 tiếng nay trở thành 10 tiếng. Sau hai năm, hầu như là ngang nhau\_Hai ba năm sau, giảng một tiếng thì chuẩn bị một tiếng là đủ nhưng không thể lơ là, vừa lơ là lập tức xảy ra vấn đề, như vậy phải làm sao? Tăng thời gian giảng kinh lên. Khoảng ba bốn năm sau, thời gian tôi giảng kinh là mỗi ngày, mỗi ngày ít nhất một tiếng rưỡi\_Một bài giảng là một tiếng rưỡi, hai bài giảng là ba tiếng. Ít nhất là một bài giảng, nhiều thì hai bài là ba tiếng đồng hồ.

Vì khoảng ba năm sau, tôi chuẩn bị một ngày tám tiếng là có thể giảng được trong tuần này\_Chuẩn bị một ngày có thể giảng năm sáu ngày. Thời gian giảng kinh tăng lên, kéo dài thêm. Thời gian dài nhất, mỗi ngày giảng chín tiếng. Buổi sáng giảng ba tiếng, chiều giảng ba tiếng, tối giảng ba tiếng. Người ta nói tôi thích giảng kinh, không phải, làm gì có chuyện thích, đối trị khuyết điểm của chính mình. Chiêu này rất hiệu quả, đối với tôi rất hữu hiệu, người khác không được. Người khác, căn tánh mỗi người không như nhau, người khác không chế phục được phiền não, chỉ có duy nhất phương pháp này. Quý vị xem, duy trì mãi cho đến bây giờ, tôi mỗi ngày giảng bốn tiếng, mỗi ngày đọc sách bốn tiếng, tôi xem rất tường tận. Như vậy không có thời gian vọng tưởng, tự nhiên sẽ không bị quấy nhiễu, thời gian còn lại để niệm Phật.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tôi chọn pháp môn này, tôi cảm thấy pháp môn này rất lợi ích cho phần tử tri thức. Lúc Đức Như Lai còn tại thế, ngài giảng kinh, tôi dự đoán mỗi ngày trên 8 tiếng đồng hồ. Từ sáng đến tối, có bao nhiêu người đến thăm ngài, bao nhiêu người đến thỉnh giáo ngài, đến đặt câu hỏi, cầu Phật khai thị. Đức Phật giảng pháp suốt 49 năm không có soạn bài, điều này chư vị nên biết, không có soạn bài. Kinh điển đều là sau khi ngài viên tịch, học sinh\_Chính là chư vị Bồ Tát, A la hán, mọi người cùng nhau khai hội. Mời tôn giả A Nan giảng lại\_Phật mỗi khi giảng kinh, thỉnh tôn giả A Nan giảng lại một lần, mọi người nghe xong đều rất hoan hỷ. Ngài A Nan giảng không sai, đích thực Phật đã nói như vậy nên ghi chép lại, như vậy đã trở thành kinh điển sau này.

Đức Thế Tôn thị hiện một đời, chúng ta quan sát tỷ mĩ để lãnh hội. Thật vậy, ngài là vì phần tử tri thức mà biểu diễn, học Phật phần tử tri thức thường chiếm đa số, nên mới biểu diễn như vậy. Chúng ta nhất định phải thâm tín, đích thực là vọng tâm đang làm chủ tể, chân tâm tuy có nhưng không khởi tác dụng. Khởi tâm động niệm tôi không muốn hại người, nhưng luôn tự tư tự lợi, đây là bệnh thường gặp. Tự tư tự lợi đến lúc nghiêm trọng sẽ hại người, sẽ làm ra chuyện tổn người lợi mình, đó chính là tạo tội nghiệp, không thể không biết điều này! Tạo tội nghiệp chính là đang tạo ra luân hồi lục đạo, liền có tội báo, điều này chúng ta không thể không biết.

“Khoáng kiếp dĩ lai, thường một thường lưu chuyển” một là đọa lạc, đọa đến tam đồ, gọi là thường một. Thường lưu chuyển, là luân hồi trong lục đạo. “Vô hữu xuất ly chi duyên” duyên là gì? Cơ hội, không có cơ hội ra khỏi lục đạo, quý vị nói đáng thương biết bao!

“Nhị giả, quyết định thâm tín, bỉ A Di Đà Phật tứ thập bát nguyện, nhiếp thọ chúng sanh, vô ngại vô lự. Thừa bỉ nguyện lực, định đắc vãng sanh”. Tin mình nghiệp chướng sâu nặng, không thể dựa vào chính mình để liễu sanh tử xuất tam giới. Biện pháp duy nhất là chỉ có nương Phật A Di Đà, thâm tín tin tưởng Phật A Di Đà, phát 48 nguyện là vì ai? Vì chúng ta mà phát nguyện. Phật A Di Đà vì ai mà kiến lập thế giới Cực Lạc? Vì tiếp dẫn tôi, thành tựu tôi mà kiến lập nên, đây là thật không phải giả. Chúng ta cần có tín niệm như vậy, có tín niệm như thế, chúng ta mới có tâm cảm ân, tâm báo ân, chúng ta mới thật sự có thể học tập được. Đặc biệt là câu sau: “Định đắc vãng sanh” chúng ta phải không nghi ngờ không ưu lự, chắc chắn trong đời này, vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Hồi hướng là đem công đức tu học của mình, hồi hướng bồ đề, hồi hướng cho tự tánh, tự tánh chính là thực tế, hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Từ trong tâm thâm tín chân thật này, nên tu tất cả thiện căn để hồi hướng, nguyện sanh về nước này. Trong thâm tín này, đây là tự lợi đối với chính mình.

Trước đây, hình như là khoảng 30 năm, tôi giảng về ba tâm này, ba tâm của tâm bồ đề. Thâm tâm là tôi dùng đề kinh của Kinh Vô Lượng Thọ: “Thanh tịnh bình đẳng giác” vì sao? Đây là tự thọ dụng, đối với chính mình phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chánh giác. Điều này nói rất cách cụ thể\_Thiện Đạo đại sư nói điều này rất hay, người tu Tịnh độ vô cùng khẩn thiết, tin tưởng sâu sắc. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, tin tưởng sâu sắc, 48 nguyện của Phật A Di Đà là để độ mình. Nên nhất định phải y giáo phụng hành, nhất định phải dựa vào nguyện lực của Phật A Di Đà, tín nguyện trì danh. Khi chúng ta lâm mạng chung, Phật A Di Đà nhất định đến tiếp dẫn, có lòng tin kiên định với điều này. Cách nói này rất xác đáng.

Lại lấy hồi hướng phát nguyện tâm để giúp người khác, tự hành hóa tha. Tự mình thành tựu cũng giúp người khác thành tựu, thế nên lấy tất cả thiện căn hồi hướng, hồi hướng đến sau cùng sẽ nói đến.

Do trên có thể thấy “Yếu Giải sở vị chi tín nguyện” chính là Quán Kinh nói về ba loại tâm. Quán Kinh nói về ba loại tâm, chính là tâm bồ đề mà trong kinh này nói. “Cố tri kim kinh chi phát bồ đề tâm” chính là trong Kinh Di Đà Yếu Giải nói: Tin thật nguyện thiết. “Hựu nhất hướng chuyên niệm” chính là trì danh niệm Phật. Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm Phật A Di Đà. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. “Do ư A Di Đà Kinh, đại tiểu nhị bổn nguyên thị nhất kinh” đại bổn là Kinh Vô Lượng Thọ, tiểu bổn là Kinh A Di Đà, nội dung hoàn toàn giống nhau.“Thị dĩ lưỡng giả”, Tông chỉ của đại bổn và tiểu bổn hoàn toàn như nhau nên nói “thật ưng nhất chỉ dã” cùng một tông chỉ.

“Phát tâm bồ đề, dĩ tường thuật ư minh tông chương trung” trong khái luận này nói rất tường tận, điều này chúng ta không cần nói nhiều. “Cẩn tái tùng An Lạc Tập trung, luận bồ đề tâm bộ phận, lục thủ số tắc, dĩ tiện tham hội”. Tham là tham khảo, trong Phật pháp gọi là tham học. Hội là hội hợp, nhiều loại kinh luận, Phật, Bồ Tát, Tổ sư đại đức. Nhiều cách nói khác nhau, chúng ta chỉ nghe và dung hội quán thông, chính là ý này. Bộ sách An Lạc Tập này, “Nhất độ dật thất” chính là đã thất truyền. “Nãi Đạo Xước đại sư sở soạn, sở luận thậm vi tinh yếu, hạ tiết lục nguyên văn, tịnh sảo chú thích, thiển thân kỳ ý” có một chú giải rất đơn giản, đem ý nghĩa của nó nói ra.

“Đạo Xước đại sư, ư phát bồ đề tâm hữu tứ phan nghị luận. Đệ nhất, hiển bồ đề tâm chi công dụng. An Lạc Tập vân: Đệ nhất, xuất bồ đề tâm công dụng giả” đây là nói công dụng của tâm bồ đề. “Đại Kinh vân”, ở đây nói Đại Kinh chính là Kinh Vô Lượng Thọ. “Phàm dục vãng sanh Tịnh độ, yếu tu phát bồ đề tâm vi nguyên”, hai chữ “Yếu tu” này vô cùng quan trọng. Yếu là trọng yếu, tu là cần thiết. Quan trọng nhất là cần phải phát tâm bồ đề, tâm bồ đề là căn nguyên của vãng sanh, như nguồn nước vậy. Nếu không phát tâm bồ đề, làm sao có thể vãng sanh? Phát tâm bồ đề quả thật rất quan trọng.

“Vân hà”, ý này có nghĩa là gì? “Bồ đề giả” đây là giải thích bồ đề. “Nãi thị vô thượng Phật đạo chi danh dã”, bồ đề chính là tiếng phạn, dịch thành tiếng trung có nghĩa là giác, đại giác, giác ngộ triệt để, không có gì không giác, đây là vô thượng Phật đạo. Trong Kinh Phật gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ Đề, dịch thành tiếng Trung Quốc có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu người muốn phát tâm làm Phật, tâm này rộng lớn, chu biến pháp giới. Tâm này không có giới hạn, trong Phật pháp thường nói: Tâm ôm trọn cả hư không pháp giới. Chính là tâm bồ đề, tâm bồ đề là chân tâm. Chân tâm giác mà không mê, vọng tâm mê mà không giác. Ngày nay chúng ta dùng vọng tâm: Vọng tâm mê mà không giác, chân tâm giác mà không mê. Chúng ta muốn làm Phật, quý vị xem, tâm phải rộng lớn, đây là điều kiện đầu tiên. Tâm nhỏ không làm Phật được, tâm nhất định phải lớn, phải chu biến pháp giới.

Tâm này rất rốt ráo, nó như hư không vậy, điều này quá quan trọng, có thể bao dung tất cả, đây là tâm bồ đề. Đây cũng chính là nói, cư dân ở thế giới tây phương Cực Lạc, tâm lượng của họ đều lớn như thế, vì sao? Chân tâm, họ không phải vọng tâm, vọng tâm mới có tự tư tự lợi. Tâm lượng của vọng tâm rất nhỏ, tâm lượng của chân tâm không có biên tế, thế nên chu biến pháp giới, khắp cả hư không, không có biên tế. Đây là gì? Đây là bản tánh của chúng ta, là chân tâm của chúng ta.

Tâm này dài rộng, không có biên giới, đây là từ trên thời gian mà nói, hai câu trước là từ trên không gian mà nói. Trên thời gian mà nói, nó vĩnh viễn lớn như vậy, nó không nhỏ lại. Vọng tâm có khi lớn, có khi nhỏ. Lớn cũng không phải rất lớn, nhỏ sẽ biến thành rất nhỏ, gọi là lòng dạ hẹp hòi. “Thử tâm phổ bị, ly nhị thừa chướng” phổ là phổ biến, bị là đầy đủ, thế nên họ không có chướng ngại của nhị thừa. Nhị thừa cũng chứng được chánh giác, nhưng họ không đạt được chánh đẳng chánh giác. Chánh đẳng chánh giác là bồ đề, chỉ có chánh giác, không có chánh đẳng chánh giác. Đây là Thanh văn, Duyên giác, đều coi là tiểu thừa. Tâm tiểu thừa cũng không tệ, nhưng có lúc không kiên nhẫn. Ví dụ chúng sanh khó độ, thôi vậy, không độ họ nữa, đây chính là tâm nhị thừa. Không như Bồ Tát, khó độ, khó độ cũng phải độ. Họ có tâm kiên nhẫn, họ có trí tuệ, họ có phương tiện thiện xảo.

“Nhược năng nhất phát thử tâm, khoảnh vô thỉ sanh tử hữu luân, sở hữu công đức hồi hướng bồ đề, giai năng viễn nghệ Phật quả, vô hữu thất diệt”. Tâm này vừa phát, khoảnh có nghĩa là hũy hoại, nghĩa là bại vong, là phóng túng. Phóng túng là gì? Vô thỉ sanh tử hữu luân. Hữu là tam hữu: Dục giới hữu, sắc giới hữu, vô sắc giới hữu, chính là lục đạo là sanh tử luân hồi trong lục đạo. Vô thỉ kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, luân chính là trôi lăn trong luân hồi sanh tử, tất cả đều rất phóng túng. Cũng chính là nói tất cả\_Khoảnh là hũy đi, hũy diệt nó.

Tất cả công đức hồi hướng bồ đề, tâm bồ đề có sức mạnh lớn như vậy, cũng chính là nó có thể diệt trừ tâm luân hồi. Tôi nói như vậy mọi người càng dễ hiểu. Vô thỉ sanh tử hữu luân chính là tâm luân hồi lục đạo. Có tâm luân hồi lục đạo, sẽ có quả báo lục đạo luân hồi. Tâm luân hồi đoạn, lục đạo luân hồi sẽ không còn, lúc này tất cả công đức đều hồi hướng bồ đề. Ba loại hồi hướng: Hồi hướng thực tế, thực tế là hồi hướng tự tánh, thực tế là tự tánh. Hồi hướng bồ đề là hồi hướng chánh giác, bồ đề là chánh giác. Tiếp theo là hồi hướng chúng sanh, mỗi niệm không quên tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới.

Trước đây chúng ta nói chúng sanh còn thêm hữu tình, bây giờ đã hiểu. Động vật, thực vật, khoáng vật tất cả đều là chúng sanh. Động vật có tình chăng? Có, khoáng vật có tình chăng? Có, tất cả đều có. Tình là gì? Thọ tưởng hành thức, nó có cảm thọ. Nó có cảm thọ khổ lạc, nó có cảm thọ lo lắng ưa thích, nó có tưởng. Chúng ta lấy thiện tâm đối với nó, nó biết. Lấy ác tâm đối với nó, nó cũng biết. Chúng ta khởi tâm động niệm đều không quấy nhiễu đến nó. Bây giờ chúng ta biết, hiện tượng của toàn thể vũ trụ, các nhà khoa học đem nó phân thành ba loại lớn: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Ba loại hiện tượng này đều là hiện tượng dao động, tần suất dao động rất nhanh, chúng ta không thể tưởng tượng được. Giới khoa học chỉ nói, dao động này vô cùng nhanh, Phật pháp nói chữ số ra. Như Bồ Tát Di Lặc nói, một gảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, một ý niệm chính là một tần suất. Một gảy móng ta là 32 ức 100 ngàn niệm, dùng cách tính của người Trung Quốc: một gảy móng tay là 320 triệu, tần suất chấn động của nó là 320 triệu lần.

Như vậy một giây thì sao? Một giây ít nhất có thể gảy năm lần, gảy nhanh có thể gảy năm lần. Vậy nhân cho năm, 1600 triệu. Trong một giây, có 1600 triệu lần, tần suất rất cao. Mỗi ý niệm đều đầy đủ\_Trong Phật pháp nói hiện tượng ngũ uẩn: Sắc thọ tưởng hành thức. Sắc là hiện tượng vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần, đây là trong Phật pháp nói. Hiện nay các nhà khoa học cũng khẳng định, các nhà khoa học đã phát hiện, hiện tượng tâm lý và hiện tượng vật chất là một không phải hai. Hiện tượng vật chất từ đâu đến? Là hiện tượng tâm lý biến hiện ra, cơ sở của vật chất là ý niệm, chính là ý niệm. Không có ý niệm, vật chất cũng không còn. Chỉ cần có vật chất tồn tại, quý vị biết, ý niệm của quý vị không bao giờ gián đoạn, niệm trước diệt thì niệm sau sanh.

Trong hiện tượng vật chất có rất nhiều vật thể kiên cố, tần suất của nó hơi chậm. Như nhục thể của chúng ta, những thứ này tần suất nhanh hơn. Nhanh hơn nữa liền biến thành không khí, biến thành dòng điện, biến thành sóng ánh sáng, đó là tần suất nhanh, nhưng bất luận là nhanh đến đâu, đều là đang sản sinh biến hóa trong tần suất, không đạt đến tốc độ tần suất nguyên thủy. Tốc độ đó, vừa mới động\_Trong kinh Phật nói, biến pháp giới hư không giới.

Quý vị xem, trong Hoàn Nguyên Quán nói ba loại chu biến: Thứ nhất là chu biến pháp giới, vừa mới động, nó liền chu biến pháp giới. Bất luận là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hay hiện tượng tự nhiên, chỉ cần nó vừa động liền chu biến pháp giới, tất cả biến pháp giới hư không giới đều biết. Thế nên thân tâm chúng ta, chính là bộ phận tinh thần và bộ phận vật chất của chúng ta, đều đang khởi dao động. Thân thể này giống như một đài phát xạ vậy, đem ý niệm chúng ta phát ra bên ngoài, đồng thời cũng là đài tiếp thu. Tin tức của toàn bộ vũ trụ, chúng ta đều nhận được, nhận được tại sao chúng ta không biết? Phiền não làm chướng ngại. Nếu phiền não nhẹ, tâm địa thanh tịnh, họ có thể tiếp thu được, càng thanh tịnh nhận được càng nhiều, thật ra tất cả đều đã nhận được. Tâm quý vị càng thanh tịnh, quý vị cảm nhận càng nhiều, hoàn toàn có thể cảm nhận được.

Thế nên toàn thể vũ trụ, dùng cách nói hiện nay là một thể hữu cơ. Nó là sống, không có thứ gì là chết, tất cả đều là sống, mà còn là gì? Tất cả có liên quan. Toàn thể vũ trụ giống như một màng lưới điện vậy, như mạng internet vậy. Chúng ta là một điểm trong mạng internet, liên quan với toàn bộ vũ trụ, khởi tâm động niệm đều liên quan, kết nối với nhau, đây là chân tướng sự thật.

Thế nên tâm bồ đề không thể không phát, cũng chính là trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, phải học cách dùng chân tâm không nên dùng vọng tâm.

Như thế nào là vọng tâm? Khởi tâm động niệm là vọng tâm, phân biệt chấp trước là vọng tâm. Hay nói cách khác, lục căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thấy một cách rõ ràng, nghe một cách rõ ràng. Đừng chấp trước chính là dùng chân tâm, chấp trước là dùng vọng tâm. Không nên phân biệt, phân biệt là vọng tâm, không phân biệt là chân tâm. Không khởi tâm, không động niệm\_Không khởi tâm, không động niệm, quý vị giống như Phật vậy, hoàn toàn dùng chân tâm, không có chút vọng tâm nào.

Nếu chỉ làm được không phân biệt, còn không khởi tâm không động niệm làm không được, chỉ có thể làm được không phân biệt. Không phân biệt đương nhiên không chấp trước, như vậy là quý vị giống như Bồ Tát vậy, Bồ Tát dùng chân tâm, còn mang một chút vọng. Thấp hơn một bậc, đó chính là A la hán, Bích Chi Phật. Họ có khởi tâm động niệm, có phân biệt nhưng không có chấp trước, không có chấp trước, đây là A la hán. A la hán dùng chân tâm được một phần ba, Bồ Tát dùng được hai phần ba, Phật thì viên mãn, Đức Phật dùng hoàn toàn là chân tâm. Đây là điều chúng ta phải học, học Phật là học những điều này. Tâm lượng phải khoáng đạt, điều này đối với phàm phu chúng ta mà nói, phàm phu vì có tự tư tự lợi, chấp trước có cái tôi nên lượng không lớn. Trong cuộc sống, trong xử sự đối nhân tiếp vật phải mở rộng tâm lượng, bình đẳng đối với mọi người, không nên có phân biệt không nên có chấp trước, mở rộng tâm lượng, càng lớn càng tốt.

Các bậc thánh hiền dạy chúng ta: Lượng lớn phúc lớn, người không có độ lượng phước báo rất nhỏ. Phước báo lớn bao nhiêu, xem tâm lượng quý vị lớn chừng nào. Lượng nhỏ thì phước báo nhỏ, thế nên Phật lượng lớn nhất nên đã viên mãn. Phước báo của Phật là viên mãn, tâm lượng lớn, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Tất cả công đức hồi hướng bồ đề, hồi hướng thực tế, “giai năng viễn nghệ Phật quả” nghệ là đạt đến. Công đức tu học mà chúng ta hồi hướng, hy vọng tương lai có thể chứng được vô thượng bồ đề, chứng được quả Phật. “Vô hữu thất diệt” công đức này giúp quý vị, công đức tuyệt đối không mất đi. Mỗi niệm đều hướng về bồ đề, mỗi niệm hướng về thế giới tây phương Cực Lạc, mỗi niệm hướng Phật A Di Đà.

Bên dưới là giải thích của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chú thích của Hoàng Niệm Tổ: “tư thô thích vân”, không phải nói tỉ mĩ mà chỉ nói đại ý. “Thủ dẫn Đại Kinh, dĩ minh công dụng. Đại Kinh giả Vô Lượng Thọ Kinh” dẫn dụng Kinh Vô Lượng Thọ để giải thích. Ngài Tịnh Ảnh, Đạo Xước, Thiện Đạo đều gọi là đại kinh, gọi Kinh Vô Lượng Thọ là Đại kinh của Tịnh tông. Thiên Thai là Trí Giả đại sư, ngài gọi Kinh Vô Lượng Thọ là đại bổn, gọi Kinh Di Đà là tiểu bổn. Các ngài như Thiện Đạo đại sư gọi là đại kinh, gọi là tiểu kinh. Tiểu kinh chính là Kinh A Di Đà\_tiểu kinh.

“Thử bồ đề tâm, thật bi vãng sanh Tịnh độ chi nguyên” câu này rất quan trọng. Thế nên cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, không thể không có bổn nguyên, không có bổn nguyên nhất định không thể vãng sanh. Đây chính là phát tâm bồ đề, rất quan trọng. “Nguyên giả, bổn dã, cố tri, nhược bất phát thử tâm. Túng nhiên cần tu, diệc tợ vô nguyên chi thủy, vô bổn chi bổn, chung bất năng vãng sanh dã” nếu chúng ta không phát tâm bồ đề, dù niệm Phật có giỏi\_Nhất tâm chuyên niệm nhưng không phát tâm bồ đề, giống điều gì? Điều này có ví dụ rất hay. “Vô nguyên chi thủy” nước này nhất định sẽ khô, không có nguồn nước. “Vô bổn chi bổn” cây này không có rễ, cây không có rễ làm sao sống được? Tâm bồ đề là căn bản để vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, không phát tâm bồ đề được ư? Chúng ta muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, là phải dùng chân tâm để sống, dùng tâm chân thành xử sự đối nhân tiếp vật.

Thế nên nhiều năm nay tôi giảng về tâm bồ đề, tôi nói rất đơn giản. Tôi giảng về tâm chân thành chính là tâm chí thành trong Quán Kinh. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác chính là thâm tâm. Phải giác ngộ, giác ngộ chính mình là phàm phu, giác ngộ chính mình đã sai, giác ngộ chính mình khởi tâm động niệm đều đang trôi lăn trong luân hồi, đây là giác ngộ đối với chính mình. Phải giác ngộ 48 nguyện của Phật A Di Đà là phát vì chúng ta. Giác ngộ thế giới tây phương\_Phật A Di Đà kiến lập thế giới Cực Lạc là cung cấp cho chúng ta tu hành chứng quả. Phật Di Đà có đại ân đại đức với mình, chúng ta phải tri ân báo ân, báo bằng cách nào? Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật Di Đà, chứng cứu cánh quả Phật, đây chính là báo ân Phật Di Đà. Có thể báo ân Phật Di Đà thì tất cả công đức đều đã báo hết: Ân cha mẹ, ân tổ tông, ân quốc gia, ân chúng sanh, đã báo hết tất cả. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Một là tất cả, tất cả là một, không sai chút nào!

“Vân hà dĩ hạ” trong phần chú giải ở trước\_Vân hà dĩ hạ\_Chính là của Đạo Xước đại sư. “Thân minh kỳ nghĩa. Cái bồ đề giả, giác dã, vô thượng giác tức Phật giả”. Bồ Tát giác, Bồ Tát đã giác ngộ nhưng chưa viên mãn, không thể xưng là vô thượng. Phật mới là vô thượng giác, không ai viên mãn hơn Phật, cứu cánh viên mãn, đây là vô thượng giác.

“Thị cố bồ đề tức vô thượng Phật đạo chi danh. Phát tâm tác Phật, tức phát khởi thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật chi tâm”. Hai câu này là trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đây là Thế Tôn nói với chúng ta, Phật là gì? Phật chính là tâm mình\_thị tâm thị Phật, không phải là vật bên ngoài. Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm này là gì? Chân tâm, chân tâm chính là Phật, vọng tâm tức là ma. Phật và ma đều không ở bên ngoài đều là chính mình. Một niệm giác thì thành Phật, một niệm mê thì làm ma. Một niệm giác ma biến thành Phật, một niệm mê thì Phật biến thành ma, chính là như vậy. Nếu quý vị minh bạch, rõ ràng, Phật dễ thương, ma cũng rất dễ thương, cách nhìn của quý vị đối với Phật và ma, là tâm bình đẳng, là một không phải hai. Phải giúp vọng tâm trở về giác tâm, trở về với chánh giác, như vậy là đúng, đây gọi là “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Thế nên trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói: Tất cả chúng sanh vốn là Phật, đây chính là thị tâm thị Phật.

Tất cả chúng sanh bao gồm cây cỏ hoa lá, bao gồm sơn hà đại địa, vì sao? Tất cả đều do các duyên hòa hợp mà thành, còn bao gồm hiện tượng tự nhiên. Trong nhà Phật nói lôi thần, điện thần\_Lôi điện, lôi điện là thuộc về hiện tượng tự nhiên, có lôi công, phong thần, vũ thần, đây phải chăng là mê tín? Không phải, sao lại mê tín? Phong vũ lôi điện, đầy đủ tất cả sắc thọ tưởng hành thức, nên nó với chúng ta có thể có cảm ứng. Ý niệm của chúng ta chuyên chú, liền khởi tác dụng cảm ứng với nó. Chúng ta buông bỏ ý niệm, vọng niệm, nhất tâm nhớ nghĩ đến ông lôi, nghĩ đến sấm chớp, sấm chớp liền khởi tác dụng. Làm cho tiếng sấm nhỏ một chút, khiến luồng điện yếu một chút, có thể làm được, hình như nó rất nghe lời, rất hợp tác với quý vị. Nếu quý vị không thể tập trung ý niệm, sẽ không khởi cảm ứng đối với nó, ý niệm tập trung vào nó là được.

Những biến hóa trên địa cầu, nếu chúng ta tập trung ý niệm, hy vọng thiên tai này ngày càng nhỏ, đến lúc thiên tai không phát sanh, sơn hà đại địa trên địa cầu này sẽ hợp tác với quý vị. Cũng chính là nói, như tiến sĩ Giang Bổn người Nhật, làm thực nghiệm nước vậy. Thiên địa vạn vật, phong vũ lôi điện đều có cảm ứng với ý niệm chúng ta. Ý niệm chúng ta thiện, nó thiện\_Phong điều vũ thuận, thiện niệm. Ý niệm chúng ta bất thiện\_phong lớn vũ lớn, tạo thành thiên tai chính là như vậy. Thế nên thế gian này, những gì gọi là thiên tai tự nhiên, không phải tự nhiên là do con người khởi tâm động niệm mà cảm ứng nên. Đạo lý này Đức Phật nói rất thấu triệt nhưng con người không tin tưởng. Con người hiện nay chú trọng điều gì? Vật lý, không hiểu tâm lý. Càng cao tầng là tâm lý, vật lý là từ trong tâm lý biến hiện ra. Thế nên cảnh từ tâm chuyển, cảnh chính là vật, vật tùy theo tâm người mà chuyển. Tâm là chủ tể, vật không phải chủ tể, phải hiểu rõ ràng minh bạch về điều này.

Vô cùng khó được, các nhà khoa học hiện đại đã chứng minh. Các nhà lượng tử học cận đại đã nghiên cứu rõ ràng, minh bạch. Hoàng Niệm Tổ là người nghiên cứu khoa học, trong trường ông dạy về điện vô tuyến, dạy khoa học. Quý vị xem, trong kinh trang 296 ở trước, ông đề cập đến một điểm vi tế của một sợi long một hạt bụi, đều hiện ra từ lý thể thực tế, đây là nói về khoa học. Ở trang 338 nói về vi trần, ông dẫn dụng lời của các nhà khoa học hiện đại.

Sau năm 1980, các nhà khoa học phát hiện vi trung tử cũng chính là nói lượng tử. Vi trung tử lớn chừng nào? Chỉ bằng một trên một trăm ức của một điện tử. Vi trung tử có năng lực xuyên suốt một tấm nhôm hoặc một tấm gang dày mười ức cây số. Nên nhớ, dày bao nhiêu? Mười ức cây số. Sức mạnh quá lớn, nó có thể xuyên suốt.

Hạt căn bản là cảnh giới tướng của A lại da, tâm niệm là chuyển tướng, năng lượng là nghiệp tướng. Đây là dùng khoa học hiện đại, để ấn chứng tam tế tướng của A lại da như trong kinh Phật nói. Mười ức cây số là đã xuyên suốt địa cầu. Từ đường kính của địa cầu, thông qua địa tâm đến bên này chưa tới mười ức, chưa đến mười ức. Thế nên hiện tượng tâm lý là gốc là rễ, hiện tượng vật chất là cành là nhánh. Ngày nay nghiên cứu đều ở trên cành nhánh, không tìm đến gốc rễ, nên khi xuất hiện vấn đề, không tìm ra phương pháp giải quyết. Phật pháp tìm ra gốc rễ nên mới có phương pháp giải quyết.

Ngày nay các nhà vật lý học, dùng rất nhiều phát minh để biến đổi gien, hy vọng động thực vật có thể sinh trưởng tốt hơn, thật ra hiện nay gien xảy ra vấn đề. Ngày xưa không cần những thứ này, họ có phương pháp làm cho sinh trưởng rất tốt mà còn vô cùng dinh dưỡng. Hiện nay chứng minh, giá trị còn cao hơn hiện tại, người xưa dùng gì? Dùng tâm lý. Nhân tâm hậu đạo, nhân từ thương người, nói về luân lý. Quý vị xem, hiếu đệ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình. Tâm như vậy trồng trọt ra sản phẩm, làm sao lại không tốt? Đây chính là văn hóa phương đông coi trọng ở tinh thần, tinh thần ảnh hưởng đến vật chất là tốt nhất.

Khoa học kỷ thuật họ không hiểu điều này, tâm họ không được lương thiện. Họ không có hiếu đệ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình. Khởi tâm động niệm đều tương phản với những điều này, dùng nhiều phương pháp vật lý học để thay đổi. Càng cải càng hư, chi bằng đừng cải, đây là gì? Tôn sùng vật lý, lơ là tâm lý, đây là điều rất phiền toái, nhưng ngày nay quan niệm này đã hoàn toàn được thành lập, người người đều tin.

Ngày nay chúng ta đề cập đến tâm lý, không có người tin, như vậy phải làm sao? Chỉ còn cách nhìn khoa học kỷ thuật hũy diệt thế giới này, thế giới hũy diệt sau đó lại có, điều này rất bi thảm. Khoa học kỷ thuật đem đến sự hưởng thụ cho chúng ta, chẳng qua hai ba trăm năm sau, chúng ta phải trả giá là địa cầu hũy diệt, thật không đáng! Điều này không phải không ai biết.

Vào năm 1970, Tiến sĩ Thang Ân Tỷ người Anh, nói rất rõ ràng\_Cũng chính là bốn năm mươi năm trước, một nữa thế kỷ trước. Ông đề ra khôi phục phương thức trồng trọt của nhân công ngày xưa. Cách canh tác đó sản xuất sản phẩm thật sự có dinh dưỡng, đối với người rất có lợi ích, không có chút tác dụng phụ nào. Ông chủ trương cách trồng trọt của nhân công ngày xưa, không nên đùng cơ giới, không nên dùng hóa học. Chủ trương những công cụ phát triển trên mặt khoa học, chỉ có thể dùng ở ăn mặc ở đi của chúng ta, ngoài điều này ra, tuyệt đối không nên phát triển không nên đi nghiên cứu nó. Hạn chế khoa học kỷ thuật trong sự ăn mặc ở đi, rất có đạo lý, thật sự có trí tuệ! Đáng tiếc không ai tin.

Thảo luận của ông, trong phần ghi chép chúng ta nhìn thấy. Họ xuất bản một cuốn sách, ông nói chuyện với Trì Điền Đại Tác. Tôi đã xem cuốn sách này, tôi rất khâm phục kiến giải của ông. Họ cũng nói đến vấn đề xã hội của thế kỷ 21\_Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, ông ta cho rằng nhất định phải dùng học thuyết Khổng Mạnh và đại thừa Phật pháp. Học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa đều xuất phát từ Trung Quốc. Ông ta đối với truyền thống văn hóa xưa khâm phục sát đất, cũng tha thiết vô cùng. Người trong nghề, ông ta thật sử hiểu!

Chúng ta ở Úc Châu hay nước Anh không nhìn thấy người thứ hai như Thang Ân Tỷ, ông không có người kế thừa. Hán học của Úc Châu, tôi đã đi phỏng vấn hai lần, tôi đã hiểu, đã minh bạch. Văn hóa truyền thống, văn hóa đại thừa, đích thực có thể giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề. Người học Phật không thể không biết thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Thị tâm thị Phật là gốc, vì có gốc này, tâm hiện tại của chúng ta muốn làm Phật, chắc chắn có thể thành Phật.

Người có thể phát tâm như vậy, vốn là Phật. Tâm làm Phật này, tức là tâm của người vốn là Phật. Thế nên bên dưới lại nói: Tâm này rộng lớn, bao trùm cả hư không pháp giới, tâm này cứu cánh. “Cứu cực chân tế, cùng tận pháp nguyên dã” cứu cực chân tế là lý, người hiện nay gọi là chân lý, chân tế chính là chân lý. Cùng tận pháp nguyên, pháp là vạn pháp, căn nguyên của tất cả vạn pháp trong vũ trụ, quý vị đều đã hiểu, đây là hạng người nào? Đây là Phật! Phật dùng phương pháp gì? Ngài chính là dùng chân tâm. Quý vị dùng chân tâm, vấn đề này có thể giải quyết, quý vị có thể kiến tánh. Cứu cực chân tế chính là minh tâm kiến tánh. Tôi giải thích như vậy, mọi người sẽ dễ hiểu hơn.

Cùng tận pháp nguyên chính là không gì không biết, không gì không thể, không hề có chướng ngại, sau khi quý vị kiến tánh đích thực là như vậy. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian, không có gì quý vị không biết, không có gì quý vị không thấu triệt. Vũ trụ từ đâu đến? Vì sao có những hiện tượng này? Vũ trụ đi đâu và về đâu? Nhân sinh vạn vật không có gì không biết, vì sao quý vị biết? Quý vị đã kiến tánh, đây đều là tự tánh biến hiện ra.

Ngài Huệ Năng đã kiến tánh, câu sau cùng ngài nói: Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp. Biến pháp giới hư không giới là tự tánh biến hiện ra, chỉ cần kiến tánh, liền thấu triệt tất cả, dùng phương pháp nào để kiến tánh? Tự tánh không có phương pháp. Chỉ cần đoạn tận chướng ngại, nó liền hiện tiền, chướng ngại là gì? Khởi tâm động niệm là chướng ngại, phân biệt chấp trước là chướng ngại. Chỉ cần lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, như vậy là hoàn toàn minh bạch, chỉ đơn giản như vậy. Đức Thế Tôn là thành tựu như vậy, Huệ Năng đại sư cũng là thành tựu như vậy. Ngài Huệ Năng nghe thầy giảng Kinh Kim Cang, Sư phụ của ngài là Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Ngài Huệ Năng không biết chữ, không đi học, suốt đời chưa nghe một bài giảng. Trong chùa có thiền đường nhưng ngài chưa từng tham thiền. Có giảng đường, nhưng ngài chưa từng đến nghe kinh. Ngài ở trong chùa tám tháng là làm công quả. Ngũ tổ phân ngài đến nhà củi, chặt củi giả gạo. Ngài àm những việc nặng nhọc này suốt tám tháng, tối cuối cùng hòa thượng gọi ngài đến gặp, giảng Kinh Kim Cang cho ngài nghe.

Nữa đêm canh ba gặp mặt, mọi người đều đã ngũ, ngài vào phòng của Ngũ tổ, cửa đều mở. Ngũ tổ giảng Kinh Kim Cang cho ngài, thực tế mà nói nhiều nhất khoảng hai tiếng. Giảng kinh xong, đại khái giảng được một phần ba đại ý, ngài liền hoát nhiên đại ngộ. Vì sao ngài nghe kinh khoảng hai tiếng thì đã thành Phật? Đạo lý này chúng ta cần phải hiểu. Ngài nghe kinh hai tiếng, liền buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Tự tánh của ngài đã xuất hiện, liền minh tâm kiến tánh nên triệt để thông đạt minh liễu. Ngài nói ra năm câu: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn không dao động. Câu sau cùng: Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.

Nói đến đây, Ngũ tổ nói: Dừng lại, đừng nói nữa, liền đem y bát truyền cho ngài, dạy ngài nhanh chóng ra đi. Tự mình đưa tiễn và dạy ngài đi trốn. Lần trốn này ngài trốn hết 15 năm, mọi người quên dần chuyện này thì ngài xuất hiện. Vì sao phải trốn? Đố kỵ, chướng ngại. Quý vị xem, biết bao nhiêu đồng học, theo Ngũ tổ rất nhiều năm vậy mà y bát của thầy không truyền cho họ, sao lại truyền cho một người như vậy. Mọi người không phục, nhưng ngài thật sự đã khai ngộ còn những người này, rất nhiều người theo Ngũ tổ đều chưa khai ngộ. Pháp phải truyền cho người thật sự khai ngộ, người thật sự kiến tánh. Thế nên Phật nói với chúng ta rất rõ ràng: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Như vậy chúng ta sẽ hiểu, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị liền được chứng quả. Vì sao không chịu buông bỏ? Điều này rất quan trọng, đây mới thật sự là then chốt.

“Trường viễn, minh tịch chân thường”, minh là quang minh, là trí tuệ. Tịch chính là định, tịch tịnh. Hai thứ này là chân thường, không phải giả. Minh là trí tuệ, tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã. Tịch là đức, tánh đức, như như bất động. Chân thường là bất sanh bất diệt. Vĩnh viễn không còn sanh diệt, là chân thường! “Phổ bị, cụ túc nhất thiết”, đầy đủ tất cả pháp. “Vô khiếm vô dư dã”, khiếm là khiếm khuyết, không thiếu thốn. Không những không thiếu mà cũng không dư, quý vị đạt được một cách viên mãn, nên nói trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, không gì không biết, không gì không thể. Đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn\_Ngày nay chúng ta nói là phước báo, phước báo viên mãn.

Quý vị đã đạt được, nói thực tế không phải mấy ngàn ức, mấy vạn ức. Như vậy là quá nhỏ, quá nhỏ bé. Quý vị đạt được biến pháp giới hư không, tất cả pháp giới quý vị đều đạt được. Đó là vạn vạn ức, không chỉ vạn vạn ức, những việc vặt vãnh như vậy mà tính làm gì! Biến pháp giới hư không giới là chính mình, tất cả là tâm hiện thức biến. Quốc độ chư Phật vô lượng vô biên trong mười phương pháp giới, từ đâu đến? Tâm chúng ta sở hiện. Trong pháp giới của chư Phật, mười pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu đến? Thức chúng ta sở biến. Lúc này thật sự có cái tôi, khi mê không có cái tôi, khi giác ngộ thật có tôi. Tôi là gì? Chủ tể, tự tại. Lúc này mới thật sự đầy đủ năng lực trí tuệ, để giáo hóa chúng sanh mười pháp giới, trong tất cả quốc độ khắp biến pháp giới hư không giới. Chúng sanh mười pháp giới chưa khai ngộ, nhưng quý vị có cảm ứng đạo giao với những chúng sanh này.

Chúng sanh có niệm, ý niệm của họ như đài phát xạ vậy, phát ra lập tức chu biến pháp giới, những tin tức này quý vị đều nhận được, nhận được thì sao? Hóa thân đi. Chúng sanh vô lượng vô biên vô tận vô số, hóa thân của quý vị cũng như vậy, vô lượng vô biên vô tận vô số, không sót người nào. Bản lĩnh này lớn biết bao! Là ai? Chính mình. Đây mới thật sự gọi là từ bi, mới thật sự thương yêu chúng sanh. Giúp tất cả chúng sanh, giác ngộ tất cả chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh, đây gọi là phổ bị.

Bên dưới tổng kết: Nếu như tâm này, công đức không thể nghĩ bàn. Nếu có thể phát tâm này, liền đoạn tận sanh tử và các trầm luân từ vô lượng kiếp đến nay. Đây chính là giải thích: “Nhược năng nhất phát thử tâm, khoảnh tận vô thỉ sanh tử hữu luân”. Hoàng Niệm Tổ nói mấy câu này rất hay, chúng ta vừa nghe đã hiểu. Quý vị xem, nếu có thể phát tâm này, tâm bồ đề vừa phát, quý vị liền có thể đoạn tận tất cả trầm luận sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay. Chư hữu trầm luân chính là luân hồi lục đạo, quý vị có thể liễu sanh tử xuất luân hồi.

“Cánh dĩ công đức hồi hướng bồ đề, định năng thượng chứng Phật quả”, quý vị đem tất cả những công đức của mình\_Tôi không cần gì cả, chỉ cần vô thượng bồ đề, quý vị liền chứng được vô thượng bồ đề. Chứng được vô thượng bồ đề, chính là chứng được quả Phật. “Sở hữu công đức, quyết bất đường quyên” đường quyên là tổn thất. Tất cả công đức của quý vị, chắc chắn không tổn thất. Không những không tổn thất, cũng không tiêu diệt. “Đạo Xước đại sư thử ngũ” những lời này của ngài Đạo Xước. “Trực tiệt đạo xuất bồ đề tâm chi công dụng, siêu xuất tình kiến, vi diệu nan tư” Đạo Xước đại sư là người như thế nào? Nếu không phải người minh tâm kiến tánh, làm sao có thể nói ra được những lời như vậy?

Minh tâm kiến tánh, thông thường chúng ta xưng họ là Phật, không phải Phật họ không nói được như thế. Chỉ có Phật mới nói ra được những lời như vậy, điều này chúng ta không thể không biết. Đích thực đã vượt ra ngoài tình kiến, tình là người có tình cảm. Cũng chính là nói, người có phân biệt chấp trước, đây gọi là hữu tình. Hữu tình chúng sanh, tuyệt đối không có kiến giải này, ngài đã vượt ta khỏi. Ra khỏi lục đạo, ra khỏi mười pháp giới. Người trong lục đạo, mười pháp giới, không có kiến giải như vậy, tâm bồ đề có tác dụng lớn như thế.

Nếu nói chính quý vị muốn phát tâm bồ đề, nên bắt đầu phát từ đâu? Ở đây, trong chú giải của đại sư có mấy câu, quý vị phát khởi từ đây. Tâm này rộng lớn, chu biến pháp giới nên bắt đầu phát từ đây. Nếu tâm lượng quý vị nhỏ, người này không dung chứa được, người kia cũng không thể dung chứa, như vậy quý vị biết, mình không có tâm bồ đề. Dù có niệm Phật siêng năng đến mấy, cũng không thể vãng sanh. Đầu tiên phải bao dung, phải bình đẳng. Tâm mình đối đãi người khác không bình đẳng, tôi thích người này, ghét người kia, như vậy không được, không thể vãng sanh. Quý vị nên cố gắng phản tĩnh ngay điều này, sẽ biết mình có phát tâm hay không, có thể vãng sanh thế giới Cực lạc hay không, mình có đầy đủ điều kiện của thế giới Cực Lạc hay không, quý vị sẽ biết được.

Tâm này cứu cánh, cứu cánh là gì? Khắp cả hư không, ý nghĩa của hai chữ cứu cánh này, không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là cứu cánh. Bồ Tát không có phân biệt chấp trước nhưng có vọng tưởng, vì vậy chưa cứu cánh. Phật không có vọng tưởng, đây gọi là cứu cánh. Điều này trong cuộc sống hằng ngày cần phải học tập, học trong cuộc sống, học trong công việc, học trong xử sự đối nhân tiếp vật. Học không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, như vậy có thể làm việc chăng? Làm việc không thể không dùng tâm, như vậy có thể làm việc chăng? Có thể mà còn làm một cách viên mãn. Làm việc khởi tâm động niệm, thường thường về sau hay có sai sót, vì sao? Chân tâm. Chân tâm sung mãn trí tuệ, chân tâm làm việc là trí tuệ. Chúng ta thông qua tư duy, thông qua tư duy là tri thức.

Người bây giờ học là tri thức, không phải trí tuệ, tri thức làm việc xảy ra rất nhiều sai sót, rất nhiều hậu di chứng, vì sao? Tâm không thanh tịnh. Quý vị thử nghĩ xem, tâm thanh tịnh là A la hán, không thể sách được với A la hán. Tâm bình đẳng là Bồ Tát, tâm đại triệt đại ngộ là Phật. Hiện nay trong khởi tâm động niệm của chúng ta, đều có vọng tưởng phân biệt chấp trước, như vậy có thể không có hậu di chứng ư? Không thể! Vì sao? Quý vị nghĩ chưa được viên mãn, nghĩ bên này, đến bên đó quên, nghĩ bên này, đến bên đó lại quên. Duy chỉ có trí tuệ, không cần thông qua tư duy nhưng chu đáo mọi mặt.

Ở trên thế giới này, chúng ta tuy 100 năm động loạn nhưng quý vị quan sát tường tận, quý vị đi khắp thế giới, người Trung Quốc vẫn tương đôi nghe lời. Nguyên nhân gì? Mấy ngàn năm trước, căn cơ mà tổ tông dạy dỗ rất thâm hậu. Hôm nay nói lời này, tôi sung mãn niềm tin, vì sao? Tôi làm thực nghiệm ba năm ở Thang Trì, tôi phát hiện con người sao lại dễ dạy như vậy? Dạy người Trung Quốc kết quả như vậy, thì người người ngoại quốc nhất định cung như thế, bởi cổ nhân nói “nhân chi sơ tánh bổn thiện”.

Mấy ngàn năm trước tiếp nhận sự huân tập của truyền thống văn hóa, hai ngàn năm nay huân tập phật pháp đại thừa, nền mống này rất thâm hậu. Hôm nay đã trái ngược, đã từ bỏ. Lơ là truyền thống, lơ là đại thừa, để học tư tương của ngoại quốc, khiến chính mình chịu rất nhiều khổ, rất nhiều thiên tai. Chỉ cần giác ngộ, chỉ cần quay đầu tìm tổ tông, tất cả vấn đề đều được giải quyết. Phải tin vào trí tuệ viên mãn của tổ tông, là tánh đức của chính mình, tự mình với tổ tông không phải hai. Chúng ta phải khai phát trí tuệ trong tự tánh, khai phát năng lực trong tự tánh, khai phát bảo tàng trong tự tánh. Phải coi trọng tinh thần không nên học cách coi trọng vật chất. Người ngoại quốc coi trọng vật chất, không biết tinh thần. Thế nên ngày nay thiên tai đã đến, họ không có biện pháp giải quyết. Phương đông như Trung Quốc, Ấn Độ. Phương đông rất có căn bản, ngày nào giác ngộ trở lại tìm tổ tông, những, những điển tịch tổ tông lưu lại đều còn. Trí tuệ đều ở trong những cuốn sách này, phương pháp đều trong những cuốn sách đó, kinh nghiệm cũng đều ở trong đó. Chỉ cần quý vị xem nhiều, sẽ hoàn toàn minh bạch.

Ngày nay vấn đề lớn nhất của chúng ta, làm sao khôi phục lòng tin đối với tổ tông, đây là then chốt. Cũng chính là nói, những gì tổ tông lưu lại giúp chúng ta, có thể giúp được bao nhiêu, đều ở trên niềm tin. Quý vị có một phần lòng tin, tổ tông giúp quý vị một phần, có lòng tin mười phần, tổ tông giúp quý vị mười phần. Quý vị có một ngàn phần tin, họ sẽ giúp quý vị một ngàn phần. Một vạn phần tín tâm, tổ tông giúp quý vị một vạn phần, hoàn toàn là thật, không hề giả dối, chúng ta nhất định không thể lơ là.

Khôi phục cung kính đối với tổ tông, tổ tông quan tâm hậu nhân rất chu đáo. Sau khi tôi học Phật, tâm tôi thường nghĩ như vậy, tổ tông chúng ta đều là Phật Bồ Tát hóa thân, không phải người phàm. Những gì mấy ngàn năm trước truyền lại, Phật pháp truyền đến Trung Quốc mới 2000 năm nhưng hoàn toàn tương ưng với Phật pháp. Ngày nay đem tổ tông, Phật pháp và khoa học cận đại so sánh cũng tương ưng. Khoa học đã chứng minh nên ngày nay chỉ có thiểu số, số rất ít nhà khoa học hiểu được, họ biết, lý ở trong này rất thâm sâu. Chúng ta không phải trãi qua 60 năm huân tập, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Huân tu trong kinh giáo đại thừa suốt 60 năm, không gián đoạn ngày nào, chúng ta mới lãnh hội được nhiều như vậy, mới có nhận thức nhiều như vậy, năm ba năm không được.

Huân tập giáo huấn của tổ tông, huân tập đại thừa, ít nhất mười năm, quý vị mới có được chút căn bẳn. Hai mươi năm, ba mươi năm chắc chắn có chỗ ngộ\_Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tổ tông giáo huấn: Đạo dạy học, quý ở chỗ chuyên nhất. Học phải chuyên, đương nhiên học cũng phải chuyên, không chuyên không học tập được gì. Chuyên như thế nào? Chuyên sẽ được định, định lâu sẽ khai trí tuệ, hoát nhiên đại ngộ, vấn đề mới giải quyết được.

Tam học giới định tuệ, được truyền từ Phật pháp. Khi truyền đến Trung Quốc, Đạo gia áp dụng, Nho gia cũng áp dụng. Nho và Đạo đều áp dụng giới định tuệ của Phật, quả thật rất hay. Nhà nho cũng nói về ngộ, nói về ngộ tánh, Đạo gia cũng nói về ngộ nhưng ngộ trong Phật pháp triệt để hơn, vì sao? Dạy quý vị không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Nho và Đạo không nói thâm sâu như vậy, Nho và Đạo chỉ nói quý vị đừng chấp trước là được, nên cảnh giới của họ là cảnh giới nhân thiên, chưa thoát lý luân hồi lục đạo, nhưng cảnh giới nhân thiên\_Cảnh giới của Đạo cao hơn Nho một chút. Đạo đại khái ở sắc giới thiên và vô sắc giới thiên. Cảnh giới của Nho gia là dục giới thiên. Cảnh giới của Phật có thể siêu việt tam giới, không những ra khỏi tam giới mà còn ra khỏi mười pháp giới.

Ngày nay trên toàn thế giới, Phật pháp cũng may mắn bảo tồn được trên nhiều quốc gia, đây là điều quý hơn bất cứ điều gì. Chúng ta phải thực hành, pháp lớn cứu cánh viên mãn, đây là pháp bảo hy hữu trong biến pháp giới hư không giới, đặc biệt là bộ kinh này. Nếu quý vị chê kinh Phật quá nhiều thì chỉ cần bộ kinh này là đủ, vì sao? Bộ kinh này là đỉnh cao, là đệ nhất kinh của tất cả kinh mà Đức Thế Tôn đã nói trong suốt 49 năm\_Là đỉnh nhọn. Quý vị chỉ cần nắm vững kinh này, đời này có thể vãng sanh, có thể thành Phật, quý vị liền có thể chứng đại viên mãn. Đích thực trong thế xuất thế gian không tìm ra bộ thứ hai.

Chúng tôi đặc biệt cảm kích bản hội tập của Hạ Liên Cư, vì sao? Nếu không phải hội tập của ông, chúng ta phải học năm bản khác nhau. Năm bản quá nhiều, quá phức tạp, không dể học, câu nào quan trọng chúng ta cũng không tìm được. Hạ Liên Cư dùng 10 năm thời gian, không ngắn\_Thời gian mười năm hội tập thành bộ sách này. Công phu tu hành của người ta đến đâu, căn bản hán học và Phật học như thế nào, vẫn phải dùng thời gian mười năm, mới làm thành công việc này.

Hoàng Niệm Tổ là học trò của Hạ Liên Cư, là học trò truyền pháp, học trò đăng đường nhập thất, tự thân nghe thầy giảng giải bộ kinh nay. Thầy dặn dò ông ta, viết chú giải cho bộ kinh này. Ông không trái giáo huấn của thầy, thật sự đã làm thành công điều này. Tôi xem xong bộ chú giải này, ông trích dẫn kinh luận của các bậc cổ đức, những luận chú này có 193 loại. Khi tôi đến nhà gặp ông để phỏng vấn, nhìn thấy một đống sách ở đó, tôi hỏi: Ông tìm đâu ra vậy? Tài liệu hoàn bị như thế. Sau khi văn hóa đại cách mạng, ông tìm đâu ra vậy? Thật là Tam bảo gia trì, có người đưa tặng những bộ sách này cho ông, thật không thể nghĩ bàn, đây là thật không phải giả.

Lúc đó khi tôi ở cầu học ở Đài Loan, rất khổ vì thiếu tài liệu, không tìm thấy. Đại kinh đại luận, chỉ có trong đại tạng của chùa có. Tạng kinh không thể mượn ra ngoài nên phải viết, nhiều thứ như vậy phải làm sao? Trong lòng ngày nào cũng nghĩ, khi nghĩ thật sự có người đưa đến. Tôi nghĩ đến điều gì, hầu như đều đạt được, tâm tưởng sự thành, thật không thể nghĩ bàn.

Quý vị xem, năm ngoái tôi nghĩ đến Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông, đó là điều căn bản không dám nghĩ đến, vậy mà tôi đã thấy được bộ kinh này. Có đồng học, đại khái ở trên mạng nghe tôi nhắc đến tên bộ sách này. Họ tìm thấy được hai bộ gởi đến cho tôi, đây là điều ngoài dự định của tôi, vì bản này rất ít, in từ khi nào? In vào đầu năm dân quốc, đại khái in vào khoảng lúc tôi chào đời, tám chín mươi năm trước. Trung Quốc trãi qua động loạn quân sự cát cứ, tám năm kháng chiến, còn có đại cách mạng văn hóa. Lúc đó bản in không nhiều, nhiều nhất là 1000 bản, đi đâu để tìm? Không biết bao nhiêu thư viện đều không có sách này, cũng không ai biết sách này, vậy mà lại xuất hiện như được của báu. Tôi nói đức của tổ tông, đã giữ lại sách này cho tôi. Tôi lập tức đem đến thư cục thế giới, tìm ông chủ in cho tôi một vạn bộ, mục đích là gì? Hy vọng sách này không thất truyền\_Một vạn bộ, sẽ không bị thất truyền. Mục đích là bảo tồn sách cổ, đây là quốc bảo của Trung Quốc, không thể để mất nữa, hy vọng mọi người cố gắng học tập.

Học tập bộ sách này, đồng nghĩa là học được toàn bộ tinh hoa, tinh túy của Tứ Khố Toàn Thư. Tứ Khố lớn như vậy, quý vị xem như thế nào, bắt đầu xem từ đâu? Bộ sách này là tinh hoa của Tứ Khố, quý vị đều đọc được hết. Ngoài điều này ra, không ngờ lại được thêm một bộ sách hay: Quốc Học Trị Yếu. Nội dung Quốc Học Trị Yếu là gì? Chính là Tứ Khố Toàn Thư, thật là tinh hoa: kinh\_sử\_tử\_tập, so với sách này phân lượng lớn hơn rất nhiều. Phân lượng sách này chỉ có một sách, 50 vạn chữ. Quốc Học Trị Yếu hơn khoảng mười lần, có khoảng ba bốn trăm vạn chữ, sách dày như vậy, có tám cuốn. Hiện nay tôi cũng đưa đến thư cục, in cho tôi một vạn bộ. Tiệm sách nói với tôi, tháng sáu xuất bản, sẽ giao sách. Tôi muốn tặng bộ sách này cho thư viện các trường đại học trên toàn quốc. Nếu quý vị muốn biết Tứ Khố Toàn Thư thì xem sách này trước. Xem sách này sẽ biết nội dung của Tứ Khố, trong Tứ Khố nói gì, quý vị sẽ biết ngay.

Nếu quý vị thích phần nào trong Tứ Khố, đồng nghĩa nói là Tứ Khố thu nhỏ, là giới thiệu, hướng dẫn của Tứ Khố. Quý vị thích phần nào, có thể chuyên nghiên cứu bộ phận đó, đây là để quý vị nhận thức về Tứ Khố, quý vị sẽ sinh tâm hoan hỷ đối với Tứ Khố. Quý vị thật sự quý trọng nó, siêng năng học tập nó, có một con đường có thể nhập môn, nếu không vậy, không biết bắt đầu học Tứ Khố từ đâu? Hiện nay in thành sách bìa cứng, một cuốn dày như vậy, 1500 cuốn biết đọc từ đâu? Cuốn sách này quá phương tiện, là tôi bao nhiêu năm trong mơ cũng nghĩ đến. Không ngờ đầu năm dân quốc, các nhà Hán học đã biên tập ra, dùng thời gian mười năm để biên tập bộ sách này. Ở trước có bài tựa, bài tựa này viết vào năm Đinh mão, năm tôi chào đời. Họ dùng mười năm công phu mới làm thành công là năm tôi ra đời. Cũng chính là nói, 95 năm trước họ làm công việc này, 85 năm trước hoàn thành, năm tôi chào đời là hoàn thành, quả đúng là bảo!

Hai bộ sách này, một bộ là cứu xã hội, cứu quốc gia\_Quần Thư Trị Yếu là cứu truyền thống văn hóa. Không có bộ sách này, truyền thống văn hóa không biết bắt đầu từ đâu. Đây là truyền thống văn hóa có chỗ hạ thủ, thật khó được!

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học đến đây.

Hết tập 395

# Tập 396

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Nguyên Tâm

Thời gian:05.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 493, bắt đầu xem hai câu sau cùng hàng thứ năm từ dưới lên, hàng thứ năm từ dưới lên. “Nhược năng nhất phát thử tâm”, bắt đầu xem từ đây.

Nếu có thể phát tâm này, lập tức đoạn tận được sanh tử trầm luân của vô lượng kiếp đến nay. Đây là khuyên chúng ta tu học Tịnh độ, cầu nguyện vãng sanh, điều kiện đầu tiên chính là phát tâm bồ đề. Bồ đề là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung quốc có nghĩa là giác ngộ, tức là tâm bình thường này của chúng ta mê hoặc điên đảo, mê mà không giác, chúng ta ngược lại phải cầu giác ngộ. Giác ngộ, ở trước nói rất hay, trong phần phát tâm nói rất hay. Đặc biệt là trong Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư chú giải về hai loại tín tâm. Tín này chính là giác ngộ, nói vô cùng hay.

Điều giác ngộ thứ nhất, phải khẳng định mình là phàm phu, phải thừa nhận mình đã tạo rất nhiều tội nghiệp. Thừa nhận chúng ta mới có thể sám hối, mới có thể sửa đổi. Thứ hai phải thâm tín Phật A Di Đà phát 48 nguyện là để độ chúng ta, phải thừa nhận như vậy mới được, gọi là trực tiếp chịu trách nhiệm. Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc là vì chúng ta, vì chúng ta mà kiến lập một đào tràng tu học vô cùng lý tưởng. Không phải vì người khác, cần phải nghĩ như vậy, quan hệ của chúng ta với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc sẽ vô cùng mật thiết. Chúng ta với Phật là người một nhà, chúng ta với thế giới Cực Lạc là một gia đình, như vậy thì làm gì có chuyện không vãng sanh, làm gì có đạo lý không thành công! Không được nghĩ lệch lạc, Phật A Di Đà kiến lập cho người khác, không có phần tôi. Như vậy đời này dù chúng ta tu như thế nào cũng không thể thành công, nên tín tâm rất quan trọng.

Tâm này vừa phát liền có thể khoảnh tận, khoảnh tận chính là đoạn tận, đoạn tận điều gì? Sanh tử từ vô thỉ đến nay. Chúng ta bị luân hồi sanh tử trong lục đạo không bao giờ dứt, khổ không sao nói hết.

Hai năm nay, ở Cam Túc xảy ra việc này, mọi người đều đã biết. Quý vị xem, ông Cao viết ra bộ sách này. 2100 năm trước, Khải Tát đại đế của đế quốc La Mã, phái đội quân đến xâm lược Trung quốc, muốn chiếm lĩnh Trung quốc, không ngờ đây cũng là kiêu binh tất bại, vì sao? Quân đội của đế quốc La Mã lúc đó vô cùng hùng mạnh, ở Âu Châu chưa từng bại trận, nên coi thường người Trung quốc. Đặc biệt thân người Trung quốc nhỏ bé, còn họ người cao ngựa lớn nên xem thường người Trung quốc. Khi đến Trung quốc đánh trận đầu tiên, họ bị chết hết 9000 người. Không ngờ người Trung quốc biết bố trận, người Trung quốc cũng có phương pháp đánh trận, kết quả toàn quân sa vào tay Trung quốc\_rất đáng thương, chết ở Cam Túc. Khải Tát đại đế gặp một lần chính biến, ông bị ám sát. Thật ra bị ám sát không phải là ông, là vệ sĩ thân cận mang y phục ông bị giết, còn ông nhân lúc loạn lạc trốn đi và cũng chạy đến Trung quốc. Tìm được đứa con trai, thì cũng chết ở Cam Túc. Ông đến Trung quốc sống thêm 11 năm nữa thì mất.

Nên đứa con trai thứ ba của Khải Tát, còn có một cô công chúa, phu nhân của ông, đều chết ở Trung quốc. 2100 năm trước, nay hồn ma của họ vẫn còn nhập vào người khác, vẫn đang nói về câu chuyện này. Điều này nói lên điều gì? Chúng ta phải cảnh giác rằng con người không chết, chết chỉ là thân thể, linh hồn của quý vị không chết. Thế nên thân thể không quan trọng, linh hồn này mới quan trọng.

Thật ra mà nói linh hồn nó không linh, nếu linh thì dễ bàn luận. Nên Khổng tử không gọi nó là linh hồn, mà gọi nó là du hồn. Dịch Kinh, Hệ Từ Truyện là Khổng tử viết. Trong Hệ Từ Truyện nói “du hồn vi biến, tinh khí vi vật”. Hai câu này nói gì? Vật chính là vật chất, vật chất là điều gì biến ra? Tinh khí biến ra. Vật chất là vật lý, tinh khí là tâm lý. Lúc đó, thời đại của Khổng tử, Phật giáo chưa đến Trung quốc, nhưng ông nói đạo lý này hoàn toàn giống như trong kinh đại thừa. Đây là những gì cổ nhân nói, cái thấy biết của bậc anh hùng đa phần giống nhau. Họ đều là thánh nhân, không gặp mặt, không tiếp xúc nhưng những gì họ nói ra đều giống nhau. Đây là gì? Chân lý không bao giờ thay đổi.

Du hồn thay đổi, vì hồn\_Hồn ma nó không có nhục thể, không có nhục thể của vật chất. Nó hoàn toàn là tác dụng tinh thần, nó là một động thái, năng lực hoạt động của nó rất mạnh. Mấy ngàn dặm, mấy vạn dặm, chỉ trong một niệm là đến, rất có lý khi gọi nó là du hồn. Nó cứ lơ lững vô định trong không trung, nhưng tin tức của nó rất linh thông, chúng ta khởi tâm động niệm nó lập tức cảm nhận được. Tâm quý vị thật sự nghĩ đến nó, nó liền hiện tướng, nên người xưa nói tế thần như thần tại. Thần là tổ tiên chứ không phải gì khác, khi chúng ta tế kỵ phải tế kỵ tổ tiên, tế kỵ tổ tiên là tri ân báo â

Trong Luận Ngữ nói, vì sao phải tế tổ tiên? “Thận chung tuy viễn, dân đức quy hậu”. Nuôi dưỡng tâm chúng ta thành một cái tâm nhân hậu đạo đức, dưỡng thành tâm hiếu đạo, tâm cảm ân. Nên nó là giáo dục, không nên lơ là, nó không phải mê tín. Miếu Thành Hoàng cũng là giáo dục, dạy chúng ta tin nhân quả. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, khởi tâm động niệm không giám có tà ác, là giáo dục. Mấy ngàn năm nay Trung quốc dựa vào điều gì? Chính là dựa vào giáo dục.

Rất nhiều người hỏi tôi, toàn bộ thế giới, hiện nay có thiên tai, chổ nào trên thế giới an toàn nhất? Tôi nói Đại Lục an toàn nhất, vì sao? Quý vị xem, ngàn vạn năm trước, người Trung quốc dựng nước dựa vào điều gì? Dựa vào luân lý đạo đức, thế giới chỉ có mãnh đất này. Quý vị xem lịch sử Úc Châu 300 năm trong thời cận đại, dựng nước bằng nghề cướp biển. Còn có những đất nước mới lập hiện nay, đó là gì? Đó là thuộc dựng nước như kiểu nhà giàu mới nỗi. Duy độc nhất mãnh đất Trung quốc là lấy hiếu thân đạo đức dựng nước. Cần phải biết điều này, gốc rể thâm hậu biết bao.

Từ đường và gia phổ của người Trung quốc, gia phổ là lịch sử của gia đình quý vị, đời này qua đời khác đều ghi chép vào trong đó, không thiếu một đời nào. Tôi xem gia phổ, có một cảm xúc rất sâu sắc. Đại khái Hán tộc đều là người một nhà, đều là con cháu của Viêm Hoàng. Viêm đế là thần nông\_Hoàng đế, lên trên là Phục Hy, đều là người một nhà. Phục Hy đến Thần Nông là 500 năm, Thần Nông đến Hoàng Đế 500 năm. Văn tự là vào thời Hoàng Đế mới phát minh, có văn tự ghi chép là bắt đầu từ Hoàng đế, đến nay là 4500 năm. Thêm vào đến thời Phục Hy\_Vẽ bát quái là Phục Hy\_là 5500 năm, đây gọi là lịch sử 5000 năm.

Trước 5000 năm trước có lịch sử chăng? Nhất định có. Tôi tin rằng truyền thống văn hóa của chúng ta tuyệt đối không chỉ một vạn năm, nhất định trên một vạn năm, lúc đó không có văn tự ghi chép. Đến thời Khổng tử mới dùng văn tự, đem những truyền thuyết này viết ra truyền cho hậu thế, nên Khổng tử được xưng là người tập đại thành. Ông vô cùng khiêm tốn, chúng ta tin rằng những gì ông nói là thật, lời nói thật. “Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”, đây là lời nói chân thật. Khổng tử đích thực chính là nhân vật điển hình này, đã làm ra truyền thống văn hóa, đây gọi là thánh nhân.

Học tập, làm việc không được triệt để, không đủ viên mãn, đây là hiền nhân quân tử. Nên xã hội Trung quốc\_Coi như chúng ta có ghi chép trong lịch sử, xã hội 5000 năm là xã hội của thánh hiền quân tử. Chúng ta đã lãng quên giáo dục của thánh hiền quân tử, bắt đầu lãng quên từ khi nào? Mọi người đều nói từ Từ Hy thái hậu, Từ Hy thái hậu cách chúng ta 200 năm. Thật vậy, Từ Hy ngạo mạn, bà đọc sách không nhiều, coi thường văn hóa thánh hiền, tự xưng Lão Phật Gia. Quý vị xem, lịch đại đế vương đều là học trò của Phật Bồ Tát, tự xưng là đệ tử, chỉ có bà tự xưng Lão Phật Gia.

Bà làm như vậy, khiến sự kiền thành cung kính của văn võ bá quan, xã hội đại chúng đối với Phật pháp bị suy yếu, làm cho nhiệt độ hạ xuống. Ngày càng hạ thấp, diễn biến đến hôm này thành như vậy.

Điều này chúng ta đều rất rõ ràng, rất minh bạch, đây là một môn đại học vấn. Thế gian này đại học vấn vô cùng hy hữu, trong kinh nói từng câu từng chữ đều là thật, không phải giả. Thế giới Cực Lạc có hay không? Có thật. Có thiên đường chăng? Có, có địa ngục chăng? Có. Quý vị có thể tự mình đi hỏi, dùng phương pháp gì? Không cần ngồi thuyền không gian, thuyền không gian rất nguy hiểm. Chư vị Phật Bồ Tát họ dùng phương pháp gì? Dùng thiền định.

Trong thiền định thậm thâm, thời gian và không gian đều không có. Thời gian không có, quý vị có thể đến quá khứ, có thể đến vị lai. Quý vị nhìn thấy được 1000 năm trước, một nghìn năm sau quý vị cũng nhìn thấy được, không có thời gian. Thứ hai là không có không gian, không có không gian thì không có xa gần. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay tại đây, quý vị nhìn thấy ngay tại đây, như hiện nay chúng ta xem ti vi vậy. Hiện nay ti vi là mặt phẳng, cảnh giới trong định nhìn thấy là lập thể, không phải mặt phẳng. Đích thực quý vị có thể đi vào, thiền định thật không thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Thế Tôn ra đời, người Ấn Độ tu thiền định rất phổ biến. Tôn giáo tu thiền định, học thuật tu thiền định. Những nhà triết học lớn của Ấn Độ, ai không có tứ thiền bát định! Trong kinh nói tứ thiền bát định là của Bà la môn, Đức Thế Tôn đã học, mà còn học rất thành công. Nhưng thiền định này không phải thiền định rốt ráo, nó chỉ có thể khiến quý vị hiểu rõ luân hồi lục đạo. Trong luân hồi lục đạo, không gian duy thứ hoàn toàn bị đột phá, ngoài lục đạo ra đều chưa đột phá, cũng chính là định công của quý vị không đủ. Đức Thế Tôn đã học 12 năm, ngài biết nó không rốt ráo. Chúng ta tin rằng, Đức Thế Tôn nhất định có nghi vấn, lục đạo từ đâu đến? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ra còn có cảnh giới nào nữa chăng? Một người thanh niên hiếu học, nhất định có những thắc mắc này. Nghi vấn này không có đáp án, trong Tôn giáo không giải đáp được, trong học thuật cũng không giải đáp được. Nên Đức Phật đã buông bỏ sở học này, ngài ở dưới cội bồ đề nhập sâu vào thiền định. Lần nhập định này ngài minh tâm kiến tánh, minh bạch hoàn toàn.

Sau khi thông đạt thấu triệt tất cả, ngài bắt đầu đi giáo hóa, ngài cũng không trở về. Thực tế thì phụ vương ngài đang đợi ngài trở về để truyền vương vị, nhưng ngài không muốn, tiếp tục thân phận của một khổ hạnh tăng. Tâm thái này giúp rất nhiều chúng sanh mê hoặc chưa giác ngộ, ngài giáo hóa họ, và ngài đã giáo hóa như vậy suốt 49 năm, 79 tuổi viên tịch. Trong kinh ghi chép, ngài giảng kinh hơn 300 hội. Hơn 300 hội này, giống như hiện nay chúng ta tổ chức lớp học, một đời tổ chức hơn 300 lần hoạt động như vậy. Dạy học suốt 49 năm, ngài tổ chức lớp học này có mô hình lớn\_Mô hình lớn thời gian dài\_hai ba năm, bốn năm năm, có lớp học lớn như vậy. Thời gian ngắn thì năm ba ngày, một hai tháng, lớp học này rất nhiều rất phổ biến, nội dung giảng dạy không giống nhau.

Vì những người đến tìm ngài tổ chức lớp học, nhu cầu của họ không giống nhau. Ví dụ bà chủ trong gia đình đến tìm ngài tổ chức lớp học, chúng ta giải quyết vấn đề gia đình. Như ngày nay xã hội xí nghiệp, họ làm một loại xí nghiệp nào đó, thì người trong nghề này đều đến, tổ chức một lớp học, nhất định là dạy họ kinh doanh như thế nào, làm sao giúp họ giải quyết hoàn cảnh khó khăn, chắc chắn là thảo luận về vấn đề này. Nên trong kinh dạy đủ tất cả, còn viên mãn hơn khóa trình khoa hệ trong trường đại học.

Tịnh tông là giúp những người này biết rõ về cái khổ trong luân hồi lục đạo, không muốn tiếp tục sống trong luân hồi lục đạo nữa. Muốn làm sao thoát ly luân hồi lục đạo, có thể ngao du khắp biến pháp giới hư không giới trong vũ trụ, thích làm điều này. Đức Phật làm được, ngài dạy cho quý vị một phương pháp. Mà còn đem quốc độ của chư Phật trong hư không pháp giới giới thiệu cho quý vị, làm hướng dẫn viên cho quý vị, nhất định quý vị đến đó thành công. Thế nên tôi nói với quý vị, cần phải phát chân tâm, không thể dùng vọng tâm.

Phát khởi chân tâm để dùng vào đâu? Dùng trong cuộc sống, dùng trong công việc, dùng trong xử sự đối nhân tiếp vật. Người khác lấy vọng tâm đối đãi quý vị, nhưng quý vị phải lấy chân tâm đối với người, vì sao? Người ta vẫn còn trôi lăn trong luân hồi, họ không muốn ra khỏi đó. Quý vị đã muốn siêu việt luân hồi, nếu dùng vọng tâm thì không thể thoát ra được, niệm Phật cũng không được, nhất định phải dùng chân tâm. Chư hữu chính là tam giới lục đạo.

Đem những công đức này hồi hướng bồ đề, những công đức tư duy, học và tu của chúng ta, vì sao? Đều vì giác ngộ, bồ đề chính là giác ngộ, chúng ta không vì điều gì khác. Tuyệt đối không phải vì tự tư tự lợi, không phải vì danh văn lợi dưỡng, chúng ta là vì giác ngộ, vì đạt được một đức hạnh viên mãn\_Đạo đức. Tu hành là vì điều này, học tập cũng là vì điều này, nên định có thể chứng quả Phật vô thượng, qúy vị nhất định có thể thành Phật. Quả Phật là học vị cao nhất trong Phật pháp, giống như học vị tiến sĩ trong trường đại học vậy, học vị này cao nhất. Học vị thứ hai là Bồ tát, học vị thứ ba là A la hán. Là vì lấy được học vị này, “Sở hữu công đức, quyết bất đường quyên”, đường quyên là tổn thất, là mất đi. Công phu mà quý vị tu được, quý vị đạt được từ trong công phu này nhất định sẽ không mất đi.

Hay nói cách khác, quý vị nhất định sẽ thành tựu. Hai chữ đường quyên này, chính là bên dưới nói tổn thất, mất đi, đây là thuật ngữ ngày xưa, hiện nay gọi là tổn thất, mất đi.

“Đạo Xước đại sư thử ngữ”, đoạn ở trên là do Đạo Xước đại sư nói: “Trực tiệt đạo xuất bồ đề tâm chi công dụng, siêu xuất tình kiến, vi diệu nan tư”. Ở trước chúng ta học đến đây, ngài nói quá hay, quá rõ ràng, quá minh bạch. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ nói: “ Tư dẫn Mật tông bồ đề tâm luận dĩ vi tá chứng”. Hoàng Niệm Tổ một đời học Phật, không những trong Hiển giáo có thành tựu, công phu trong Mật tông của ông cũng rất thâm sâu. Ông từng tham thiền, thật như cổ nhân nói: Hiển mật viên dung, tông giáo câu thông. Đây là Bồ Tát tại gia, không phải người bình thường, công phu học tập tu dưỡng vô cùng thâm hậu.

Trong Luận Bồ Đề Tâm có một đoạn nói “thử bồ đề tâm”, là giống với Tâm bồ đề trong kinh đại thừa nói. “Năng bao tàng nhất thiết Bồ Tát công đức cố”, từ sơ phát tâm đến đẳng giác, công đức tu hành của tất cả Bồ Tát đều không rời tâm bồ đề. Đều có thể trưởng dưỡng tâm bồ đề, có thể viên mãn tâm bồ đề, tâm bồ đề là chân tâm của chính mình. “Nhược tu chứng xuất hiện”, nếu quý vị không tu, tâm bồ đề sẽ không xuất hiện. Nếu quý vị chưa chứng được tâm bồ đề, thì không hưởng thụ được công dụng của tâm bồ đề, thế nên quý vị phải tu, phải chứng. Tu như thế nào? Trong cuộc sống hằng ngày, tôi dùng chân tâm để sống mà không dùng vọng tâm, vọng tâm là hư tình giả ý, cũng chính là tâm chân thành. Tục ngữ gọi là thật thà, thật thà rất gần với tâm bồ đề, con người phải trung hậu thật thà. Người trung hậu thật thà họ dùng chân tâm. Quý vị gạt, họ tin vì họ không biết, kết quả ai chịu thiệt? Người bị gạt không thiệt, người gạt mới thiệt. Người bị gạt chất phác, người chất phát vĩnh viễn không chịu thiệt.

Chúng ta bình tĩnh quan sát tư duy về sự và lý này sẽ lĩnh hội được, người thật thà không bao giờ bị thiệt. Vì sao không bị thiệt? Quý vị xem đức hạnh của họ, trí tuệ của họ ngày ngày tăng trưởng, nghiệp chướng của họ tiêu trừ mỗi ngày, như vậy làm sao chịu thiệt được. Cổ nhân nói: chịu thiệt là phước, rất có đạo lý! Người bị thiệt có phước báo, chịu thiệt thì sao? nghiệp chướng tiêu trừ, đức hạnh trí tuệ được tăng trưởng, vậy họ bị thiệt điều gì? Người lừa gạt đã chịu thiệt, người hiếp đáp người khác đã bị thiệt, vì họ tạo tội nghiệp, quả báo tương lai của họ ở trong tam đồ. Nên nhất định phải biết quan sát tỉ mỉ, nó không giống nhau.

“Tu chứng xuất hiện, tắc năng vi nhất thiết đạo sư”. Quý vị phải làm gương cho đại chúng trong xã hội, quý vị có thể hướng dẫn mọi người đoạn ác tu thiện, ly khổ đắc lạc, làm đạo sư của tất cả mọi người. “Nhược quy bổn, tắc thị mật nghiêm quốc độ”, Mật nghiêm quốc độ chính là thế giới Cực Lạc, trong Mật tông nói gọi là Mật nghiêm quốc độ. Đại Nhật Như Lai của Mật tông chính là Phật A Di Đà, danh xưng khác nhau, nhưng chỉ là một vị Phật.

“Bất khởi ư tọa, năng thành nhất thiết Phật sự”. Trong kinh nói về Phật sự nhất định phải hiểu, đây không phải là kinh sám Phật sự hay siêu độ vong linh. Phật sự là dạy học, là giáo dục. Phật là trí tuệ, là giác ngộ. Việc mà chúng ta cầu trí tuệ, cầu giác ngộ gọi là Phật sự. Chư Phật Bồ Tát ngày ngày dạy cho chúng ta, mỗi ngày thị hiện làm gương cho chúng ta noi theo, đó gọi là Phật sự. Cuộc sống hằng ngày của các ngài là Phật sự, công việc của họ là Phật sự, họ đối nhân tiếp vật đều là Phật sư, không có việc gì không phải Phật sự. Cần phải thấu đáo đạo lý này, không được nhầm lẫn. Thật là một niệm viên mãn, thành tựu tất cả công đức.

“Bồ đề tâm chi công dụng, yên khả tư nghì’. Đoạn thứ nhất này nói về công dụng của tâm bồ đề. Đại dụng, tác dụng của tâm bồ đề thật không thể nghĩ bàn, mỗi người đều có tâm bồ đề, quý vị phải phát khởi nó ra. Mỗi người đều có, vì sao bây giờ không có? Bây giờ bị vật dục che mất. Quý vị có tự tư tự lợi, có tâm tham danh văn lợi dưỡng. Quý vị ham hố ngũ dục lục trần, có thất tình ngũ dục, những thứ này làm che mất tâm bồ đề. Làm sao để phát tâm bồ đề? Trừ diệt tất cả những thứ này. Diệt trừ rất khó, nhưng quý vị phải khiến nó ngày càng nhạt dần hơn. Quý vị nhạt một phần, thì tâm bồ đề này hiển lộ một phần. Nhạt hai phần, nó liền lộ ra hai phần. Tâm bồ đề là quang minh, còn những thứ này rất đen tối, giảm một phần đen tối thì lộ ra một phần quang minh.

Nếu quý vị thật sự có năng lực, thật sự có quyết tâm lập tức đoạn tận, như vậy là đã thành Phật. Như Đức Thế Tôn nhập định dưới cây bồ đề, ngài buông bỏ triệt để, quả thật quá lợi hại! Vọng tưởng phân biệt chấp trước lập tức liền được đoạn tận, ngài đã thành Phật. Vào thời nhà Đường ở Trung quốc, lục tổ Huệ Năng của Thiền tông, ngài đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Đức Thế Tôn biểu diễn chiêu này lúc 30 tuổi, ngài Huệ Năng biểu diễn cho chúng ta thấy lúc 24 tuổi. Ngài chưa từng đọc sách, không biết chữ, là một tiều phu chặt củi trên núi. Hiện nay không còn nghề này, vào thời kỳ kháng chiến vẫn còn nghề này. Thời kỳ kháng chiến cư trú ở thành thị, thành thị không có nước máy, nên phải mua nước, có người chuyên môn làm nghề này. Họ gánh nước ở sông bên ngoài thành, đem vào thành thị bán, một gánh nước bao nhiêu tiền. Lúc đó nấu lò, nấu củi.

Có tiều phu lên núi chặt củi gánh vào thành bán, trong thời kỳ kháng chiến chúng ta phải sống cuộc sống như vậy. Mỗi ngày phải mua nước, mua củi. Hiện nay dùng ga, dùng điện phương tiện hơn rất nhiều, những người này bị thất nghiệp. Hiện nay có nước máy, người bán nước cũng thất nghiệp. Có ga, có điện người bán củi cũng thất nghiệp. Trước đây bao nhiêu người nông dân đều dựa vào nghề này để sống qua ngày. Hiện nay dùng xe hơi, nên lừa, lạc đà cũng thất nghiệp, chúng không có việc làm. Trước đây công cụ giao thông của họ, đi gần thì cởi lừa, đi xa thì cởi ngựa, có xe ngựa, có xe trâu\_Dùng xe trâu chuyên chở\_hiện nay chúng đều thất nghiệp. Thất nghiệp rất đáng thương, vì sao? Chúng đến đây để trả nợ, hiện nay trả nợ thật phiền phức. Món nợ đó tích lũy ở đâu, đến đời kiếp nào mới có thể trả hết được?

Hiện nay con người tạo nghiệp này, đến những con trâu lừa ngựa thất nghiệp đều hận quý vị, điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Người dựa vào sự lao lực bán củi bán nước để sống, họ dùng gì để duy trì cuộc sống của họ? Ngày xưa tuy mọi thứ không phương tiện như bây giờ, nhưng cổ nhân không có phiền não không có ưu tư, cuộc sống rất ưu nhàn, an lạc. Đó thật là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, là cuộc sống rất có ý nghĩa. Hiện nay tốc độ quá nhanh, nhanh đến nỗi khiến quý vị cảm thấy ngày nào cũng bận rộn, nhưng không biết bận rộn vì điều gì. Gấp gấp gáp gáp thì đã qua hết một đời, sống mơ mơ hồ hồ, mê hoặc điên đảo. Thế nên chúng ta bình tĩnh quan sát thì người hiện tại không bằng cổ nhân, phẩm chất cuộc sống kém xa! Sinh hoạt của cổ nhân đích thực là tình thơ ý họa. Cuộc đời có chổ đáng để lưu luyến, hiện nay không còn nữa.

Chúng ta đọc sách cổ, hoài niệm văn hóa ngày xưa, hoài niệm cuộc sống của cổ nhân. Chúng ta cũng sống được mấy năm, rất hoài niệm cuộc sống lúc nhỏ ở nông thôn, ưu nhàn tự tại. Không lo lắng, không sợ hãi, không áp lực.

Bây giờ chúng ta xem đoạn thứ hai. “Đệ nhị, xuất bồ đề danh thể giả”, xuất là hiển thị ra. Tên gọi bồ đề này, có danh nhất định có thực thể, lý thể của nó là gì? Bồ đề có ba loại, chúng ta nói loại lớn trước. Thứ nhất pháp thân bồ đề, thứ hai báo thân bồ đề, thứ ba hóa thân bồ đề. Trong kinh đại thừa nói ba loại lớn này. Thứ nhất: Nói pháp thân bồ đề là chân như, thật tương, đệ nhất nghĩa không, tự tánh thanh tịnh, thể không uế nhiễm, lý rất chân thật, là tu thành không phải giả, nên gọi là pháp thân, là bản thể của Phật, nên gọi là Bồ Đề. Đây là nói về pháp thân bồ đề, bên dưới có giải thích nên chúng ta chỉ đọc sơ qua. Chúng ta xem đoạn bên dưới giải thích.

Thứ hai là báo thân bồ đề, tu đầy đủ vạn hạnh, có thể cảm được báo thân Phật. Lấy quả để báo đáp nhân, gọi là báo thân, viên thông vô ngại, gọi là bồ đề. Thứ ba là hóa thân bồ đề, là từ báo thân mà khởi tác dụng, có thể tùy cơ ứng hiện, gọi là hóa thân, lợi ích viên thông vạn vật, gọi là bồ đề. Danh và thể đều nói một cách rõ ràng minh bạch, bên dưới là giải thích đoạn kinh văn này.

“Thích bạch” chính là giải thích đoạn văn này, nói “đệ nhị minh bồ đề chi danh dữ thể”. Danh có nghĩa là gì, thể của nó là gì? Phân ra ba thân pháp báo hóa để bàn luận, nói pháp thân bồ đề trước. Pháp thân bồ đề tức là chân như, chân là gì? Trong Phật pháp định nghĩa về chân là vĩnh hằng bất biến. Nó không sanh không diệt, không có thay đổi, đây chính là chân. Chân là thể, như là tướng, là tác dụng. Tướng và tác dụng của nó, hoàn toàn tương ưng với thể của nó. Thể là chân, tướng cũng không phải giả, tác dụng cũng là thật, nên gọi là như, tướng như tánh của nó. Phật pháp gọi là thể, nó dùng một chữ tánh để làm đại biểu. Nói về tự tánh, tự là chính chúng ta, tự tánh là cái tôi thật sự, vì sao? Nó bất sinh bất diệt, nó vĩnh hằng bất biến. Huệ Năng đại sư khai ngộ kiến tánh, kiến tánh như thế nào? Nhìn thấy tự tánh của chính mình, chính là nhìn thấy chân như của chính mình.

Chân như của mình và chân như của Phật là một không phải hai. Chân như của mình và vạn pháp chân như cũng là một không phải hai. Nên khi thật sự minh tâm kiến tánh ngài biết, ngài khẳng định và thừa nhận toàn bộ vũ trụ với chính mình có quan hệ gì? Là nhất thể. Người lạc mất tự tánh không biết, phân biệt mình với người. Xóa bỏ hoàn toàn quan hệ này, nên khi ngài kiến tánh liền đến trình với ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Câu thứ nhất chính là nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh, dùng cách nói hiện nay là không ngờ rằng tự tánh vốn là thanh tịnh, có nhiễm ô chăng? Không có. Cho dù chúng ta không may biến thành súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục, nhưng tự tánh không nhiễm ô. Trong Phật pháp thường nói, nhiễm ô là nhiễm ô gì? Nhiễm ô là vọng tâm, vọng tâm bị nhiễm ô, chân tâm chắc chắn không có nhiễm ô. Nếu chân tâm có nhiễm ô, sao có thể gọi là chân như?

Nên từ trên tự tánh Đức Phật nói: Tất cả chúng sanh vốn là Phật, mỗi người đều là Phật, Phật gì? Tôi nói với chư vị, mỗi người đều là Phật A Di Đà, chỉ là quý vị không biết. Ở trước chúng ta nói rất nhiều, bây giờ quý vị cảm thấy tôi là Phật, cảm thấy rất kỳ lạ, sao tôi lại là Phật. Tự tánh quý vị là Phật, vốn là Phật, chỉ là hiện tại quý vị bị lạc mất, không phải thật sự mất đi. Mất đi, sao gọi họ là Phật? Không mất, chỉ bị mê muội mà thôi, nhưng chỉ cần giác ngộ, thì cái giả đó liền không còn, cái chân liền hiện tiền, nên phàm phu và Phật chỉ trong một niệm, mê ngộ bất đồng. Chuyển mê khai ngộ liền thành Phật, chuyển ngộ thành mê thì trở thành chúng sanh, biến thành như bây giờ. Lúc nào chúng ta có thể chuyển nó lại, trở về tự tánh? Cũng chính là nói, đã tìm được cái tôi chân thật. Còn đây là cái tôi giả, không phải cái tôi thật. Tìm được chân ngã gọi là thành Phật. Phật là giác ngộ thành Phật, thành tựu giác ngộ, quý vị không còn mê hoặc, chính là ý này, đây là chân như.

“Thật tướng”, thật chính là chân thật, tướng là hiện tướng. Khi đã giác ngộ, tất cả tướng đều là thật tướng. Chưa giác ngộ, tất cả tướng đều là giả, nên cái chân và giả trong Phật pháp rất thú vị. Rốt cuộc nó là chân hay là giả? Không thể nói nó là thật, cũng không thể nói nó là giả, mê thì giả, mà ngộ thì chân. Những gì Phật Bồ Tát thấy là thật, còn phàm phu thấy đều là giả. A la hán thấy là tương tự như thật, chứ không phải tuyệt đối là thật. Tiến bộ hơn so với chúng ta, nhưng so với Phật Bồ Tát còn kém hơn một bậc, vì họ chưa kiến tánh. Họ tu rất tốt, rất như pháp, tu học rất tinh tấn, đây là thật tướng.

“Đệ nhất nghĩa không”, nhất của đệ nhất này không phải là một hai ba bốn, hoàn toàn không có ý niệm một hai ba bốn này, gọi là đệ nhất. Nhìn thấy đệ nhất nghĩa không, vì sao gọi nó là không? Vì trong đệ nhất nghĩa nó không có hiện tượng, chính là tự tánh, chính là chân như, chính là thật tướng, trong đó không có hiện tượng. Ngày nay khoa học họ nhất định phải có đối tượng, họ không có đối tượng, chân lý không có chổ đứng. Khoa học tìm hiểu nghiên cứu, quý vị xem hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên, ba loại lớn này. Có đối tượng họ mới nghiên cứu được, hiện nay đã hiểu rõ ràng hiện tượng vật chất, điều này cũng mới gần đây. Trong khoảng nữa thế kỷ này, các nhà lượng tử học đã giải quyết được vấn đề này, rốt cuộc vật chất là gì? Phổ Lãng Khắc nói\_Phổ Lãng Khắc là người Đức, nhà vật lý học nỗi danh.

Mọi người đều biết Ái Nhân Tư Thản là học trò của ông, ông là thầy của Ái Nhân Tư Thản. Ông suốt đời chuyên môn nghiên cứu nguyên tử, ông đã nói một câu, điều này mọi người ai cũng biết\_Căn cứ một đời nghiên cứu của ông\_Thế gian này không có thứ gọi là vật chất, vật chất là gì? Vật chất là ý niệm sinh ra, ý niệm là cơ sở của vật chất. Hay nói cách khác, ý niệm tích lũy hình thành hiện tượng vật chất, điều này giống hoàn toàn như trong Phật pháp đại thừa nói\_3000 năm trước Đức Phật cũng đã nói như vậy. Tam tế tướng của A lại da, thứ nhất là năng lượng\_Giới khoa học gọi là năng lượng, trong Phật pháp gọi là nghiệp tướng. Thứ hai, các nhà khoa học gọi là tin tức, chính là hiện tượng tinh thần, danh từ Phật pháp gọi là chuyển tướng. Nó thay đổi, sinh ra biến hóa\_Chuyển tướng. Thứ ba gọi là cảnh giới tướng, các nhà khoa học gọi nó là vật chất.

Cảnh giới tướng từ đâu đến? Từ chuyển tướng chuyển biến ra, chính là tin tức, cũng chính là hiện tượng tinh thần biến hiện ra. Hiện tượng tinh thần từ đâu đến? Từ trong năng lượng, năng lượng là hiện tượng dao động. Nói tóm lại, nó không rời được sự dao động. Dao động này trong giáo lý đại thừa gọi là khởi tâm động niệm, vô cùng vi tế, chúng ta không nhìn thấy được. Hiện nay các nhà khoa học đã phát hiện, nhưng nói không rõ ràng, không rõ như trong kinh điển nói. Bây giờ họ biết vật chất không phải thật, do có ý niệm, có dao động nên có hiện tượng này. Không có dao động thì hiện tượng này cũng không có.

Hiện tượng dao động này giống như chúng ta xem ti vi, hiện nay điện ảnh đều là kỷ thuật số, không dễ cảm nhận được, nhưng là một đạo lý, tốc độ nó quá nhanh. Phim ảnh ngày xưa, ở đây tôi còn một cuộn băng nhựa, đây là âm bản của điện ảnh. Quý vị xem, mỗi tấm đều độc lập, không tấm nào giống tấm nào. Khi chiếu ra, tốc độ của nó là một giây 24 tấm. Chúng ta nhìn thấy trên màn hình giống như là thật vậy, một giây 24 tấm, là bị lừa, không tin được con mắt này. Giả như tốc độ của mắt chúng ta, một phút cũng có thể chớp 24 lần, sẽ thấy được mỗi hình ảnh đều bất động, không phải chính là đạo lý này ư?

Trong kinh Phật dạy, tần suất dao động này một giây động bao nhiêu lần? Không phải 24 lần, một giây là 1600 triệu, làm sao quý vị có thể biết được nó là giả? Một giây có 1600 triệu, trên màn hình điện ảnh một giây mới 24 lần. Các nhà khoa học có thể phát hiện được điều này, chúng ta không thể không khâm phục họ. Họ dùng máy móc của khoa học để phát hiện, vậy Đức Thế Tôn dùng cách gì để phát hiện? Ngài không dựa vào máy móc, mà dựa vào thiền định. Trong thiền định, thiền định tâm cực kỳ quan trọng, nên dao động vi tế đó ngài đều biết, ngài đều thấy rất rõ ràng.

Trong kinh Đức Phật nói, người có thể thấy được hiện tượng này, có năm hạng người có thể nhìn thấy. Bồ tát có 52 cấp bậc, như chúng ta đi học vậy\_Tiểu học, trung học, đại học, thạc sĩ\_Phật cũng như vậy. Thập tín là tiểu học, từ lớp một đến lớp 10. Thập trú là sơ trung, cũng là lớp 1 đến lớp 10. Thập hạnh là cao trung, cũng từ lớp 1 đến lớp 10. Thập hồi hướng ví như đại học. Thập địa ví như thạc sĩ, đều là lớp một đến lớp 10, đây là 50 giai cấp. Ở trên là Đẳng giác và Diệu giác, tất cả có 52 vị thứ. Đức Phật nói với chúng ta người của giai đoạn nào thấy được, thấy được sự bắt đầu và khởi nguyên của vũ trụ? Bát địa, bát địa gọi là bất động địa. Quý vị có thể tưởng tượng định công của họ, đó là tự tánh vốn định. Chính là những gì Huệ Năng đại sư nói: nào ngờ tự tánh vốn không dao động.

Bát địa, cửu địa, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác năm vị thứ này\_Năm vị thứ này có thể thấy được nguyên khởi của vũ trụ, còn tinh vi chính xác hơn so với ngày nay khoa học dùng máy móc để quan sát, tâm của họ định biết bao! Trước thất địa Bồ Tát không nhìn thấy, công phu của họ chưa đến trình độ đó. Vấn đề này quý vị nói trong quá khứ, quá khứ có, chỉ cần công phu thiền định sâu họ đều nhìn thấy. Không phải một người nhìn thấy, người của năm cấp bậc này đều nhìn thấy, nó không phải là giả, nhưng đối với chúng ta trước sau vẫn còn là một dấu hỏi. Người có niềm tin đối với thánh nhân, đó là người có thiện căn\_Họ tin tưởng không hoài nghi, nhưng một số người lại hoài nghi. Quý vị nói rốt cuộc là thật hay giả? Chúng ta chưa ai nhìn thấy, chưa ai đạt được trình độ định công này nên đều không nhìn thấy, chỉ là nghe Phật nói. Khó được, ngày nay giới khoa học cũng đến được tầng thứ này, nhưng họ không phải dùng định công, họ dùng máy móc khoa học quan sát.

Cảnh giới này\_Cảnh giới này của các nhà khoa học, trong kinh Phật nói rất rõ ràng, chúng ta không thể không khâm phục. Đức Phật nói, chúng ta dùng tư tưởng\_Tư tưởng là đệ lục ý thức. Tám thức 51 tâm sở, công năng của đệ lực ý thức lớn nhất. Đối với bên ngoài, đệ lục ý thức có thể duyên đến biên tế của vũ trụ, đối nội, có thể duyên đến A lại da. Hiện nay các nhà khoa học đều làm được, lưỡng cực đều làm được. Giới khoa học có thể phát triển nữa chăng? Không thể, trong kinh Phật nói không thể. Các nhà khoa học muốn phát triển cần phải buông bỏ phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm. Buông bỏ họ liền được thành Phật, trong nhà Phật nói họ sẽ thành Phật. Nếu họ hiểu được kinh Phật và buông bỏ, họ thành Phật nhanh hơn chúng ta, vì họ có nền mống tốt như vậy. Cũng chính là không còn dùng tâm ý thức.

Đệ lục ý thức là phân biệt, Mạt na thức là chấp trước, A lại da chính là ký ức, chúng ta gọi là ấn tượng, ấn tượng trong A lại da. Rất nhiều năm trước, thậm chí rất nhiều đời, như những linh hồn của quân đội đế quốc La Mã, họ có thể hồi ức chuyện của mấy ngàn năm trước. Ký ức này ở trong A lại da, A lại da là cái kho, là phòng tư liêu. Khởi tâm động niệm, tư liệu này đều ở trong A lại da, giống như vi tính vậy. Nó vĩnh viễn không mất đi, đời đời kiếp kiếp, thế nên tu thiền định cao minh hơn tu khoa học. Khoa học cần hoàn cảnh của khoa học, thiền định dễ hơn, tìm một nơi rất an tịnh là có thể ở đó tu hành, tu thành, sau khi tu thành quý vị sẽ biết hết tất cả. Nên tu định khai ngộ, khi khai ngộ sẽ thấu triệt tất cả, chính là đạo lý này. Điều này không phải chỉ một người nào đó có, không phải chuyên lợi. Không phải Phật có, Bồ tát có, chư Phật Bồ Tát nói với chúng ta là mỗi người đều có. Chỉ cần chúng ta chịu vứt bỏ những thứ tạp loạn này, thì bản năng được hồi phục, là vốn có không phải từ bên ngoài đến.

Trong Phật pháp đại thừa nói “tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm”, bên ngoài tâm cái gì cũng không có, tất cả đều do ý niệm chúng ta biến hiện ra, thế nên tâm tưởng sự thành, tâm hiện thức biến, đây là nói đến đạo lý này. Tất cả hiện tượng vật chất là tâm lý biến hiện ra, nên tâm lý cao minh hơn vật chất. Đối tượng của khoa học là vật chất, rời vật chất nó không làm gì được. Nhưng Phật pháp đích thực dùng cách nói như hiện nay, tâm lý học cao đẳng, tâm lý học đỉnh cao. Đức Phật nói chế tâm một chổ, không gì là không làm được, lời nói này ngày nay khoa học đã chứng minh. Chế tâm một chổ chính là định, định công có sâu cạn không giống nhau. Tâm thanh tịnh tột cực, tối thanh tịnh, cực thanh tịnh, năng lượng đó quả thật quá lớn!

Chúng ta biết, Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, chính là do niệm lực thuần tịnh thuần thiện\_Cực thanh tịnh\_ý niệm cực thuần thiện này tự nhiên hiện tiền. Không cần thiết kế, không cần nhân công kiến tạo, vì sao? Trong tự tánh, câu thứ ba ngài Huệ Năng nói rằng: nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, nó hiện ra là đã tuyệt vời như thế. Đạo lý này tôi nghĩ rất nhiều năm, khi giảng kinh luôn nói đến điều này, nhưng nói không viên mãn, chính mình lại còn hoài nghi, điều này sao có thể? Một hôm ngẫu nhiên tâm huyết dâng trào, đột nhiên nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến ống vạn hoa lúc nhỏ chơi.

Quý vị xem ống vạn hoa này, không phải rất đơn giản ư? Ba miếng lưu ly, trong đó mấy miếng giấy vụn màu sắc khác nhau, sự biến hóa trong đó, không có cái nào giống nhau. Quý vị xuay chuyển từ sáng đến tối cũng tìm không ra cái tương đồng. Không phải chính là xuất sanh vô tận, chính là năng sanh vạn pháp sao! Tôi từ nơi vật này đã tin tưởng không còn hoài nghi điều này nữa, rất đơn giản. Quý vị dùng máy chụp hình, chuyển một cái là chụp một tấm, chụp một vạn tấm xem có hai tấm nào tương đồng chăng. Không có.

Tiến sĩ Giang Bổn làm thực nghiệm nước, tôi đến phòng thực nghiệm của ông ta tham quan\_Ông nói với tôi, ông đã làm 10 năm, mấy mươi vạn hình ảnh, nhưng không có tấm nào tương đồng. Tôi nói với ông, vĩnh viễn không thể có tấm nào giống nhau, ông hỏi vì sao? Tôi nói ý niệm không giống nhau. Khi thực nghiệm ông đã dùng tâm thương yêu thuần nhất, nhưng mức độ lòng yêu thương đó không tương đồng, niệm trước không giống niệm sau, nên nó không giống nhau, vì sao? Nó chính là tâm của ông đang biến ra. Vốn ông ta không tin, nhưng sau đó đã minh bạch. Trước ông đây sợ tôn giáo, không chịu tiếp xúc với tôn giáo, tôi tiếp xúc với ông ta, ông ta vô cùng sợ hãi. Ông sợ điều gì? Ông là khoa học, sợ người ta nói mình mê tín. Đến khi tôi nói, ông làm điều này, trong đại thừa kinh điển đã nói đến từ lâu, nói còn thấu triệt hơn những gì ông nghiên cứu được, khiến không ngơ ngác. Tôi nói ông thực nghiệm thì nên lấy kinh điển tôn giáo để thực nghiệm, ông ta mới thật sự đem tất cả kinh điển tôn giáo để thực nghiệm, đồ án đều rất đẹp, ông ta mới tin.

Như vậy chúng ta mới thật sự thể hội được, mới phát hiện được, khoa học nói là vật lý, Phật pháp nói là tâm lý. Tâm lý là cơ sở của vật lý, đương nhiên vật lý không giải quyết được vấn đề, tâm lý có thể giải quyết. Giải quyết bằng tâm lý là viên mãn, giải quyết bằng vật lý là có giới hạn, mà còn có hậu di chứng. Tâm lý giải quyết không có hậu di chứng, nó là viên mãn. Nên tôi mới khẳng định các bậc cổ đức nói, đây chính là pháp trị và đạo đức luân lý. Cổ nhân coi trọng pháp trị, họ nói: “Pháp trị chi bổn dã”, đây chính là căn bản trị quốc bình thiên hạ. Như hiến pháp của quốc gia, là căn bản trị nước.

“Nhân giả, bổn chi nguyên dã”. Nhân ở đây là gì? Nhân chính là nhân tâm, nhân tâm là căn nguyên của pháp, nếu con người không tốt thì dù pháp có tốt cũng vô dụng, con người vẫn làm việc xấu như thường. Con người nếu là người tốt, dù pháp có xấu, thậm chí là không có pháp, họ đều làm việc tốt, đây là lý niệm quan trọng nhất để Trung quốc trị quốc bình thiên hạ mấy ngàn năm, đó chính là gì? Thánh hiền quân tử. Nên thời cổ đại là chính trị của thánh hiền quân tử, người xưa nói năm tầng thứ: Đạo đức nhân nghĩa lễ. Đạo\_Thánh nhân, vì sao? Thuần tịnh thuần thiện, không có chính mình, khởi tâm động niệm đều là nghĩ cho chúng sanh thiên hạ. Thánh nhân! Họ không nghĩ cho chính mình, cuộc sống của chính mình rất thanh bần, giống người bình dân vậy.

Ngôi nhà Chu Văn Vương ở chẳng khác gì nhà của bách tánh cả, không tốt hơn họ chút nào. Ăn uống cũng như bách tánh, đây là thánh nhân, xưa nay chưa từng vì mình, hình như dễ chịu hơn một chút nếu không làm như vậy. Thật giống như chủ tịch Mao nói: Toàn tâm toàn ý phục vụ cho nhân dân mà quên đi chính mình. Thánh nhân, thật sự đã làm được. Đây là thuộc thời nào? Tam Hoàng, Tam Hoàng đã làm được. Đến Ngũ đế thấp hơn một bậc, nhân tâm dần băng hoại, không thuần hậu bộc trực như thời thượng cổ. Thời ngũ đế là dùng đức, đạo không còn, đạo hoàn toàn là tự nhiên, thuần tịnh tự nhiên, thật sự là vô vi nhi trị.

Còn đức thì sao? Đức chính là hữu vi, chính là có lý niệm trị quốc. Không phải hoàn toàn tùy thuận tự nhiên, có lý niệm, có phương pháp, dần dần hình thành nên chế độ, đây là thời đại ngũ đế. Vào thời đại Tam hoàng, tam hoàng là Hạ Thương Châu lại hạ xuống một bậc, xuống thấp một bậc là gì? Nhân. Đạo đức nhân, nhân là gì? Có chính mình nhất định nghĩ đến người khác, nhân là người khác, những gì mình không thích thì đừng cho người khác, họ có thể làm tấm gương tốt nhất cho xã hội đại chúng. Nên biết rằng, lúc đó Trung quốc chưa thống nhất\_Vào thời Hạ Thương Chu trung quốc chưa thống nhất, toàn là bộ lạc. Chư hầu đều là vua của tiểu quốc, trên mặt chính trị chưa thống nhất.

Tuy chưa thống nhất, tất cả chư hầu của các nước nhỏ, đều nghe mệnh lệnh từ Chu Văn Vương, đều chịu sự hướng dẫn của ông, đều nghe lời ông, mọi người xưng ông là Thiên tử. Không như các hoàng đế sau này, hoàng đề sau này có thực quyền, lúc đó ông không có thực quyền, mỗi người đều là nước độc lập. Giống như Liên Hiệp Quốc hiện nay vậy, mọi người công nhận vì quý vị làm tốt nhất. Quý vị là người làm chính trị giỏi nhất, chúng tôi đều học tập theo quý vị, chính là ý này. Nên lấy thiên hạ làm của chung, Hạ Thương Chu đều như vậy.

Đến cuối đời nhà Chu, chư hầu không nghe lời, mỗi người tự độc lập, mỗi người dần dần trở thành lớn mạnh. Trở thành ngũ bá thất hùng, biến thành Xuân thu chiến quốc. Xuân thu chiến quốc là thời loạn, khoảng hơn 400 năm, cục diện rất hổn loạn. Vì sao có cục diện hổn loạn này? Con cháu đời sau của nhà Chu không làm tốt, không đủ đức hạnh không thể cảm hóa những người này. Điều này trước đây ông Phương Đông Mỹ nói với tôi.

Ông nói pháp của toàn thế giới, cổ kim trong ngoài, chính là đại pháp trị quốc thì nhà Châu đứng đầu, không ai có thể vượt qua nhà Chu. Pháp của nhà Chu chính là Chu Lễ\_Chu lễ trong Tam Lễ. Chu Lễ chính là trị nước, giống như hiến pháp hiện nay vậy, do Chu Công trước tác\_Thánh nhân. Lúc tôi theo thầy Phương học tập còn rất trẻ\_26 tuổi, thầy nói với tôi: Nếu con cháu đời sau của nhà Chu, đều tuân thủ phụng hành nghiêm khắc, thì hôm nay vẫn là nhà Chu. Thầy dạy tôi đọc kỷ sách này, tôi không nghe lời, trước sau cũng chưa làm điều này. Vì sau khi theo thầy, tôi đã chuyên tâm vào học Phật, tôi cảm thấy Phật giáo quá hay, thế nên chưa xem Chu Lễ. Trong Tam Lễ tôi chỉ đọc qua Lễ Ký, còn Chu Lễ và Nghi Lễ đều chưa đọc đến.

Phật pháp hay, nên toàn tâm toàn ý tập trung vào đó. Nền mống học Phật của tôi là Chương Gia đại sư đặt, theo ông ba năm đã đặt được một nền mống. Sau đó theo thầy Lý 10 năm, thời gian không dài như vậy không được. Hiện nay học viện này chỉ ba bốn năm, như vậy làm sao được! Giáo dục của thánh hiền ít nhất phải 10 năm, 10 năn còn phải thật siêng năng. Sợ nhất chính là có tâm riêng tư, có dục vọng. Có tâm riêng tư, có dục vọng sẽ phá hoại quý vị hoàn toàn, điểm này vô cùng khó. Nên từ nhỏ cuộc sống khổ sẽ tốt hơn, vì sao? Sống như vậy thành quen. Cuộc sống thanh bần một chút rất bình thường, có thêm một chút liền thấy đầy đủ. Dục vọng càng ít, công phu càng đắc lực, danh văn lợi dưỡng là giả không phải thật. Thật sự an vui là tâm đạo, tâm bồ đề, an vui! Mỗi ngày quý vị sống hoan hỷ, vui vẽ, vô tư vô lự hoàn toàn không có áp lực. Cuộc đời như vậy mới thật sự gọi là hạnh phúc mỹ mãn, không phải có tiền, không phải có địa vị. Có tiền có địa vị tôi thấy rất nhiều, họ rất khổ.

Lúc Lục Khắc Văn làm thủ tướng Úc Châu, ông mời tôi\_trong bửa đại tiệc của quốc hội ông mời tôi\_Khi gặp mặt bưng một ly cà phê đậm, ly lớn khoảng chừng này, cà phê đậm. Ông nói với tôi, một ngày uống 5 ly, tôi nhìn chăm ông ta. Phải có tinh thần, vì xử lý việc quá nhiều. Lúc đó tôi cười cười nói, xã hội hiện nay rất nhiều ngành nghề, nhưng vất vã nhất theo tôi thấy chính là ngành nghề này của quý vị, quá vất vã! Tôi nói, hạnh phúc nhất là làm nghề như tôi, ông ta liền cười lớn. Thật vậy, nghề này của tôi hạnh phúc biết bao!

Thế nên tôi thật sự hy vọng ông ta đừng làm việc chính trị, tổ chức việc dạy học. Thành lập một trường đại học về truyền thống văn hóa, rất hay! Tôi luôn khuyến khích ông ta, vì sao? Bồi dưỡng nhân tài thật sự cho quốc gia, cho xã hội, có ý nghĩa hơn quý vị làm công việc này. Vì thiên hạ đời sau mà đào tạo anh tài, sự nghiệp này lớn biết bao nhiêu! Rất đáng giá, đây là làm thật, không phải làm giả.

“Chân như, thật tướng, đệ nhất nghĩa không”. Đệ nhất nghĩa không tức là trong chân tánh không có hiện tượng. Nó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, nên khoa học không đạt đến được. Khoa học nhất định có đối tượng, nhưng trong tự tánh ba loại hiện tượng đều không có. Tự tánh ở đâu? Mọi lúc mọi nơi, nhưng chúng ta không nhìn thấy nó. Nó là thể của tất cả vạn pháp, không có nó, tất cả vạn pháp không thể thành lập, giống như màn hình ti vi vậy. Trên màn hình không có gì cả, nhưng nó có thể hiện tất cả tướng, khi hiện tướng quý vị liền quên mất màn hình, bị tướng đó làm mê hoặc, không biết được chân như của điều này. Thật ra nếu quý vị thật sự giác ngộ sẽ thấu triệt được, tướng và tánh xưa nay chưa từng rời nhau. Tự tánh ở đâu? Tự tánh ở trong tướng, rời tự tánh thì không có tướng. Nên hiện tại chúng ta chỉ nhìn thấy tướng, mà quên mất tánh. Trong tánh không phải hiện tượng, nhưng có thể sanh hiện tượng. Ba loạn hiện tượng đều là tự tánh biến hiện ra, biến hiện có thứ lớp, nhưng tốc độ quá nhanh. Thứ lớp thứ nhất khẳng định là hiện tượng tự nhiên, thứ hai là hiện tượng tâm lý, thứ ba là hiện tượng vật chất, quá nhanh.

Quý vị thử nghĩ xem, một giây có 1600 triệu ý niệm, đó là một niệm. Cũng chính là một trên 1600 triệu phần của một giây. Trong này còn có ba giai đoạn: Hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tâm lý, hiện tượng vật chất, còn có ba giai đoạn này, quý vị làm sao có thể phát hiện được? Năng lực bát địa Bồ Tát nhìn thấy được, trong tốc độ nhanh chóng này, họ có thể nhìn thấy thứ tự trước sau. Điều này khoa học chưa giải thích được, hiện nay chỉ nhìn thấy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Nhưng không biết hiện tượng tinh thần từ đâu đến, từ trong không sinh có. Các nhà khoa học nói cũng không tệ, từ trong không mà sinh có.

Thật ra trên hiện tượng tâm lý chính là hiện tượng tự nhiên, đó chính là nghiệp tướng, nghiệp tướng của A lại da, tức là cái dao động đầu tiên. Cái dao động thứ hai không có nhân, nên gọi là vô thỉ, vô minh gọi là vô thỉ vô minh. Hay nói cách khác, quý vị không tìm được cái bắt đầu của nó, quý vị vừa nói thì nó đã mất đi. Tốc độ của nó quá nhanh, nó đã mất đi\_Niệm này mất đi thì niệm sau lại khởi lên, giống như chúng ta xem phim băng nhựa vậy. Vừa mở ống kính ra, hình ảnh chiếu đến màn hình rồi lập tức đống lại, như vậy tấm thứ hai hiện tiền nhưng tấm thứ nhất không còn nữa. Điện ảnh một giây chỉ có 24 tấm, hiện nay nói với chúng ta hiện tượng của toàn bộ vũ trụ, một giây có 1600 triệu, chúng ta không sao tưởng tượng được, nên trong kinh Phật nói là không thể nghĩ bàn. Đây là nói đệ nhất nghĩa không.

“Tự tánh thanh tịnh, thể vô uế nhiễm”. Tự tánh đích thực thanh tịnh, không có ô nhiễm, vì sao không có ô nhiễm? Tất cả mọi hiện tượng là giả không phải thật. Thanh tịnh không phải thật, nhiễm ô cũng không phải thật, vì thể không có nhiễm ô, nhiễm tịnh đều không có. Không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, không có phân biệt, không có chấp trước, không có khởi tâm, không có động niệm, đây là thật. Mà quan hệ của toàn bộ vũ trụ và chính mình\_Quan hệ này người xưa gọi là luân lý, luân lý là quan hệ. Quan hệ quá mật thiết\_nhất thể. Phụ tử hữu thân, phụ tử vẫn là hai thể. Luân lý của Phật pháp là biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể, nên tình yêu của họ, từ bi của họ không có điều kiện. “Vô duyên đại từ”, vô duyên là không có điều kiện. “Đồng thể đại bi”, vì sao có tâm lân mẫn? Vì sao chúng sanh khổ thì toàn tâm toàn lực đi giúp họ? Đồng thể.

Chúng ta đọc sách này giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc, Kinh Vô Lượng Thọ chính là Đức Phật Thích ca giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc. Xã hội của tây phương Cực Lạc rất ôn hòa, trong đó hoàn toàn không có xung đột, rất hài hòa, rất từ bi và rất thương yêu nhau. Điều này đích thực không tìm thấy ở trong các cõi nước của chư Phật mười phương. Thế giới này giống như thế giới hiện tiền của chúng ta vậy, nếu quý vị nói thật thì nó là thật, quý vị nói thế giới này là hư vọng thì nó chính là hư vọng. Nhất chân tất cả đều chân, một cái vọng tất cả đều vọng. Trong phật pháp đại thừa không có tương đối, giác ngộ là một điều, mê rồi mới có đối lập trùng trùng. Đối lập sinh ra từ trong mê vọng.

Cách nói này với Vô trụ sanh tâm mà Lục tổ của Thiền tông nghe được. Khi hoát nhiên đại ngộ ngài nói: nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, cùng một ý nghĩa. Lục tổ là đại sư Huệ Năng, ở vùng đất HongKong này rất quen thuộc, ngài là người Tân Hưng Quảng Đông, cách đây không xa. Ngài ở trong phòng phương trượng, nghe Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang, nói đến “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền hoát nhiên đại ngộ. Đáp lại thầy ngài nói: “Hà kỳ tự tánh bổn tự thanh tịnh”. Thật không ngờ rằng, không ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Tự tánh là gì? Chân tâm. Tự tánh là cái tôi thật sự, đã tìm được cái tôi.

Ở sau lại nói thêm bốn câu, Ngũ Tổ vừa nghe thì nói dừng, không nên nói nữa. Thật đã kiến tánh, thật đã thành Phật. Người phàm phu này đã thành Phật, nên truyền y bát cho ngài, tự mình tiễn ra cửa lúc nữa đêm. Đây là gì? Đây là cổ nhân nói đồng hàng ghen ghét nhau. Truyền y bát cho ngài Huệ Năng, mọi người không phục. Quý vị nói Thần Tú đi theo Ngũ Tổ bao nhiêu năm? Là đại dệ tử, đại sư huynh trong hội của Ngũ Tổ. Người thông thường cho rằng, Ngũ Tổ truyền pháp nhất định truyền cho ngài, không ngờ lại truyền cho người mới vào như ngài Huệ Năng, mọi người không phục, nên phải nhanh chóng đi trốn. Ngài đã trốn suốt 15 năm, mọi người dần quên sự việc này mới xuất hiện.

“Hựu lý xuất thiên trung, bất giả tu thành”. Giả là mượn, không cần mượn tu mới chứng quả, không cần thiết, vì sao? Trong tự tánh vốn có, giác tánh là vốn có. Ngài Huệ Năng không tu, đột nhiên khai ngộ. Không như người khác, tham thiền không biết bao nhiêu năm, còn ngài chưa vào thiền đường ngày nào. Người ta đến giảng đường nghe pháp bao nhiêu năm, còn ngài chưa từng đi qua. Ngài chưa đến giảng đường ngày nào, cũng không biết chữ. Thế nên ngài Huệ Năng đích thực là lý xuất thiên chân, bất giả tu thành, tức nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, đây là lời của ngài Huệ Năng nói. Vì vốn tự cụ túc, nên không cần tu, ngài đã kiến tánh nên đạt được tất cả. Quý vị không kiến tánh, hoàn toàn không đạt được gì cả.

Nói đến đây quý vị sẽ hiểu phương pháp dạy học thời xưa. Căn cứ lí niệm này, lý niệm này thâm căn đế cố ở Trung quốc, những gì người xưa hy cầu là gì? Khai ngộ, không phải cầu gì khác. Ngộ từ đâu đến? Ngộ đến từ định. Tâm trôi nỗi nhất định không thể khai ngộ, tâm phải định. Nên người xưa giáo dục, từ nhỏ đã huấn luyện quý vị vững chắc, huấn luyện định. Bọn trẻ rất có quy cũ, như một người lớn trẻ con vậy. Điều này người hiện nay nhìn không quen, trẻ con phải hoạt bát, phải ngây thơ. Như vậy là xong, từ nhỏ quý vị đã tập hư chúng, chúng là chất liệu tốt, từ nhỏ phải có mô phỏng, có quy cũ để chúng làm theo, chúng phải dữ quy cũ. Đệ Tử Quy là nền mống cơ bản nhất, phải cùng nhau tuân thủ, nhà nhà đều không thể rời nó.

Từ nhỏ người lớn cần phải dạy chúng, người lớn ở trước mặt chúng phải giữ quy cũ. Có quy cũ, chúng thấy từ nhỏ sẽ trở thành thói quen, cho rằng đây là điều thiên kinh địa nghĩa, suốt đời chúng cũng không ra khỏi ranh giới đó. Như vậy tâm sẽ định, tâm định mới khai trí tuệ. Nên huấn luyện cho bọn trẻ được tâm định, huấn luyện chúng được định, dùng phương pháp nào? Học thuộc lòng, học thuộc lòng chúng không suy nghĩ lung tung, không thuộc lòng chúng lại suy nghĩ chuyện này chuyện kia. Vậy nên mỗi ngày dạy chúng đọc sách, không cần giảng ý nghĩa, chỉ cần khiến chúng định tâm. Trong sinh hoạt xử sự đối nhân tiếp vật có quy cũ, nhất định phải biết quy cũ, có ưu điểm gì? Người lớn đều giữ quy cũ, người lớn làm gương cho chúng noi theo.

Thế nên Đệ Tử Quy không phải chỉ để bọn trẻ học, mà suốt đời đều không thể rời, từ nhỏ đến già. Đó là cuộc sống, cuộc sống quy phạm, là quy phạm xử sự đối nhân tiếp vật, không thể một ngày không có quy cũ. Một ngày không có quy cũ sẽ loạn, nhà sẽ loạn. Nhà loạn xã hội sẽ loạn, như vậy tai họa sẽ đến, nên nhất định phải giữ quy cũ. Ngày ngày để quý vị thuộc lòng, không cần giảng giải, tâm quý vị sẽ định. Giảng giải quý vị liền nghĩ đông nghĩ tây, đặc biệt là trẻ con chưa thành thục, tư tưởng đó dễ bị thiên lệch. Nên chỉ để quý vị đọc, mà không giảng giải cho quý vị.

Khi nào giảng cho quý vị? 13 tuổi vào thái học, 13 tuổi đến 15 tuổi. Trể nhất là 15 tuổi, sớm nhất 13 tuổi. Trong đó không có trung học, mà vào thái học. Vào học ở thái học có thầy giáo giảng giải và thảo luận với quý vị, quý vị có thể đưa ra câu hỏi để thầy giáo giải đáp. Trong thái học không có sách, vì sao? Đều học thuộc lòng. Thầy giáo cũng thuộc lòng, học sinh cũng học thuộc. Nói với quý vị hàng thứ mấy trang thứ mấy của Luận Ngữ, quý vị đều biết rõ, vì đã thuộc làu. Vì vậy thầy giáo và học sinh đều thuộc.

Điển tịch quan trọng phải thuộc hết trong vòng sáu bảy tuổi đến 12 tuổi, trẻ em ký ức tốt. Khi lớn trích dẫn kinh điển không cần tra sách, đâu như hiện nay tra sách thật cực khổ, còn họ đều thuộc và nhớ hết. Thế nên đọc sách rất hạnh phúc, đến thái học rất hạnh phúc. Mỗi ngày thật sự phụng sự sư trưởng, tôn trọng thầy giáo như cha mẹ vậy, siêng năng học tập chính là báo ân thầy. Thầy giáo dạy học thông thường đều là du sơn ngoạn thủy, nói đến điển cố trong sách, giảng đến chổ nào liền đến đó xem, để quý vị thấy được tình trạng thực tế. Đem theo cơm rượu, học sinh lo phục dịch, đem theo một nhóm học sinh du sơn ngoạn thủy. Đi chơi về thì bài học này cũng dạy xong, nên đi học hạnh phúc biết bao! Có đâu như bây giờ đi học quả thật rất khổ!

Chúng ta thấy hiện nay các em đi học rất vất vã, có còn giám đầu thai làm người chăng? Không giám, quá khổ! Đi học là một chuyện vui, từ nhỏ đọc sách là niềm hạnh phúc. Hạnh phúc suốt cả đời, có đâu đi học sao lại khổ như vậy, như vậy ai làm điều này? Nên đi học là hạnh phúc của cuộc đời, dạy học là hạnh phúc của nhân sinh. Nếu không hạnh phúc thì Đức Phật Thích Ca đã không làm điều này. Ngài rất thông minh, không phải dại.

Khổng tử chu du các nước trở về, mới thưởng thức được niềm vui này, học mà được hành thì không có niềm vui nào bằng. Nếu thưởng thức được từ sớm thì ông hà tất phải chu du liệt quốc để cầu chức quan? Không cần thiết. Ông nhất định nghĩ đến phải học theo Đức Thế Tôn, thế nên thật sự cầu học vấn, cầu trí tuệ, không phải cầu gì khác. Trong Phật pháp cầu trí tuệ, trong Nho giáo nói cầu học vấn, là một chuyện vui! Vô cùng hạnh phúc an vui, hoàn toàn không liên quan đến danh lợi. Đây không phải là địa vị, không phải tài phú, không liên quan đến những điều này, chỉ để nâng cao cảnh giới chính mình.

Thông thường trong tôn giáo nói luân hồi, đời sau của họ là thiên đường, thù thắng hơn so với nhân gian, vì sao? Đạo đức của họ được nâng cao, tự nhiên chiêu cảm được cảnh giới này. Người hiếu học nhất định ở cùng người hiếu học, người có đạo đức nhất định ở cùng người có đạo đức, đây chính là vật tụ tập theo loại, người nhân gian cũng như vậy. Thích nhảy thì gần với người thích nhảy, thích chơi bời thì gần người thích chơi bời, thích đọc sách nhất định ở cùng người đọc sách. Chí không đồng thì đạo không hợp, họ sẽ không tụ tập với nhau. Thích đạo đức, trời nói đạo đức, đạo đức của trời cao hơn người, nhất định họ đến đây. Thích tham sân si mạn chính là tam ác đạo, họ nhất định đi đến đây. Không phải Diêm Vương tìm họ, không phải, là họ như thế nào? Ý niệm của họ đi đến phương hướng đó, họ tự nhiên đi, như vậy mới hợp tình hợp lý.

“Nhân bổn tự cụ túc, cố bất giả tu thành”. Câu nói này vô cùng quan trọng, họ đầy đủ điều gì? Mọi thứ đều đầy đủ, không thiếu thứ gì. Đầy đủ trí tuệ, đầy đủ năng lực, đầy đủ thần thông, đầy đủ tướng hảo. Người xưa nói phú quý\_Người xưa nói tướng hảo chính là phú quý, tất cả đều đầy đủ, không có thứ nào không đầy đủ, nên họ không cần tu. Nhưng người không có kiến tánh, tự tánh tuy đầy đủ, nhưng quý vị không dùng được nó, quý vị cần phải tu.

Phật đối với chúng sanh trong lục đạo, người chưa kiến tánh, dạy quý vị điều gì? Dạy quý vị tu phước, dạy quý vị tu huệ, đây chính là dạy quý vị bố thí. Quý vị muốn phát tài thì có thể phát chăng? Có thể. Phát như thế nào? Bố thí tài được tài phú, pháp bố thí được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ. Nếu quý vị muốn có ba thứ này, ba thứ này không ai không muốn. Muốn phát tài, muốn thông minh trí tuệ, muốn mạnh khỏe trường thọ. Người Cơ Đốc Giáo cũng muốn, tôi ở Mỹ nhiều năm, tôi đem ba điều này hỏi giáo đồ Cơ Đốc, muốn. Tôi nói muốn, có thể đạt được, làm sao đạt được? Là Đức Phật nói, ngài nói Phật giáo? Đúng vậy, không sai. Phật giáo là giáo dục, không xung đột với tôn giáo của quý vị. Giáo của quý vị là tôn giáo, thượng đế là cha quý vị, quý vị là con cái của thượng đế, đúng chăng? Đúng.

Đức Thế Tôn là thầy của quý vị, quý vị là học sinh của ngài, có xung đột chăng? Không xung đột. Quý vị ở nhà có cha mẹ, đến trường có thầy giáo. Quý vị có thể đến chổ Đức Thế Tôn để học phát tài, học thông minh trí tuệ, học mạnh khỏe trường thọ, có gì vui hơn nữa mà không làm? Nên tôi đã dạy họ, ngày chủ nhật quý vị đi lễ nhà thờ, ngày thứ sáu đi chùa, vậy là họ đều đến! Hoan hỷ, hạnh phúc, không hề có sự xung đột. Quý vị xem, ở nhà quý vị có cha mẹ, ở trường có thầy cô giáo. Tôi nói quý vị đến chổ Đức Thế Tôn, đây là học trí tuệ, học mạnh khỏe trường thọ, học phát tài, thượng đế của quý vị cũng rất vui. Quý vị thử nghĩ xem, người làm cha mẹ sẽ nghĩ, đứa con này của tôi đã có thầy giáo tốt dạy, cha mẹ có vui chăng? Thượng đế vui lòng, không phản đối quý vị. Thế nên thứ sáu cửa chùa chúng tôi đặc biệt mở cửa, để người bất đồng tôn giáo đến học tập.

Chúng ta tiếp xúc hòa đồng tốt đẹp với tôn giáo khác, “Phật thị môn trung có cầu tất ứng”, nếu làm theo như vậy, nhất định có hiệu quả. Thật sự đã phát tài, đã làm được nên ngày càng hoan hỷ, nhưng không nên phản bội tôn giáo của mình, vì sao? Phản bội tôn giáo của mình là đại bất hiếu, Phật không thu nhận quý vị, Phật không nhận người phản bội. Trong kinh Phật có rất nhiều người bất đồng tôn giáo đến học theo Đức Phật, nhưng Phật tuyệt đối không dạy họ cải đạo, đó là việc không đạo đức.

Chúng ta giao tiếp với rất nhiều tôn giáo, họ sợ nhất, lo lắng nhất chính là chúng ta lôi kéo tín đồ của họ, họ sợ điều này nhất. Sau này lui tới với tôi, không lôi kéo tín đồ. Phải khuyến khích họ, khuyến khích họ càng phải tín ngưỡng tôn giáo của họ, như vậy mỗi tôn giáo đề hoan hỷ. Quý vị phải trung thành với cha mẹ mình, phải trung thành với thượng đế của quý vị. Quý vị phải làm con ngoan của thượng đế, đừng để thượng đế mất mặt. Mười mấy năm lại đây chúng tôi giao tiếp với rất nhiều tôn giáo, quý vị xem tiếp xúc rất hòa hợp, đối đãi bình đẳng. Thật sự hổ trợ hợp tác, họ có rất nhiều hoạt động đến tìm tôi. Tổ chức đoàn thể này đến nước ngoài du lịch mời tôi làm cố vấn, tôi cùng đi chơi với họ. Tôn giáo có thể đoàn kết.

“Ngũ Tổ văn chi, tiện thọ y bát, lập vi đệ lục đại tổ”. Lấy ngài Huệ Năng làm ví dụ, tất cả tự tánh vốn tự đầy đủ. Điều này phải minh tâm kiến tánh mới được, mới đầy đủ. Chưa kiến tánh thì phải nhờ vào tu đức. Chúng ta muốn đạt được điều gì, nếu quý vị tu học như lý như pháp. Phật môn đệ tử có cầu tất ứng, đây là thật không phải giả, nhưng phải như lý như pháp, phải hiểu đạo lý, hiểu phương pháp, như vậy nhất định đạt được. Không như lý không như pháp, nếu đạt được thì đó là số mạng quý vị có, không đạt được là số mạng quý vị không có. Khi đạt được quý vị có sai lầm, vì quý vị dùng phương pháp là sai lầm. Đây chính là mặc dù đạt được, nhưng không viên mãn.

Ví dụ như dùng cách không chính đáng để đạt được tài phú, số mạng quý vị có 100 ức\_Trong số mạng có 100 ức tài phú\_Nhưng dùng thủ đoạn không chính đáng, quý vị chỉ đạt được 50 ức. Tự cho rằng quá tuyệt, nhưng thật ra quý vị đã mất đi một nữa\_bị thiệt một nữa, vì tâm hành quý vị bất thiện khiến nó bị tổn giảm, nhưng quý vị không biết. Nếu dùng thủ đoạn chính đáng, sẽ đạt được rất viên mãn. Giả dụ như đạt được mà còn chịu bố thí, còn có thể giúp những người nghèo khổ khi cần, những gì ta đạt được sẽ tăng thêm. Trong số mạng có 100 ức, có thể trở thành 200 ức, có thể biến thành 300 ức, đây là gì? Càng thí càng nhiều.

Trong số mạng có, là từ đâu đến? Trong quá khứ biết bố thí, quý vị chưa dùng hết nên còn dư lại, đó là số mạng quý vị có. Số mạng không có có thể tu, số mạng có tiếp tục tu nữa, như vậy thì rất lớn, phước báo rất lớn, càng thí càng nhiều. Bố thí pháp càng thí càng tăng trưởng thông minh trí tuệ. Bố thí vô úy thọ mạng lâu dài, trường hợp thọ mạng kéo dài rất nhiều.

Liễu Phàm Tứ Thuận là tấm gương tốt nhất, Vân Cốc thiền sư dạy cho ông ta. Ông ta vốn là vị tú tài nghèo, phước báo không lớn, không có công danh, ông ta chỉ có một thân phận tú tài, cử nhân, tiến sĩ đều không có, thọ mạng chỉ có 53 tuổi. Gặp được thiền sư Vân Cốc, ông ngồi trong thiền đường với thiền sư Vân Cốc tại chùa Thê Hà Nam Kinh ba ngày ba đêm. Thiền sư Vân Cốc rất khâm phục ông ta, ba ngày ba đêm không có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc nói với ông, công phu của ông không tệ, ba ngày ba đêm không có chút vọng niệm, người bình thường không làm được. Ông nói mạng tôi được ông Khổng coi rồi, trong 20 năm, mỗi năm đều coi đối chiếu, đều không sai. Ông ta nói tôi không nghĩ đến bất cứ điều gì, vì sao? Nghĩ đến cũng vô dụng.

Mỗi năm ông toán số đều nói như vậy, không thay đổi chút nào, mỗi năm thu nhập được bao nhiều đều rõ ràng. Vì ông là người đọc sách, mỗi năm tham gia thi cử, có thể thi đậu chăng, thi đứng thứ mấy hoàn toàn phù hợp, 20 năm không có năm nào sai lầm, tôi còn nghĩ đến điều gì nữa? Thiền sư Vân Cốc nghe xong liền bật cười lớn. Tôi tưởng rằng ông là thánh nhân, thì ra ông vẫn là một kẻ phàm phu. Ông ta rất kinh ngạc, sao nói tôi là phàm phu? Suốt 20 năm ông bị vận mệnh định sẵn, một chút cũng không thay đổi, ông là tiêu chuẩn của kẻ phàm phu. Vì sao? Con người biết làm thiện nó sẽ gia tăng, sẽ thêm điểm, làm ác nó liền giảm bớt. Ông suốt 20 năm không tăng cũng không giảm, là tiêu chuẩn của kẻ phàm phu. Liền dạy ông phương pháp cải tạo vận mệnh, ông vừa nghe liền hoát nhiên đại ngộ, quyết định nên đã cải đổi.

Đến năm thứ hai tham gia thi không đúng\_năm thứ hai tham gia\_lần thi này thầy bói nói ông đứng thứ ba, nhưng ông thi đứng thứ nhất\_Bắt đầu nói không đúng, nên ông thật sự tin tưởng. Cả gia đình đoạn ác tu thiện, cải đổi chính mình, vận mệnh hoàn toàn thay đổi. Số mạng không có con trai, cầu sinh con trai, làm 3000 việc thiện cầu sanh con trai, liền sinh được con trai. Cầu công danh\_số mạng không có cử nhân liền thi trúng cử nhân, số mạng không có tiến sĩ thi đậu tiến sĩ. Số mạng chỉ có 53 tuổi, ông ta sống đến 74 tuổi, thọ mạng kéo dài 21 năm. Nên ông ta đem kinh nghiệm cải ác tu thiện, cải tạo vận mệnh của đời mình mình viết thành bốn bài văn cho con ông, gọi là Gia Đình Tứ Huấn. Con cháu đời sau đều không tệ, hậu đại của ông có liên hệ với tôi, từng viết thư cho tôi nhưng chưa gặp mặt, thật khó được!

Tiêu chuẩn của người cải ác tu thiện, đạt được quả báo tốt, tấm gương tốt tại sao không học? Vì sao phải dùng thủ đoạn không chính đáng để đạt được? Sai lầm. Đây là dùng phương pháp chánh đáng để đạt được, nên con người không thể không hiểu đạo lý.

Tiếp theo chúng ta xem bên dưới: “Tịnh vân”, tịnh vân tức là Ngũ Tổ nói với ngài Huệ Năng. “Bất thức bổn tâm, học pháp vô ích”. Quý vị không nhận ra chân tâm của mình, học pháp cũng không lợi ích gì. Không có lợi ích là không thể minh tâm kiến tánh, không thể chứng đắc quả vị Phật Bồ Tát, không được lợi ích này. Có lợi ích gì? Lợi ích nhỏ, phước báo nhân thiên, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Quý vị được phước báo nhân thiên trong luân hồi lục đạo, được lợi ích nhỏ này, đây là cái lợi hư vọng không thật.

Nếu biết bổn tâm của mình, thấy được bổn tánh của mình, tức gọi là Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật. Mấy câu này là Ngũ Tổ ấn chứng cho ngài Huệ Năng, ngài đã thành Phật. Ngài vừa giác ngộ liền minh tâm kiến tánh, đây gọi là Đại Trượng Phu. Đại Trượng Phu là Phật giáo đại thừa tôn xưng Phật, tôn xưng đối với người minh tâm kiến tánh\_Thiên Nhân Sư. Quý vị có năng lực, có trí tuệ giáo hóa thiên nhân, chính là thiên thượng nhân gian. Quý vị có năng lực này thì chính là Phật, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Ngài Huệ Năng vì sao có thành tựu này? Đạo lý này bây giờ chúng ta đều thấu triệt, rất minh bạch. Khi ngài nghe kinh, nghe đến câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Ngay lúc này, trong một sát na, ngài lập tức buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Buông bỏ liền thành Phật, tất cả chướng ngại đều không còn, thông thường chúng ta gọi là nghiệp chướng.

Nghiệp chướng là gì? Là chấp trước, là phân biệt, là vọng tưởng. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm, trong chốc lát ngài có thể hoàn toàn buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Buông bỏ tất cả hồi phục sự thuần tịnh thuần thiện, như vậy là đã thành Phật. Nên cái gọi là Phật pháp\_Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư nói, Phật pháp khó hiểu nhưng dễ hành trì. Muốn hiểu được rất khó, 100 năm cũng chưa rõ ràng, nhưng nếu thật sự hành trì thì rất dễ, chỉ trong một niệm. Trong kinh nói rất rõ ràng, nếu có thể trong một niệm buông bỏ chấp trước, biết được các pháp thế xuất thế gian đều là giả, phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Không còn chấp trước, liền chứng được quả A la hán. Quý vị xem, phàm phu thành A la hán, nếu có thể không còn phân biệt, không phân biệt đối với pháp thế xuất thế gian, quý vị liền thành Bồ Tát, lấy được học vị thứ hai của Phật pháp. Nếu không khởi tâm không động niệm, quý vị liền thành Phật, lấy được học vị cao nhất. Ngài Huệ Năng đã lấy được học vị cao nhất.

Quý vị nên biết, ngài mới 24 tuổi, không biết chữ. Đạo tràng của Ngũ Tổ có giảng đường, nhưng ngài chưa đến đó lần nào, chưa nghe bài giảng nào. Có thiền đường nhưng ngài cũng chưa một lần đến đó ngồi thiền, thiền đường một cây hương nữa tiếng, cũng chưa đến gần thiền đường, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho ngài. Theo Ngũ Tổ mười mấy năm như đại sư Thần Tú, nhưng không truyền y bát cho Thần Tú, mà truyền cho Huệ Năng. Bài kệ mà Thần Tú làm là ứng thí, Ngũ tổ muốn thử mọi người, mỗi người làm một bài kệ để ngài xem thử. “Thân thị bồ đề thọ, tâm như minh cảnh đài, thời thời cần phất thức, vật sử nhá trần ai” (Thân là cây bồ đề, tâm như đài gương sáng, thường hãy siêng lau chùi, chớ để bụi dơ bám), đây là bài kệ của Thần Tú. Mọi người đều đang đọc, Ngài Huệ Năng cũng nghe được. Nghe xong ngài nghĩ, bài kệ này chưa kiến tánh, nên ngài cũng làm một bài kệ, nhưng không biết viết, ngài chỉ biết đọc để người khác viết.

Ngài sửa bài kệ của ngài Thần Tú: “Bồ đề bổn vô thọ, minh cảnh diệc phi đài, bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”(Bồ đề vốn không cây, gương sáng cũng không đài, xưa nay không một vật, thì bụi bám vào đâu), đây là bài kệ Lục Tổ làm. Ngũ Tổ vừa nhìn thấy bài kệ này, nhanh chóng cầm dép xóa nó, nói với mọi người chưa kiến tánh, chưa kiến tánh, không nên ngạc nhiên, chưa kiến tánh. Tối đến triệu kiến ngài Huệ Năng, gọi ngài nữa đêm canh ba đến gặp, nói với ngài: Bài kệ của ngươi rất hay, thật khó được, liền giảng Kinh Kim Cang cho ngài nghe. Tôi nghĩ không quá hai tiếng đồng hồ, liền đại triệt đại ngộ, nên đem y bát truyền cho ngài. Quý vị xem thật là khó hiểu nhưng dễ hành trì, nói rõ về việc minh tâm kiến tánh, quả thật không phải là việc đơn giản, đích thực là khó hiểu nhưng dễ hành.

Thế nên học thuật phương đông\_khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, người Trung quốc hoàn toàn tiếp nhận, đây là trí tuệ của người xưa. Thang Ân Tỷ tán thán, tâm lượng cổ nhân Trung quốc lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc, chính là chỉ Phật giáo. Mà Phật pháp cũng làm phong phú văn hóa bản địa, đây là Thang Ân Tỷ người Anh nói. Ông ta hiểu được văn hóa Trung quốc, nên nói: Giải quyết vấn đề của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa, Thang Ân Tỷ đã nói như vậy.

Trước đây, năm 2005\_2006 phỏng vấn ở Luân Đôn\_phỏng vấn đại học Ngưu Luật, đại học Kiếm Kiều, đại học Luân Đôn. Diễn giảng cho các bạn khoa Hán học một tiếng đồng hồ, và cùng nhau giao lưu với các giáo thọ. Tôi nói đây là người Anh quý vị rất sùng bái, nhưng lời ông ta nói có tin được chăng? Các sinh viên đều nhìn tôi cười, các vị giáo thọ cũng cười không nói. Tôi đợi thật lâu không ai trả lời liền hỏi tiếp, chẳng lẽ ông ta nói sai ư? Cũng không giám trả lời, tôi biết họ hoài nghi lời của Thang Ân Tỷ. Tôi nói, rất nhiều người hiểu sai đối với lời nói của Thang Ân Tỷ, vì sao? Quý vị đề cập đến truyền thống văn hóa, nhất định nghĩ đến Nho Thích Đạo, vì quý vị đang học Nho Thích Đạo. Trong các sinh viên, rất nhiều người dùng kinh điển Phật giáo viết luận văn\_Viết luận án tiến sĩ. Trong đó có một em sinh viên nói, anh ta dùng Kinh Vô Lượng Thọ làm luận án tiến sĩ. Tôi hỏi, Kinh Vô Lượng Thọ bản tiếng trung có 9 bản khác nhau, anh dùng bản nào? Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, cùng một bản như chúng ta. Quả thật khó được, anh chọn rất đúng, là người Úc Châu, nói tiếng Bắc Kinh rất giỏi. Có thể xem văn cổ Trung quốc, quý vị không thể không khâm phục họ.

Tôi nói quý vị hiểu sai ở đâu? Vì khi quý vị vừa nói đến Nho, liền nghĩ đến Tứ thư, Ngũ kinh, Thập tam kinh. Nói đến Phật, quý vị nhất định nghĩ đến Hoa Nghiêm, Đại thừa Bát Nhã\_quý vị nghĩ đến những bộ kinh lớn này. Nói đến Đạo, nhất định nghĩ đến Lão Trang\_Lão Tử, Trang Tử. Đây là gì? Tôi nói đây là hoa quả, trái cây. Quý vị nghĩ đến những thứ này, thứ này có thể cứu thế giới ư? Có thể cứu, nhưng phải bỏ ra rất nhiều thời gian. Khi nào quý vị có thể đến được địa vị này, mới có trí tuệ như thế? Khó! Tôi nói, tôi hiểu vấn đề không như quý vị, quý vị thấy là hoa quả, tôi thấy là gì? Tôi thấy rể của nó. Hoa quả là mọc lên từ cành lá, cành lá mọc lên từ nhánh, nhánh mọc từ cây, cây mọc từ rể. Tôi nhìn thấy rể của nó, điều này quý vị đã sơ suất, không có rể làm sao có hoa quả. Quý vị toàn là học trên hoa quả, đó là tri thức, không phải trí tuệ. Quý vị chưa học được thực chất của nó, nên quý vị học được là giả, thật là gì? Rể, rể là gì?

Gốc rể của Nho Giáo là Đệ Tử Quy, mọi người đã lãng quên điều này. Gốc rể của nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo, đó là một bộ kinh nhỏ, ai coi trọng nó? Nhưng đó là căn bản. Quý vị xem, khi mở kinh ra là “Thiện nam tử thiện nữ nhơn”, nói đến căn bản.

Gốc rể của Đạo gia là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Nếu như hôm nay những thứ này được phổ cập trên toàn thế giới để mọi người đều học tập, xã hội được cứu chăng? Được cứu! Quý vị dùng những đại kinh luận đó không cứu được, đọc nghe hay nhưng làm không được, phải bắt đầu từ căn bản.

Tôi diễn giảng cho họ một tiếng, thời gian tuy không dài, nhưng thay đổi được quan niệm của họ. Truyền thống xưa là cầu trí tuệ, không phải tri thức, ngày nay quý vị cầu tri thức không phải trí tuệ, không giống nhau.

Được, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng ở đây.

# Tập 397

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:05.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 494, bắt đầu xem hàng thứ tư từ dưới lên, chữ cuối cùng.

Khi đại sư Huệ Năng còn chưa xuống tóc, chỉ là một người làm việc nặng nhọc trong chùa. Nhưng ngài vừa phát tâm này, liền đốn chứng địa vị tổ sư. Như trong Bồ Đề Tâm Luận nói: nếu tu chứng xuất hiện, sẽ làm đạo sư của tất cả trời người. Chưa rời khỏi tòa, nhưng đã viên thành tất cả Phật sự. Hoàng Niệm Tổ đưa ví dụ về lục tổ Huệ Năng để làm chứng minh. Do đây mà biết, buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tức là chân thật phát tâm bồ đề. Tâm này vừa phát thì phàm phu liền trở thành Phật, vì sao? Ngài đã buông bỏ.

Phật là bổn lai Phật, vốn đã là Phật. Chúng ta chính là vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước chướng ngại. Phật vốn không mất đi, là Phật thật không phải Phật giả, sự lý này cần phải rõ ràng minh bạch, khẳng định mình vốn là Phật nhưng vì có chướng ngại, đây gọi là mê chướng. Phật không mất đi, đích thực vốn là Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói, do vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Vọng tưởng chính là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chúng ta biến thành phàm phu, chúng ta buông bỏ hết những điều này liền được thành Phật.

Ngài Huệ Năng trong hội của Ngũ Tổ nhất thời đốn xã nên liền đốn ngộ, đốn chứng. Ngài khai ngộ chứng được quả vị, hoàn toàn tương đồng với những gì Đức Thế Tôn chứng được dưới cây bồ đề, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Thế nên tâm này vừa phát, một người làm việc nặng trong chùa\_Bây giờ chúng ta gọi là làm công quả\_tâm này vừa phát lập tức thành Phật. Điều này lấy trong Bồ Đề Tâm Luận, đoạn này ở trước chúng ta đã đề cập đến. “Tu chứng xuất hiện”, tu\_Ý của chữ tu này chính là chuyển đổi, ý niệm vừa chuyển, đây gọi là tu, ngài liền có thể chứng được. Xuất hiện điều gì? Tâm bồ đề xuất hiện, chân tâm xuất hiện, ngài liền có thể làm đạo sư của tất cả trời người.

“Bất khởi ư tọa” là nói ngài nhanh chóng có thể thành tựu tất cả Phật sự, Phật sự này chính là đại sự giáo hóa chúng sanh. Sau khi Đức Thế Tôn khai ngộ, ngài dạy học suốt một đời, nên dạy học là Phật sự, làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh, tấm gương như thế nào? Tấm gương giác ngộ, không phải gương mê hoặc, gương giác ngộ là Phật sự, đây là đưa ra một chứng cứ rất tốt.

“Bồ đề tâm, hồi xuất phàm tình”, hồi là xa, siêu việt, vượt xa khỏi phàm tình. “Công dụng nan tư”, công đức và tác dụng của nó thật không thể nghĩ bàn. Tâm tánh như vậy, gọi là pháp thân, hay nói cách khác tâm bồ đề hiện tiền, chính là chứng được pháp thân. Đại sư Huệ Năng là pháp thân đại sĩ, pháp thân đại sĩ chính là Phật. Thế nên “thị Phật đạo chi bổn thể, danh vi bồ đề” đem thể của bồ đề, danh xưng của bồ đề nói ra, đây là pháp thân bồ đề. Bên dưới nói về báo thân.

Pháp thân vốn đầy đủ chính là tánh đức, không phải do tu thành, là tánh đức. “Tu đức hữu công, tánh đức phương hiển”, nên nhớ tu đức chính là buông bỏ nghiệp chướng chứ không có gì khác, tất cả đều đang buông bỏ, buông bỏ tánh đức liền hiện tiền. Nếu tu đủ vạn hạnh, công đức trang nghiêm, chứng được quả vị báo thân Phật. Tánh đức hiển lộ còn cần tu nữa chăng? Cần phải tu, ý nghĩa của tu là gì? Tu là làm gương cho người khác noi theo. Nếu không tu mà thành Phật, mọi người nghĩ quý vị không tu, tôi cũng có thể không tu, như vậy tôi cũng có thể thành Phật, nếu không quý vị thử xem.

Đức Thế Tôn đại triệt đại ngộ, ngài nói pháp môn Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như trong vườn Lộc Uyển\_Pháp tiểu thừa, pháp thiên nhân, mà còn làm ra tấm gương của tiểu thừa. Một tỳ kheo của tiểu thừa, mỗi ngày đi khất thực, đi hành hóa, trì giới, tu định, giảng kinh, giáo hóa, làm ra tấm gương như vậy, oai nghi hữu tắc, làm tấm gương tốt cho mọi người.

Công đức trang nghiêm, chứng được quả vị báo thân Phật. Báo thân viên minh cụ đức, thông đạt vô ngại. Viên là viên mãn, minh là quang minh, đầy đủ vạn đức vạn năng. Thông đạt vô ngại là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đây gọi là “Viên thông vô ngại”, gọi là “báo thân bồ đề”, đây là loại thứ hai. Loại thứ ba là từ báo thân xuất hiện hóa thân, đây là biến hóa. “Tùy cơ hóa hiện, diệu dụng vô cùng”, tác dụng này là đối với chúng sanh, vô lượng vô biên chúng sanh có duyên trong mười phương thế giới.

Trong kinh Phật thường nói, Phật không độ người vô duyên. Họ không có duyên với quý vị thì quý vị không sao độ được họ, vì sao? Quý vị độ họ nhưng họ không tin quý vị, như thế nào gọi là có duyên? Họ tin quý vị, họ nghe lời quý vị, đây gọi là có duyên. Dù quý vị có cao minh đến đâu, họ cũng không tin tưởng, không nghe lời quý vị. Quý vị dạy như thế nào đều vô dụng, đó gọi là vô duyên.

Chúng sanh có duyên, đây là từ trong vô lượng kiếp, bất luận là có thiện duyên hay có ác duyên với quý vị, chỉ cần là có duyên, họ sẽ nghe quý vị. Khi duyên thành thục, họ sẽ nhiệt tâm đến học tập với quý vị, trong một đời họ có thể thành tựu. Duyên không thành thục, phải đợi chờ từ từ, phải giáo hóa chúng. Đời này duyên chưa thành thục, dạy học một chút, đời sau gặp lại dạy họ thêm một chút. Phật độ chúng sanh không phải một đời thành tựu, đời đời kiếp kiếp giúp chúng sanh, từ từ đời họ thành tựu. Thành tựu chính là dùng pháp môn này giúp họ vãng sanh, họ sẽ thành tựu viên mãn. Hay nói cách khác, tất cả người học Phật gặp được Tịnh độ, tin thật, nguyện thiết, chúng ta sẽ hiểu, đây gọi là gì? Nhân duyên này đã hoàn toàn thành thục, đời này chắc chắn họ sẽ thành Phật.

Nếu gặp được Tịnh độ mà còn có một chút hoài nghi, không thể tin tưởng hoàn toàn, còn muốn học cái này cái kia, đó chính là duyên của họ chưa thành thục. Đời này không thể vãng sanh, đợi tiếp đời sau kiếp sau, điều này hiện nay chúng ta đều nhìn thấy được. Vừa thấy liền thấu hiểu được họ có duyên hay không, duyên của họ có thành thục hay không, tất cả đều phải giúp đỡ. Người không có duyên, phải kết duyên với họ, kết duyên đời sau sẽ có duyên, do đó chúng ta kết duyên không thể không rộng, không thể không làm. Niệm một câu A Di Đà Phật họ đã nghe được, đây đều là kết duyên với họ.

Trên người chúng ta đeo một xâu chuỗi, họ vừa nhìn thấy liền biết đây là Phật, cũng đã kết duyên. Luôn muốn họ tiếp xúc với chúng ta, khiến trong lòng họ hữu ý hay vô ý đều có một chữ Phật để trong lòng. Có câu, những gì đã nghe được vĩnh viễn trở thành chủng tử của đạo. Họ nhìn thấy, mắt đã nhìn thấy thì vĩnh viễn trở thành hạt giống bồ đề, đây là chủng tử Phật trong A lại da thức. Đặc biệt là đã trồng được chủng tử của Phật A Di Đà, như vậy mới có thể giáo hóa chúng sanh.

“Cố viết ích vật”, ích là lợi ích. Không nói người, họ nói vật\_Vật, mười pháp giới đã bao hàm tất cả. Nếu nói người, chỉ có nhân pháp giới, không bao gồm các thế giới khác. Viên mãn thông đạt, đây gọi là hóa thân bồ tát. Do đây mà biết, hóa thân Bồ Tát là tha thọ dụng, báo thân Bồ Tát là tự thọ dụng. Chính mình thật sự làm được lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, viên mãn trí tuệ của chính mình, viên mãn đức tướng của chính mình, đây thuộc về báo thân.

“Đệ tam, hiển phát tâm hữu dị”, dị là không giống nhau, phát tâm có khác nhau. “Kim vị hành giả”, hành giả chính là người học Phật, người tu hành. “Tu nhân phát tâm cụ kỳ tam chủng”, ba loại này ở sau Hoàng Niệm Lão cũng có giải thích.

“Nhất giả, yếu tu thức đạt hữu vô, tùng bổn dĩ lai tự tánh thanh tịnh”, đây là điều kiện đầu tiên, nhất định phải nhận thức hữu và vô, điều gì là hữu (có)? Tự tánh thanh tịnh tâm chắc chắn có, ngoài tự tánh thanh tịnh tâm ra, nhất định là không. Trong kinh đại thừa nói: Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tướng này không phải thật. Ý nghĩa quan trọng ở đây là dạy chúng ta, quý vị phải nắm chắc “hữu”, phải buông bỏ “vô”, không buông bỏ được vô, như vậy sẽ chướng ngại tự tánh thanh tịnh tâm của quý vị, quý vị vĩnh viễn không thể kiến tánh.

“Đệ nhị, duyên tu vạn hạnh, bát vạn tứ thiên chư ba la mật môn đẳng”, tôi thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, phải như thế nào? Phải viên tu, nhất tu nhất thiết tu, nhất thiết tu nhất tu. “Tam giả, đại từ bi vi bổn, hằng nghĩ vận độ vi hoài”, nhất định phải nuôi dưỡng tâm từ bi của chính mình, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, không thể để quên ý niệm này. Niệm niệm vì thương yêu chúng sanh, đây là hằng nghĩ. Giúp chúng sanh, đặc biệt là giúp chúng sanh nhận thức về Tịnh độ, giúp chúng sanh nhất tâm chuyên niệm, giúp chúng sanh vãng sanh thành Phật ngay trong đời này.

Ba nhân này có thể tương ưng với đại bồ đề, nên gọi là phát tâm bồ đề, phát tâm bồ đề chắc chắn là như vậy. Căn cứ theo Tịnh Độ Luận, tức là trong Vãng Sanh Luận nói: Nay phát tâm bồ đề, chính là tâm nguyện làm Phật\_Phát tâm bồ đề không phải gì khác, chính là đồng ý làm Phật. Tâm nguyện làm Phật, tức là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh, tức là tâm nhiếp độ chúng sanh sanh vào cõi nước có Phật. Hôm nay mặc dù đã nguyện sanh Tịnh độ, nhưng trước tiên cần phải phát tâm bồ đề. Ở sau là giải thích của Hoàng Niệm Tổ.

Giải thích nói, phát tâm có hai loại khác nhau. Trên thực tế điều này ở trước đã giải thích, có hai loại. Thứ nhất, khi hành giả ở nơi nhân địa, chúng ta hiện nay đều ở tại nhân địa, chúng ta chưa chứng quả, đều ở nơi nhân địa. Phát đầy đủ ba loại tâm này, thứ nhất, phải nhận thức có không, và thấu triệt tự tánh thanh tịnh xưa nay. Tự tánh thanh tịnh ở trước có chú thích, tự tánh vốn thanh tịnh. Đối với việc nhận thức thấu triệt có và không, thực tế là pháp môn nhập đạo của ngộ tâm. Mấu chốt là đây, vô cùng quan trọng, quý vị phải nhận thức, phải thông đạt, phải thấu triệt cái gì là có, cái gì là không, phải hiểu rõ điều này.

“Vô giả, tức, Tâm Kinh trung. Tùng vô nhãn nhĩ, nãi chí vô trí diệc vô đắc, nhất liên quán thông chi vô tự dã” trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng, mọi người đều đọc rất quen thuộc. Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thân hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Đây chính là thập bát giới, sáu căn, sáu trần, sáu thức đều vô. Cho đến sau cùng nói, vô trí diệc vô đắc (không có trí cũng không có sở đắc), điều này phải biết như thế nào là vô.

“Hựu tức Đại Niết Bàn Kinh vân, như thị nghịch thuận nhập siêu thiền dĩ. Phật cáo đại chúng, ngã dĩ Phật nhãn biến quán tam giới nhất thiết chư pháp, vô minh bổn tế tánh bổn giải thoát. Ư thập phương cầu, liễu bất năng đắc, căn bản vô cố. Sở nhân chi diệp giai tất giải thoát. Vô minh giải thoát cố, nãi chí lão tử giai đắc giải thoát”. Đây là đưa ra ví dụ để nói với chúng ta rằng, trong kinh nói, từ “phục cáo đại chúng” (lại nói với đại chúng rằng). Đây là Phật Thích Ca nói: Tôi lấy mắt của Phật để quan sát tất cả pháp trong tam giới\_Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới. “Vô minh bổn tế” bổn tế chính là bổn thể. “Tánh bổn giải thoát”, quý vị thấy tự tánh của tất cả pháp\_Tự tánh tất cả pháp chắc chắn không có tập khí phiền não, không có những thứ này. Ở đây quý vị tìm không thấy cái ngã, ngã còn không có thì làm gì có ngã sở? Tôi sở hữu đương nhiên sẽ không còn, đây là gì? Nó vốn là giải thoát. Mong cầu những gì trong mười phương, liễu bất khả đắc, vì sao? Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn như bọt nước, thật là liễu bất khả đắc. Thế nên Đức Phật nói thật với chúng ta, như thế nào là nói thật? Căn bản vô cố. Căn bản vô, giống như gốc cây vậy\_gốc, gốc rể không có, làm gì có cành lá? Điều này, chúng ta nhìn lại tường tận sở học trước đây của mình.

Trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền thủ quốc sư, sẽ minh bạch. Quý vị xem trong Hoàn Nguyên Quán nói, nguyên khởi vũ trụ là gì? Tôi từ đâu đến? Trước là hiển nhất thể, khởi nhị dụng. Nhất thể là căn bản, căn bản là gì? Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, điều này có, có thật. Tuy có thật, nhưng nó không phải hiện tượng vật chất, nó cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nó không có hiện tượng nhưng nó có thật, đó chính là chân như, chính là tự tánh. Vì không có hiện tượng nên Đức Phật gọi nó là không. Không không phải là vô, không là có, thật có, vì sao? Nó có thể sanh hiện tượng. Nó có thể sanh ra hiện tượng tự nhiên, có thể sanh ra hiện tượng tinh thần, có thể sanh ra hiện tượng vật chất. Nó có thể sanh ra hiện tượng, rất kỳ lạ.

Nhưng có thể sanh ra những hiện tượng này là huyễn tướng. Quý vị nên biết năng sanh hiện tượng không phải thật. Bản thể là chân hữu, hữu là không, hữu nó có tất cả, nó có thật, tồn tại thật. Hư không đều là nó biến hiện ra, hư không không phải thật, là do nó biến ra. Như chúng ta nằm mộng vậy, trong mộng có hư không, tĩnh dậy hư không không còn.

Ngày nay trong hư không này, khi nào chúng ta giác ngộ, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo, thì hư không này không thấy nữa. Nó không phải thật, thật là tự tánh. Thế nên từ nhất thể\_nhất thể là không tịch, khởi lên hai loại hiện tượng\_Khởi nhị dụng. Một cái là vũ trụ xuất hiện\_Y báo, thứ hai là bản ngã xuất hiện\_Chánh báo. Đây là hai loại tác dụng: chánh báo và y báo xuất hiện, là do biến hiện ra. Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói: một niệm không giác nên có vô minh, đây là một niệm không giác mà xuất hiện hiện tượng. Như chúng ta nằm mộng vậy, mộng chính là nhất niệm bất giác\_đang nằm mộng.

Hiện tượng này vừa khởi lên, hiện tượng có ba đặc điểm. Thứ nhất là chu biến pháp giới, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hiện tượng vật chất là thân thể, đây là vật chất, vật chất là hiện tượng dao động, mỗi lần dao động đều chu biến pháp giới, quý vị nói tốc độ nhanh biết bao. Hiện nói nói đến điện, quang, so với nó thì kém xa, nó là lập tức chu biến pháp giới. Quang và điện tốc độ rất chậm, một giây 30 vạn cây số, từ thái dương đến địa cầu phải tám phút, thời gian rất dài. Trong tự tánh chúng ta biến hiện ra, năng lực này quá lớn, nó vừa động liền chu biến pháp giới. Người không có chướng ngại, những tin tức này họ đều nhận được\_Người không có chướng ngại. Chúng ta có nhận được chăng? Nhận được. Nhận được nhưng có chướng ngại, nhận được mà không biết, không có cảm giác, vì chúng ta là phàm phu. Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nó làm chướng ngại linh tri của chúng ta. Tin tức trong biến pháp giới hư không giới đến nơi chúng ta không có cảm giác, ai có cảm giác? Chỉ cần người phiền não ít một chút họ sẽ cảm nhận được, nghiệp chướng nhẹ một chút. A la hán có cảm nhận được vì A la hán đã đoạn tận kiến tư phiền não. Tuy còn có trần sa và vô minh phiền não, nhưng họ có thể nhận được rất rõ ràng một vài tin tức, còn phần lớn họ không biết, chúng ta thì hoàn toàn không biết.

Bồ tát nhận được tin tức nhiều hơn A la hán, pháp thân Bồ tát nhận được là viên mãn. Cũng như ở trước nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, họ có thể nhận được tin tức viên mãn trong biến pháp giới hư không giới. Trên tất cả chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, chúng sanh trong tam đồ, khổ của chúng sanh trong tam đồ, họ đều nhận được. Trí tuệ, thần thông, đạo lực giáo hóa chúng sanh của chư Phật Như Lai, họ đều nhận được. Hiện nay nói không trung truyền âm, chính là ý này, còn lợi hại hơn cả truyền âm.

“Vô minh giải thoát cố, nãi chí lão tử giai đắc giải thoát”, vô minh là gốc, đã giải thoát được vô minh. Giải là giải trừ, thấu triệt được vô minh. Thoát là thoát ly, thoát ly điều gì? Thoát ly vô minh, đây chính là không tồn tại 12 nhân duyên. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử, tất cả đều giải thoát. Người này đã chứng pháp thân, đã thành Phật. Vì nhân duyên này mà hôm nay tôi an trú ở trong thường tịch quang, chúng ta gọi nó là thường tịch quang, còn gọi là đại niết bàn.

“Thử nãi Thế Tôn, tối hậu từ bi vi thiết chi thùy thị”, thị hiện rất vi diệu, khẩn thiết. Thị chính là làm gương tốt cho chúng ta. Cũng như Vĩnh Minh đại sư từ vô lượng kiếp, lột da làm giấy, lóc xương làm viết, lấy máu làm mực viết kinh này để báo từ ân. Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh độ tông, ngài đã phát nguyện như vậy. Viết bốn câu kệ của Đức Thế Tôn ra và truyền mãi về sau, vì sao? Vì để báo ân Phật. Mấy câu này nói trong Đại Niết Bàn Kinh.

Căn bản đều là vô, nên nhân của cành lá đều được giải thoát. Vô minh giải thoát, cho đến lão tử cũng đều được giải thoát. Chỉ mấy câu đơn giản, đã giải quyết được tất cả vấn đề, quan trọng nhất là những khai thị này. Đức Phật từ bi, phát nguyện lột da làm giấy, róc xương làm viết. Dùng xương của mình làm viết, dùng máu làm mực để viết kinh này. “Ư vô lượng kiếp”, hiện nay không cần viết, hiện nay có in ấn, có thể in ấn số lượng lớn. Còn lúc đó phải viết từng trang, viết bao lâu? Viết vô lượng kiếp. Quý vị xem, phát tâm lớn như vậy, đây là hạng người nào? Tri ân báo ân. Người không biết sẽ không làm điều này, người biết sẽ làm điều này. Hiểu được câu kinh văn này rất tốt, mọi người vừa xem đã khai ngộ, tức là sao? Thật sự có thể nhận thức cái gì là có, cái gì là không.

Ở sau là nói ra yếu nghĩa của bốn câu này. Vô minh không có thì làm gì có cành lá? Vô minh là căn bản vô minh, cành lá là gì? Kiến tư phiền não, trần sa phiền não và tập khí phiền não, đây là cành lá. Từ căn bản vô minh hiển lộ ra trần sa phiền não, do trần sa phiền não lại hiển lộ ra kiến tư phiền não. Vô minh là gốc, là căn bản, trần sa phiền não là cành, kiến tư phiền não là lá. Tôi nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn, dùng cây để làm ví dụ. Gốc không có, làm gì có cành lá? Ở đây đoạn phiền não rất nhanh. Vì sao ngài Huệ Năng nghe khai thị hai tiếng đồng hồ liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy là sao? Ngài biết rõ, vốn không có căn bản vô minh nên đoạn hết tất cả, không còn việc gì cả, không cần từ từ đoạn cành lá. Hiện nay chúng ta làm như vậy, chính là đoạn dần dần từ cành lá, vì sao? Không thể đoạn ngay lập tức. Không thể nào đoạn từ cành lá, biện pháp vô cùng ngu ngốc, đoạn từ căn bản là biện pháp thông minh nhất. Hàng thượng thượng căn họ hạ thủ từ căn bản, hàng hạ hạ căn hạ thủ từ cành lá, đạo lý chính là ở đây. Khi chúng ta từ từ đoạn từ cành lá trước, sẽ có một ngày bạt tận gốc rễ trong chốc lát.

Vì sao? Thật sự đã giác ngộ, thật sự đã minh bạch, vì sao không đoạn được? Còn hoài nghi, còn cho rằng có thật, không có gì khác, chính là vì điều này. Điều này trước đây Chương Gia đại sư dạy cho tôi, quý vị cho rằng mình đã minh bạch, chưa! Như thế nào mới thật sự thấu triệt? Người thật sự buông bỏ mới thấu hiểu thật sự, không thật sự buông bỏ, nghe nhiều cũng biết nói, nhưng thực tế chưa minh bạch. Điều này trước đây Chương Gia đại sư thường nói với tôi: Khó hiểu dễ hành, Phật pháp là khó hiểu dễ hành.

Đức Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, khó biết. Hành, như Ngài Huệ Năng vậy, quý vị thấy dễ biết bao. Buông bỏ trong chốc lát, lập tức trở lại hoàn nguyên, vọng tận chính là hoàn nguyên. Nên ba đoạn trước của Hoàn Nguyên Quán\_Nó tất cả có sáu đoạn\_Ba đoạn trước dạy chúng ta nhận thức chân vọng. Cái gì là chân, cái gì là vọng, quý vị phải nhận thức. Hai đoạn sau chính là nhìn thấu buông bỏ, đoạn thứ tư\_ở giữa là nói về giáo hóa chúng sanh, quý vị phải phát đại từ đại bi. Tuy quý vị thật sự nhìn thấu buông bỏ, nhưng có cần quên chúng sanh chăng. Phải quan tâm nhiều đến những chúng sanh đau khổ, nên dạy quý vị tùy duyên diệu dụng\_hằng thuận chúng sanh, tùy duyên diệu dụng\_đừng chấp tướng. Oai nghi hữu tắc, lúc nào cũng làm tấm gương tốt cho chúng sanh.

Thứ ba là một thái độ tốt, đặc biệt nhắc nhở chúng ta nhu hòa chất trực, phải khách khí, nhu hòa với người. Trong tâm phải chân thành, chất trực là chân thành. Câu sau cùng là chư Phật chịu khổ thay chúng sanh, không nên thấy chúng sanh không quan tâm mà bỏ đi, như vậy là không có tâm từ bi. Chúng sanh khổ, phải giúp đỡ họ, phải cứu họ. Chúng sanh có sanh tử, như thế nào gọi là có sanh tử? Họ cho rằng có sanh tử, nên thật sự có sanh tử. Quý vị đã liễu thoát sanh tử, không có sanh tử. Người không có sanh tử, giúp người có sanh tử, dễ! Có sanh tử giúp người có sanh tử rất khó, họ phải lo cho mạng của mình. Không thể nói vì sanh tử của quý vị mà hy sinh chính tôi, họ nghĩ như vậy là họ có sanh tử. Bồ tát không có sanh tử, chúng sanh có mạng, Bồ Tát không có mạng nên họ giúp chúng sanh được đại tự tại.

“Đạt vọng bổn không”, vọng là hư vọng, mười pháp giới y chánh trang nghiêm vốn là không. “Chân tánh tự hiển”, chỉ cần thông đạt, có chính là không. Hiện nay nói như vậy, các nhà khoa học lãnh ngộ sâu hơn chúng ta, vì sao? Các nhà khoa học biết, các nhà khoa học chứng minh, tất cả hiện tượng vật chất đều là giả. Nên trong kinh Đức Phật nói câu này, “đạt vọng bổn không”, các nhà khoa học nhất định gật đầu, nhất định vỗ tay, vì sao? Họ đã chứng minh không có vật chất, vật chất là gì? Huyễn tướng do ý niệm tích lũy, rất nhiều ý niệm tập trung lại một nơi, sinh ra huyễn tướng này. Vật chất sai biệt rất lớn, hiện tượng này sanh ra như thế nào? Họ nói tần suất bất đồng. Tần suất chậm biến thành vật thể rất rắn chắc, tần suất nhanh nó sẽ mềm xốp, tần suất nhanh hơn nữa sẽ biến thành quang, biến thành điện, biến thành lưu động, nhưng đích thực tất cả đều là ý niệm. Đây chính là trong Kinh đại thừa Đức Phật thường nói: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Trong tâm quý vị không có tưởng, tất cả pháp hoàn toàn không có.

Người thế gian cũng nói, chúng ta nằm mộng, mộng là ý thức, ý niệm sanh ra nên nói hạ ý thức. Khi quý vị ngủ không thể khống chế, hạ ý thức biến hiện thành cảnh giới trong mộng, cảnh giới trong mộng cũng là tâm tưởng sanh. Khi tĩnh lại mộng không còn nữa, tĩnh lại là giác ngộ, cũng chính là ý niệm của quý vị đã hồi phục bình thường, cùng một đạo lý. Ý nghĩa quan trọng nhất trong Hoàn Nguyên Quán chính, là dạy chúng ta thật sự nhận thức toàn thể vũ trụ với chính mình là nhất thể, tất cả Chư Phật với chúng ta là nhất thể, tất cả chúng sanh với mình là nhất thể. Tất cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa với mình là nhất thể. Nhận thức này quan trọng hơn bất cứ điều gì, nhận thức này nếu dùng cách nói của thế tục để nói, đó là thiên hạ thái bình, thế giới đại đồng, ai không thương chính mình?

Biến pháp giới hư không giới là chính mình, đây gọi là gì? Pháp thân. Thật sự là tôi, tôi là gì? Vạn sự vạn vật trong biến pháp giới hư không giới chính là tôi, như thân người này của chúng ta. Đây là tay của tôi, tay trái của tôi, đây là tay phải của tôi. Đây là ngón tay của tôi, đây là móng tay của tôi. Đây là ngũ quan, lục phủ trên thân tôi, đều là tôi. Mà không biết toàn thể hư không, toàn thể pháp giới là tôi, không biết những thứ này là tôi. Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta nhận thức và tìm lại chính mình, hoàn toàn buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước của chính mình. Vọng tưởng phân biệt chấp trước là chướng ngại, khiến quý vị hoàn toàn thấu triệt được chân tướng. Buông bỏ liền minh bạch chân tướng, tất cả đều minh bạch, hóa giải được tất cả vấn đề. Khi không biết, thì có vấn đề này, vấn đề kia. Khi biết rồi, tất cả vấn đề đều không có.

“Thử tức tri vô chi yếu nghĩa”, chính là không biết ý nghĩa quan trọng, không biết yếu nghĩa. “Chí ư tri hữu, tông môn thường viết”, Thiền tông thường nói: “Tất tu tri hữu thỉ đắc”, trong tri tánh vốn không, trong tri tướng vốn có, trong tướng có tánh, trong tánh có tướng. Lại trong Tâm Vương Danh của Phó Đại Sĩ nói: trong nước có vị muối, có chăng? Nước là mặn, nước của biển có vị mặn. Trong sắc có chất dính màu xanh, chắc chắn có nhưng không thấy hình dáng của nó. Quý vị không nhìn thấy, không thấy được vị của muối. Không nhìn thấy chất dán xanh trong sắc, nhưng nó chắc chắn có, không thấy hình thù của nó.

“Tâm vương diệc nhĩ, thân nội cư đình”, thân là hữu, là sắc. Trong thân này có tâm, tâm chính là tâm tánh, có tánh. Chắc chắn có tánh, dừng ở trong thân. Nó ở đâu? Nó dừng ở đâu? Trong mỗi tế bào đều có, tế bào rất lớn. Ở trước Hoàng Niệm Tổ dẫn dụng, các nhà khoa học cận đại phát hiện trung vi tử, cũng gọi là lượng tử, cũng có thể là cực vi chi vi mà Đức Phật nói. Vật chất nhỏ nhất, không thể phân thêm nữa, phân nữa là không còn, cực kỳ vi tế. Tiểu vi tử này\_Trung vi tử, tiểu vi tử này lớn chừng nào? 100 ức cái tổ hợp thành, 100 ức cái tập hợp lại một nơi tổ hợp thành một điện tử, điện tử mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được. Chúng ta nhìn thấy các nhà khoa học vẽ bức tranh đó.

Nguyên tử nó như thế nào? Trong đó có một hạt nhân nguyên tử, bên cạnh có mấy nguyên tử xoay chuyển quanh nó, giống như hệ thái dương vậy, chính là tiểu điện tử. Tiểu điện tử đó\_phân một điện tử ra là 100 ức tiểu vi tử, một tiểu vi tử đó đầy đủ sắc thọ tưởng hành thức. Tiểu vi tử này, quý vị nhìn thấy được là vật chất của nó, nhưng không nhìn thấy thọ tưởng hành thức, vì nó không phải sắc pháp nên không nhìn thấy nó, nhưng chắc chắn có. Tiến sĩ Giang Bổn thực nghiệm nước, nước quý vị nhìn thấy là vật chất. Nước biết nghe, biết nhìn, hiểu được ý của người nhưng cái quý vị không nhìn thấy được, nhất định có. Thông qua thực nghiệm, thật sự phát hiện nó có, có đó là gì? Đó là tánh đức.

Trong tự tánh không gọi là thọ tưởng hành thức, danh từ Phật giáo gọi là kiến văn giác tri, trong vật chất gọi nó là thọ tưởng hành thức. Nó có cảm thọ, chúng ta nói nó là sống, nó không phải chết. Nó có thọ, nó có tưởng, cũng chính là nói nó có phân biệt chấp trước. Quý vị xem, quý vị dùng thiện ý đối đãi nó, nó hồi báo là rất đẹp. Quý vị dùng ác ý đối đãi, nó hồi báo là rất xấu xa. Nó có phân biệt, nó có chấp trước. Phân biệt chấp trước này không có hình dáng nên quý vị không nhìn thấy, nhưng chắc chắn có. Trong vật chất nhất định có tinh thần, trong tinh thần chắc chắn có vật chất, đây gọi là biết hữu và vô.

“Tâm vương diệc nhĩ”, tâm vương là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất, nó ở trong nhục thể, thân nội cư đình, diện môn xuất nhập. “Ưng vật tùy tình, tự tại vô ngại, sở tác giai thành”, đây là nói tâm vương, chính là hiện tượng tinh thần\_Thọ tưởng hành thức, kiến văn giác tri. Nó có thật trong thân thể chúng ta nhưng quý vị không nhìn thấy, không nghe thấy. Năm căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân của chúng ta đều không cách nào phát giác được, nó thật có.

“Danh trung dĩ thí dụ, minh đương nhân các các tự hữu tâm vương”. Chắc chắn là có, nên vật tùy tình cảm mà phát huy diệu dụng, nhưng không thấy được hình tướng của nó. Quý vị xem, thuận theo ý mình thì rất hoan hỷ, không thuận ý mình thì không vui. Nhất định có, ở đâu? Quý vị không tìm thấy. Thế nên khi chúng ta học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, nghe những báo cáo thực nghiệm này của các nhà khoa học, chúng ta biết trong mỗi trung vi tử đều có, thật không thể nghĩ bàn. Nó thật sự có thể phát huy diệu dụng, quý vị phải giác, phải giác điều gì? Những hiện tượng này toàn là huyễn tướng, những huyễn tướng này, toàn là tác dụng khi tự tánh mê, khi giác gọi là diệu dụng. Diệu dụng là gì? Diệu dụng là như như bất động, sanh ra trí tuệ, sanh ra đức tướng. Họ sẽ không sanh phiền não, không có thất tình ngũ dục, họ có trí tuệ đức tướng, vô lượng tướng hảo trang nghiêm. Ai đại biểu? Phật Bồ Tát đại biểu. Phát huy diệu dụng mà không thấy hình dáng của nó.

Trong Kinh Niết Bàn nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người biết có, tức biết có Phật tánh này, người biết hữu là biết có tự tánh. Gọi là Phật tánh là từ trong giác tánh của tự tánh mà nói, vì Phật có nghĩa là giác. Pháp tánh phạm vi rộng hơn Phật tánh, pháp tánh bao hàm tất cả. Phật tánh là một phần trong pháp tánh\_Giác\_chân hữu! Trong nhục thể của chúng ta có, trong vạn vật có, trong cây cỏ hoa lá có, mỗi hạt vi trần trong sơn hà đại địa đều có. Thế nên chúng ta khẳng định câu nói này, biến pháp giới hư không giới là một thể hữu cơ, nó là sống. Không có trong một vật nào nói là không có pháp tánh, đó là điều không thể. Tất cả mọi hiện tượng đều là pháp tánh biến hiện ra, không có tánh làm sao có tướng?

Hư không là tướng, có hư không chăng? Có. Nếu không có hư không, nó không thể truyền bá tin tức. Trong ba loại chu biến, chu biến pháp giới nói không thông suốt. Có thể truyền bá tin tức thì nó đương nhiên có, sao có thể nói nó không có? Các nhà khoa học nói, vi trung tử có thể xuyên suốt, đó là một sát na. Có thể xuyên suốt cảnh giới như thế nào? Trong báo cáo nói, một trung vi tử có năng lực xuyên suốt tấm gang mười ức cây số\_Tấm gang mười ức cây số, địa cầu chúng ta không có\_Địa cầu đại khái chỉ có, đường kính của nó, điều này tôi không nhớ nữa. Điều này trước đây khi học vật lý có, đại khái không đến một vạn cây số\_trục của địa cầu từ nam tới bắc. Tôi nghĩ không đến một vạn cây số, vì chúng ta từ Trung Quốc bay đến Mỹ vừa đúng một vạn cây số, chính là thái bình dương.

Thái bình dương từ Trung Quốc đến Mỹ là một vạn cây số, vậy mà ở đây nói mười ức cây số, bao nhiêu cái địa cầu! Trong một sát na nó liền xuyên suốt, đây là các nhà vật lý học nói với chúng ta, về chân tướng sự thật này. Trong hiện tượng vật chất có tồn tại hiện tượng tinh thần, chính là tướng trong có tánh, có pháp tánh, tánh trong có tướng. Tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như, gọi là thông đạt hữu vô.

Chúng ta biết có Phật tánh\_Thân thể này của chúng ta có Phật tánh, đương nhiên có thể thành Phật. Chỉ cần buông bỏ những chướng ngại của tâm tánh, những thứ này cũng là vô hình. Kiến tư phiền não là vô hình, trần sa phiền não cũng là vô hình, vô minh phiền não càng là vô hình, khởi tâm động niệm càng vô hình. Chỉ cần buông bỏ tất cả những thứ này, quý vị liền minh tâm kiến tánh, chân tướng rõ ràng.

Trong Tâm Đăng Lục nói, sở dĩ cổ đức đều muốn người biết hữu, nếu không biết hữu luôn là hư vọng. Ở trên giải thích, biết vô và biết có, là nhận thức rõ hữu vô. Quý vị thật sự nhận thức, thật sự thông đạt hữu là gì, vô là gì. “Hựu thức đạt, vị thức tâm đạt bổn”, thức đạt cũng có thể nói như vậy. Thấu triệt xưa nay tự tánh vốn thanh tịnh, chính là câu đầu tiên ngài Huệ Năng nói khi kiến tánh. Tự tánh của chúng ta vốn thanh tịnh, hiện nay vẫn thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, không có nhiễm ô. Điều này tương đương với trực tâm trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, giải thích rất hay, giải thích rõ ràng. Trực tâm là tâm bồ đề, chính là chân tâm\_Bản thể của tâm bồ đề chính là chân tâm, chân tâm chính là tự tánh thanh tịnh.

“Trực tâm giả, chánh niệm chân như pháp dã”, niệm ở đây không phải là khởi tâm động niệm, niệm có nghĩa là gì? Quý vị xem văn tự của Trung Quốc\_Hội ý, kim\_tâm, chính là tâm hiện tại của quý vị. Tâm hiện tại của quý vị chính là chân như, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, đây gọi là trực tâm. Có khởi tâm động niệm chính là vọng tâm, không gọi là chân tâm, chân tâm biến thành A lại da, biến thành vọng tâm. Nhưng quý vị nên biết, gốc của vọng tâm là chân tâm, vọng tâm có nhiễm ô, chân tâm không có nhiễm ô. Thế nên nhiễm ô đó là giả, nhiễm ô không phải thật.

Chân tâm không có ý niệm, quý vị khởi ý niệm đó là giả, không phải thật. Không phải thật, nên tùy ý khởi ý niệm gì cũng không sao, quý vị đã giác ngộ thật sự, nên không sao. Không giác ngộ, nên xem ý niệm đó là thật, như vậy quả thật phiền phức, lập tức biến ra tướng. Ý niệm thiện biến thành phước báo, ý niệm ác biến thành tội báo, nó biến ngay lập tức, đây chính là loại thứ hai trong ba loại chu biến\_Xuất sanh vô tận, nó liền hiện tướng. Thiện niệm hiện thiên đường, ác niệm hiện địa ngục. Nếu thật sự biết được ý niệm thiện ác đều là giả, nó không hiện tướng. Thiện niệm không hiện thiên đường, ác niệm không hiện địa ngục, nó không hiện tướng, vì sao? Quý vị biết nó, nếu không biết nó, nó sẽ biến kịch cho quý vị xem.

Khi không nhận thức nó, thiện niệm liền biến thành thiên đường, ác niệm biến thành địa ngục, nhận thức thông đạt rất quan trọng. Bồ tát dùng thức đạt, có thể độ hóa chúng sanh, làm chủng chủng phương tiện thiện xảo để độ hóa chúng sanh, cũng như biến ảo thuật vậy, hoàn toàn thấu triệt. Không hiểu chân tướng sự thật, như vậy thì phải nhận lấy. Nếu tu thiện quý vị được hưởng phước, tạo tội nghiệp thì đi thọ tội, quý vị phải nhận lấy, nhận lấy như vậy thật oan uổng! Thật vậy, thật oan uổng, tất cả đều không có. Toàn bộ đều là giả, không có gì là thật.

“Nhị giả, duyên tu vạn hạnh, tương đương ư cai luận chi thâm tâm, dược tu nhất thiết chư thiện hành cố”. Duyên, thông thường chúng ta gọi là điều kiện, nhân duyên, phải nắm chắc. Tu vạn hạnh, vạn hạnh quy nạp lại chính là sáu ba la mật, tu điều gì? Tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, tinh tấn, bát nhã. Triển khai lục độ là vạn hạnh, hoặc là tu thập thiện cũng như nhau. Thập thiện chính là bố thí, thập thiện chính là trì giới, thập thiện chính là nhẫn nhục, cho đến bát nhã. Nương vào lục độ làm cương lĩnh, lấy thập thiện làm mục tiêu. Trong bố thí có thập thiện, trong trì giới có thập thiện, cho đến trong thiền định, bát nhã đều có thập thiện, tương đương với thâm tâm trong Khởi Tín Luận. Dược chính là thích, tu nhất thiết chư hành, thích tu thiện hạnh, thích giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ.

“Tam giả, đại từ bi vi bổn, tương đương ư bỉ chi đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố”. Chúng sanh quá khổ, đặc biệt là những gì chúng ta nhìn thấy trước mắt, và những gì gặp được. Thiện Đạo đại sư thường nói, người niệm Phật với thế giới Cực Lạc, tứ độ tam bối cửu phẩm đều do gặp duyên khác nhau. Hôm nay chúng ta gặp được nhân duyên thù thắng, vì sao? Chúng sanh quá khổ, dễ phát khởi tâm từ bi. Quý vị gặp nhân duyên này mà tâm không phát ra được, không biết nên bắt đầu từ đâu? Sau khi gặp phải giúp họ, toàn tâm toàn ý giúp họ, phải giúp tất cả chúng sanh. Không nên phân biệt, không nên chấp trước.

Trong Đệ Tử Quy nói, phàm là người đều phải thương yêu. Phật pháp đại thừa tâm lượng rộng lớn, phải yêu thương tất cả chúng sanh. Phải hiểu ý nghĩa vốn có của chúng sanh, chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi hiện tượng, gọi là chúng sanh. Tất cả pháp trong thế gian này, pháp nào không phải là chúng duyên hòa hợp? Tất cả đều là chúng duyên hòa hợp. Cây cỏ hoa lá là chúng duyên hòa hợp, sơn hà đại địa là chúng duyên hòa hợp, biến pháp giới hư không giới tất cả đều là chúng duyên hòa hợp. Đây chính là lòng thương yêu biến pháp giới, thiện ý biến pháp giới, đây là tâm gì? Tâm bồ đề viên mãn, chúng ta có thể không thể giúp đỡ ư? Làm một cách hoan hỷ. Gặp nhân duyên này nên làm, không gặp không nên đi tìm, tìm chính là phan duyên.

Gặp như thế nào? Gặp là tùy duyên, tùy duyên và phan duyên ý nghĩa khác nhau. Chúng ta đi tìm cơ duyên này gọi là phan duyên, không tìm, duyên tự đến, tự nhiên mà đến, đây là tùy duyên. Tùy duyên phải bất biến, đây chính là diệu dụng, tùy duyên tùy biến là không diệu dụng, biến là gì? Trong quý vị có tự tư tự lợi cá nhân, có danh văn lợi dưỡng xen tạp vào trong đó, như vậy là sai. Như vậy không phải đang tu Bồ Tát đạo, đó là gì? Đó là tạo nghiệp. Nhưng nếu tạo nghiệp thiện, quả báo của thiện nghiệp là ở trong phước báo nhân thiên. Nếu trong tùy duyên không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đó gọi là công đức. Công đức này hồi hướng bồ đề, hồi hướng thực tế, hồi hướng chúng sanh, thành vô thượng đạo! Thế nên mỗi niệm không quên sự đau khổ của chúng sanh.

Là lấy ba loại phát tâm này, ba loại phát tâm này chính là tam tâm trong Khởi Tín Luận. Ba nhân này có thể tương ưng với đại bồ đề, nên biết phát tâm như vậy tức là phát tâm đại bồ đề. Phát tâm bồ đề không giống với thiện tâm mà thông thường người thế gian nói, thông thường người thế gian nói hành thiện tích đức, họ không phải là tâm bồ đề, vì sao? Họ cầu phước báo. Họ là có sở cầu, Phật pháp cũng là có sở cầu. Phật pháp cầu mà vô cầu, cầu vô sở cầu, cần phải hiểu ý nghĩa này. Khi sở cầu của Phật pháp là thật, mỗi niệm tôi muốn cầu vô thượng bồ đề, có thể cầu được chăng? Cầu không được, vì sao? Mỗi niệm muốn cầu vô thượng bồ đề, ý niệm này là vọng niệm, vọng niệm làm sao có thể cầu được chân? Chân và vọng không tương ưng, chân và chân tương ưng, cầu mà vô cầu tương ưng. Tôi cần cầu như thế chăng? Cần, vì sao cần? Làm gương cho người khác noi theo, quý vị xem cầu bồ đề rất tốt, tự mình có cầu chăng? Tự mình không có. Đây chính là biểu diễn, diễn cho người khác thấy, tiếp dẫn sơ cơ.

Phải dùng phương pháp này đưa họ vào cửa, đưa họ vào cửa rồi nói với họ là không có. Không có, không thể lập tức không có, lập tức không có họ sẽ thoái tâm, phải đến đâu? Họ thật sự giác ngộ thì ra là như vậy, bồ đề là gì? Bồ đề là quý vị vốn có, quý vị cầu ở đâu? Vốn có mà cầu chẳng phải là dư thừa ư, làm gì có đạo lý này! Đức Thế Tôn ngày ngày giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, ngài có nói chăng? Không có nói, nói mà không nói, không nói mà nói, đây mới gọi là diệu, tuyệt diệu là đây.

Hay nói cách khác, tu bất cứ pháp môn nào đều phải giữ thanh tịnh bình đẳng giác, đó gọi là diệu dụng. Quý vị học điều này, tôi có cầu\_Tôi cầu Phật A Di Đà, tôi cầu thế giới Cực Lạc, như vậy tâm quý vị không thanh tịnh. Cầu tâm địa thanh tịnh nhưng không nhiễm chút trần, tuyệt diệu, như vậy mới cao. Trên hình thức tôi phải làm như vậy, làm như vậy chính là tự lợi lợi tha, khiến nội tâm tôi thành kính, từ trên hình tướng của tôi biểu đạt ra, khiến người khác đều nhìn thấy nên tu thành kính như thế nào. Suốt đời của Đức Thế Tôn, không phải đều là biểu diễn cho chúng ta thấy ư? Từ khi ra đời đến tám tướng thành đạo đều là tượng trưng cho chúng ta. Quý vị nói pháp đó ngài có hay không? Không thể nói ngài có, cũng không thể nói không. Quý vị nói ngài không có nhưng ngài có thật. Quý vị nói ngài có, tâm địa ngài thanh tịnh không nhiễm chút trần, căn bản không có khởi tâm động niệm, ngài có ở đâu?

Ngài lại không cần danh, lại không cần lợi. Ngài lại vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, vậy có ở đâu? Đây chính là nhận thức hữu vô, đem nhận thức về hữu và vô này biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, biểu hiện trong việc xử sự tiếp nhân đãi vật, diệu! Người thật sự hiểu, nhìn thấy chiêu này mới tuyệt diệu, không phải phàm phu có thể tưởng tượng được, gọi là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chính ngay trong cuộc sống hằng ngày. Người thông thường không nhận ra được, người thấu triệt nhận ra, tuyệt diệu.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai. “Thứ giả dẫn Tịnh Độ Luận”, Tịnh Độ Luận chính là Vãng Sanh Luận. “Vị bồ đề tâm, tức nguyện thành Phật độ sanh”, tâm nguyện thành Phật độ chúng sanh, chính là tâm bồ đề. “Nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh Tịnh độ chi tâm”, cũng chính là mỗi niệm hy vọng giúp tất cả chúng sanh nhận thức Tịnh độ, tin vào Tịnh độ. Nguyện vãng sanh Tịnh độ, đây là việc tốt! Tâm này hoàn toàn tương ưng với tất cả Chư Phật Như Lai, tâm của tất cả Chư Phật Như Lai đều là mỗi niệm nghĩ đến làm sao giúp đỡ họ và giáo hóa những chúng sanh này, nhận thức Tịnh độ, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Sanh đến thế giới Cực Lạc họ liền thành Phật, đồng nghĩa với nói: Cha mẹ đối với con cái luôn hy vọng tìm ngôi trường tốt cho chúng, để chúng đi học, ở trong ngôi trường này nhất định thành danh, sẽ lấy được học vị tiến sĩ. Ngôi trường nào có bảo đảm này?

Quốc độ của chư Phật trong mười phương đều đang mở trường, chỉ có trường của Phật A Di Đà có lớp bảo đảm này. Thế nên mười phương Như Lai đều bằng lòng, đem học sinh thật sự năng tin, năng nguyện, thật sự muốn vãng sanh của họ, tất cả đều đưa đến đây học, điều này chúng ta cần phải hiểu. Chư Phật Như Lai trong mười phương, dị khẩu đồng âm tán thán Phật A Di Đà là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Mười phương Như Lai giống như cha mẹ, Phật A Di Đà là thầy giáo giỏi. Đức Phật Thích Ca của chúng ta giống như cha mẹ vậy, bảo đảm đưa chúng ta đến thế giới tây phương cực Lạc, vì chúng ta mà giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chính là nói về thế giới Cực Lạc, nói rõ ràng minh bạch. Mọi người nghe rồi đều tin nhận, muốn sanh về đó, nghe nhiều vài biến thật sự muốn đi, như vậy là đã thành công. Thật sự muốn đi, quý vị nhất định đi được. Ở đây nói với quý vị mấy nguyên tắc cần phát tâm.

Tâm này mới nhìn thì giống như dể phát khởi hơn tâm trước, nhưng thật ra không như vậy. Thực tế mà nói thì cũng không dễ phát khởi, tâm này là gì? Nguyện thành Phật độ chúng sanh, so với ba loại tâm ở trước như tâm chân thành, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm\_Xem ra hình như dễ hơn ba tâm ở trước, nguyện thành Phật độ chúng sanh, phải nguyện thật, giả không được. Vì sao nói thực tế không như vậy? Bên dưới nói rất rõ ràng.

Pháp môn vãng sanh Tịnh độ thật là pháp khó tin, đây là thật không hề hư vọng. Tín tâm chưa sanh làm sao có thể phát? Tôi có cảm xúc rất sâu sắc đối với câu này, vì sao? Tôi là người đi trên con đường này. Tôi học Phật, nếu dùng pháp môn Tịnh độ để tiếp dẫn tôi, thì đời này không có hy vọng gì, vì sao? Không tin. Phương pháp của Phật rất nhiều, thiện xảo, xảo diệu. Tôi thích nghiên cứu kinh Phật, thích Phật nói những đạo lý này, nên rất thích kinh luận đại thừa, nhưng kêu tôi ngồi đó thật thà niệm Phật thì không niệm được. Căn tánh mỗi người không giống nhau, nên thật sự tiếp dẫn tôi nhập môn là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Những kinh luận này dẫn tôi nhập môn, tôi rất thích, rất hứng thú với kinh điển này.

Trở về Tịnh độ như thế nào? Đến sau cùng nhìn thấy những kinh luận này, tất cả đều đạo quy Cực Lạc\_Nhị thập ngũ viên thông trong Kinh Lăng Nghiêm. Điều này tôi phát hiện, vì trước đây rất ít người giảng. Đa phần khi người ta giảng nhị thập ngũ viên thông, Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông Chương thứ nhất. Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo, điều này Thiền tông đã dẫn dụng. Tịnh độ tông không ai nhìn ra, tôi bị một vị hòa thượng Nhật Bản hỏi nên phát hiện ra, nếu ông ta không hỏi, tôi cũng không nghĩ đến. Vì lúc đó tôi học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý, tôi học Kinh Lăng Nghiêm là phúc giảng. Một tuần giảng một lần, thầy giảng thứ tư, tôi giảng thứ năm, chính là tôi phúc giảng. Ngày thứ ba tôi nghe, ngày thứ năm giảng, theo cách giảng của thầy giảng lại một lần. Thính chúng của tôi có sáu người, bảy người chúng tôi một tiểu ban. Mỗi tuần đều phúc giảng, một người giảng sáu người nghe. Tôi chuyên giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm này từ đầu đến cuối nên thầy giảng một biến, tôi cũng giảng một biến.

Có một lần, có mấy học sinh của đại học Đài Loan, dẫn mấy người giáo thọ khách tọa người Nhật\_cũng là học Phật\_Họ đến phỏng vấn tôi, hỏi tôi học bộ kinh nào? Học Lăng Nghiêm. Ông tu pháp môn gì? Tôi tu Tịnh độ, niệm Phật. Họ rất ngạc nhiên vì mọi người đều biết, Kinh Lăng Nghiêm có quan hệ với Mật tông và Thiền tông. Cho rằng đây là kinh luận quan trọng của Thiền tông và Mật tông, không liên quan đến Tịnh độ, nên họ rất ngạc nhiên.

Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh độ có quan hệ gì? Họ hỏi như vậy, khiến tôi có linh cảm. Trong nhị thập ngũ viên thông, không phải một pháp môn đặc biệt, mà là hai pháp môn đặc biệt. Pháp môn của Quan Âm Bồ Tát quá rõ ràng, người ta vừa xem đã hiểu. Đại Thế Chí Viên Thông Chương là pháp môn đặc biệt, nhưng không hiển lộ, đó là gì? Vị thứ sắp xếp. Quán Thế Âm Bồ Tát, chiếu theo lý sắp xếp theo thuận tự thì ngài ở vị trí thứ hai. Ngài là lục căn, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, ngài là nhĩ căn, đáng lẽ sắp vào vị trí thứ hai. Sau lục căn là lục trần, sau lục trần là lục thức. Đây là thứ tự mười tám cái, Bồ Tát Quan Âm xếp hàng thứ hai, ở sau là thất đại: địa thủy hỏa phong không kiến thức là thất đại nên tổng cộng là 25 vị thứ. Quan Âm Bồ Tát từ vị thứ thứ hai, bây giờ lại để ở sau cùng, điều này vừa nhìn là hiểu rõ. Ngài ở hàng thứ hai, sao lại xếp ngài đến cuối cùng? Quá rõ ràng! Bồ Tát Đại Thế Chí cũng rất đặc biệt, không xếp theo thứ tự. Vốn Bồ Tát Đại Thế Chí xếp thứ 23, Bồ Tát Di Lặc 24, hai vị này đã hoán đổi một chút, chính là đổi cách một bức tường, điều này rất nhiều người không nhìn thấy. Đại Thế Chí 24, ngài vốn là 23 nhưng lại xếp ở 24. Bồ Tát Quan Âm vốn là thứ hai nhưng lại xếp ngài ở vị thứ 25. Như tiết mục hát sau cùng vậy, là tiết mục chất lượng nhất, tốt nhất, hay nhất, gọi là áp trục hí. Sau cùng áp trục là Đại Thế Chí, Quan Thế Âm.

Tôi đột nhiên nghĩ đến điều này để đối phó với người Nhật. Tôi nói sao không quan hệ? Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương là pháp môn đặc biệt, nó không bình thương, không sắp xếp theo thứ tự, tôi càng nói họ càng ngơ ngác. Tôi nói quý vị chỉ nhìn thấy Bồ Tát Quan Âm vì quá rõ ràng, thay đổi vị trí quý vị liền không nhìn thấy, có hai pháp môn đặc biệt. Vì sao có hai pháp môn đặc biệt? Vì sao Bồ Tát Đại Thế Chí không để ở sau cùng? Pháp môn của Đại Thế Chí, pháp môn niệm Phật này phổ biến pháp giới, biến pháp giới hư không giới đều là đệ nhất. Còn pháp môn của Bồ Tát Quan Thế Âm, chúng sanh trên địa cầu này là đệ nhất. Là diện tích nhỏ, trong diện tích nhỏ của chúng ta, Bồ Tát Quán Thế Âm là đệ nhất. Nói trên diện tích lớn, Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ nhất, như vậy họ mới hiểu.

Thì ra Kinh Lăng Nghiêm và pháp môn niệm Phật, quan hệ mật thiết như vậy, tôi nói đúng vậy, không sai chút nào. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đặc biệt là Kinh Hoa Nghiêm, sau cùng Bồ Tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Tôi tin Tịnh độ từ chỗ này, người nào khuyên cũng không được, thầy Lý khuyên tôi rất nhiều lần. Tôi không phản đối Tịnh độ, tôi tôn trọng Tịnh độ nhưng tôi không chịu học Tịnh độ. Tôi vẫn thích Hoa Nghiêm, thích Lăng Nghiêm, những kinh này phân lượng đều rất lớn, phân lượng lớn hơn Kinh Vô Lượng Thọ nhiều, trong đó thú vị vô cùng.

Kinh Lăng Nghiêm thuần túy giảng về trí tuệ, Hoa Nghiêm là tổng cương lĩnh của tất cả kinh điển, mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Thế nên ông Phương Đông Mỹ giới thiệu Kinh Hoa Nghiêm cho tôi, đây là triết học khái luận trong kinh Phật. Ông đã giới thiệu cho tôi như vậy\_Phật kinh triết học khái luận, thật sự là pháp khó tin. Tôi từ Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đạo quy Cực Lạc, các bộ kinh này dẫn dắt. Không có những bộ kinh luận này dẫn dắt, tín tâm của tôi không sanh khởi được, thật sự gọi là khó tin nhưng khi tôi tin, so với lòng tin của những người khác, không biết mạnh hơn gấp mấy lần. Vì tôi hiểu, nhiều người không hiểu, tôi hiểu nó thấu triệt rốt ráo tôi mới tin.

Kinh Vô Lượng Thọ, bản này tôi đã giảng mười lần, lần này là lần thứ 11. Tôi đặc biệt chọn chú giải của Hoàng Niệm Tổ, cũng là cảm niệm lúc tuổi già chúng tôi mới gặp nhau, mới trở thành tri kỷ. Lúc đó hoằng dương bản này chỉ có hai chúng tôi, ông ta hoằng dương trong nước, tôi hoằng dương ở nước ngoài. Trong nước chỉ một mình ông, nước ngoài cũng chỉ có mình tôi. Hai chúng tôi có duyên gặp nhau, thật không thể nghĩ bàn, nhân duyên này có liên quan đến thầy Lý. Trước đây thầy Lý có nhắc đến tên Hoàng Niệm Tổ, có nhắc đến, tôi có nghe và có ấn tượng, ấn tượng không sâu chỉ mơ hồ. Tôi tưởng rằng thầy nhắc đến, nhất định là tuổi tác khoảng như thầy, không ngờ Hoàn Niệm Tổ nhỏ hơn thầy rất nhiều, lớn hơn tôi một chút, lớn hơn không bao nhiêu.

Thầy Lý lớn hơn tôi 39 tuổi, Hoàng Niệm Tổ lớn hơn tôi khoảng mười mấy tuổi, tôi tưởng rằng ông đã là cổ nhân, đã không còn. Không ngờ ở Mỹ nghe được có một người như vậy, là đồng tu của Tịnh độ chúng ta. Họ mời một vị thượng sư của Mật Tông của Trung quốc\_Thầy của tôi Chương Gia đại sư là thượng sư của Mật tông. Tôi nói quý vị cũng mời một vị thượng sư Mật tông, hiện nay chúng ta đang niệm Phật, không cần thiết. Tôi liền hỏi mấy câu, thượng sư là ai? Họ nói Hoàng Niệm Tổ, tên này rất quen thuộc, có ấn tượng. Nghĩ thật lâu tôi cũng nhớ lại, tôi liền hỏi họ, phải chăng là cháu ngoại của Mai Quang Hy? Họ nói phải. Tôi nói, như vậy thì mời ông ta đến.

Mai Quang Hy là thầy của cư sĩ Lý Bỉnh Nam, chúng tôi xưng là Tổ sư, thầy và chúng tôi là người một nhà, nên chúng tôi rất muốn gặp mặt. Tôi biết ông ta là cháu ngoại của Mai Quang Hy, là học trò của Hạ Liên Cư, như vậy có quan hệ rất lớn với Kinh Vô Lượng Thọ này, nhất định ông học bộ kinh này. Thế nên tôi nói với ông, có thể mời ông đến Mỹ, mời đến, quả nhiên là ông ta, không sai. Do nhân duyên như vậy mà chúng tôi gặp nhau, khi gặp thật gọi là vừa gặp như đã quen từ lâu. Khi gặp là gọi điện thoại, ông ta đem bộ chú giải in dầu này, chữ không mười phần rõ ràng nhưng có thể xem được\_Đem đến Mỹ bộ này và tặng cho tôi, chúng tôi đem về Đài Loan in một vạn bộ. Ông cũng trở về Đài Loan liền sau đó, ông chỉ lưu lại ở mỹ một tháng, Visa chỉ có một tháng. Tôi đến Bắc Kinh thăm ông, quả thật rất hoan hỷ! Tôi muốn đi thăm ông, không ngờ ông đến thăm tôi trước, ông biết tôi đến Bắc Kinh đang ở khách sạn, nên đến khách sạn thăm tôi.

Điều này trên mặt lễ tiết thì không tầm thường, người xưa nói khách chào chủ nhân, chủ nhân chào lại. Chúng tôi đến Bắc Kinh làm khách, chủ nhân đến thăm tôi trước, sau đó mời tôi đến nhà ông ăn cơm. Tấm ảnh đó hiện nay treo ở trên tường, trong phòng nhiếp ảnh, quý vị sẽ nhìn thấy. Đó chính là lần gặp mặt đầu tiên, ở Bắc Kinh, với tất cả người nhà ông, còn có Hạ Pháp Thánh là cháu của Hạ Liên Cư, một nhà đại đoàn viên.

Biết được ông viết bộ kinh này rất gian nan vất vả, chúng tôi đại biểu chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, tương lai đều nhờ bộ kinh này mà được lợi ích. Đặc biệt đem bộ chú giải này giảng một lần, chúng ta cùng nhau chia sẽ, cũng là báo đáp ân tri ngộ với cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Khó tin nhưng có thể tin, điều này rất đáng quý, nếu tín tâm không sanh, tâm bồ đề không phát khởi được, cũng đích thực không dễ.

Như trong Kinh A Di Đà Kinh nói, mười phương Chư Phật xưng tán Đức Thế Tôn là đời ngũ trược, là ngũ trược ác thế. Vì tất cả chúng sanh mà nói tất cả pháp khó tin trong thế gian. Đây là Chư Phật Như Lai tán thán Đức Phật Thích Ca, Đức Thế Tôn có thể ở trong thời đại này, tuyên nói pháp môn Tịnh độ cho tất cả đại chúng. Ba bộ kinh như Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà không hỏi tự nói, kinh này là ngài A Nan khởi thỉnh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ là nhân duyên của bà Vi Đề Hy, quả thật không đơn giản!

Trong tiểu bổn Kinh Di Đà Đức Phật nói, mười phương chư Phật tán thán Đức Bổn Sư Thích Ca, trong đời ngũ trược ác thế. Là nói Đức Thế Tôn sinh ra trong thời đại này, nên Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện nhiều loại khổ hạnh, làm cho người đời sau chúng ta noi theo. Phải chịu khổ, vì sao? Chúng sanh nghiệp chướng quá nặng, chịu khổ là sao? Chịu khổ thay chúng sanh, ý nghĩa này quá sâu sắc, mấy người biết? Đức Thế Tôn chịu khổ là vì chúng sanh trên địa cầu, chúng sanh tạo nghiệp cực ác, tiêu tôi nghiệp thay cho những chúng sanh tạo nghiệp chướng này. Không biết ân thì không có tâm báo ân, quý vị thật sự biết thì tâm báo ân, tâm cảm ân liền sanh khởi. Làm sao để báo ân, cảm ân? Y giáo phụng hành. Không những chính mình phải làm mà còn phải đem pháp lớn này truyền mãi về sau, hoằng dương từ đời này qua đời khác, đây mới thật sự báo ân.

Thế nên bộ kinh này, cư sĩ Hạ Liên Cư chỉnh lý lại, đó là hạng người nào? Không phải người phổ thông. Chúng ta xem ở trước, cư sĩ Vương Long Thư chỉnh lý lần đầu, vào thời nhà Tống. Cư sĩ Vương Long Thư đứng vậy vãng sanh, Vương Long Thư là đồng hương của tôi, ông người Thư Thành, cách Lư Giang khoảng 50 dặm, tức là khoảng hai mươi mấy cây số. Ông Phương Đông Mỹ là người Đồng Thành, ba thành nhỏ của chúng tôi là một hình tam giác, cách khoảng 50 dặm, là cao đức của Tịnh tông!

Bản hội tập của cư sĩ Long Thư gọi là Đại A Di Đà Kinh, được thu thập trong Long Tạng. Trong Càn Long đại tạng kinh có, giữ trong Long Tạng. Bản hội tập của Hạ Liên Cư, sau khi hội tập xong thời gian là ba năm, thời gian mười năm dùng để chỉnh sửa hiệu đính. Chỉnh sửa mười lần, được xưng là bản viên mãn nhất, tâm huyết một đời đều trong bộ sách này. Đích thực đã làm thành công việc đại sự độ hóa chúng sanh trong thời mạt thế của Đức Thế Tôn, thật sự là vô lượng vô biên công đức. Vì muốn độ chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, chỉ có bộ kinh này, các kinh luận khác không làm được, quý vị nói, bộ kinh này khó được biết bao, quá hy hữu!

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải người phổ thông, sao có thể làm ra bộ chú giải hay như thế? Trích dẫn kinh điển lại có thể sưu tập hơn 190 loại, chúng ta đều không tưởng tượng được. Tôi đến nhà ông thăm, những sách tham khảo này đều sắp gần cây cột bên cạnh, ông cũng không có giá sách, để rất lộn xộn, làm sao tìm được? Cảm ứng. Oai thần của Phật Bồ Tát, liền có người đưa cho ông, thật là tâm tưởng sự thành, nghĩ đến cổ nhân có sách gì nó liền đến. Không phải chư Phật Bồ Tát gia trì, chú giải này không viết được. không phải long thiên thiện thần gia hộ, đến đâu để tìm những tài liệu tham khảo này?

Chúng ta muốn báo ân Phật, báo ân tổ tông, báo ân quốc gia, báo ân dân tộc, báo ân tất cả chúng sanh thì phải nỗ lực học tập, y giáo phụng hành còn phải đem nó phát dương quang đại. Thế nên lần này Nhật Bản mời tôi đến giảng kinh, tôi đã nhận lời mời, tháng sáu đi giảng. Vẫn là giảng bộ kinh này, một ngày bốn tiếng. Tôi hy vọng ở Nhật giảng 100 tiếng, giảng xong tôi trở lại. Bộ kinh này chia 100 tiếng đồng hồ công đức cho Nhật Bản.

Bây giờ thời gian đã hết, hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

Hết tập 397

# Tập 398

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập:Nguyên Tâm

Thời gian:06.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang 496, hàng thứ hai từ dưới lên. Đây là một đoạn, chúng ta đọc từ đây.

Tiếp theo là trích dẫn Tịnh Độ Luận, Tịnh Độ Luận chính là Vãng Sanh Luận. Tâm bồ đề, tức là tâm nguyện thành Phật độ sanh, nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh Tingj độ. Tâm này mới nhìn thì hình như là dể phát khởi hơn tâm ở trước, nhưng thực ra không như vậy, pháp môn vãng sanh Tịnh độ, thật sự là pháp khó tin. Tín tâm chưa sanh, làm sao có thể phát tâm? Hôm qua chúng ta học đến đây, đây là một đoạn, mà còn vô cùng quan trọng. Tu Tịnh độ là hy vọng duy nhất trong đời này, chính là vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu không hiểu rõ đạo lý và phương pháp vãng sanh, đời này không tránh khỏi sống uổng phí. Như cơ duyên này, chúng ta có lý do tin rằng, đã từng gặp qua trong vô lượng kiếp quá khứ, đã từng gặp nhưng như thế nào? Quá sơ ý nên đã lơ là, bỏ qua cơ hội này.

Trãi qua vô lượng kiếp đến nay gặp lại, nếu như đời này bỏ qua, lại phải trãi qua vô lượng kiếp, vô lượng kiếp chịu khổ trong luân hồi sanh tử, nói không bao giờ hết! Nếu chúng ta thấu hiểu chân tướng sự thật, không muốn tiếp tục chịu khổ báo trong luân hồi, chúng ta hạ quyết tâm ngay trong đời này, hy vọng thành tựu, không muốn đợi thêm nữa. Mấy câu này vô cùng quan trọng, nhất định phải phát nguyện thành Phật độ chúng sanh, phải phát tâm này. Tôi chắc chắn phải thành Phật, tôi nhất định phải giúp chúng sanh thoát đau khổ, đây chính là nói độ chúng sanh.

Nếu chúng ta phát nguyện độ sanh, quan trọng nhất là đem pháp môn Tịnh độ, giới thiệu cho những chúng sanh có nhân duyên, thì trong một đời họ có thể thành tựu. Nhân sinh đau khổ nhưng rất ngắn ngủi, mấy mươi năm thời gian trôi qua như một cái gảy móng tay, chỉ có đến lúc về già mới có cảnh giác sâu sắc. Tôi đã sống 85 năm, hồi ức chuyện ngày xưa giống như ngày hôm qua vậy, thật là một gảy móng tay thì hơn 80 năm trôi qua, con người còn có 80 năm ư? Không thể. Thấu hiểu những sự thật chân tướng này, quý vị sẽ thật sự nắm bắt thời gian, dõng mãnh tinh tấn. Cơ duyên thù thắng này không thể lại để mất đi.

Trong đoạn kinh văn này, nói đến phát nguyện thành Phật độ sanh, như ở trước Tịnh Độ Luận nói: ba loại tâm bồ đề đến rất dễ. Ở trước nói: trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Ở đây chỉ nói: Tôi nguyện thành Phật, tôi nguyện độ chúng sanh. Thật ra nguyện thành Phật độ sanh chính là tâm vô thượng bồ đề, điều này không phải giả. Nên ông nói trên thực tế không như vậy. Vì sao? Tịnh độ vãng sanh, thực tế là pháp khó tin. Khó tin, tức là chưa có thể thật sự tin, vậy làm sao có thể phát tâm? Điều này chứng minh, phát tâm không phải là việc dễ, nhưng chúng ta nhìn thấy rất nhiều ông bà cụ ở nông thôn, vừa khuyên họ niệm Phật họ liền tin ngay. Nói thế giới tây phương tốt, họ thật sự muốn đi, liền phát tâm đi, khi vãng sanh đoan tướng hy hữu. Phật Di Đà đến tiếp dẫn, họ thật đã vãng sanh! Như vậy là sao?

Chúng ta phải hiểu, đây không phải ngẩu nhiên. Không phải mỗi ông bà cụ ở nông thôn đều có thể vãng sanh, cũng là trong ngàn vạn người được một người. Đây là trong quá khứ từng tu học pháp môn này, công phu đều không tệ, khi lâm mạng chung chỉ sai một niệm không được vãng sanh. Một niệm sai lệch này chính là tình chấp khó đoạn, không nỡ từ bỏ gia thân quyến thuộc. Chỉ cần có niệm này khởi lên, Phật A Di Đà đã ra đi, không tiếp dẫn quý vị, người tu Tịnh độ phải chú ý đến điều này, lúc nào buông bỏ? Bình thường rất lãnh đạm, khi lâm chúng không sợ hãi. Bình thường tình chấp rất nặng, khi lâm chung không bảo đảm, có yêu thương người nhà chăng? Rất yêu, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là thật sự yêu thương. Tạm thời buông bỏ thân tình, đến thế giới Cực Lạc, gia thân quyến thuộc của quý vị, bất luận luân lạc trong đường nào, quý vị đều thấy rất rõ ràng. Khi nào họ được độ, nhân duyên thành thục thì quý vị đến giúp họ. Được độ nhân duyên thành thục, chân tín, chân nguyện và thật sự buông bỏ, chính là ba điều kiện này. Thiếu một trong ba điều kiện này đều không được, nên nhớ sau cùng là thật sự buông bỏ.

Như trong Kinh A Di Đà nói, mười phương Chư Phật xưng tán Đức Thế Tôn, ở trong đời ngũ trược ác thế. Ngài đã vì chúng sanh nói pháp mà tất cả thế gian khó tin theo. Quả thật khó tin, khó tin có thể tin mới đáng quý, như vậy mới có thể thành công. Nhất định phải biết, như ở trước Thiện Đạo đại sư dạy chúng ta, biết được ta bà là khổ, quý vị thật sự nhận thức rõ ràng. Ở đây ta bà là tiếng phạn, dịch thành tiếng Trung Quốc có nghĩa là kham nhẫn, chính là thế gian này quá khổ, nhưng quý vị thật sự có thể nhẫn thọ, chính là ý này. Người thông thường không thể nhẫn thọ, quý vị thật sự có thể nhẫn thọ, gọi là kham nhẫn.

Cực Lạc là niềm vui chân thật, không những không có bất cứ điều khổ nào, đến tiếng khổ cũng không nghe đến, quý vị mới biết thế giới Cực Lạc thanh tịnh biết bao, thanh tịnh trang nghiêm. Phật đối với tán thán của Thế Tôn là vô cùng thù thắng hy hữu, vì duy có pháp môn này mới có thể độ thoát. Như hiện nay, xã hội ngũ trược ác thế này, con người đều tạo ngũ nghịch thập ác, gặp nhân duyên này đều có thể vãng sanh, điều này thật không thể nghĩ bàn.

Phẩm Độc Lưu Thử Kinh của kinh này, trong này có bốn câu kinh văn. Nếu như nghe được kinh này, chính là Kinh Vô Lượng Thọ. Nếu quý vị có thể nghe được bộ kinh này, “tín nhạo thọ trì” nghe rồi liền có thể tin nhận, liền có thể thọ trì, liền có thể hoan hỷ\_Nhạo là hoan hỷ, quý vị liền có thể thọ trì. Thọ trì là gì? Quý vị có thể hành trì, y giáo phụng trì.

“Nan trung chi nan, vô quá thử nan”, ngày nay chúng ta đã gặp được, chúng ta tin, chúng ta hoan hỷ, chúng ta y giáo phụng hành, thật không dễ! Họ nói khó trong các điều khó, trước đây chưa có khó như vậy, nhưng chúng ta nghĩ hình như không khó, chúng ta rất dễ tiếp nhận. Thật ra không như vậy, quý vị xem ngày nay trên thế giới, gần 70 ức nhân khẩu, mấy người gặp được Phật pháp? Người gặp được Phật pháp, mấy người gặp được đại thừa? Người gặp được đại thừa, mấy người gặp được Tịnh độ? Người gặp được Tịnh độ, có mấy người thật sự tin? Đào thải từng lớp từng lớp, đào thải đến sau cùng thật không còn được mấy người, như vậy mới biết: “nan trung chi nan, vô quá thử nan”, là thật không phải giả. Chúng ta là cái đầu tiên trong những điều khó, vì sao chúng ta có thể trở thành một trong các điều khó đó? Đó là trong quá khứ chúng ta với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc kết nhân duyên rất sâu, đời này gặp được, vừa gặp như quen đã lâu, vô cùng hoan hỷ. Trong quá khứ nhân duyên không thâm sâu như vậy không được, đây là chúng ta nhìn thấy.

Trong các bạn đồng học, mấy người tin thật, mấy người thực hành? Quý vị nói họ không tin, họ rất tin tưởng. Quý vị nói họ không tin, họ đối với thế gian này còn lưu luyến, nhất định họ không buông bỏ được, đây chính là khó trong các điều khó. Từ những điều này chúng ta có thể lãnh hội được, thiện căn chúng ta thâm hậu hơn họ, thiện căn đời trước họ không bằng chúng ta, mới có hiện tượng này.

Chứng tỏ, có thể tin Tịnh độ, thật sự là điều khó trong tất cả điều khó của thế gian, là thật không giả chút nào. Nhất thiết thế gian là nói mười pháp giới, nói rộng ra chính là mười phương pháp giới, mười pháp giới trong vô lượng vô biên quốc độ của chư Phật. Đối với pháp khó tin này mà có thể tin, tức là bậc đại trí tuệ, đây là trí tuệ chân thật, không phải là tri thức. Phần tử tri thức không nhất định tin, người thật sự có trí tuệ nhất định tin, người có trí tuệ đời này nhất định được độ. Thế xuất thế gian duy chỉ có điều này, thật sự là đại sự nhân duyên, ngoài ra đều là việc nhỏ. Đạo lý này không thể không biết.

“Thuận thử tín tâm, phát thành Phật độ sanh đồng đăng Tịnh độ chi nguyện, tức thị phát bồ đề tâm dã”. Thuận lòng tin này, từ trong lòng tin này khởi nguyện, từ trong nguyện này khởi hành, đây gọi là thuận thử tín tâm. Phát ra nguyện trong đời này phải thành Phật, phải phổ độ tất cả chúng sanh khổ nạn, đồng sanh Tịnh độ, đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Nhưng có thể chân thật tín thọ, tự nhiên có thể phát tâm như trên, lại vì phương tiện thù thắng của Tịnh độ. Tâm bồ đề trong khi tu học đại thừa, quả thật không dễ phát. Tu học các pháp môn khác, trong kinh nói rất rõ ràng, như trong Khởi Tín Luận nói: “Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”, thật không dễ phát! Tâm này vừa phát liền siêu việt mười pháp giới, chính là pháp thân đại sĩ, tâm này vừa phát liền thành Phật, tâm bồ đề là tâm Phật. Đại sư Huệ Năng lục tổ của Thiền tông, trong phòng phương trượng của tổ Hoằng Nhẫn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, tâm bồ đề mới phát khởi được.

Quý vị thử nghĩ xem, nhóm người của Thần Tú đại sư theo ngũ tổ mấy mươi năm, có phát tâm bồ đề chăng? Không có. Quý vị mới biết điều này thật khó. Tịnh Độ tông phát tâm bồ đề dễ hơn nó, Tịnh độ tông chỉ cần quý vị tin thật, phát nguyện đến thế giới tây phương Cực Lạc, để làm Phật độ chúng sanh, tâm này đã phát. Nên trong kinh văn này nói: “thị hựu vi Tịnh tông chi thù thắng phương tiện”, đích thực phương tiện hơn so với các pháp môn khác. Như Kinh Di Đà Yếu Giải nói, thâm tín phát nguyện, tức vô thượng bồ đề\_Đây là Ngẫu Ích đại sư nói. Hai câu này, Ấn Quang đại sư tán thán đến cực điểm, vì sao? Các bậc cổ đức xưa nay không nói như vậy, nên rất nhiều người đối với các ông bà cụ niệm Phật vãng sanh, cảm thấy không sao giải thích được, vì sao? Nhất định phải phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm.

Những ông bà cụ này chỉ có nhất hướng chuyên niệm, không phát tâm bồ đề, làm sao họ có thể vãng sanh? Ngẫu Ích đại sư nói ra: Thâm tín phát nguyện cầu sanh, chính là tâm vô thượng bồ đề. Nếu quý vị hỏi những ông bà cụ này, tâm bồ đề là gì, họ không hiểu. Như thế nào gọi là trực tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, họ cũng không hiểu, họ đều không hiểu. Quý vị hỏi họ có tin tưởng pháp môn này chăng? Tin thật, có muốn đi chăng? Thật muốn đi, đây chính là phát tâm. Tin thật, muốn đi thật chính là tâm vô thượng bồ đề. Ngẫu Ích đại sư là người đầu tiên nói ra, giải quyết vấn đề này cho mọi người, nên Ấn Quang đạo sư xưng Yếu Giải là đệ nhất chú giải của Kinh Di Đà, xếp ở vị trí đầu tiên. Rất nhiều ý nghĩa quan trọng, cổ nhân đều không nói nhưng Ngẫu Ích đại sư nói ra.

Ví dụ Đức Thế Tôn thành Phật như thế nào? Là niệm Phật thành Phật, điều này cổ nhân không nói. Cũng là Ngẫu Ích đại sư nói ra trong Yếu Giải, đích thực ngài đã chỉ ra, thật sự có kinh văn, người thông thường chúng ta đọc kinh đều đã sơ suất, không chú ý đến. Ngài đã chỉ điểm cho chúng ta, Đức Thế Tôn thành Phật là niệm Phật thành Phật.

Người niệm Phật, nhất định sẽ sớm sanh tín nguyện, đây chính là phát tâm bồ đề. Tin sâu nguyện thiết không thể chậm, chậm tương lai sẽ sanh ra chướng ngại, sẽ có phiền phức. Nhanh chóng kiến lập lòng tin kiên định không thay đổi, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ở thế giới này hoàn toàn tùy duyên, ở một ngày rất tốt, ở một năm cũng tốt, không sao. Từng giờ từng phút đều chuẩn bị vãng sanh, điểm này rất quan trọng. Không nên, tôi phải đợi đến ngày nào, đợi đến khi nào, không được. Có ý niệm này, chính là tập khí phiền não xen vào, tương lai làm chướng ngại quý vị vãng sanh. Mỗi niệm đều muốn đi, tâm này rất thù thắng, ngày ngày muốn đi.

Trong lúc giảng kinh tôi cũng từng khuyên mọi người, mỗi tối quý vị đều đi ngủ, chúng ta vừa nằm xuống giường, liền cầu Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Chúng ta ngày ngày cầu ngài, không có tối nào không cầu. Ngày nào thật sự đến, tôi đã cầu được, Phật dẫn chúng ta đi. Như vậy chứng tỏ, mọi thứ ở thế gian này đều buông bỏ, không có chút phiền nhiễu nào, không bị ảnh hưởng bất cứ điều gì, chính là ý niệm này. Mỗi niệm cầu sanh Tịnh độ, chính là ý niệm này.

Bên dưới, thứ tư: hỏi đáp và giải thích. Vấn đáp chính là giả thiết, đương nhiên cũng thật sự có người có những nghi hoặc này. “Vấn viết, nhược bị tu vạn hạnh, năng cảm bồ đề, đắc thành Phật giả. Hà cố Chư Pháp Vô Hành Kinh vân”, đây là đưa vấn đề trong kinh ra làm ví dụ. Vì sao trong Chư Pháp Vô Hành Kinh nói: Nếu người cầu bồ đề, tức không có bồ đề, là người xa bồ đề, giống như trời và đất. Vì sao trong Kinh Chư Pháp Vô Hành nói như vậy? Tu đầy đủ vạn hạnh, có thể cảm bồ đề, liền được thành Phật, đây cũng là Phật nói. Đức Phật nói hai câu này hoàn toàn mâu thuẩn, sao Đức Phật lại nói như vậy? Đây chính là sợ xem kinh quá nhiều\_ Phật nói ở kinh này với nói ở kinh kia, hoàn toàn tương phản. Trong kinh này nói có, trong kinh kia nói không, như vậy phải làm sao? Phải biết, chư Phật Bồ Tát nói pháp, không nói pháp nào nhất định. Người này chấp trước có, Phật nói với họ là không, phá chấp có. Người này chấp không, Phật liền nói với họ có, phá chấp không. Sợ nhất là Phật nói không, quý vị liền chấp trước không, Phật nói có, quý vị liền chấp trước có. Như vậy Phật không độ được quý vị, quý vị không có cách nào được độ.

Đức Phật là vì phá chấp trước, tất cả pháp đều gọi là phương tiện thiện xảo, Phật không nói pháp nhất định, Phật cũng không có hình tướng nhất định, nên lấy thân gì để được độ thoát, liền hiện ra thân đó. Hiện tướng, nói pháp đều không phải ý của Phật, ý của ai? Ý của chúng sanh. Phật hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị muốn Phật đến nói pháp, ngài liền hiện thân Phật. Quý vị muốn Bồ Tát đến thuyết pháp, ngài liền hiện thân Bồ Tát. Quý vị muốn thân gì, ngài liền hiện thân đó.

Quý vị muốn ngài hiện, quý vị muốn là có tâm, ngài hiện là vô tâm, vô tâm năng ứng. Quý vị có nghi vấn như thế nào, đây là quý vị muốn. Phật Bồ Tát nói pháp cho quý vị là vô tâm, quyết định không có thông qua khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nhất định không thông qua, hoàn toàn là phản ứng tự nhiên của tự tánh. Nếu quý vị hiểu đạo lý này, những vấn đề này hoàn toàn không có. Quý vị xem giải thích bên dưới.

Phần giải thích nói, có người căn cứ những gì trong Kinh Vô Pháp Chư Hành nói: Nếu có người cầu bồ đề, tức không có bồ đề có thể đắc. “Thử cầu giả” người cầu bồ đề này. Tức là xa rời bồ đề, như thiên và địa cách xa nhau vậy, trong kinh này nói không sai. Đã là như vậy, ngày nay làm sao tu vạn hạnh, có thể chứng được quả bồ đề mà thành Phật? Bên dưới trả lời, ở dưới giải thích thêm cho quý vị, chúng ta xem phần giải thích bên dưới.

“Bồ đề chánh thể, lý cầu vô tướng”, bồ đề là gì? Bồ đề là chánh giác. Chánh đẳng chánh giác là bồ đề của Bồ Tát, Vô thượng chánh đẳng chánh giác là Phật bồ đề. Chánh giác, Chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác đều là vốn có trong tự tánh, quý vị đến đâu để cầu? Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật nói với chúng ta: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai, đây chính là bồ đề, trí tuệ của Như Lai là gì? Là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đều có, người người đều có, trong tự tánh quý vị có, quý vị cầu điều gì? Trên mặt lý mà nói, quý vị cầu là sai, quý vị vốn có thì cầu điều gì? Vốn có “kim tác tương cầu”, tác tướng chính là trước tướng, quý vị chấp trước tướng bồ đề.

Bất luận là quý vị chấp trước tướng chánh giác, hoặc là trước tướng chánh đẳng chánh giác, tướng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Quý vị đã chấp tướng, chấp trước tướng là phàm phu, trước tướng là mê. Nên nói “bất đương lý thật”, quý vị hoàn toàn trái ngược với lý thực tế. Thế nên dùng ví dụ nói, quý vị cách bồ đề ngày càng xa, chính là ý này.

“Thị cố kinh ngôn bồ đề giả, bất khả dĩ tâm đắc, bất khả dĩ thân đắc”, tâm này là vọng tâm. Tự quý vị cho rằng có tâm, tâm này là vọng tâm, phàm phu chúng ta lấy cái gì làm tâm? Có thể tư duy, có thể tưởng tượng là tâm, mọi người đều cho rằng như vậy, điều này trong đại thừa giáo gọi là đệ lục ý thức. Đệ lục ý thức là gì? Phân biệt, đây là tâm gì? Tâm phân biệt, đây là tâm gì? Tâm chấp trước, đây là tâm gì? Tâm vọng tưởng, sai! Hoàn toàn sai. Như các bậc cổ đức nói quý vị đã dùng sai tâm, sao có thể dùng vọng tâm? Vọng tâm tương ưng với vọng, vọng tâm không tương ưng với chân. Trong kinh Phật nói rất hay, vọng tâm có thể duyên; đối với bên ngòai có thể duyên đến hư không pháp giới, đối nội có thể duyên đến A lại da vì đều là hư vọng. Hư không pháp giới là hư vọng, A lại da cũng là hư vọng. Vọng tâm có thể duyên A lại da, nó có thể thấu hiểu A lại da, nó không thể thấu triệt cái chân thật.

Bồ đề là chân tâm. Tự tánh, chân như, pháp tánh, đệ nhất nghĩa, những thứ này vọng tâm nhất định không duyên được, nên quý vị đã sai, thật là sai đến cùng. Chân tâm, chúng ta thật sự muốn thấy chân tâm thì như thế nào? Chân tâm\_buông bỏ hết tất cả vọng tâm như vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì chân tâm hiện tiền, quý vị sẽ nhìn thấy là thật, đó không phải vọng, buông bỏ vọng, chân liền hiện tiền, không cần cầu, quý vị cầu là hỏng. Các bậc cổ đức nói rất hay, chỉ cần buông bỏ vọng tâm, vọng tưởng, chân tâm không cầu mà tự được, vì sao? Nó vốn chính là như vậy. Vọng buông bỏ, vốn chính là chân. Vọng buông bỏ, lại muốn tìm cái chân thì chân đó lại là vọng.

Những đạo lý này trong kinh điển đại thừa nói rất nhiều, nói rất rõ ràng nên trong Kinh Bát Nhã nói: không thể dùng tâm để cầu bồ đề, cũng không thể dùng thân để cầu bồ đề, vì sao? Vì quý vị có vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nếu vọng tưởng phân biệt chấp trước đều không có, tôi nói với quý vị, có thể dùng tâm được bồ đề, có thể dùng thân được bồ đề. Diệu, tuyệt diệu không sao nói được, điều này phải lãnh hội một cách tường tận.

Thế nên bên dưới nói: “Hành nhân nhược tác tướng dĩ cầu” hành nhân chính là người tu hành, chỉ người hiện nay đang tu học. “Ý tồn bồ đề chi quả”, trong tâm chúng ta thật sự cho rằng có quả bồ đề. “Dữ cầu bồ đề chi pháp”, đây là gì? Đây gọi là pháp chấp, sai. “Tức thị tác tướng”, tác tướng là gì? Chấp tướng.

Đức Thế Tôn lúc còn ngài tại thế bát tướng thành đạo, là làm gương cho chúng ta, dụng ý rất thâm sâu. Ngài 19 tuổi rời gia đình, ngài là một vị vương tử nếu ngài không ra đi, sẽ kế thừa vương vị của vua cha. Đây chính là nói, ngài từ bỏ vinh hoa phú quý của thế gian, đã buông bỏ, buông bỏ này là gì? Phiền não. Ngài biết những thứ này không tốt, những thứ này toàn là phiền não. 19 tuổi rời xa gia đình, biểu diễn cho chúng ta thấy là buông bỏ phiền não. Quý vị xem khi buông bỏ phiền não để đi cầu học, học suốt 12 năm\_Mười chín tuổi học đến 30 tuổi. Tất cả tôn giáo của Ấn Độ ngài đều tiếp xúc, đều học qua, tất cả học phái cũng học qua. Năm 30 tuổi ngài đã học được 12 năm, đem sở học 12 năm buông bỏ hết, đó gọi là gì? Buông bỏ pháp chấp. 19 tuổi rời xa gia đình là buông bỏ tình chấp, buông bỏ phiền não chướng. Năm 30 tuổi khi nhập định dưới cội cây bồ đề, ngài buông bỏ sở học 12 năm, buông bỏ pháp chấp, buông bỏ sở tri chướng. Hai loại chướng ngại đều không có, đây là minh tâm kiến tánh, biểu diễn này ý nghĩ rất thâm sâu!

Hiện nay chúng ta cầu học có được chăng? Có thể, như Đức Thế Tôn quảng học đa văn nhưng quý vị phải buông bỏ được. Nếu quý vị chấp trước sở học của quý vị là thật, như vậy là hỏng, học những thứ đó có ưu điểm gì? Biết được người thế gian nghĩ gì? Còn chính mình thì sao? Chính mình không có, chính mình không bị phiền nhiễu, không bị ảnh hưởng, đây gọi là đại anh hùng. Người khác không làm được quý vị có thể làm, nhị chướng đã phá\_Sở tri chướng, phiền não chướng đều đã phá\_Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, nên những thứ này có thể học chăng? Có thể học, nhưng không thể trước tướng, không thể phân biệt, không thể khởi tâm động niệm, học như vậy là đúng. Nếu quý vị trước tướng là sai, học là gì? Quý vị biết được thế gian có việc như vậy, có loại chúng sanh này. Tương lai quý vị dùng phương pháp gì để độ họ, chính là ý này. Phiền não người thế gian thì sao? Có phiền não chướng nặng, sở tri chướng nhẹ, có sở tri chướng nặng, phiền não chướng nhẹ, như hai ví dụ ở trước về Đức Thế Tôn.

Tôn giả A Nan phiền não chướng nặng, sở tri chướng nhẹ. A Nan trí tuệ cao, sở tri chướng nhẹ, tình chấp nặng. Lúc Đức Thế tôn diệt độ ngài còn rơi nước mắt, tình chấp nặng. Tôn giả Phú Lâu Na là A la hán, phiền não chướng nhẹ, ngài chứng được tứ quả la hán. Sở tri chướng nặng nghe kinh không hiểu, không như A Nan, đây chính là diễn ra căn tánh bất đồng, chúng sanh căn tánh bất đồng. Cần phải buông bỏ hai loại phiền não chướng, quý vị mới có thể kiến tánh thành Phật. Thế nên chỉ cần tác tướng, tác tướng cầu.

Tự mình xa rời thực tế lý thể, đó gọi là bất đương lý thể, quý vị trái với tự tánh, phải biết tự tánh là gì? Tự tánh ba loại hiện tượng đều không có, tâm của tự tánh là thanh tịnh tịch diệt, sao có thể có gì? Không những không có phiền não, cũng không có sở tri, nên thể của bát nhã gọi là căn bản trí, là gì? Bát nhã vô tri. Vô tri là căn bản trí, nó khởi tác dụng là không gì không biết. “Bát nhã vô tri, vô sở bất tri” Vô sở bất tri, tất cả trí tuệ từ đâu đến? Vô sở bất tri là đến từ vô tri. Nếu quý vị chấp trước sở học, quý vị liền hữu tri, hữu tri chính là hữu sở bất tri, những gì chưa học qua quý vị đều không biết. Nếu là bát nhã vô tri, những gì không học qua đều biết hết tất cả, đây mới gọi là trí tuệ, không học cũng hoàn toàn biết. Chấp trước có, thậm chí có học, học chưa đủ nên không biết, học rồi chưa chắc biết hoàn toàn, chưa chắc biết thật sự.

Chúng ta hiểu tâm thanh tịnh và quảng học đa văn, điều nào quan trọng? Tâm thanh tịnh quan trọng, quảng học đa văn không quan trọng. Nếu quảng học đa văn có chấp trước, chính là pháp chấp, biến thành sở tri chướng, chướng ngại quý vị minh tâm kiến tánh. Đây là Phật pháp khuyên quý vị buông bỏ, có thể quảng học đa văn, chắc chắn không thể chấp trước. Trong quảng học đa văn biến hóa rất lớn, vô cùng phức tạp, thiên biến vạn hóa.

Chúng ta lấy dự ngôn để nói, làm ví dụ để nói. Trước đây thầy giáo nói với tôi dự ngôn có ba loại\_Loại dự ngôn thứ nhất rất chính xác, trong định nhìn thấy. Họ nhập định, cảnh giới trong định nhìn thấy là vô cùng chính xác. Một loại dự ngôn khác là lấy lý luận toán học để suy đoán. Như Dịch Kinh, đó là dùng toán học để suy luận, suy luận đến một lúc nào đó, sẽ phát sinh điều gì. Loại thứ ba đó là linh, không phải chính quý vị. Linh bên ngoài có duyên với quý vị, mượn thân thể của quý vị để tuyên bố. Đây là ba loại lớn, trong ba loại lớn là định lực của mình đáng tin nhất, nhưng định lực mà họ nhìn thấy\_Ví dụ họ nhìn thấy chuyện, một năm sau là một năm sau của ngày hôm nay, qua một năm sau, phải chăng chính là như vậy? Lại đã biến hóa. Những gì họ nhìn thấy là hôm nay là thời gian hoàn toàn tương đồng, nhìn thấy cảnh giới này, qua một năm sau thật sự lại không giống nhau.

Phải biết điều này là ý niệm của nhân tâm, ý niệm của tâm con người, ngày ngày đều có tăng giảm thêm bớt. Thiện niệm nhiều một chút, ác niệm nhiều một chút, mỗi ngày không giống nhau. Nên cảnh giới bên ngoài, nó xoay chuyển từ ý niệm. Do đây mà biết, dự ngôn chỉ là khái lược, không phải rất tường tận, không thể tin tưởng, đó không phải. Quý vị hiểu được đạo lý này, có thể làm tham khảo, không thể nói mười phần xác định, như vậy quý vị sẽ sai. Không thể có chuyện mười phần xác định, chúng ta từ trên Hoàn Nguyên Quán nói: Sát na biến hóa. Từng sát na đều đang biến hóa, xưa nay chưa có tương đồng. Toàn bộ vũ trụ đều là từ ý niệm nhân tâm, xuất sanh vô tận, câu này nói rất hay, biến hóa vô cùng.

Ý niệm con người chuyển tốt, xấu biến thành tốt. Ý niệm con người biến thành xấu, hoàn cảnh tốt cũng trở thành xấu, đây gọi là gì? Phong thủy luân lưu chuyển, phong thủy chuyển như thế nào? Tùy theo nhân tâm mà chuyển. Nhân tâm tốt, sơn hà đại địa ở đây kiên cố, không có thiên tai, dự ngôn nhìn thấy, đó là gì? Chuyện lúc đó nhìn thấy, hôm nay nhân tâm không giống nhau, sản sanh biến hóa. Nếu không phải Địa Thượng Bồ Tát, chỉ có thể làm tham khảo, không thể dùng nó để quyết định, phương pháp đối trị chính là nghe mà không nghe. Tôi nghe được những lời này, giống như không nghe thấy vậy, không bị nó quấy nhiễu, không bị nó ảnh hưởng, nâng cao cảnh giác chính mình. Sau khi nâng cao cảnh giác, tư tưởng hành vi chúng ta thay đổi, biến thành gì? Trở thành thuần tịnh thuần thiện. Thuần tịnh thuần thiện, khiến cho tất cả cảnh giới không tốt đều trở thành tốt. Dự ngôn này đối với chúng ta có lợi ích lớn, ưu điểm lớn, bất luận nó là thật hay giả. Đều nâng cao cảnh giới chính mình, nâng cao đức hạnh của chính mình, nâng cao trí tuệ chính mình, có gì không tốt! Đều là việc tốt.

Đến ông Bố Lai Đăng người Mỹ đều biết\_Quý vị xem, bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm, giống như trong Phật pháp nói, không có gì khác. Không những có thể hóa giải thiên tai mà còn đem đến cho xã hội, địa cầu càng thêm tốt đẹp, ngày càng tốt. Đọc sách hiểu lý lẽ, học Phật phải khai ngộ, không thể càng học càng mê hoặc, như vậy là sai.

Chúng ta xem đoạn sau: “Kim giả tuy tri tu hành vãng cầu”. Đức Phật nói với tuyệt đại đa số người, dạy họ trước là phải bắt đầu từ chấp tướng, nếu bắt đầu từ ly tướng trước sẽ không làm được, vì quá cao. Dạy sơ học là phải dạy trước tướng, trước tướng chính là dạy họ điều gì? Dạy họ đoạn ác tu thiện, thật sự có thiện có ác, nói với quý vị những điều này, những điều này đều không xa rời lục đạo, trong lục đạo giúp quý vị điều gì? Giúp quý vị không đọa tam ác đạo, giúp quý vị giữ hai đường nhân thiên, không đọa vào tam ác đạo, đây chính là giúp chúng sanh ly khổ đắc lạc.

Nhân thiên đã đầy đủ đức hạnh, tiếp tục giúp quý vị nâng cao, vượt ra khỏi lục đạo, bước từng bước. Giúp quý vị lên tầng lầu thứ nhất, nói với quý vị ở trên còn có một tầng, lên trên xem thử. Đến tầng thứ hai, trên đó còn có tầng thứ ba, từng bước từng bước dẫn dụ quý vị lên cao. Đây là phương pháp dùng để hướng dẫn người có trung hạ căn tánh. Nếu là thượng căn lợi trí, không cần phiền phức như vậy, trực tiếp nói với quý vị tầng cao nhất, có thể đi lên chăng? Có thể, quý vị có năng lực lên trên đó. Như hiện nay đi thang máy là lên đến ngay, người nông thôn chưa nhìn thấy thang máy, quý vị nói thang máy với họ họ không hiểu, quý vị nói đi thang máy họ giật mình. Đi cầu thang từng tầng từng tầng đi lên, họ rất vui, cuối cùng đều đạt được mục đích. Bất luận là tiệm tu hay là đốn chứng, tất cả đều viên mãn vô thượng bồ đề.

“Kim giả tuy tri tu hành vãng cầu, liễu liễu thức tri lý thể vô cầu”, biết được trên mặt lý, trên mặt tự tánh nói vô cầu. Trên mặt tự tánh nói không tu, không tu cũng không đắc, không cầu cũng không mất, được mất đều không có. Trong tự tánh xưa nay không có được mất. “Nhưng bất hoại giả danh, thị cố bị tu vạn hạnh”. Đức Thế Tôn từ bi tượng trưng cho chúng ta, làm ra tấm gương tốt nhất. Ngài đã thành Phật từ lâu, trong Kinh Phạm Võng Đức Phật tự nói: Lần này ngài đến nhân gian thị hiện thành Phật là lần thứ 8000, vì thế ngài đã thành Phật từ rất lâu, giống như đang biểu diễn trên vũ đài vậy, biểu diễn lần thứ 8000. Bát tướng thành đạo, giống như là một người phàm phu, diễn xuất ra một đời tu hành chứng quả. Biểu diễn trên vũ đài, biểu diễn cho những người như chúng ta xem. Nếu ngài không biểu diễn như vậy, nói ngài lập tức liền thành Phật, chúng ta xem ngài như thần tiên, không giám học tập với ngài. Ngài là thần tiên, con là phàm phu, sao con có thể làm được?

Ngài biểu diễn như chúng ta vậy, cũng là cha mẹ sanh ra, cũng là từ nhỏ lớn lên. Ngài có thể thành, tôi cũng có thể thành, khiến quý vị sanh khởi tín tâm này\_Ngài đã biểu diễn như thế. Chúng ta phải hiểu, đây là ân đức của Thế Tôn đối với chúng ta, bố thí đối với chúng ta. Chúng ta giác ngộ từ chỗ này, đã minh bạch. Trong vô tu cũng có thể tu\_Đối với ngài là vô tu, ngài đã viên mãn nhưng ngài vẫn thể hiện sự tu hành, làm gương trì giới tu hành cho chúng ta noi theo. Khiến chúng ta từ con đường này dần dần khế nhập, từ từ khai ngộ, ngộ nhập cảnh giới này.

Ngài cần tu khổ hạnh như vậy chăng? Ngày ăn một bửa, ba y một bình bát, đêm ngủ dưới gốc cây, có cần như vậy chăng? Tất cả đều là làm cho chúng ta xem, dạy chúng ta phải buông bỏ vạn duyên. Ngài trước làm ra như vậy, ngài thật sự đã buông bỏ, điều này đại khái không phải giả. Buông bỏ thật sự rất khó, trước là làm gương cho quý vị thấy, nếu chúng ta có thể như ngài vậy, buông bỏ sạch sẽ như ngài vậy. Quý vị nói trong đời này có thể thành tựu chăng? Chắc chắn có thể thành tựu.

Chúng ta tu tập nhiều năm như vậy, những đạo lý trong kinh giáo đều đã hiểu. Phàm phu thành Phật không có gì khác, như Chương Gia đại sư truyền cho tôi trong lần đầu tiên gặp mặt: Nhìn thấu, buông bỏ\_Buông bỏ, nhìn thấu. Thật vậy, trong 60 năm đã chứng thực câu nói của thầy, hoàn toàn chính xác. Nhìn thấu là gì? Đã minh bạch, buông bỏ là gì? Không còn phân biệt chấp trước, không còn để vạn sự vạn pháp trong lòng. Tâm phải khôi phục chân tâm, thanh tịnh bình đẳng giác, tất cả vạn sự vạn pháp đều là rác rưỡi. Phàm phu không biết, để những rác rưỡi này trong lòng, đem thanh tịnh bình đẳng giác của mình làm thành thùng rác. Không những nhận rác của chính mình còn thu nhận rác của người khác, quý vị nói có đáng thương chăng? Dọn sạch tất cả những rác rưỡi này, đó chính là chân tâm của mình, đó gọi là Phật.

Trong tu học Phật pháp, kinh Phật có thuật ngữ gọi là Chỉ Quán, chỉ là gì? Chỉ chính là buông bỏ, quán là gì? Quán chính là nhìn thấu. Quán là thấu triệt, chỉ là buông bỏ. Nho gia cũng nói: “Chỉ ư chí thiện” chí thiện là gì? Chí thiện là tự tánh, không phải thiện của thiện ác. Nếu quý vị dừng lại thiện của thiện ác, quý vị là hai con đường nhân thiên, chỉ ư bất thiện thì sao? Đó là tam ác đạo. Thế nên chỉ ư chí thiện, thiện đó không phải thiện của thiện ác, đó là tự tánh, đó là lời tán mỹ.

“Nhưng bất hoại danh giả, bị tu vạn hạnh”, thật sự trì giới, thật sự tu định, trí tuệ đã khai. “Cố năng cảm dã”, chúng ta siêng năng tu hành sẽ có cảm, ai đến ứng? Tự tánh đến ứng. Thông thường chúng ta nói Phật Bồ Tát đến ứng, tức tự tánh đến ứng. Chúng ta niệm Phật, Phật A Di Đà đến\_Phật A Di Đà của thế giới Cực Lạc đã đến, là tự tánh đến ứng, tâm hiện thức biến. Tất cả chư Phật Bồ Tát rời xa tự tánh, thì toàn bộ đều không có. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tự tánh Di Đà đã xuất hiện, tự tánh Quán Âm đã xuất hiện, tự tánh Địa Tạng đã xuất hiện. Nếu quý vị làm ngũ nghịch thập ác, tự tánh địa ngục xuất hiện, sự việc chính là như vậy.

Hôm nay chúng ta tâm hành có cảm, tự tánh liền xuất hiện. Nên biết, biến pháp giới hư không giới, trên từ Chư Phật Như Lai, dưới đến tam đồ chúng sanh, không có pháp nào có thể rời tự tánh. Trong kinh giáo đại thừa nói: Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm này là chân tâm, tâm này chính là tự tánh, tất cả là tự tánh biến hiện. Tự tánh biến như thế nào? Tùy theo ý niệm của chúng ta mà biến ra. Mỗi ngày tôi niệm Phật, tự tánh liền hiện Phật. Tôi ngày ngày niệm Bồ Tát, liền hiện Bồ Tát. Ngày ngày niệm tham sân si thì hiện ra ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, sự việc chính là như vậy.

Người minh bạch tâm luôn định, người mê hoặc tâm luôn trôi nỗi, bất định. Người thấu hiểu là định, nên quý vị có thể trì giới, có thể tu định, từ từ sẽ quy nguyên, hồi quy tự tánh. Quý vị không thể trì giới, không thể tu định, quý vị không quay đầu được. Không quay đầu được thì đi về đâu? Trôi lăn trong luân hồi lục đạo, cứ xoay chuyển mãi trong lục đạo, mê hoặc điên đảo.

“Thị cố Đại Trí Độ Luận vân, nhược nhân kiến bát nhã, thị tắc vi bị phược. Nhược bất kiến bát nhã, thị diệc vi bị phược”, phược chính là sợi dây cột chặt, trói chặt quý vị lại. Ví dụ này là phiền não, vì sao? Quý vị thấy Bát nhã, không thấy bát nhã. Tất cả đều là phân biệt chấp trước\_Vọng tưởng phân biệt chấp trước thế nên quý vị không rời phiền não. Chấp trước là kiến tư phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, vọng tưởng là vô minh phiền não. Những thứ này cột chặt quý vị, khiến quý vị không cách nào nhúc nhích được. Vì sao? Quý vị dùng vọng tưởng phân biệt để thấy bát nhã. Dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước không thấy bát nhã, căn bản quý vị không hiểu gì gọi là bát nhã.

Mấy câu bên dưới: “Nhược nhân kiến bát nhã, thị tắc vi giải thoát. Nhược bất kiến bát nhã, thị diệc vi giải thoát”, giải thoát là được đại tự tại, giải\_động từ đọc là 解, danh từ đọc là姐, tháo nó ra. Mở điều gì? Mở phiền não. Thoát là gì? Thoát ly luân hồi, thoát ly mười pháp giới, thoát ly sanh tử, kiến bát nhã tức thoát ly.

Quý vị xem, một cái kiến bát nhã, không kiến bát nhã đều bị phiền não câu thúc. Một cái kiến bát nhã và bất kiến bát nhã, tất cả đều được giải thoát, nguyên nhân gì? Không chấp trước. Chỉ cần lục căn của chúng ta trong cảnh giới lục trần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Chúc mừng quý vị, quý vị cùng cảnh giới với Đức Thế Tôn, khi sao mai vừa mọc, liền đại triệt đại ngộ. Quý vị và Lục tổ Huệ Năng đại triệt đại ngộ, cùng một cảnh giới, quý vị đã thành Phật.

Quý vị xem, phàm phu thành Phật đơn giản như vậy. Buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, liền được thành Phật. Buông bỏ một thứ, buông bỏ chấp trước liền thành A la hán, buông bỏ phân biệt liền thành Bồ Tát, buông bỏ khởi tâm động niệm liền thành Phật. Quý vị kiến bát nhã hay bất kiến bát nhã, đều không khởi tâm động niệm, thật sự bát nhã của quý vị đã hiện tiền. Có bát nhã chăng? Bát nhã là giả danh. Trong tự tánh thanh tịnh tâm không lập pháp nào, sao lại có bát nhã?

Bát nhã là Phật giảng kinh dạy học, bất đắc dĩ dùng cái giả danh, không được chấp trước danh tự. Quý vị phải hiểu ý nghĩa trong giả danh này là gì, nếu hiểu được điều này quý vị thật sự thấy bát nhã. Thật sự thấy bát nhã, danh này cần hay không cũng không sao. Không thể chấp trước tướng danh tự, người ở trước kiến bát nhã hay không kiến bát nhã đều chấp trước tướng danh tự. Chấp trước kiến bát nhã, chấp trước không kiến bát nhã, quý vị xem chưa phá được chấp trước, chưa phá chấp trước là lục đạo phàm phu. Người ở sau kiến bát nhã hay không kiến bát nhã, họ đều không chấp tướng, không chấp tướng danh tự. Họ thật sự kiến bát nhã, họ thật sự được đại tự tại. Không có phiền não, không có sanh tử, không có nhiễm tịnh, không có tà chánh, không có khổ lạc, thật sự đã giải thoát. Tất cả pháp tương đối này trong thế xuất thế gian, tất cả đều không thấy, hoàn toàn sạch sẽ, như ngài Huệ Năng nói: “Bổn lai vô nhất vật, hà xứ rở trần ai”, cảnh giới này là tự tánh thanh tịnh tâm.

“Long Thọ Bồ Tát thích viết”, mấy câu ở trước\_Mấy câu trong Đại Trí Độ Luận, Bồ Tát Long Thọ giải thích: “Thị trung bất ly tứ cú giả vi phược, ly tứ cú giả vi giải”, đây chính là trong đại thừa giáo thường nói ,“Tứ cú bách phi”, ly tứ cú tuyệt bách phi. Tứ cú là gì? Tứ cú đều là chấp trước, thứ nhất là “có”, chấp có, thứ hai là chấp “vô”, thứ ba là chấp cũng có cũng không, thứ tư là chấp phi hữu phi vô, chính là tứ cú. Trong tứ cú này, có “hữu” trong hữu tứ cú\_Hữu trong hữu, hữu trong vô. Hữu trong cũng có cũng không, hữu trong phi hữu phi vô, như vậy là biến thành 16 câu. Hữu, vô, diệc hữu diệc vô, phi hữu phi vô. Trong một cái có bốn câu, bốn bốn 16. Quá khứ 16, hiện tại 16, vị lai 16, 48 câu. Đã khởi\_đã khởi 48 câu, chưa khởi cũng có 48 câu là biến thành 96 câu. Trong 96 câu, thêm vào bốn câu căn bản, biến thành 100 câu. 100 câu này đều là danh tướng, đều là giả danh, không có thứ gì là thực chất.

Trong kinh điển có một vấn đáp, giả thiết, hỏi: Trong kinh nói ly tứ cú, tuyệt bách phi, ý của nó là gì? Đây là ý gì? “Đáp, đản cử nhất đối, tiện thành tứ cú”, như hữu vô là một đôi, nhất dị là một đôi, đoạn thường là một đôi, cũng chính là tương đối. Chân vọng là một đôi, lớn nhỏ là một đôi, tà chánh là một đôi. Chỉ cần đưa ra một đôi, liền có thể biến thành 100 câu.

“Thả hữu vô tứ cú”, đưa ra một ví dụ, tứ cú hữu vô này, như ở trước nói: Nếu nói có là tăng ích báng, nó vốn chính là như vậy. Có trên lại thêm vào chữ hữu, như vậy là sai, đây là hũy báng. Thuộc về loại hũy báng nào? Tăng ích báng, quý vị lại cho nó thêm một điểm. Thêm không được, chỉ vừa đủ thôi, quý vị thêm một chút là sai. Nếu nói vô, là tổn giảm báng, vì sao? Quý vị không thể thêm một điểm cho nó, cũng không thể giảm nó một điểm, mọi người đều vừa đủ là dừng. Thêm một điểm là sai, giảm bớt nó một điểm cũng sai, người ta đã đạt được viên mãn, viên mãn là không tăng không giảm.

“Nhược vân diệc hữu diệc vô, thị tương vi báng”, hữu không phải vô, vô không phải hữu, diệc hữu diệc vô là hũy báng, đều là nói báng Phật. “Nhược vân phi hữu phi vô, thị hý luận báng, tức câu hữu quá, cố tu ly chi. Căn bản tứ cú ký nhĩ, chi mạt tứ cú nãi chí bách cú giai phi, cố tu tuyệt chi”. Chúng ta thấu hiểu đạo lý này, mới có thể thật sự buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, khôi phục thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của mình, điều này nhất định phải biết. Tu học đại thừa Phật pháp không có gì khác ngoài tu tâm, trong tâm thanh tịnh vốn đầy đủ, đầy đủ điều gì? Đầy đủ vô lượng trí tuệ đức năng tướng hảo, mọi thứ đều đầy đủ, không thiếu điều gì. Biến pháp giới hư không giới đều là tự tánh biến hiện ra, ngài Huệ Năng nói: Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp, nó không có khiếm khuyết.

Trong tự tánh, quý vị thêm một chút cho nó là sai, giảm một chút cũng sai. Quý vị thêm không được, giảm cũng không được. Trong tự tánh thanh tịnh tâm, sanh ra những vạn vật này, biến hóa vô cùng. Ba loại chu biến trong Hoàn Nguyên Quán, loại thứ hai nói: xuất sanh vô tận, vì sao có biến hóa? Trong kinh Phật thường nói: y báo tùy theo chánh báo mà chuyển, chính là biến hóa tùy theo ý niệm của quý vị, khởi tâm động niệm nó liền biến hóa, xưa nay chưa từng dừng biến hóa. Biến hóa vi tế chúng ta không nhìn thấy, biến hóa lớn chúng ta cũng không nhìn thấy. Biến hóa lớn là vũ trụ, chúng ta không cảm nhận được. Biến hóa nhỏ là thân tâm chúng ta, trong tế bào chúng ta biến hóa, chúng ta cũng không sao phát giác được, đây là gì? Tâm chúng ta quá lơ là, tâm chúng ta mê. Nếu tâm định, có định công rất thâm sâu, những biến hóa trong vũ trụ chúng ta đều có thể biết. Biến hóa lớn, biến hóa nhỏ, Đức Phật đều biết.

Phật biết biến hóa, biến hóa là quả, nhân là gì? Nhân là ý niệm chúng sanh, ý niệm chúng sanh ngài biết chăng? Biết. Nên chúng ta thường nói giữa vũ trụ: tánh tướng, lý sự, nhân quả, trên pháp thân Bồ Tát, không ai không thông đạt, không ai không thấu triệt\_thông đạt thấu triệt.

Căn bản tứ cú đã như vậy, ngọn ngành tứ cú, cho đến bách cú đều không, nên cần phải đoạn tuyệt. Chúng ta nhất định phải buông bỏ, tuyệt chính là buông bỏ, đừng để ở trong lòng. “Hữu vô lý nhĩ”, minh bạch ví dụ này, tôi nói với quý vị “đoạn thường, nhất dị đẳng tứ cú lệ tri”, lúc nãy chúng ta bổ sung mấy cái: Chân vọng, tà chánh, khổ lạc, tất cả đều như vậy, chúng ta sẽ hoàn toàn minh bạch. “Nhiên thử trung căn bản tứ cú thị ngoại đạo kiến”, ngoài Phật môn ra người tu đạo đều có kiến giải này, hữu thuyết hữu vô, diệc hữu diệc vô, phi hữu phi vô. “Chi mạt tứ cú đẳng, tam thừa diệc vị toàn ly”, tam thừa là gì? A la hán, Bích Chi Phật, quyền giáo Bồ Tát, chưa đoạn sach.

“Duy Phật cứu tận, cố vân ly vân tuyệt dã”, ly tứ cú, tuyệt bách phi, ai làm được? Phật làm một cách viên mãn. Tam thừa đối với điều này, vẫn chưa đoạn sạch, vẫn chưa rõ ràng, đây là vấn đề trên mặt tri kiến của người học Phật. Không thể không buông bỏ tri kiến, chân tánh mới có thể hiện tiền. Tri kiến chướng ngại chúng ta minh tâm kiến tánh, đạo lý này không thể không biết. Có tri kiến, không thể ở nơi tri kiến thêm vào tri kiến, hoặc trên tri kiến làm tổn giảm tri kiến, như vậy là sai lầm, gọi là vẽ rắn thêm chân. Tri kiến là khởi dụng của tự tánh bát nhã là, tự nhiên, không thông qua tư duy, thông qua tu duy sẽ biến chất. Không thông qua tư duy, chính là khởi dụng trí tuệ bát nhã của tự tánh, như vậy là hoàn toàn chính xác. Chỉ cần có một chút ý nghĩ trong đó là sai, trở thành tứ cú bách phi.

“Kim kỳ cầu dã bồ đề”, kỳ có nghĩa là cầu. “Đản năng như thử tu hành, tức thị bất hành nhi hành”, ý nghĩa này rất thâm sâu. “Bất hành nhi hành giả, bất vi nhị đế đại đạo lý dã”, điều này ở sau có giải thích, Hoàng Niệm Tổ giải thích: Không hành mà hành, tức vô cầu mà cầu, tuy biết lý thể vô cầu, bồ đề vô đắc nhưng vẫn đầy đủ tu vạn hạnh. Chúng ta tuy tu học vạn hạnh viên mãn, vạn hạnh là gì? Thập thiện nghiệp đạo, Lục ba la mật, Phổ Hiền thập nguyện, đây là cương lĩnh của vạn hạnh. Triên khai ra, như Thập thiện nghiệp đạo, tiểu thừa triển khai nó thành 3000 tế hạnh\_Thập thiện nghiệp đạo thành 3000 điều. Đại thừa Bồ Tát đem thập thiện, mười điều này triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, đây gọi là vạn hạnh, thông trường trong nhà Phật gọi là Lục độ vạn hạnh.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Bất cứ một pháp nào triển khai đều vô cùng vô tận, phải thật tu, thật sự thực hành. “Dĩ cảm bồ đề, diệu khế trung đạo”, chỉ cần tu, không nên chấp trước, không nên phân biệt, không nên khởi tâm động niệm, tự tánh tánh đức tự nhiên hiện tiền, chính là bồ đề, chính là trung đạo. Vì sao phàm phu phải tu lục độ vạn hạnh? Nói thực tế là đối phó nghiệp chướng, là biện pháp tốt để tiêu nghiệp chướng, tiêu trừ nghiệp chướng. Bố thí tiêu tham lam, tham tâm của chúng ta, đây là phiền não. Trì giới tiêu trừ ác nghiệp của chúng ta, nhẫn nhục tiêu trừ sân nhuế của chúng ta, tinh tấn tiêu trừ giải đãi biếng nhác của chúng ta. Thiền định là đối với không tập trung, bát nhã là đối ngu si\_Hóa giải ngu si của chúng ta. Thế nên lục độ vạn hạnh giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu trừ, tánh đức liền hiện tiền, tự nhiên hiện tiền. Đó gọi là bát nhã, đó gọi là trí tuệ, đó gọi là tánh đức. Ở đây gọi là bồ đề, gọi là trung đạo. Nếu không chân tu, quý vị không thể phát hiện những thứ này. Tu hành chơn chánh, tự nhiên cảm ứng, tự nhiên khế nhập, khế nhập chính là đã chứng đắc.

Đoạn bên dưới: “Thứ giả, an lạc tập y Tịnh Độ Luận chỉ xuất, phàm dục phát tâm hội vô thượng bồ đề giả. Tiên tu viễn ly tam chủng, dữ bồ đề môn tướng vi pháp”. Điều này rất quan trọng\_trái với bồ đề. “Nhất giả, y trí tuệ môn”, người có trí tuệ, không cầu niềm vui cho mình, xa rời tâm tham trước của bản thân. Hay nói cách khác, nếu quý vị tương phản điều này, đó không phải trí tuệ, nương vào ngu si. Ngu si là gì? Chuyên cầu niềm vui riêng mình, tự tư tự lợi, không có trí tuệ. Thật sự có trí tuệ, nhất định không cầu niềm vui cho riêng mình.

Đức Thế Tôn có trí tuệ, sống cuộc sống như thế nào? Ba y một bát, ăn ngày một bửa, đêm ngủ dưới gốc cây. Ngài là nương trí tuệ môn, thật sự làm được xa rời tâm tham trước tự thân, làm một tấm gương viên mãn cho chúng ta noi theo. Không phải làm một hai ngày, hay một năm hai năm, suốt một đời đều như vậy. Ngài viên tịch trong rừng cây, không phải trong nhà, nằm trên mặt đất viên tịch. Nằm an tường trên đất, không phải nằm trên dường, thật sự đã làm được.

Thứ hai: nương theo từ bi môn, nhổ sạch tất cả khổ cho chúng sanh, khiến chúng sanh xa ròi tâm bất an. Đại từ đại bi giúp chúng sanh ly khổ, không nói đắc lạc, ly khổ chính là đắc lạc. Phải viễn ly, viễn ly là gì? Vô an chúng sanh tâm. Ở trước là viễn ly tâm tham trước tự thân, chính là nói tuyệt đối không phải nghĩ cho thân mạng mình, điều này tương ưng với tâm bồ đề, đây là trí tuệ chân thật. Người không có trí tuệ, mỗi niệm đều vì mình, quý vị nghĩ xem vì sao? Mê hoặc nghiêm trọng nhất chính là tự thân, thế nên Phật pháp dạy chúng ta tu hành, điều đầu tiên là phá thân kiến, đây là chướng ngại lớn nhất. Vì thân giả tạo này\_Đây là cái tôi giả không phải cái tôi thật, không biết tạo bao nhiêu tội nghiệp, luân hồi lục đạo, trầm luân tam đồ.

Quý vị thử nghĩ xem, điều nào không phải vì thân thể mình? Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Phật nói, chỗ chúng ta cần hạ thủ là viễn ly, xã bỏ nó. Thế nên khi ngài niết bàn\_tám chữ di ngôn sau cùng trước lúc ngài nhập diệt, dạy các đệ tử đời sau: Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Quý vị không thể trì giới, không thể chịu khổ, tâm bồ đề quý vị không sanh khởi được. Tâm bồ đề không sanh khởi, vãng sanh sẽ có chướng ngại. Chúng ta muốn thành Phật, nó chướng ngại chúng ta thành Phật. Tôi muốn độ chúng sanh, nó chướng ngại quý vị độ chúng sanh, tám chữ này quan trọng biết bao!

Tám chữ này là mấu chốt có thể thành công hay không trong một đời tu hành của chúng ta. Các bạn đồng học Tịnh tông, hơn một năm nay nghe tôi giảng kinh, tôi giới thiệu cư sĩ Lưu Tố Vân cho mọi người. Rất nhiều người biết, cũng xem đĩa của bà. Lưu Tố Vân có bản lĩnh gì? Chính là học được hai câu nói này của Đức Thế Tôn: Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Thành tựu của bà đều dựa vào điều này: Trì giới, chịu khổ. Người này có thiện căn, trước khi chưa học Phật có thể chịu khổ, có thể quên mình vì người. Nhìn thấy người khác khổ, bà ta liền đưa tay giúp đỡ. Gia đình ngày mai có cơm ăn hay không bà không biết, bà thật sự làm được, không nghĩ đến mình. Toàn tâm toàn lực giúp người khó khăn, đây là cứu khổ cứu nạn.

Sau khi học Phật, chúng tôi nghe bà báo cáo, mỗi ngày bà ăn cơm chỉ một món, mời bạn đến ăn cũng chỉ một món, cuộc sống rất giống người xuất gia ngày xưa, không nói hiện tại. Đích thực người xuất gia ngày xưa chỉ ăn một món, một nồi thức ăn lớn. Cuộc sống đơn giản, an vui, vọng niệm rất ít. Cuộc sống đơn giản hóa, cái gì cũng không cần nghĩ, trong này có đạo lý lớn.

Thứ hai, thật sự có bạt khổ chúng sanh, giúp chúng sanh ly khổ. Mỗi niệm đều nghĩ, làm sao giúp chúng sanh ly khổ đắc lạc, bà có tâm này. Nếu chúng ta không có tâm này, chỉ đôi lúc phát tâm này, không được. Thường thường có tâm này, giúp chúng sanh ly khổ đắc lạc, đây chính là an tâm của chúng sanh. Phải giúp chúng sanh đạt được an ổn, đạt được an định.

Thứ ba, nương vào pháp môn phương tiện, phát tâm lân mẫn tất cả chúng sanh, xa rời tâm cung kính cúng dường bản thân. Điều này cần phải thật tu, lân mẫn tất cả chúng sanh, không thể cầu chúng sanh cung kính cúng dường mình. Có tâm này là sai, có tâm này là phan duyên, chính mình không có đức hạnh thật sự, tương lai phải trả nợ. Các bậc cổ nhân, các bậc tổ đức nói: Đời này không hiểu đạo, mang long đội sừng để trả. Tịnh độ tông đem liễu đạo này, hạ xuống tiêu chuẩn thấp nhất là vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Nếu quý vị không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, tương lai phải mang long đội sừng để trả, hoàn toàn là sự thật.

Thế nên tôi đã thanh minh mấy lần, hy vọng đồng tu các nơi không nên gởi tiền đến cúng dường tôi nữa, hiện tại tôi không cần tiền, vì sao? Không làm việc nữa. Trước đây còn làm việc in ấn kinh, hiện nay không làm nữa, tuổi tác đã lớn không kham nỗi. Tất cả những hoạt động trong nước và nước ngoài, tôi đều không tham gia, không có việc gì cần dùng tiền, hy vọng quý vị đừng đưa tiền thêm cho tôi. Quý vị nên cúng dường tôi như thế nào? Mọi người học tập Kinh Vô Lượng Thọ, thật tâm niệm Phật hồi hướng, đó chính là cúng dường tôi, đây là cúng dường tốt nhất, ngoài ra đại khái đều không cần thiết.

Tôi mỗi niệm chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh đã có người làm. Người sau đi làm, tôi phải giao gậy rồi. Những năm về già hy vọng giảng viên mãn Kinh Vô Lượng Thọ, tôi dự định một ngày giảng bốn tiếng, khoảng tháng mười có thể giảng xong. Giảng viên mãn mà thân này vẫn còn tại thế, tôi sẽ tiếp tục giảng kinh, ngoài việc giảng kinh ra tôi không đi đâu hết. Tôi cũng không có đạo tràng.

Chư vị đồng học nên biết, bất luận là trong nước hay nước ngoài, dùng danh hiệu của tôi để kiến lập đạo tràng, tương lai tôi sẽ đến ở, toàn là giả, không phải thật. Học Phật phải có trí tuệ, không nên mê muội. Nếu vẫn còn ở thế gian, tương lai tôi giảng kinh chỉ có ba nơi, trên thực tế là hai nơi: HongKong và Úc Châu, hai đạo tràng nhỏ này, có thể tự cho là đầy đủ. Mọi người yên tâm về điều này, cố gắng học kinh giáo, học Kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng niệm Phật. Tương lai chúng ta gặp nhau trong hội liên trì ở thế giới Cực Lạc, như vậy thì hoan hỷ biết bao, tốt biết bao! Điều này chúng ta có lòng tin, nhất định có thể làm được. Thế nên phải nhớ lời Phật dạy: Xa rời tâm cung kính cúng dường tự thân, không thể có tâm này.

“Thị danh viễn ly tam chủng bồ đề môn tướng vi pháp”, ba loại này là trái với tâm bồ đề, có ba loại này, tâm bồ đề làm sao phát khởi được? Tôi lặp lại một lần nữa, thứ nhất chính là “ngã tâm tham trước tự thân”, chính là câu này. Không nên có ý niệm tham trước tự thân, nó trái ngược với bồ đề. Thứ hai, “vô an chúng sanh tâm”, nếu không giúp xã hội an định tâm cho chúng sanh, không có ý niệm này, điều này trái với tâm bồ đề.

Người tu học đại thừa, mỗi niệm đều phải cầu xã hội an định ấm êm, giúp đại chúng trong xã hội tâm an, tâm an là lý đắc. Họ hiểu được đạo lý thì tâm sẽ an, tâm họ vì sao không an? Không hiểu rõ đạo lý, Phật pháp chính là đem đạo lý nói rõ ràng, nói minh bạch thì tâm an. Thứ ba chính là “cung kính cúng dường tự thân tâm”, điều này nhất định không được có, như vậy mới tương ưng với tâm bồ đề. Ba loại này cần phải xa rời.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học đến đây

# Tập 399

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên Tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 06. 05. 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 498. Niệm Lão đã dẫn tập An lạc và luận Tịnh Độ để nói chúng ta cần tránh ba thứ trái ngược với cửa Bồ đề. Ba thứ đó, chúng ta cần phải rời xa.

Ba loại này, quí vị xem câu đầu, hàng thứ ba trang 498: “Ngã tâm tham trước tự thân”. Đây là câu thứ nhất, vấn đề trong câu này đó là chấp chặt quá, không thể buông bỏ, đây là chướng ngại đầu tiên của những người niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ. Không thể phủ nhận sự có mặt của thân thể, song chúng ta không nên quá chiều chuộng nó, đã quá chiều chuộng chắc chắn sẽ sinh tham đắm, tham đắm hình thức. Khi đã tham đắm đương nhiên tìm mọi cách phục vụ cho thân thể, làm sao để cách ăn uống, đi đứng đều tương thích với cơ thể để nó được thoải mái, những việc như vậy tất nhiên sẽ phương hại đến đạo nghiệp.

Khi còn tại thế, đức Thế tôn đã dạy chúng ta, không phải ngài không biết quí trọng thân thể mình, nhưng thân đó phải chịu vất vả để học tập, để giáo hoá chúng sinh. Sau khi diệt độ, để dẫn dắt những đệ tử sau này, Phật dạy: lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Nếu không trì giới, không chịu khổ thì quý vị không cách nào thoát khỏi luân hồi lục đạo, nghĩ như thế là sai lầm, cách nghĩ như thế trong Phật giáo gọi là tâm luân hồi, tất cả những gì tâm luân hồi tạo ra gọi là nghiệp luân hồi. Quý vị học Phật, làm việc thiện, đó gọi là nghiệp thiện của luân hồi, quả báo là sinh vào cõi trời, người, vẫn không ra khỏi luân hồi lục đạo, không thể vãng sinh Tịnh độ, điều này chúng ta phải nắm rõ.

Vậy chúng ta nên cưng dưỡng tấm thân này hay chăng? Không, cách nghĩ như thế cũng không đúng, mà nên nuôi dưỡng nó đúng lí, đúng pháp. Giáo lí Đại thừa cho biết vạn pháp duy tâm, tất cả mọi hiện tượng đều do tâm tạo, thân thể là do tâm hiện, thức biến. Cách nuôi dưỡng nó, đó là cách dưỡng sinh theo như cách nói ngày nay. Muốn dưỡng sinh thì trước hết phải biết dưỡng tâm, vì sao? Thân thể sẽ chuyển biến theo tâm tư, không một thứ gì có thể sánh bằng một tinh thần khoẻ mạnh, khi tinh thần thoải mái thì làm gì có chuyện thân thể không mạnh khoẻ? Làm gì có chuyện đó! Tinh thần không thoải mái mà mong một thân thể khoẻ mạnh là điều không thể, người học kinh Đại thừa phải nắm được tất cả những vấn đề này.

Tinh thần mạnh khoẻ là gì? Đó là tâm thanh tịnh, tâm không phiền não, không có tạp niệm, không ưu tư, không sợ hãi. Tâm địa thanh tịnh, tâm địa bình đẳng, giác ngộ không mê lầm, tâm như thế là tâm mạnh khoẻ nhất. Tâm khoẻ mạnh sẽ kéo theo thân thể mạnh khoẻ, cho dù thân chỉ là hiện tượng vật chất, nhưng nền tảng của hiện tượng vật chất là tâm niệm. Vì thế một tâm niệm tốt thì dù cho thân thể đang nhiễm những độc tố đi nữa, thì tự nó vẫn có thể khôi phục như ban đầu, khôi phục như ban đầu chính là khoẻ mạnh. Bởi thế nhà Phật gọi là tu tâm, bỏ ác làm lành thì bạn kháng cự được tất cả những độc tố. Cải tà qui chánh, thì dù có độc tố nó vẫn khôi phục trở lại bình thường, cải ác tu thiện. Tâm niệm đứng đắn, trạng thái tâm lí tốt nhất, thân tâm mạnh khoẻ, không thể không biết vấn đề này. Bởi thế tham đắm thân thể là một sai lầm, kiểu cưng dưỡng nào cũng không đúng, thân tâm lúc đó trở thành bệnh tật.

Thứ hai: Không an tâm cho chúng sanh, suy nghĩ như vậy cũng không tốt, cần có sự hài hoà, an ổn cho tất cả mọi người trong xã hội. Khi xã hội phát sinh những xung đột, thì những cư dân trong đó sẽ có cảm giác bất an, đây là một xã hội không lành mạnh. Mọi người có sự lo lắng, phiền não, sợ hãi, bất an thì những người đó không lành mạnh. Ta đang khoẻ mạnh, người tu học theo giáo lí Đại thừa vẫn lành mạnh, ta có cần lo lắng cho một xã hội và con người không lành mạnh chăng? Có cần giúp đỡ họ trở lại an toàn? Rất nên. Tại sao? Vì tâm từ bi. Chúng sinh cùng một thể với ta, nếu ta chỉ lo cho thân thể của ta, không quan tâm đến tất cả mọi người, không ngó ngàng đến xã hội, một người như thế cho dù có niệm Phật cũng không thể vãng sinh. Vì sao? Vì họ không có tâm từ bi. Bởi thế người có tâm từ bi là khi gặp người có hoàn cảnh khó khăn, nhất định họ liền chìa tay cứu giúp.

Chúng ta là những người học Phật, mỗi ngày đều giảng kinh, dạy học, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Mười năm trước tôi ở Astralia, gặp đúng sự kiện ngày 11/9 của Mĩ. Hiệu trưởng trường đại học Queensland đến tìm tôi, bèn phái hai vị giáo sư đến mời tôi đến thăm trường, và cùng giáo sư học viện Hoà bình của trường tổ chức buổi toạ đàm. Điểm chính của buổi toạ đàm là mời tôi đến thảo luận vấn đề làm sao hoá giải những xung đột của xã hội, giúp thế giới trở lại ổn định và hoà bình. Đây là một vấn đề lớn, không phải là chuyện nhỏ, vì thế tôi đồng ý. Nghe những tham luận của các diễn giả mất độ 50 phút, lúc đó tôi mới biết có khoảng tám trường đại học trên thế giới, không nhiều, chỉ mới có tám trường đại học có học viện Hoà bình. Mỗi học viện như thế đều có học vị, có lớp tiến sĩ, thạc sĩ. Sau khi tốt nghiệp ở đây, phần lớn các học viên đều đến làm việc tại Liên hợp quốc. Những người này giúp giải quyết những vướng mắc giữa các quốc gia trên thế giới. Phương cách giải quyết xung đột của họ, đều dùng tư duy của người phương Tây, đó là trấn áp, trả thù.

Sự kiện 11/9 trở thành một loại chiến tranh khủng bố, nên họ đang tập trung lo ứng phó với vấn đề này. Dùng cách trả thù, trấn áp không được, không thể giải quyết được vấn đề, nên hy vọng tìm ra biện pháp hoà bình khác. Các vị hiệu trưởng đều biết, trước đây khi ở Singapore, chúng tôi đã tổ chức rất thành công việc đoàn kết chín tôn giáo ở Singapore, đã có một số kinh nghiệm, thế nên họ muốn chúng tôi chia xẻ kinh nghiệm cùng họ.

Sau khi nghe tất cả những kinh nghiệm của chúng tôi đưa ra, họ hoan hỉ lắm, từ trước đến nay họ chưa bao giờ nghĩ rằng, phương pháp hoà bình có thể giải quyết được vấn đề, lần hội đàm này ai cũng vui vẻ. Tuần sau, hơn mười mấy vị giáo sư lại đến gặp tôi, chúng tôi lại có cuộc gặp mặt lần thứ hai. Lần này nhà trường đã có sự chuẩn bị chu đáo, thư mời cũng đã chuẩn bị, mời tôi đảm nhận cương vị giáo sư tại trường của họ. Sau lần hội thảo này, tôi đối với việc trao tặng học vị của họ, tôi không hứng thú với việc được mời làm giáo sư. Tôi nói: Nếu hãy còn duyên, xin quí vị cứ cố gắng tổ chức những cuộc toạ đàm như thế này. Tôi rất vui lòng được cùng tham dự, mang những kiến thức của các vị Hiền Thánh, kết thành lý niệm về một xã hội thanh bình lâu dài. Một số kinh nghiệm, phương pháp nắm được, tôi sẽ viết một bài tham luận rồi gửi cho quí vị.

Lúc bấy giờ trong văn phòng của ông hiệu trưởng còn có một vị nữa, đó là ông hiệu trưởng trường đại học Cách Lý Phi Tư\_Griffisch, cả hai ông hiệu trưởng đều nói với tôi: Ngài nhất định phải nhận lời. Tôi hỏi tại sao? Ông ta trả lời, chúng tôi đã rất bằng lòng với tham luận về ý tưởng của ngài, nhận thấy bài tham luận đích thực có thể giúp Liên hợp quốc hoá giải những vấn đề xung đột xã hội. Hy vọng tôi đại diện các trường đại học, đại diện Australia tham dự hội nghị hoà bình của Liên hợp quốc. Nguyên nhân là như vậy đấy. Những ngược được Liên hợp quốc mời đều là những học giả, chuyên gia, không mời những nhân sĩ tôn giáo. Song lần này vẫn có cả nhân sĩ tôn giáo, nhưng không nhiều. Những nhân sĩ tôn giáo này đều có học vị tiến sĩ, đều là hiệu trưởng các trường đại học, vì nguyên nhân như thế nên tôi mới nhận lời, đó là gì? Làm yên tâm mọi người. Không thể ngồi yên một chỗ để nhìn mọi người đang khốn đốn, theo giáo lí nhà Phật đó là người không có tâm từ bi, bởi thế mà tôi quyết định nhận lời.

Trong mười năm đó, tôi đã tham dự mười mấy lần hội nghị. Chúng tôi đã tìm được căn nguyên của những xung đột, đồng thời biết cách để hoá giải những xung đột đó và cung cấp cho họ những bài tham luận đó, để làm báo cáo chính trong nhiều hội nghị tại Liên hợp quốc.

Năm 2006 còn cùng với UNESCO tổ chức một hoạt động có qui mô lớn, trong lần này chúng tôi đã đưa thí nghiệm ở Thang Trì, báo cáo chi tiết suốt tám giờ tại Liên hợp quốc. Hoạt động này là do những người bạn tại Liên hợp quốc xúc tiến và chúng tôi đã nhiều lần báo cáo tham luận, nói chuyện, mọi người rất hài lòng khi được nghe, hết lòng tin tưởng. Sau cuộc họp, họ bảo: Bạch thầy, thầy giảng rất hay, nghe xong chúng tôi cảm thấy rất thấm thía, song sợ ý tưởng này khó thực hiện được. Nhân câu nói này, tôi quyết định làm một cuộc thí nghiệm. Ở rất nhiều nơi, chúng tôi muốn tìm một điểm thực, nhưng vẫn chưa thực hiện được.

Năm 2005, tôi trở về thăm cố hương, vì đã 70 năm chúng tôi chưa có dịp trở lại. Lúc nói chuyện với các hương thân phụ lão về những hoạt động chúng tôi đã làm tại hải ngoại mấy năm nay. Nghe chuyện, họ rất vui, khuyên tôi tổ chức ở quê hương, để người đồng hương ủng hộ. Nhà cầm quyền địa phương giới thiệu thị trấn Thang Trì này, chúng tôi đến xem, cảm thấy rất yên tâm, quyết định tổ chức thí nghiệm tại đó. Không ngờ cuộc thí nghiệm thành công ngoài dự kiến, đó là nhờ sự che chở của tổ tiên, sự gia trì của ngôi Tam bảo, công việc thành tựu nhanh chóng, chúng tôi nghĩ ngay đến việc báo cáo lên Liên hợp quốc.

Không ngờ hai tháng sau, Liên hợp quốc đã có thư, mời chúng tôi cùng họ tổ chức một hoạt động, quả là trùng hợp, chúng tôi bèn thuyết minh chi tiết những thành quả này. Những phương pháp của các bậc Thánh hiền, đến nay vẫn còn nguyên giá trị, rất thích hợp. Tánh người vốn thiện, con người nhờ giáo dục mà nên, trong thí nghiệm đó chúng tôi đã chứng minh. Khi nghe xong những người tham dự hội nghị đều cảm thấy thích thú. Đại biểu, phái viên của 192 quốc gia đều muốn tận mắt xem thí nghiệm đó, quả là một cuộc hội thảo rất thành công.

Tất cả nói lên điều gì? Làm an lòng tất cả mọi người, đặc biệt là những người đang sống trong thời đại ngày nay, đây là một giai đoạn khá hỗn loạn, cả quả đất đều như thế. Xã hội biến động, địa cầu thường xảy ra những tai hoạ, đến bây giờ thì chúng ta đã tận mắt chứng kiến. Ngày xưa Phật dã nói điều này trong kinh, nhưng chúng ta nửa tin nửa ngờ. Phật dạy cảnh chuyển theo tâm, tất cả mọi vật đều do tâm nghĩ mà có, nửa tin nửa ngờ. Mãi đến cận đại, qua những kết luận của các nhà vật lí, chúng ta đã hiểu rõ, tất cả những nghiên cứu của họ đều tương đồng với những gì Phật dạy. Lúc này chúng ta mới hoàn toàn chắc chắn, rằng giáo lí Đại thừa là trí tuệ đích thực. Kinh Vô lượng thọ nói ba thứ chân thực, đó là thời gian chân thực, trí tuệ chân thực và lợi ích chân thực. Điều này không hề giả dối và chứng minh rằng, suy nghĩ con người ảnh hưởng rất lớn đến sức khoẻ của thân và tâm.

Chính bản thân chúng ta, hoàn cảnh bên ngoài, sẽ ảnh hưởng đến an ninh của xã hội, và thiên tai trên địa cầu. Nhân tâm tốt, trên địa cầu, tất cả những gì gọi là thiên tai tự nhiên, đều có thể hóa giải. Trong kinh Vô lượng thọ, Phật Thích ca mâu ni đã giới thiệu cho chúng ta thế giới Cực lạc ở phương Tây, không có những tai hoạ như nạn hạn hán, lụt lội, động đất, gió bão, không có... Sao lại không có? Vì nó không có nhân. Kinh Lăng nghiêm đã nói rất cụ thể, nguyên nhân nào dẫn đến lũ lụt? Nó là hệ quả của lòng tham lam, nếu con người không tham lam thì không có cảnh đại hồng thuỷ, cơ thể mỗi chúng ta cũng sẽ không xuất hiện những loại bệnh như trướng nước, cảm lạnh... Nếu không có tâm giận hờn thì sẽ không xảy ra những tai nạn về lửa, sẽ không có cảnh núi lửa tuôn trào, tránh được hiện tượng nóng dần lên của quả đất, những tai nạn về lửa kéo theo những chứng bệnh gì? Đó là bệnh mạn tính, nóng lạnh không giống nhau.

Không có ngu si sẽ không gây ra những tai nạn về gió, không ôm lòng kiêu mạn sẽ tránh được những tai nạn như động đất, không hoài nghe sẽ tránh được những sự nghiêng đổ của núi sông... Đất đai lún sụt, núi đồi nghiêng đổ, nguyên nhân do đâu? Đó là tâm hoài nghi. Vì thế nếu chúng ta triệt tiêu được tâm tham, sân, si, mạn, nghi thì chúng ta sẽ tráng kiện lắm, không khác Phật, Bồ tát, nơi chúng ta cư trú cũng tránh đươc tất cả mọi tai nạn. Tất cả những việc này chỉ được nghe trong kinh Phật, ngoài ra, như các nhà khoa học không hề nhắc đến. Liệu tất cả những suy nghĩ, hành động của chúng ta thật sự tạo nên những tai nạn như thế chăng? Nếu cọng nghiệp sẽ tạo nên những tai nạn thiên nhiên, biệt nghiệp thì tật bệnh mỗi cá nhân, thân tâm không khoẻ mạnh, tất cả mọi bệnh tật.

Ngày nay chúng ta nghe những kết luận của các nhà khoa học, tất cả đã chứng minh sự chính xác về lời dạy của Phật. Chúng ta nên ứng xử như thế nào về những gì nhà khoa học đã kết luận, như dự báo tai hoạ Maya sẽ xảy ra trong năm 2012. Một nhà khoa học Mĩ đã đưa ra một kiến nghị, chỉ cần tất cả mọi người trên toàn thế giới bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, chỉnh đốn tâm niệm, thì tai hoạ kia có thể tránh được. Không những có thể tránh được mà còn hướng quả đất đi theo một hướng tốt nhất. Những phát biểu của ông hoàn toàn tương đồng với lời dạy đức Phật, tuy ông ta chưa học Phật, chưa đọc kinh Phật.

Thí nghiệm của các nhà khoa học đã chứng minh, ý niệm có thể thay đổi hiện tượng vật chất. Thế nên Phật dạy chúng ta hai câu, hai câu này nhà Phật gọi là khẩu đầu thiền, không thể bao quát được ý nghĩa sâu rộng của nó, nhưng đó là một sự thực, không phải giả dối. Những người học Phật đều biết hai câu này, đó là: Siêng tu giới định tuệ, tham sân si liền mất. Quí vị xem, tham, sân, si, mạn, nghi biến mất ngay, vấn đề đã được giải quyết. Vấn đề cá nhân được giải quyết, vấn đề xã hội được giải quyết, cả vấn đề tai hoạ của trái đất cũng được giải quyết, thật tuyệt vời! Vì thế câu thư hai, nếu quý vị không làm tâm mọi người yên ổn thì không thể phát khởi được lòng từ bi.

Yếu tố thứ ba của tâm Bồ đề đó là từ bi, nội dung của nó là “Cung kính cúng dưỡng tự thân tâm”. Yếu tố này thuộc về tham, tham gì? Tham muốn được cung dưỡng, muốn được người khác kính nể. Trong lòng tham cung kính đó đã có tâm cao ngạo, trong lòng tham được cúng dường đã bao gồm mong muốn được yêu mến, có tham, sân, si, đầy đủ tham, sân, si, bởi thế nó gây trở ngại tâm bồ đề. Sâu xa trong việc trở ngại tâm bồ đề, không làm an tâm cho chúng sanh là chướng ngại, tâm đại bi trong tâm bồ đề đó là tâm từ bi. Tâm mình tham trước bản thân, tham trước bản thân là chướng ngại tâm chân thành, làm cho tâm bồ đề không hiển lộ được. Nếu làm ngược lại tất cả những hành động trên thì tâm bồ đề có thể hiển lộ được.

Tiếp theo, tập An lạc nói: Bồ tát xa lìa ba pháp trái ngược với tâm bồ đề như thế. Đoạn trước chúng ta đã nói đến rồi, xa lìa là chúng ta buông bỏ ba trạng thái tâm đó, là quí vị liền được ba loại thùy thuận pháp môn bồ đề. Quý vị liền được ba thứ tuỳ thuận, ba thứ đó là gì? Ở dưới nói với chúng ta: thứ nhất, tâm thanh tịnh vô nhiễm. đây chính là cội gốc tâm bồ đề, căn bản của tâm bồ đề, chính là lòng chân thành. Không cầu niềm vui cho chính bản thân. Trong tứ đức của Hoàn Nguyên Quán, câu thứ tư nói, chịu thay cái khổ của mọi người. Khi người khác khốn đốn, ta phải thay họ chịu cái khổ đó, nên gánh vác thay họ, không được không ngó ngàng đến, không được lo cho bản thân, như thế mới có thể chịu khổ thay cho mọi người. Nếu trong mỗi suy nghĩ không quên cầu niềm vui cho mình, thì việc này khó mà thực hiện được.

Bồ đề là nơi thanh tịnh, không ô nhiễm, nếu tự cầu an lạc cho riêng mình thì đã trái với cửa bồ đề. Bởi thế phần trước chúng ta đã nói ba thứ trái với cửa bồ đề, tức đi ngược. Nên tâm vô nhiễm thanh tịnh là đi đúng với của bồ đề. Chúng ta cần tu tập, nhất là coi trọng tâm vô nhiễm, bởi vì chỉ A la hán mới có tâm thanh tịnh, nhưng A la hán không phát tâm bồ đề. Nói cách khác, tâm thanh tịnh của A la hán vẫn còn ô nhiễm, ô nhiễm thế nào? A la hán giúp đỡ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, nhưng nếu chúng sinh không tiếp nhận, A la hán liền thoái tâm, chúng sinh khó độ quá, thôi, không độ họ nữa, bỏ qua, đây là nhiễm ô. Sự nhiễm ô của A la hán không giống sự nhiễm ô của chúng ta, sự nhiễm ô của chúng ta là sự nhiễm ô rất nghiêm trọng, A la hán chỉ chút ít nhưng đủ làm cho tâm bồ đề của họ mất đi, không đơn giản!

Thứ hai, an thanh tịnh tâm, vì để nhổ tận gốc khổ não cho chúng sinh. Nhất định phải giúp chúng sinh lìa khổ được vui, bồ đề đưa tất cả chúng sinh đến nơi thanh tịnh, đây là bồ đề. Lúc nào cũng phải tìm cách phá bỏ mọi khổ nạn cho chúng sinh, chúng ta phải tận tâm tận lực. Bây giờ làm tốt công việc đã khó, không phải Bồ tát không thể làm nổi, vì Bồ tát có lòng kiên nhẫn, Bồ tát không ngại khổ, không sợ chướng duyên. Bởi vì chúng sinh thời này không nghe được những lời giáo huấn của Thánh hiền, rất nhiều quan niệm đều lệch lạc.

Nếu họ có khó khăn, quý vị đến giúp, họ sẽ nghi ngờ. Tôi với ông không quen biết, sao lại đến giúp tôi? Anh có ý định gì? Anh muốn gì? Họ toàn nghĩ như thế thôi. Không những không cảm ơn mà còn cho bạn là người xấu, cho bạn đang rắp tâm, có mục đích đen tối, muốn chiếm đoạt thứ gì đó, quý vị xem, còn biết làm gì hơn! Bởi thế, thời đại ngày nay, Phật pháp nói độ chúng sinh khó, quá khó. Quý vị phải dùng phương cách nào để chứng minh mình không có ý đồ gì, không có mục đích gì khác, chỉ là đồng tình nhưng họ không tin quý vị, cho rằng trên thế giới làm gì có những người như thế? Họ cho rằng nhất định bạn có ý đồ , có mục đích, chiếm lĩnh thứ gì đó, đây là những chuyện quá thông thường. Bạn cho rằng bạn không có ý đồ, không có mục đích, họ cho rằng bạn không được bình thường, họ e ngại bạn, đó mới là khó khăn.

Bởi thế nhà Phật nói: Phật độ người có duyên. Có duyên là gì? Bạn giúp đỡ họ, họ hợp tác, họ cảm ơn, họ làm theo, họ được lợi ích, nhưng những người kiểu này không nhiều. Bởi thế, nghe kinh, học Phật, nghe rồi sinh tâm hoan hỉ, theo những lời dạy trong kinh rồi đi truyền lại, tất cả đều là nhân duyên, phước đức, thiện căn được tích luỹ từ nhiều đời kiếp trong quá khứ. Nếu trong đời trước chưa được học thì kiếp này quả thực gặp nhiều khó khăn, không thể tiếp thu được, họ chỉ nhìn cái lợi trước mắt. Chúng ta nói chuyện Phật Bồ tát với họ, họ không bao giờ nghe. Nói về những lợi ích kiếp sau, họ cho bạn mê tín, đó là nững điều tôn giáo ru ngủ và họ lập tức phủ định ngay.

Giáo lí Đại thừa nói pháp môn Tịnh độ là pháp rất khó tin, bây giờ tôi thấy tám vạn bốn nghìn pháp môn đều là pháp khó tin, Tịnh độ là pháp khó tin trong những pháp khó tin đó. Được mấy người tin? Nghe rồi có thể tin, có thể tiếp nhận, rồi niệm Nam mô A di dà Phật để cầu sinh Tịnh độ, như kinh Di đà mô tả đó là người nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Nhiều thiện ăn phước đức là kết quả tu tập trong nhiều đời của kiếp trước, không phải một kiếp mà nhiều kiếp. Như kinh Kim cương nói, một đời, hai đời thì không thể có thiện căn phước đức lớn như thế. Ngày nay chúng ta có thể tin tưởng, có thể thực hiện được, quyết tâm cầu sinh Tịnh độ, việc này như kinh Kim cương nói: Trong vô lượng kiếp về trước đã tích luỹ thiện căn, phước đức, nhân duyên, đến đời này mới thành tựu, thành Phật trong kiếp này.

Bởi thế, gặp những chúng sinh ta phải đưa tất cả họ đến nơi thanh tịnh, an ổn, nếu không khởi tâm nhổ sạch gốc rễ cái khổ sinh tử của tất cả chúng sinh, đó là việc làm trái với cửa bồ đề. Như phần trước đã trình bày, thấy chúng sinh đau khổ, chúng sanh đang thọ khổ trong luân hồi lục đạo, cần phải giúp họ. Giúp họ thoát li sinh tử, ra khỏi luân hồi, mỗi niệm không được quên tâm niệm này. Về hành vi, cần xem tất cả chúng sinh, liệu họ có thể tiếp nhận không, nếu họ hợp tác, ta nhất định phải giúp đỡ. Nếu không tiếp nhận, thì hãy xem họ thích hợp với pháp môn nào, họ muốn pháp môn nào ta sẽ dạy họ pháp môn đó. Họ muốn làm một người giàu có trong đời, bạn nói cho họ những vấn đề liên quan đến nó, họ hoan hỷ sẽ đón nhận ngay.

Bởi vậy khi giáo hoá chúng sinh, chư Phật Bồ tát phải dùng các phương tiện quyền xảo, vận dụng trí tuệ. Có tám vạn bốn nghìn pháp môn, thấy pháp môn nào thích hợp thì sử dụng pháp môn đó, đầu tiên là để cho mọi người nhận thức được Phật pháp, không nhận tức là không ổn, nhất định phải nhận thức. Phật là gì? Thế nào là pháp? Nội dung Phật dạy là gì? Ưu điểm khi học Phật? Phải làm sáng tỏ những vấn đề trên, khi hiểu rồi họ mới vui vẻ đón nhận.

Chúng ta là những người Phật tử và được học Phật, không những phải hiểu rõ mà còn áp dụng vào đời sống hàng ngày, áp dụng vào công việc, áp dụng trong việc ứng xử với mọi người, đưa nó ra để mọi người học hỏi. Giống ngày xưa Phật Thích ca mâu ni đã làm, khi đã nhận thức được thì mọi người không còn hoài nghi. Nhưng vấn đề ở chỗ chúng ta không thể buông bỏ, không thể buông bỏ được tự tư tự lợi, tiếng thơm, lợi dưỡng. Muốn cho những người xung quanh có thể học hỏi, nhất định ta phải có tâm thanh tịnh vô nhiễm, không tham danh, không hám lợi, chân thành với người khác. Người khác đối xử không tốt với mình, mình vẫn chân thành với họ, thậm chí họ nhục mạ, hãm hại mình, mình vẫn đối đãi cung kinh, chân thành với họ.

Sao mình phải làm như thế? Vì ta muốn đến thế giới Cực lạc, ta muốn học Phật. Phật chính là tấm gương cho ta, là điển hình cho ta, nếu không học như vậy thì chắc chắn ta sẽ luân hồi trong lục đạo. Nhưng ở đây ta không muốn luân hồi trong lục đạo, nếu muốn trôi lăn trong lục đạo thì cứ dùng tâm luân hồi cũng không sao. Nhưng ta đang muốn cầu sinh Tịnh độ, thì không nên dùng tâm luân hồi, mà phải dùng tâm bồ đề. Tâm bồ đề là chân tâm, tâm luân hồi là vọng tâm, phải phân biệt rõ những vấn đề đó thì họ mới hết hoài nghi. Lúc đó họ mới giao tiếp, yên tâm với bạn, biết bạn không phải là người lừa dối, làm hại họ.

Cuộc đời này, cổ nhân cũng nói rằng: Không được đem tâm hại người nhưng không thể không có tâm đề phòng người khác. Bây giờ việc đề phòng đó đã đi quá xa, coi tất cả mọi người đều là người xấu, đây là do xã hội tạo nên. Lần đầu ra nước ngoài, tôi đến Mĩ, mới hiểu ra hải quan quốc gia này đối xử với mọi người thế nào, mỗi người đều là người xấu, phải đem chứng cứ để chứng minh mình là người tốt, quý vị thấy có nhiêu khê chăng? Các bậc cổ đức xưa nay đều dạy chúng ta, hãy xem mọi người là người tốt, không có ai là người xấu cả. Người xấu nhất định phảilấy chứng cứ, chứng minh rằng anh ta là người xấu. Quí vị mọi việc đều trái ngược, thật đáng thương. Cổ nhân coi đây là điều sỉ nhục rất lớn, anh làm sao đối xử với tôi với thái độ như thế!

Cả xã hội bây giờ đều rối loạn, chúng ta đã quá rõ. Muốn làm visa để ra nước ngoài, phải chứng minh được mình là người tử tế để cảnh sát địa phương cho bạn đi, bạn phải chứng minh mình chưa hề phạm pháp, chưa phạm tội, những chuyện nhiêu khê như vậy vẫn tồn tại. Sống trong thời đại này, hiểu được nỗi khổ chúng sinh trong hiện tại, và chúng ta cũng đang là một phần trong đó. Vậy nên, trước hết chúng ta phải tự cứu mình lìa khổ được vui, sau đó mới giúp đỡ những người có duyên. Phàm những người hiểu được, tin được, nguyện được, có thể thực hiện được, đều là những người có duyên, nên giúp họ, tạo cơ hội cho họ thành công như bản thân mình.

Thế nên nhổ sạch khổ não cho tất cả chúng sinh là việc làm đúng với cửa bồ đề, Nhất định phải giúp đỡ tất cả chúng sinh đang chịu khổ nạn, thực tế chúng sinh khổ nạn ngày nay rất khó độ. Bởi quan niệm của họ sai lạc, trong mắt họ thế gian này không có người tốt, vì thế Bồ tát cứu giúp họ cũng gặp rất nhiều khó khăn. Phải vận dụng trí tuệ, phương tiện quyền xảo để thấu hiểu họ.

Thứ ba, tâm an vui thanh tịnh, nhạo có nghĩa là yêu thích, hoan hỷ. Muốn cho tất cả chúng sinh chứng quả bồ đề, mong tất cả chúng sinh thoát khổ, đó là nội dung câu trên, mong tất cả chúng sinh được vui, là nội dung câu tiếp theo. Cần giúp đỡ chúng sinh, hai loại người cực kì cần được giúp đỡ trong xã hội ngày nay: Một là trẻ em, hai là người già. Trong thời đại ngày nay, người già rất đáng thương. Nên biết rằng, ta tuy đang khoẻ mạnh nhưng không lâu sẽ phải già, nếu lúc trẻ không tỉnh thức thì về già sẽ thế nào? Trong quá khứ, con cái có nghĩa vụ phải cung phụng cha mẹ lúc về già, có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ lúc lớn tuổi, không thể không cung phụng, vì cung phụng cha mẹ là báo ân.

Xã hội hiện tại không coi trọng việc này, Trung quốc học theo các nước khác, không còn người cung phụng cha mẹ. Các quốc gia, mười sáu tuổi được xem đủ quyền công dân, tôi cũng có một thời gian khá dài ở Mĩ, thiếu niên mười sáu tuổi ở quốc gia này đã đủ quyền công dân. Có thể nói mười sáu tuổi là cha mẹ chúng có thể không ràng buộc chúng rồi, nó muốn đi đâu cứ đi, vì mười sáu tuổi là tuổi thành niên.

Khi tôi đang ở Mĩ, trong đạo tràng chúng tôi có một người Trung quốc đến tham dự khoá tu. Con của ông này bỏ nhà ra đi, ông đi báo cảnh sát, cảnh sát hỏi ông: Con bạn bao lớn? Mười tám. Mười tám tuổi mà ông còn quản lí nó ư? Mười sáu tuổi đã không còn chịu sự quản lí của gia đình, đằng này nó đã mười tám! Đây là xã hội Mĩ. Trên thực tế rất nhiều con cái, sau khi bỏ nhà đi, suốt đời không còn gặp lại cha mẹ. Cả một năm, tết nhất, nhận được thiệp chúc tết, họ vui khôn tả, anh xem, con cái hãy còn nhớ đến tôi. Bởi thế hoàn cảnh người già ở Mĩ rất đáng thương, cha mẹ nào không thương yêu con cái? Nhưng tiếc thay con cái không hiểu được lòng cha mẹ, không hiểu công ơn dưỡng dục của cha mẹ.

Người xưa có câu: Đến lúc bạn nuôi con mới hiểu được lòng cha mẹ. Nhưng người nước ngoài, đến lúc nuôi dạy con cái, họ vẫn không hiểu được công ơn cha mẹ, vì họ không có hệ thống luân lí, đạo đức, nhân quả, đó là tình cảnh xã hội ngày nay. Vì vậy chúng ta có thể đoán ra nguyên nhân biến động của xã hội hiện tại, chúng ta cũng thấy được nguyên nhân của những tai hoạ xảy ra trên địa cầu chúng ta đang sống và chúng ta cũng biết được phương pháp để phòng tránh. Nhưng khổ nỗi, một số người không tin, họ không tiếp nhận, nhà khoa học chỉ nghiên cứu trên phương diện vật lí, họ không hiểu tâm lí. Rất ít những nhà khoa học thực sự phát hiện, những hiện tượng vật lí là do ý niệm biến hiện ra, người am hiểu điều đó cũng không nhiều, không phải ai cũng nắm rõ. Ý niệm là nền tảng của tất cả vật chất, vậy nên rất có lí khi Phật nói cảnh tuỳ tâm chuyển, vừa có căn cứ khoa học, cảnh giới đúng là chuyển biến theo tâm.

Chúng ta giúp đỡ chúng sinh thoát khổ, đồng thời giúp họ được vui. Vừa rôi tôi đã đề cập, thứ nhất là trẻ em, nếu biết giáo dục, các bạn trẻ sẽ là nhân tài cho xã hội trong tương lai, khi người trẻ đã giác ngộ thì xã hội đã được cứu vãn. Nếu người trẻ vẫn còn mê lầm thì xã hội đó đã băng hoại. Hoàn cảnh người già đáng thương, nuôi dưỡng con cái, nhưng con cái lại bất hiếu, không đoái hoài đến cha mẹ, thậm chí không ngó ngàng đến cha mẹ ăn ở ra sao. Những hạng người như thế này thậm chí đang chiếm số đông trong xã hội ngày nay, họ ghét bỏ cha mẹ, coi thường người lớn tuổi, đây là việc làm đại bất hiếu! Những người này họ không hiểu biết, ta nói chuyện với họ, họ hoàn toàn không hiểu, họ không tiếp thu, bởi thế phần đông những người lớn tuổi lúc về già thường đến ở trong những viện dưỡng lão. Tôi đã có dịp tham quan rất nhiều viện dưỡng lão.

Trước đây, lúc tôi độ năm, sáu mươi tuổi, muốn tìm hiểu những nơi như viện dưỡng lão hay dạy trẻ. Bởi thế mỗi lần đến một quốc gia nào, nhất định tôi phải đến thăm những nơi như cơ sở phúc lợi cho người già, hay thăm viện dưỡng lão. Những năm đầu, hệ thống viện dưỡng lão ở Mĩ còn tạm được, tổ chức khá tốt. Lúc bấy giờ kinh tế Mĩ đang phát triển, nhưng nghe những năm gần đây đã bắt đầu tuột dốc. Công tác dưỡng lão ở các địa phương, chắc chỉ có Australia là ổn hơn cả, nhưng cũng chỉ tạm được về mặt vật chất, còn đời sống tinh thần thì hầu như vắng bóng, các cụ già làm gì ở đó? Mỗi ngày ngồi ăn chờ chết, tôi nghĩ tinh thần các cụ những nơi như ở viện dưỡng lão không bao giờ thấy thoải mái, vì sao? Vì họ không muốn nói chuyện, mỗi ngày ngồi đờ đẫn nơi đó, đúng như câu người Trug quốc thường nói: Ngồi ăn chờ chết.

Ở viện dưỡng lão hình như một hai ngày là có người mất, ngày nào cũng chứng kiến cảnh này, lại nghĩ một ngày không xa sẽ đến lượt mình, xoay vòng đến mình. Quý vị xem tâm lí các cụ nhiều đau khổ, nhiều buồn tủi như thế. Khi chúng tôi tiếp chuyện các cụ ở viện dưỡng lão, chỉ mới chào hỏi thôi các cụ đã hớn hở. Chúng tôi cũng thăm hỏi việc nuôi dưỡng các cụ, họ làm việc này cũng chỉ để kiếm tiền, họ xem đây như một ngành kinh doanh, không phải vì lòng nhân đạo, nó đã bị thương mại hoá. Liệu có tiết mục nào để giúp vui cho các cụ không? Họ trả lời có, nhưng mỗi tuần một lần, hoặc một tháng hai lần. Họ đưa học sinh của một số trường học đến đây múa hát, an ủi người già, nhưng rất nhiều các cụ không muốn xem, không muốn tiếp xúc, nguyên nhân do đâu? Các tiết mục đó không phù hợp với các cụ, không muốn xem bọn nhỏ nhảy múa, không muốn nghe bọn nhỏ hát hò, đây là hình thức tổ chức của viện dưỡng lão ở Trung quốc.

Tôi đã có dịp nói với họ, không những các cụ không muốn xem mà tôi cũng thế. Nghe tôi nói họ ngớ người, vì sao? Thời đại các cụ sống, bạn nên đưa các tiết mục ca múa ngày xưa các cụ khi còn trẻ vẫn thường nghe để biểu diễn thì họ bằng lòng ngay. Họ nói những bài này tôi đã từng nghe và hát từ hồi bé, nhưng sao bây giờ nghe có vẻ lạ quá. Nhưng họ không nghĩ, bạn đem nhưng bài hát cũ từ hơn năm mươi năm trước hát lại cho các cụ nghe là họ thích ngay, họ muốn nghe đến độ không đi nghe không chịu được. Nếu bạn chọn thứ nhạc quen thuộc hiện nay họ không thể nghe được, rất ghét. Giống như cách ăn uống, nếu mang những thứuc ăn hợp khẩu vị thì các cụ thích ngay, khổ nỗi là không ai chịu nghĩ.

Vì thế công việc này rất quan trọng, tôi đã từng nói với họ: Các bạn theo nghiệp săn sóc người già, đây là gì? Là một việc làm rất to tát, là việc làm của thánh thần. Họ không hiểu, hỏi lại tôi: Sao thầy lại nói như vậy? Tôi trả lời, nếu ngày thường người già sinh hoạt không vui vẻ, tâm lí u uất, bực bội, quý vị biết chăng? Khi chết họ sẽ rơi vào ba đường ác. Nếu chúng ta tạo cho họ một cuộc sống an lành, thoải mái lúc tuổi già, mỗi ngày cười nói vui vẻ, khi mất họ sẽ được sinh lên các cõi trời, hoặc sinh trở lại làm người. Nói chung, bạn đã đưa họ từ địa ngục lên thiên đường, đó là việc làm của ai? Đó là công việc của Thượng đế, chứ không phải người bình thường có thể làm được. Nếu bạn làm tốt công việc này, giúp đỡ những người già vui vẻ để sau khi chết được sinh lên các cõi trời, thì tương lai các bạn sẽ về đâu? Bạn cũng được sinh lên các cõi trời, làm thiên thần. Quý vị không phải là người phàm, theo như cách nói nhà Phật thì bạn là Phật, Bồ tát.

Đây là một công việc rất tuyệt vời, quá vĩ đại, giúp đỡ người không rơi vào ác đạo. Quả báo quý vị chắc chắn sẽ thành Phật, sinh lên cõi trời. Đây là một công việc rất khó được, quý vị đã có nhân duyên để thực hiện, nên cố gắng làm thật tốt vì đây là một công việc rất vĩ đại. Ít người am hiểu, làm sao để thực hiện cho viên mãn? Thật như cổ nhân nói: Con hiền cháu thảo. Quan trọng nhất là viện trưởng của viện dưỡng lão, người này phải chỉ đạo mới có thể thực hiện được, người lãnh đạo phải là người có hiếu đạo, thì những nhân viên thuộc cấp mới noi gương được. Nếu ông ta không làm mà bắt người khác làm, không làm được, không thể đạt được hiệu quả, ông ta nhất đinh phải làm gương.

Trong bất cứ một tổ chức nào thì người lãnh đạo là nhân vật quan trọng, tất cả thành công hay thất bại nằm trong tay người này. Như một gia đình, gia trưởng là nhân vật chủ chốt. Trong một công ty, thì giám đốc là nhân vật chủ chốt. Trong một khu vực, thì người cầm quyền là nhân vật chủ chốt. Người xưa có câu: Một người có phước thì cả thiên hạ được phước, nhưng quan trọng người đó là ai? Cá nhân người đó là người đứng đầu, lãnh đạo.

Vì vậy cứu khổ ban vui chính là đại từ đại bi, đây chính là bồ đề tâm, là tha thọ dụng của bồ đề tâm. Muốn cho tất cả chúng sinh chứng quả bồ đề, nhiếp độ chúng sinh sanh đến nước này, đó là những lời trong Tịnh tông. Quý vị phải giúp những chúng sinh này sinh qua thế giới Cực lạc, tại sao? Vì bồ đề là nơi thường lạc rốt ráo. Mãi mãi an vui, mãi mãi không chịu khổ não, chỉ có thế giới Cực lạc, đây là Tịnh tông nói về tâm bồ đề.

Nếu không đưa tất cả chúng sinh đến nơi cứu cánh thường lạc, tức là trái với tông chỉ bồ đề. Nếu quý vị không có tâm giáo hoá chúng sinh được an vui tuyệt đối, mãi mãi, là quý vị đã làm trái với bồ đề tâm của mình. An vui tuyệt đối đó nhờ vào đâu để có? Phải nương vào đại nghĩa môn, đây là một công việc không dễ thực hiện. Làm sao để có được an lạc tuyệt đối? Nó không có mặt trong thế gian này, thế gian này, trong các kinh điển, Phật Thích ca mâu ni đã cho chúng ta biết, đây là thế giới đầy rẫy những khổ đau, ba loại khổ chính đó là: Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Tam giới đều khổ, không có niềm an lạc đích thực. Vậy thì an lạc thực sự nằm ở đâu? Ở thế giới Cực lạc.

Muốn có niềm an lạc thực sự phải tìm đến Phật A di đà, vì thế trong này đề cập: Nương vào đâu để có an lạc mãi mãi? Phải nương tựa vào đại nghĩa môn. Đại nghĩa môn là quốc độ an lạc của Phật Di Đà. Người Trung quốc nói về nghĩa, ý của chữ nghĩa này là hợp tình, hợp lí, hợp pháp, nó không mang nghĩa thông thường, là đại nghĩa! Mà phải đầy đủ tình, lí, pháp. Đây chính là việc khuyên chúng sinh nên tu Tịnh độ, giới thiệu thế giới Cực lạc cho tất cả mọi người, đó chíng là đại nghĩa.

Đầu tiên là khiến cho chúng sinh nhận thức được thế giới Cực lạc, khi hiểu rõ thế giới Cực lạc họ sẽ sinh tâm hoan hỉ, họ sẽ tin tưởng chắc chắn, muốn về đó, lúc đó bạn mới dạy cho họ phương pháp. Cơ bản nhất là tụng đọc kinh sách, tụng đọc bằng cách nào? Chuyên đọc tụng một bộ kinh, không được lan man, cũng đừng tham lam đọc nhiều, vì sao? Đọc tụng nhiều thứ thì tâm bạn sẽ không chuyên nhất, cứ bộ kinh Vô lượng thọ, ngày nào cũng tụng, đọc xong lần một đến lần hai, lần hai xong đến lần ba. Người xưa nói: Đọc sánh nghìn lần, tự thấy nghĩa lí của nó. Nếu đọc được nghìn lần thì chắc chắn niềm tin của bạn không thể thay đổi, bạn sẽ nhất tâm nhất ý cầu sinh Tịnh độ, bạn không còn suy nghĩ đến những việc khác nữa.

Chỉ với tâm niệm kiên quyết này, thì khi bạn vừa phát tâm Phật A Di Đà liền biết ngay. Quả báo, giống như Bồ tát Đại thế chí đã nói: hiện tiền hay tương lai nhất định sẽ thấy Phật, quý vị sẽ thấy Phật A di đà, sẽ thấy thế giới Cực lạc, liệu liệu có thể không tin? Vào thời Đông Tấn, đại sư Huệ Viễn là tổ sư thứ nhất tông Tịnh độ. Qua những ghi chép về ngài, chúng ta thấy được, ngài đã ba lần thấy thế giới Cực lạc, nhưng ngài chưa hề nói với ai về những chuyện đó. Khi vãng sinh ngài lại thấy, lúc này ngài mới cho mọi người biết và nói ngài sẽ đi, nhân đó, nói cho mọi người biết chuyện ngài đã ba lần thấy thế giới Cực lạc rồi, bây giờ thế giới Cực lạc lại hiện ra nữa, Phật A di đà đang đến tiếp dẫn tôi. Trong hội tu Tịnh độ cũng rất nhiều người vãng sinh trước ngài, rất nhiều người đi cùng Phật A di đà đến đón ngài. Những người đồng tu hỏi ngài: Hình dáng của thế giới Cực lạc ra sao? Ngài đáp: Hoàn toàn giống những gì đã được mô tả trong kinh Vô Lượng Thọ, vậy có điều gì không thật đâu? Việc đại sư Tuệ Viễn vãng sinh là một chứng cứ cho tất cả chúng ta, đấy là một sự vãng sinh có thực, không phải vãng sinh mơ hồ. Ba lần trước và lần cuối cùng khi mất đều được coi là thấy Phật trong hiện tiền, sau khi vãng sinh là tương lai sẽ thấy Phật, “Hiện tiền, đương lai nhất định thấy Phật”.

Vì thế khiến họ nhất tâm chuyên chí, nguyện sinh sang nước đó, là vì muốn chứng bồ đề vô thượng vậy. Sớm thành tựu, sớm chứng đắc, đây không phải là bồ đề bình thường mà là vô thượng bồ đề, thành Phật, quả vị Như lai. Bằng cách nào? Nhất tâm chuyên niệm. Trong câu này nói là nhất tâm chuyên chí, nhưng trong kinh này gọi là nhất hướng chuyên niệm. Chỉ cần mong muốn như vậy còn những mong muốn khác không cần, con mong sinh về thế giới Cực lạc ở phương Tây và ở luôn bên đó, sống một đời sống đơn giản, thanh thản, buông bỏ tất cả mọi thứ, không đi nơi nào khác. Tâm thái như thế, chúng ta phải hỏi liệu họ có sợ thiên tai hay không? Nếu lúc này có ngừoi bảo với anh ta tai nạn sắp xảy ra, thì anh ta vẫn điềm nhiên, vì sao? Trong lòng anh ta lúc nào cũng muốn sinh về Tịnh độ, cho dù tai nạn có đến nữa thì càng đúng lúc. Với tai nạn trước mắt, anh ta đã không ngại, không hoảng loạn, cứ như không. Vì sao anh ta không sợ? Trong lòng anh ta chỉ có Phật A di đà, Phật A di đà gia trì, bảo hộ cho anh ta. Nếu có cộng nghiệp thì anh ta vẫn vãng sinh, nếu không có cộng nghiệp thì anh ta được ở lại, ở lại để làm gì? Ở lại để cứu giúp những chúng sinh khổ nạn, anh ta là một vị Bồ tát, anh ta cần phải cứu chúng sinh.

Tất cả những gì đã nói, đó là tuỳ thận tâm bồ đề và làm trái tâm bồ đề, chính là để làm rõ những khác biệt của việc phát tâm. Phần trước chúng ta đã nói ba thứ trái với tâm bồ đề, ba thứ tuỳ thuận tâm bồ đề, để cho chúng ta phân biệt được hai mặt trái và thuận của sự phát tâm. Phàm những người phát tâm bồ đề để tu tập tịnh nghiệp, phải để tâm cứu xét. Hội là lãnh hội, cứu là tham cứu, luôn luôn kiểm điểm, tự vấn lòng mình, liệu ta đã đi ngược với tâm bồ đề hay chưa? Hay ta đã đi đúng với tâm bồ đề?

Phần tiếp theo: Đừng bao giờ đi trái với tâm bồ đề, làm trái bổn nguyện, làm như thế là sai lầm, bạn tự ngăn đường đến Cực lạc của mình, tự mình chướng ngại mình vãng sanh. Cả một đời tu, cuối cùng lại rơi vào luân hồi lục đạo, việc này có quan trọng chăng? Quan trọng, vì sao? Ta đang ở đây, bạn hãy thử nhìn xem, rất nhiều người bạn đồng tu của ta, sao họ không thể vãng sinh? Điều này đã hai năm rõ mười. Tất cả những khởi tâm, động niệm, lời ăn tiếng nói, hành động của họ đề trái với tâm bồ đề, đó chính là nguyên nhân để họ không thể vãng sinh. Chúng ta không thể không chú ý vấn đề này, chúng ta không thể không biết, nếu ta phạm phải thì sau này ta cũng sẽ không được vãng sinh. Trách sao được người khác, điều này phải tự trách bản thân, người khác không ngăn được ta. Khi ta niệm Phật cầu vãng sinh, thì không thể ai có thể ngăn cản được, yêu ma quỉ thần cũng không ngăn được, oán thân trái chủ cũng không ngăn được, vậy ai ngăn được? Tự ta ngăn ta, đây là điều có thật. Tất cả yêu ma, quỉ quái, oán thân trái chủ đều khiêu khích ta, để ta tự ngăn cản chính mình. Nếu ta không tự ngăn mình thì tất cả những người đó không làm gì được mình, chúng ta không thể không nắm rõ điều này. Chúng ta học tâm bồ đề đến đây, tiếp theo là phương pháp tu tập.

Nhất hướng chuyên niệm A di đà Phật, kinh Vô lượng thọ đã hướng dẫn phương pháp cho chúng ta, trong hai câu. Nhất hướng chuyên niệm, một là phương hướng, một là mục tiêu. Phương hướng đó là thế giới Cực lạc ở phương Tây, mục tiêu là thân cận Phật A di đà, thực hiện được hai việc đó là chúng ta đã thành công. Quí vị xem, phát được tâm bồ đề, có thể nhất hướng chuyên niệm A di đà Phật, chắc chắn người này sẽ vãng sinh. Khi sinh sang thế giới Cực lạc ở phương Tây, chắc chắn sẽ thành Phật, công đức tròn đầy. Quyết tâm buông bỏ thế giới này, đừng tham nhiễm thì nhất định sẽ thực hiện được. Di Đà Yếu Giải viết: Trong tất cả các phương tiện, con đường nhanh đến và rốt ráo, không gì hơn niệm Phật để cầu sinh Tịnh độ, đây là lời của đại sư Ngẫu Ích. Tất cả phương tiện là gì? Đó là giáo lí Đại thừa, tám vạn bốn nghìn pháp môn. Trong tám vạn bốn nghìn pháp môn đó, nếu muốn tìm con đường ngắn nhất, là gì? Ngôn ngữ ngày nay gọi là không đi đường vòng. Đi thẳng, có nghĩa là nhanh nhất, đến được viên đốn, không những nhanh nhất mà còn đường thẳng nhanh nhất, lại còn viên mãn đốn siêu.

Pháp môn viên đốn, là pháp môn đứng đầu trong giáo lí Đại thừa. Đây là pháp môn gì? Không có pháp môn nào sánh được pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Đó là phương pháp nhanh nhất, thành tựu được ngay trong kiếp này. Người thật sự thực hành\_trong kinh Di đà nói: nếu một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày là sẽ thành công, đây là một sự thực. Trong tác phẩm Tịnh độ Thánh hiền lục, chúng ta đã thấy những chuyện nói về vãng sinh, ngay trong đời sống này, chúng ta cũng thấy một số trường hợp.

Khi đang ở tiểu bang Maryland của Mĩ, cách thủ đô không xa, tôi gặp ông Châu Quảng Đại, chủ một tiệm bán bánh bao, ông là không có tín ngưỡng tôn giáo, mắc bệnh ung thư. Bác sĩ cho rằng không có phương cách nào cứu chữa được và cho người nhà đưa về. Lúc này mọi người mới nghĩ đến cách cầu Phật, cầu thần, cầu tiên, mong phép mầu xuất hiện. Mọi người đến chỗ tôi, lúc bấy giờ chúng tôi đang ở Maryland để thành lập hội Phật giáo, gọi là Hoa phủ Phật giáo hội, hội vừa mới ra mắt, họ thỉnh tôi làm hội trưởng.

Khi họ đến tìm, họ thưa rõ mọi chuyện, họ là những người Trung quốc. Lúc đó chúng tôi có độ hai ba người, chúng tôi rất hăng hái đến thăm ông ấy, vừa đến nơi, quả thực tình trạng ông ấy là không thể cứu chữa. Chúng tôi đành khuyên thẳng với ông là nên niệm Phật để cầu sinh thế giới Cực lạc, chúng tôi giảng cho ông ấy nghe về những gì tốt đẹp ở thế giới Cực lạc. Vừa nghe ông ấy đã rất vui mừng, đây chính là thiện căn, ông ta vừa nghe liền tiếp thu, bạn xem, ông ta là người không có tôn giáo, vừa mới gặp mà ông ta đã tin. Ông nói với người nhà đừng tìm đến bác sĩ nữa, đừng mong bệnh tôi sẽ được chữa khỏi, mọi người hãy niệm Phật, giúp tôi vãng sinh thế giới Cực lạc.

Niệm Phật được ba hôm thì ông ta vãng sinh, thực sự vãng sinh, tướng tốt thật hiếm thấy. Trong kinh đã nói nếu một ngày, hai ngày, ba ngày. Một người chưa bao giờ biết đến Phật giáo, khi được giới thiệu liền vui vẻ đón nhận, tin tưởng, phát nguyện. Niệm Phật ròng rã trong ba ngày đêm, mười mấy người đồng tu chúng tôi liên tục giúp ông niệm Phật, chúng tôi đặt hết niềm vào kinh Di đà, vì chúng tôi đã chứng kiến.

Còn về trong tất cả pháp môn niệm Phật, mong cầu rất đơn giản. Đơn giản, dễ thực hiện, đơn giản nhất và dễ thực hiện nhất. “Chí ổn đương giả”, an ổn nhất. Không gì hơn tín nguyện chuyên trì danh hiệu, niệm danh hiệu Phật A di đà. Lại nói, A di đà Phật là vạn đức hồng danh, lấy danh để gọi đức, không lúc nào hết, ý câu này rất sâu sắc. Tuy thâm thuý, nhưng tôi tin những người đồng học có thể hiểu được, có thể đón nhận được, vì sao? Vì chúng ta đã nghe, đã học tập trải một thời gian dài. Chúng tôi khẳng định, không chút hoài nghi, rằng, danh hiệu A di đà Phật, đích thực là vạn đức hồng danh. Triển khai danh hiệu này, chính là kinh giáo do tất cả Phật Như Lai trong ba đời mười phương nói ra. Một câu có thể bao hàm tất cả, câu danh hiệu này cũng thu nhiếp đầy đủ tám vạn bốn nghìn pháp môn, vô lượng pháp môn. Quý vị niệm một câu A di đà Phật là có thể niệm được tất cả Phật pháp, không sót điều nào. Niệm một câu A di đà Phật là có thể niệm được vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong ba đời mười phương, tất cả đều có mặt trong đó, hai cuốn lớn nhỏ đều nói đến.

Chư Phật mười phương khen ngợi Di Đà, mười phương chư Phật xưng Phật A Di Đà là, Cực tôn trong các thứ ánh sáng, vua của các Phật. Mười phương các Phật Như lai không ai là không khuyên chúng sinh, niệm Phật cầu sinh thế giới Cực Lạc ở phương Tây, quả thật không đáng nễ sao? Sự thù thắng không gì sánh được của việc niệm một câu A di di đà Phật, quả là không thể nghĩ bàn. Lấy danh chiêu đức, dùng danh hiệu này để tìm cầu các thứ công đức. Đức ở đây bao gồm tu đức, tánh đức. Tu đức, tánh đức thường đến, nói cách khác, bạn đã viên mãn rồi.

Vì thế chấp trì danh hiệu là chánh hạnh, người tu nhất định phải nắm rõ, ta chỉ niệm Phật, chỉ một câu danh hiệu Phật, không cần phải tham cứu hay quán tưởng. Vì niệm Phật có bốn loại: Quán tưởg niệm Phật, quán tượng niệm Phật, thật tướng niệm Phật, tất cả những thứ này đều không cần, chỉ trì danh niệm Phật. Khi đã niệm đến độ tương ưng thì ta được cả bốn thứ niệm Phật. Tham cứu là Thiền tông, giáo môn, không cần đến. Quý vị chỉ cứ một câu danh hiệu Phật mà niệm, bạn xem cực kì đơn giản\_Đơn giản nhất, dể dàng nhất. Con đường ngắn nhất, đó là con đường nhanh nhất để bước lên quả vị Phật. Đó không phải Bồ tát đạo, không phải Thanh văn đạo, không phải duyên giác đạo, lại càng không phải Thiên đạo, đó là con đường bước lên quả vị Phật. Là con đường viên mãn rốt ráo của tất cả pháp thế gian và xuất thế, ta có thể không tu sao? Ta không cố gắng để thực hiện sao?

Tu tập 60 năm, tôi đã tin, càng học càng tin, càng học càng không nghi ngờ, càng học càng vững vàng. Thậm chí, trước đây, tôi còn muốn học tấm gương đại sư Liên Trì, đại sư Liên Trì là một người học rộng biết nhiều. Về cuối đời ngài buông bỏ tất cả, chỉ còn lại một bộ kinh Di đà và một câu A di đà Phật. Tôi cũng muốn buông bỏ tất cả, cả đời học một bộ kinh, nhưng lúc đó thầy tôi vẫn chưa truyền bộ kinh đó cho tôi mà truyền cho tôi cuốn Di đà kinh yếu giải. Tôi muốn cả đời chỉ học và giảng Yếu giải, sau này thầy truyền bộ kinh này, thấy nó, tôi mừng lắm. Thôi giảng kinh Hoa nghiêm, mặc dầu đã giảng được một nửa, tôi tập trung vào giảng kinh Vô lượng thọ, được mười lần.

Ban đầu tôi muốn cả đời mình sẽ tập trung giảng mỗi bộ kinh này, nhưng gặp ba người, thứ nhất là pháp sư Khai Tâm, người Đài Nam, Đài loan, đã vãng sinh. Mỗi lần gặp đều khuyên tôi giảng kinh Hoa nghiêm, khẩn thiết lắm. Ngài bảo tôi: Nếu thầy không giảng kinh Hoa nghiêm, sợ sau này không có ai giảng nữa, tôi cảm kích lắm nhưng vẫn không nao lòng. Lần thứ hai gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tại Bắc Kinh, ông cũng khuyên tôi giảng kinh Hoa nghiêm, ý cũng giống pháp sư Khai Tâm, tôi vẫn không biến chuyển. Cuối cùng, trước khi Hàn Quán Trưởng vãng sinh hai hôm, khẩn thiết mong tôi giảng một lần Hoa nghiêm, thu đĩa cho những người sau tham khảo. Lần này tôi đồng ý với hi vọng bệnh bà sẽ thuyên giảm, nhưng không ngờ hai hôm sau bà vãng sinh.

Do ba vị đại đức cầu thỉnh, vì thế tôi ở tại Singapore mấy năm, cùng chuyện trò với cư sĩ Lí Mộc Nguyên, cư sĩ Lí Mộc Nguyên rất mừng, thay mặt ba vị đại đức cầu thỉnh. Còn xây hai ngôi tháp, tháp Hoa nghiêm để đánh dấu lần giảng kinh Hoa nghiêm. Chúng tôi giảng đến hơn bốn nghìn giờ, được độ khoảng 1/4, còn lại ¾. Tính theo cách giảng của tôi, thì phải mất hai mươi nghìn giờ mới xong, đó là một bộ kinh rất lớn.

Thanh minh năm ngoái, thấy tai nạn ngày càng xảy ra nhiều hơn, và nghiêm trọng hơn, vì thế chúng tôi quyết định tạm ngưng việc giảng kinh Hoa nghiêm để giảng bộ kinh này, vì sao? Cứu nạn. Đây là bộ kinh cực kì đơn giản, dễ thực hiện, là con đường ngắn nhất, viên đốn. Chỉ cần tín nguyện trì danh là có thể cứu chính mình, cứu xã hội, cứu quả đất. Tính toán, giảng bộ kinh này mất độ một nghìn hai trăm giờ, đến giờ này chúng ta đã sắp được tám trăm giờ. Nếu giảng xong bộ kinh này mà Phật A di đà vẫn chưa đến tiếp dẫn, tôi sẽ tiếp tục giảng bộ Hoa nghiêm. Nếu giảng lại kinh Hoa nghiêm, tôi sẽ không theo lối giảng trước, mà chỉ chọn lọc một số đoạn quan trọng nhất trong bộ Hoa nghiêm để giảng. Những đoạn thông thường, chỉ cần đọc là hiểu chúng tôi sẽ không nói nữa, chỉ giảng những đoạn đặc sắc, như thế chúng ta có thể rút ngắn thời gian.

Viên Trung Sao viết: Những gì trong kinh dạy. Kinh ở đây là Kinh A Di Đà do đức Phật nói, người phàm phu mới phát tâm, nói được là có thể niệm được, có miệng là bạn có thể niệm. Xưng tức là đọc ra, có tâm là có thể niệm, đây nói về trong tâm có Phật, miệng đọc ra tiếng, danh hiệu Phật. Đều có thể tu được, đây là nói về sự dễ dàng. Những người phàm phu mới phát tâm, giống như chúng ta gặp ông Chu Quảng Đại, đây gọi là phàm phu mới phát tâm. Trước khi mất ba ngày mới được nghe, có nghĩa là trước khi mất ba ngày mới tiếp xúc với niềm tin tôn giáo, gặp được Phật giáo, gặp được Tịnh tông, chúng ta nói về pháp môn niệm Phật, ông ta liền tiếp thu, tin theo, đều có thể tu được.

Nên biết những điều kinh này dạy, là cực kì đơn giản và dễ dàng\_Pháp môn dễ nhất, giản đơn nhất. Nếu chấp trì danh hiệu, không kể rảnh rang hay bận bịu, không kể động tịnh, đi đứng nằm ngồi, đều có thể tu được, đoạn này muốn nói gì? Phương pháp tu tập, rất đơn giản. Không kể cuộc sống hàng ngày của quý vị bận bịu hay rảnh rang, không kể động hay tịnh, quý vị ngồi để niệm Phật, niệm Phật khi đang đi, hay tản bộ cũng được, bất cứ thời gian nào hay nơi chốn nào. Chỉ cần không suy nghĩ, không phải vấn đề suy nghĩ, thì có thể niệm được hết. Trừ phi ngủ, suy nghĩ thì có thể không niệm, còn lại lúc nào cũng có thể niệm, đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm.

Quý vị niệm khi nằm nghỉ thì không cần thành tiếng, cứ niệm thầm, bởi vì khi nằm mà niệm thành tiếng thì tổn khí, ảnh hưởng đến sức khoẻ. Nằm trên giường chỉ nên niệm thầm là tốt nhất, quý vị thấy thấy đơn giản không. Nên biết những gì kinh này dạy, kinh Di đà đã khai thị cho chúng ta. “Nãi chí tiệp”, tiệp là nhanh, không có pháp môn nào có thể thành công nhanh hơn. “Ngắn nhất”, ngắn là đường tắt, là con đường ngắn nhất cho người phàm phu thành Phật, qúy vị có thể thành công bằng con đường ngắn nhất. Pháp tức phương pháp, môn là con đường, là con đường, pháp môn nhanh nhất, ngắn nhất, phương pháp thành Phật, con đường thành Phật.

Pháp môn xưng danh hiệu, đây chính là niệm danh hiệu Phật A Di Đà, đây là một pháp tu. Không kể hiền hay ngu, không luận nam hay nữ, người giàu kẻ nghèo, dù sang hay hèn, đều có thể tu. Nó không lựa chọn, đó là pháp bình đẳng, bạn là thánh hiền cũng được, bạn là người ngu si không sao, nam cũng được, nữ cũng tốt. Bần cùng cũng tu được, giàu sang cũng có thể tu. Sang là người có địa vị xã hội, hèn là người dân đen, không kể giàu nghèo sang hèn đều có thể tu, tìm đâu ra một pháp môn như thế! Nếu tất cả tám vạn bốn nghìn pháp môn đều chỉ cần những điều kiện như thế, thì rất nhiều pháp môn phải bị đào thải, chỉ có trì danh niệm Phật là đầy đủ nhất.

Nên biết những điều kinh này dạy, kinh ở đây là tiểu bổn Kinh Di Đà. Đương nhiên tiểu bổn như vậy, thì đại bổn cũng không ngoại lệ. Đại bổn, tiểu bổn đều là một bộ kinh, một bên nói rất đơn giản, một bên nói chi tiết. Với phần tử trí thức, những người ngày nay thì chi tiết hơn, nếu không nói chi tiết sợ họ không hiểu, không thể tiếp thu. Kinh Di đà có thể dẫn dắt những người có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Còn đối với những người phước đức, thiện căn ít hơn một chút thì có kinh Vô Lượng Thọ, khi nghe kinh Vô Lượng Thọ, những người này sẽ tin ngay.

Là pháp môn thu nhiếp rộng nhất, nhiếp thọ chúng sinh. Có thể nói đây là đương cơ của pháp môn này, phù hợp với những người đủ điều kiện tu pháp môn này, rất nhiều. Có thể không tìm ra một người, tìm không ra người không phù hợp với một pháp môn như thế, ai cũng có thể tu, ai cũng có thể vãng sinh, ai cũng có thể thành Phật ngay trong đời này, có thể tìm được không! Rất khó, điều này chúng ta không thể không biết, chúng ta không thể không cố gắng học tập. Các pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn khác, không chắc chắn thành tựu, chỉ duy nhất pháp môn này thôi, đúng như lời pháp sư Thiện Đạo nói: vạn người tu thì có vạn người vãng sinh, chúng ta phải tin câu nói này. Chỉ cần không làm trái với tâm bồ đề, bạn phải tuỳ thuận tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm thì nhất định bạn sẽ thành công. Trong tất cả các kinh, các pháp môn, nếu nói đến nhiếp cơ, thực sự thực hiện được rộng lớn nhất, chỉ có bộ kinh này, ngoài bộ kinh này ra, bạn không tìm thấy ở bộ thứ hai.

Thời gian không cho phép, hôm nay chúng ta kết thúc ở đây.

**Hết tập 399**

# Tập 400

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:07.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh giải, trang 500. Chúng ta bắt đầu xem từ câu thứ hai, dòng thứ nhất. Nội dung đoạn này là: Chuyên tâm nhất niệm A di đà Phật.

Lại nữa, nếu chấp trì danh hiệu, không cứ rảnh hay bận, không kể động hay tịnh, đi đứng nằm ngồi, đều có thể tu được. Nên biết những điều kinh này dạy, đó là pháp môn ngắn nhất, nhanh nhất. Đọan này nói đến sự thù thắng của pháp môn niệm Phật, phần chú giải kinh này nói rất nhiều, rất sâu sắc, như chúng ta đã biết. Bây giờ chúng ta phải niệm danh hiệu Phật này như thế nào mới như pháp, mới thực sự có công hiệu, đây là điều tất cả cá nhân những người đông tu niệm Phật muốn hiểu. Công dụng của việc niệm Phật là nhớ nghĩ chân tâm của chúng ta, vậy thế nào là chân tâm? Đó là bồ đề tâm như chúng ta đã giảng phần trước. Phần đề kinh đã nói rõ, đó là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác mà không mê. Giác mà không mê là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nếu có thể niệm đến độ giác mà không mê, thì công phu đó, theo như Tịnh tông, đó là lý nhất tâm bất loạn. Niệm đến mức thanh tịnh, bìng đẳng, đó là sự nhất tâm bất loạn.

Người thực hiện được như thế thì chắc chắn sẽ vãng sinh, nếu như không thể đạt đến mức độ như vậy, ít nhất chúng ta cũng niệm cho đến công phu thành phiến, thế nào là công phu thành phiến? Đó là công phu ở mức độ thấp nhất trong nhất tâm bất loạn, vẫn có hiệu quả, có nghĩa là vẫn được sinh Tịnh độ, khi sinh Tịnh độ thì sẽ thân cận Phật A di đà, ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc vô thượng bồ đề, có nghĩa là đời này sẽ thành Phật, đây là mục đích của việc niệm Phật.

Làm sao để niệm đạt đến trình độ có thanh tịnh tâm trong hiện tiền? Một số người bình thường niệm Phật hay hấp tấp, vì trong lúc niệm Phật thấy có nhiều tạp niệm, công phu không sâu, nhiều vọng tưởng, nhiều suy nghĩ, cách rất xa tiêu chuẩn của việc niệm Phật, mà Bồ tát Đại Thế Chí dã dạy cho chúng ta trong kinh Lăng Nghiêm. Bồ tát Đại Thế Chí là vị Bồ tát nhờ niệm Phật mà thành Phật, ngài tu tập pháp môn niệm Phật. Như những gì trong kinh đã dạy cho chúng ta: Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Ngài đã tu tập thành công pháp môn này, thành tựu trong tám chữ đó, ngài đã dạy cho chúng ta: Nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong pháp môn niệm Phật.

Nhiếp cả sáu căn có nghĩa là thu hồi tất cả vọng niệm lại một chỗ, dứt khoát không có vọng niệm trong lúc niệm Phật, phải thu nhiếp tất cả sáu căn. Tịnh niệm liên tục, nghĩa là dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật, mỗi tiếng, mỗi tiếng không gián đoạn, đó mới gọi là chân niệm Phật. Mới nghe qua ta thấy câu này rất dễ thực hiện, nhưng đến lúc bắt tay làm mới biết độ khó của nó. Vì thế Bồ tát Đại Thế Chí mới hiện thân thuyết pháp, đến thế giới chúng ta đang cư trú, ai biết? Rất nhiều người đồng học biết. Vị tổ thứ 13 Tịnh tông, lão pháp sư Ấn Quang ở núi Linh nhạc, là hiện thân Bồ tát Đại Thế Chí xuất hiện trong thời đại này, cách chúng ta độ sáu, bảy mươi năm, không thể xem là quá xa. Suốt đời ngài tu pháp môn niệm Phật, niệm bằng cách nào? Chúng ta có thể bắt chước được cách niệm Phật của ngài, như những gì Bồ tát Đại Thế Chí đã dạy, đó là “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”. Cách làm rất đơn giản, chỉ cần có lòng kiên nhẫn, bền lòng để niệm.

Ở đây nói không kể bận hay rảnh, không cứ động hay tịnh, đi đứng nằm ngồi đều có thể tu được, lúc nào cũng có thể tu. Niệm Phật khi nằm trên giường, được, cũng có thể tu, nhưng khi ngủ ta không nên niệm thành tiếng, vì làm như thể sẽ tổn khí, ảnh hưởng đến sức khoẻ. Tốt hơn hết, khi nằm ta nên niệm thầm, không để thành tiếng, song nhất định phải tuân thủ phương pháp này, nghĩa là danh hiệu Phật có được từ trong tâm, trong tâm đã có Phật, có Phật A di đà. Tiếng niệm Phật phát ra từ miệng thì rõ ràng, vì vậy khi niệm Phật chúng ta không cần quá nhanh, cứ từ từ thì lúc đó bạn mới đạt đến niệm Phật tam muội.

Niệm nhanh quá thì tâm sẽ lan man, không định tĩnh được, mà phải định mới có trí tuệ. Tâm trí lan man chắc chắn là không thể được. Tổ Ấn Quang niệm Phật bằng cách từng chữ, từng chữ một. Chúng ta dùng bốn chữ A di đà Phật, A Di Đà Phật, mỗi chữ như vậy phải niệm cho rõ ràng, thật rõ ràng, rồi nghe lại thật rõ ràng, mình nghe tiếng niệm Phật của mình, nghe thật rõ ràng. Đến câu thứ ba thì không cần tràng hạt, vì dùng nó sẽ gây phân tâm, mà phải dùng tâm để ghi nhớ, tức là nhớ từ câu đầu tiên đến câu thứ mười. Khi niệm đến câu thứ mười bắt đầu niệm lại từ câu đầu tiên đến câu thứ mười, không cần niệm đến câu thứ hai mươi, ba mươi, không cần nhớ như vậy, khi còn sống tổ Ấn Quang đã dùng cách này, rất hiệu quả. Khi bạn niệm Phật sẽ không xen lẫn tạp niệm, không có những vọng niệm, càng niệm càng thấy vui, công phu sâu hơn, càng niệm thì tâm càng thanh tịnh.

Bồ tát Đại Thế Chí đã hiện thân và dạy chúng ta: Nhất hướng chuyên niệm A di đà Phật, đây gọi là nhất hướng chuyên niệm. Quan trọng nhất là cách đếm chữ, phải nhớ được tiếng niệm Phật của ta là tiếng thứ mấy, nghĩa là tiếng thứ mấy trong mười tiếng. Cứ niệm liên tục như thế, không cần hai mươi, ba mươi, bốn mươi, càng niệm bạn càng thấy vui, càng niệm, tâm bạn càng thanh tịnh, rất có ích trong việc dưỡng thần. Nói theo cách nói của thế gian là có thể dưỡng sinh, mạnh khoẻ sống lâu, tất cả những tạp niệm, phiền não trong tâm được gạt bỏ hết, chỉ tương ứng với mỗi tiếng A Di Đà Phật. Như những gì người xưa đã nói: Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật.

Chúng ta niệm ở đây, Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc có thể nghe được, đây là điều có thực, không phải giả, vì thế nó có tác dụng cảm ứng đạo giao. Nếu căn tánh nhanh nhẹn thì có thể niệm ba đến năm hôm, như Viên Thông Chương nói: Nhớ Phật, niệm Phật, ngay kiếp này hay tương lai nhất định sẽ gặp Phật. Có người khi ngủ mộng thấy Phật A di đà, có người trong lúc nhập định thấy Phật A di đà, những trường hợp thấy Phật như thế là Phật đang khích lệ bạn, giúp bạn có thêm niềm tin. Chúng ta nhất định không cầu thấy Phật, nếu đem tâm để cầu cũng không tốt, nếu đem tâm cầu ma mà được thì ma cũng sẽ biến thành Phật để đánh lừa bạn, bởi thế không nên cầu, cứ chân thành mà niệm, tự nhiên sẽ thấy. Khi cần khích lệ bạn, Phật A di đà sẽ hiện ra cho bạn thấy.

Thời Đông Tấn, đại sư Tuệ Viễn, tổ thứ nhất của Tịnh tông chúng ta, ở Lô sơn, Giang Tây, kiến tạo đạo tràng niệm Phật đầu tiên của Tịnh tông, đó là niệm Phật đường Đông Lâm, nay gọi là chùa Đông Lâm. Lần xây dựng đầu tiên của tổ sư là niệm Phật đường, cả thảy 123 vị đến tham học, những người ghi tên tham gia đều phát đại thệ nguyện: Nhất tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Tất cả những người này đều vãng sinh hết, quả là một điều kì diệu, vãng sinh đến thế giới Cực lạc có nghĩa là thành Phật. Đại sư đã mang tất cả 123 người bạn đồng tu đến thế giới Cực lạc làm Phật, là sự trang nghiêm không gì sánh được. Bản thân đại sư, khi sắp vãng sinh đã nói với tất cả những người đồng học: Ngày trước, trong niệm Phật đường, tôi đã ba lần thấy thế giới Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà. Lần này Phật lại đến, là lần thứ tư, tôi sẽ theo ngài về thế giới Cực Lạc, đây thực sự vãng sinh.

Những người đồng học thưa ngài: Hình dạng thế giới Cực Lạc thế nào? Ngài bảo: Không khác gì những thứ trong kinh mô tả. Những kinh điển Tịnh tông ở thời đại đại sư chỉ là bộ kinh Vô lượng thọ được dịch ra Trung văn, Hoa văn. Kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng tôi nghĩ được truyền đến Trung quốc nhưng vẫn chưa được dịch sang tiếng Trung. Chỉ một bản được lưu truyền ở Trung quốc thôi, đó là kinh Vô Lượng Thọ. Bởi thế bộ kinh mà sơ tổ mô phỏng để kiến lập đạo tràng Tịnh tông đó là kinh Vô Lượng Thọ, công án này chắn chắn không phải không có căn cứ. Đại sư Tuệ Viễn là vị sơ tổ đã chứng minh, niệm Phật để được sinh Tịnh độ là việc có thật.

Đây là pháp môn đến nhanh nhất, đến là đến chỗ cùng cực, nhanh nhất. Trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, chỉ pháp môn này là thành tựu ngay trong kiếp này.

“Chí kinh”, kinh là con đường gần nhất, pháp môn ngắn nhất, pháp môn nhanh nhất. Phần trước chúng ta đã nói, đây là pháp môn an ổn nhất, pháp môn dễ thực hiện nhất, mà lại là pháp môn thành tựu cao nhất, quả thật khó được! Nhưng ngay trong đời này ta đã gặp, nếu không tận dụng cơ hội này thì quả thật đời này để trôi một cách đáng tiếc! Trong tất cả pháp thế gian, xuất thế thì việc làm Phật là thiết thực nhất, chỉ có làm Phật là viên mãn, cứu cánh nhất. Ngay tại nơi này, Thế tôn đã giới thiệu cho chúng ta, cư sĩ Hoàng Niệm Lão đã giảng giảng chi tiết cho chúng ta, một việc rất khó gặp! Khi chúng ta vãng sinh thế giới Cực Lạc, mới hiểu được sự vĩ đại của ân Phật, mới thấy rõ sự đáng quí, thù thắng không gì sánh được Hội tập của Hạ Liên Lão, chú giải của Hoàng Niệm Tổ, lúc đó chúng ta mới biết ân và báo ân. Nếu không biết ân thì không thể báo ân, một khi đã tri ân thì nhất định sẽ báo ân. Ngày nay chúng đã biết ân đức đó rồi, làm sao để báo đáp? Y giáo phụng hành, quyết định vãng sinh Tịnh độ, đây là cách báo ân thiết thực nhất.

Chúng ta tiếp tục, *“xưng danh chi pháp”,* là phương pháp niệm Phật. Vừa rồi chúng ta đã nói, phương pháp của đại sư Ấn Quang là một phương pháp rất tốt, Không kể hiền hay ngu, nam hay nữ, giàu nghèo sang hèn đều có thể tu. Ai cũng có thể thành tựu, chỉ cần bạn quyết tu là bạn có thể thành tựu, công huân không thể kể hết. Nên biết những gì kinh này dạy, đây là pháp môn nhiếp cơ rộng rãi nhất, nhiếp thọ rộng rãi tất cả chúng sinh lục đạo, trong tất cả cõi nước chư Phật hư không biến pháp giới. Chỉ cần họ gặp được, cố gắng thực hiện, đặt lòng tin phát nguyện cầu sinh, thì không ai không thành tựu.

Liệu có cơ hội để gặp không? Tôi nghĩ chắc chắn sẽ gặp, vì sao? Tất cả chư Phật Như lai trong thập phương tam thế đều tuyên truyền giúp Phật A Di Đà. Quí vị xem, lần này khi Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế, đã giảng cho chúng ta kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Cả ba cuốn kinh này đều tập trung giới thiệu thế giới Cực Lạc, giới thiệu Phật A Di Đà. Lại nữa, khi đang tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã rất nhiều lần giới thiệu, luôn luôn giảng thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Đối với những kinh điển khác, ngài chỉ giảng một lần trong đời, không có lần thứ. Chỉ kinh này là nhiều lần tuyên truyền, sợ người đời sau không gặp được cơ duyên nên ngài mới giảng nhiều lần.

Kinh Di Đà dạy rất hay, không thể có ít thiện căn, phước đức, nhân duyên có thể sinh đến đó được, thiện căn là tin, hiểu được, nghe được. Phước đức là nỗ lực thực hiện, quyết tâm niệm Phật thì đó mới là người có phước. Duyên, tức nhân duyên, chúng ta đã gặp được, được làm người, là nhân duyên thứ nhất. Nghe Phật pháp là nhân duyên thứ hai, trong Phật pháp ta biết được Đại thừa, lại nghe được kinh A Di Đà, pháp môn Tịnh độ, nhân duyên như thế là đã tròn đầy. Chỉ cần tin, nguyện thì kiếp này chắc chắn bạn sẽ thành tựu.

Lại tác phẩm Du Tâm An Lạc Đạo viết: Danh hiệu chư Phật là tổng hợp vạn đức kết thành, chỉ cần nhất niệm để niệm danh hiệu Phật thì trong một niệm đó đã có đủ vạn đức. Theo những gì câu văn nói, danh hiệu chư Phật, chúng ta nên biết, chư Phật Bồ tát không có danh hiệu, vậy thì danh đâu ra? Danh hiệu Phật là tánh đức, thứ có đầy đủ trong mỗi chúng sinh, là tánh đức, nó vốn có. Có rất nhiều danh hiệu Phật, ta đã nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trong một bộ, gọi là kinh Vạn Phật Danh, trong đó ngài đã giới thiệu hơn một vạn hai nghìn danh hiệu Phật, là gì ở đó? Toàn là tánh đức của tự tánh chúng ta, không thể kể hết, chỉ nói sơ lược đã hơn một vạn hai nghìn, là tánh đức.

Danh hiệu Bồ tát là tu đức, nếu không tu tập, bạn làm sao thấy tánh? Tánh đức là phương hướng của chúng ta, mục tiêu của chúng ta. Tu đức là dạy chúng ta tu tập thế nào, chỉnh đốn những tư tưởng, hành vi sai trái của chúng ta, thì gọi là tu hành. Hành là hành vi, khởi tâm động niệm là hành vi của ý nghiệp, lời nói là hành vi của khẩu nghiệp, những gì thân thể tạo ra gọi là hành vi của thân nghiệp. Khi hành vi sai lầm, ta liền sửa đổi ngay những việc làm sai lầm đó, như thế gọi là tu hành. Nắm rõ hàm nghĩa của những thuật ngữ này ta mới đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

Từ tu đức ta hiểu được tánh đức, tu đức đi đôi với tánh đức, gọi là chứng quả. Kinh Hoa nghiêm nói rất cụ thể: *“Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”.* Chỉ cần ta thành tựu một trong vạn đức của Bồ tát là ổn, tại sao? Một đức đó đã bao hàm vạn đức, một là nhiều, nhiều là một, chỉ sợ bạn không thành tựu một trong số vạn đức đó thôi, nếu thành tựu một đức thì tất cả đều thành tựu. Giống như mạng Internet, điểm này thông thì tất cả đều có tín hiệu, vì thế học tâm, liệu có cần học nhiều thứ không? Không cần. Nếu bắt tay bằng con đường học rộng nghe nhiều, thì quy vị đã tự bỏ phí thời gian trong kiếp này, mà không có được một thành công nào, vì sao? Coi như bạn không có gì cả. Ta phải tu tập thế nào? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Nghĩa là trong tất cả các pháp môn, ta chỉ chọn một, khi đã được pháp môn đó rồi thì tất cả đều được, vì nó xuyên suốt với nhau.

Trong này nói, bạn xem danh hiệu chư Phật, bất cứ một danh hiệu Phật nào đều là sự kết thành của vạn đức, mỗi danh hiệu đại diện cho một đức. Nếu một đức thành tựu, thì đã thành tựu các đức của tất cả chư Phật, ta không thể không nắm vững vấn đề này. Nếu đã hiểu, những gì chúng ta đang học, về mặt phương pháp đã có sự nhầm lẫn, học quá nhiều khi mới bắt đầu. Chúng ta đã hiểu sai về nghĩa của chữ nghe nhiều học rộng trong kinh Phật, thật sự bốn hoằng thệ nguyện đã đưa ra một tiêu chuẩn về phương pháp, lộ trình. Trong câu đầu đã nói cho chúng ta: Thề độ tất cả chúng sinh. Đây chính là tâm bồ đề, đây gọi là sự phát tâm, chúng ta không thể không có tâm này Nếu không có tâm này thì quý vị không thể học Phật, bởi vì điều kiện đầu tiên để học Phật là tâm này.

Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay để nói, tâm đó, như cách nói Mao Trạch Đông: Toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ, ý của nó như vậy, Phật cao hơn người dân. Chủ tịch Mao chỉ nói phục vụ nhân dân, Phật không nói như vậy, ngài nói, toàn tâm toàn ý vì tất cả chúng sinh phục vụ, tất cả chúng sinh đông hơn nhân dân. Tất cả người dân trong mười pháp giới chỉ một đạo\_Chúng sinh, mười pháp giới bao hàm tất cả.

Vì tất cả chúng sinh phục vụ, đây chính là nghĩa gốc của cụm từ: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Cần phải phát tâm như thế, nhưng làm sao để chúng ta có thể thực hiện được?

Trước hết phải hoàn thiện đức hạnh của mình, không có đức hạnh là không ổn, đức hạnh là gì? Đức hạnh là cắt đứt phiền não, vẫn còn phiền não là chưa có đức hạnh, phiền não cắt rồi thì đức hạnh có mặt, vì sao? Đức hạnh vốn hiện hữu trong bản thân ta, bởi phiền não đã che mất đức hạnh của chúng ta, làm ô nhiễm đức hạnh, chỉ cần cắt đứt phiền não là đức hạnh của chúng ta có mặt ngay. Đây chính là vạn đức vạn năng vốn có trong tự tánh, ai cũng có, không chúng sinh nào là không có. Cho nên Phật dạy mọi người, câu đầu tiên đã cho chúng biết, tất cả chúng sinh vốn là Phật. Quý vị vốn là Phật, anh vốn là Phật, mỗi người đều vốn là Phật.

Người xưa có câu: Nhân chi sơ, tánh bản thiện, tánh người vốn thiện, tôi tin đây không phải là lời của Khổng tử, mà do ai nói? Ít nhất phải trước Khổng tử cả vạn năm, tổ tiên chúng ta đã nói. Các thời đại tương truyền kế tiếp nhau không thể sai lệch được, Khổng tử không nói được, ông là nhà người chân thật, là người tốt, bạn xem thái độ học tập cả đời của ông, “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Đây là lời tự thuật của ông trong tác phẩm Luận ngữ, thuật nhi bất tác, nghĩa là ông ta hoàn toàn học tập người khác, các bậc Thánh hiền đi trước, bản thân ông không sáng tạo, không phát minh. Tất cả những thứ ông học được, tu được, lời dạy của ông, những gì ông truyền lại, đều là sản phẩm của Thánh hiền, như vậy gọi là thuật nhi bất tác.

Ngày xưa không có văn tự, văn tự mới được phát minh cách đây 4500 năm, văn tự có mặt rất muộn, từ xưa toàn được truyền khẩu. Thời đại Khổng tử mới dùng văn tự để truyền lại những lời cổ đức, dùng chữ viết để ghi chép rồi truyền lại cho hậu thế. Vậy nên người đời sau tôn xưng ông là Đại thành chí thánh tiên sư, tập đại thành. Vì thế tôi có lý do để tin câu nhân tánh bản thiện, nhất định được tổ tiên chúng ta phát biểu hàng nghìn năm trước. Ý của câu nhân tánh bản thiện, giống như lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni, tôn chỉ đặt ra trong việc dạy học: Tất cả cả chúng sinh vốn là Phật. Ý hai câu này hoàn toàn tương đồng. Nền giáo dục truyền thống của Trung quốc khẳng định nhân tánh bản thiện, mục đích của việc giáo dục là khơi gợi cho chúng ta trở về với gốc thiện. Mục tiêu giáo dục của Phật giáo là kêu gọi chúng ta trở lại ngôi vị Phật, vốn là Phật, bạn thành Phật là điều đương nhiên, bạn không thành Phật mới là sai lầm.

Vì thế mỗi danh hiệu Phật là danh hiệu của tất cả Chư Phật, chỉ cần thông một trong tám vạn bốn nghìn pháp môn là có thể thông hiểu được các pháp môn còn lại. Trong tác phẩm Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, có lấy một thí dụ, nhà Phật gọi là công án, chúng ta thường nói nôm na là câu chuyện. Có câu chuyện thế này, có thiền sinh tự phụ, tham thiền mấy mươi năm, có lần ông ta gửi một bức thư, nhờ hoà thượng Ấn Quang dạy bảo. Ông kể ông đã tham học hết 1700 công án, đó là Ngũ đăng hội nguyên, chỉ còn lại mấy công án là không thông suốt, hình như chưa rỏ ràng lắm.

Gửi một bức thư trả lời, đại sư Ấn Quang viết: Chỉ cần hiểu rõ một công án thôi thì tất cả những công án còn lại sẽ hiểu hết, nếu ông nói còn lại mấy công án không hiểu, thì đồng nghĩa với việc là huynh không hiểu công án nào. Có vẻ sau khi nhận được thư, người đó sẽ bỏ tu thiền, theo đại sư Ấn Quang niệm Phật, thực sự như thế, không sai chút nào. Bạn nghĩ khi đã thông bộ kinh này rồi, khi tôi học kinh này, gọi là học thông kinh này rồi, nói cách khác, tất cả các kinh mà Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra trong suốt 49 năm, quý vị đều hiểu hết. Bộ kinh này đã thông, nếu còn một bộ, hai bộ chưa thông, có nghĩa là bạn chưa thông bộ kinh nào, cùng một đạo lý, thông là gì? Kiến tánh là thông, chưa kiến tánh thì chưa gọi là thông.

Bất kì một pháp môn nào, đều có thể làm cho quý vị minh tâm kiến tánh, chỉ cần bạn thâm nhập một môn. Vì thế cách thức học tập của người phương Đông, mãi đến ngày nay, người nước khác không thể tìm được. Nhưng người phương Đông chúng ta đã đánh mất những kiến thức cổ xưa, cho rằng tổ tiên chúng ta lạc hậu, bởi thế hôm nay chúng ta mới thiệt thòi, chịu bao nhiêu tai nạn như thế này. Không nhận thức ưu điểm của tổ tiên, đứng đầu thế giới, tìm không ra kiến thức tương tự. Khi tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm một tấm gương cho chúng ta. Quý vị xem, năm mười chín tuổi ngài đã từ bỏ ngôi vua, từ bỏ đời sông vinh hoa phú quí, đời sống vương giả để cầu học. Ngài đã trải qua những ngày tháng học tập ra sao? Sống đời một vị sư khổ hạnh, cách dạy dỗ như thế quả thật vĩ đại.

Nói theo cách kinh Phật chúng ta nói hôm nay, đây là cách Thế tôn phá phiền não chướng, bỏ gia đình đi tham học đồng nghĩa với việc ngài cắt đứt phiền não chướng. Tham học 12 năm, ngài đến tìm hiểu hầu hết các học phái của tất cả các tôn giáo có mặt lúc bấy giờ tại Ấn độ. Sau mười hai năm, ngài lại buông bỏ hết tất cả nhữung kiến thức thu thập được, hành động này có nghĩa phá sở tri chướng. Năm mười chín tuổi, cho chúng ta thấy ngài đã phá bỏ phiền não chướng như thế nào. Năm ba mươi tuổi, ngài đã cho chúng ta thấy cách ngài đã bỏ sở tri chướng ra sao. Cả hai chương đều bị hạ gục, nhập định dưới cội Bồ đề, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành Phật. Vì đã bỏ cả hai thứ chướng ngại phiền não và sở tri chướng, thực sự liễu ngộ tất cả pháp thế gian và xuất thế. Tất cả những việc làm đó ngài đều làm mẫu cho chúng ta thấy, nếu chúng ta thực sự hiểu được thì chúng ta biết phải chọn cách học như thế nào.

Nhìn lại, những người ở Trung quốc rất quen thuộc, đặc biệt là khu vực Quảng đông. Đời Đường, Lục tổ Huệ Năng đã cư trú ở đó, đại sư Huệ Năng chưa bao giờ biết chữ, nhưng khi đến Hoàng Mai, nói thật, ở tám tháng trong đạo tràng Ngũ tổ chỉ để làm lụng. Ngay cả giảng đường của Tổ đình ngài cũng chưa một lần đặt chân đến, Thiền đường cũng thế, ngài chưa bao giờ ngồi hết một cây hương ở Thiền đường, chưa bao giờ nghe một buổi học ở giảng đường. Khi cần truyền pháp, Ngũ tổ phải đợi đến canh ba mới gọi ngài đến, giảng đại ý kinh Kim cương, đến đoạn *“ưng vô sử trụ nhi sinh kì tâm”* thì ngài đại triệt đại ngộ. Không biết chữ, ngài ngộ cái gì? Thông đạt tất cả, đây là điều có thật, không phải giả dối.

Nửa đêm Ngũ tổ bảo ngài đi, nhanh chóng trốn đi, lánh nạn, lẫn vào đám thợ săn 15 năm. Trên đường đi lánh nạn, ngài gặp Tỉ kheo ni Vô Tận Tạng, suốt đời vị Tỳ kheo ni này thọ trì kinh Đại Bát Niết Bàn. Kinh Đại Bát Niết Bàn là một bộ kinh rất lớn, có hai phiên bản, một bản gồm 40 quyển, bản kia 36. Cần một khoảng thời gian rất dài nếu đọc hết một lượt, một ngày không thể đọc hết. Quý vị xem Tỳ kheo ni kia, chỉ một bộ kinh đó thôi, nhưng nhất môn thâm nhập, đọc trơn tru nhưng không hiểu kinh nói gì trong đó.

Lúc cô ta đang thọ trì, lúc đó Lục tổ Huệ Năng 24 tuổi, tình cờ nghe được, ngài rất hứng thú, cảm thấy nhẹ nhàng. Khi cô ta đọc xong, đại sư đã giảng cho cô nghe, Tỳ kheo ni vui mừng không kể xiết, nâng cả bộ kinh đến thỉnh giáo, ngài trả lời ngài không biết chữ. Lạ thay! Ngài không biết chữ thì làm sao biết được nghĩa lý của kinh? Ngài trả lời, biết hay không biết không liên quan gì cả. Thiền sư Pháp Đạt, quí vị thấy xuất hiện trong kinh Pháp bảo đàn, ngài học kinh Pháp Hoa mười năm, là khoảng thời gian không ngắn. Đọc một bộ kinh mười năm, đọc ba nghìn lần, một ngày đọc một lần, đọc mười năm như vậy nhưng không khai ngộ. Bèn đến Tào Khê bái Lục tổ, gặp Lục tổ, thiền sư lạy ba lạy nhưng đầu không sát đất. Thấy vậy, đại sư Huệ Năng đợi khi thiền sư đứng dậy, bèn hỏi: Thầy có gì mà phải kiêu mạn như vậy? Vì sao? Khi thầy lạy đầu vẫn chưa sát đất, thiền sư thật thà trả lời: Tôi đã tụng ba nghìn biến kinh Pháp Hoa.

Nghe thế, đại sư Huệ Năng hỏi: Kinh Pháp Hoa dạy những gì trong đó? Thiền sư không trả lời được, trái lại xin thỉnh giáo đại sư Huệ Năng. Đại sư cho hay ông chưa bao giờ nghe đến bộ kinh đó, tất nhiên ngài chưa bao giờ tụng, cả đời chưa ghé mắt đến, vì ngài không biết chữ. Được rồi! Bây giờ ông tụng cho tôi nghe. Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm, mới đọc đến phẩm thứ hai, đại sư bảo ngừng lại, tôi đã hiểu rồi. Nói xong ngài giảng cho sư Pháp Đạt nghe về đại ý của kinh. Pháp Đạt khai ngộ, lại cúi đầu sát đất đảnh lễ, là bởi đã thực sự thông, hoàn toàn là sự thật. Đọc mười năm chưa thông, bây giờ chỉ nghe vài lời đã thông tất cả. Quý vị xem phương pháp nào là tối ưu?

Con người hiện nay thường mắc căn bệnh chung đó là coi thường các bậc cổ đức, cho rằng người xưa lạc hậu, chỉ người hiện đại mới thông minh, người bây giờ thành công hơn người xưa, quả là một sai lầm, thực sự sai lầm.

Tất cả những khoa học kĩ thuật đó, người xưa có hiểu chăng? Có, hiểu hết, nhưng tạo sao họ không phát triển? Nếu phát triển thì thế giới sẽ sớm huỷ diệt, không theo con đường đó mới là từ bi, trí tuệ. Khoa học mang đến một số ưu điểm, ngọt ngào, một chút dễ chịu, nhưng chúng ta đã phải trả giá ra sao? Quí vị xem những biến loạn của xã hội chúng ta ngày nay, mất tất cả đạo đức, luân lý, đó là cái giá chúng ta phải trả. Lại phải trả giá cho việc quả đất đầy rẫy những tai nạn, nếu khoa học phát triển hoen nữa, thì quả đất sẽ bị huỷ diệt, được không bù mất, thu không bù chi. Thực sự có trí tuệ ai cam tâm làm những việc như thế? Ái Nhân Tử Thản là người ngoại quốc, nếu ông là người phương đông, chắc chắn không công bố bí mật chế tạo bom nguyên tử, tại sao? Phương hại đến mọi người, đấy không phải là một việc tốt. Người phương đông không làm những việc thất đức, không vì danh thơm, lợi dưỡng của mình, mà mỗi suy nghĩ đều vì những người đời sau, điều này chúng ta không thể không hiểu, cần phát huy tinh thần trách nhiệm.

Trong danh hiệu chư Phật, nhất là A Di Đà Phật, có thể nói, A Di Đà Phật là tên chung của tất cả chư Phật. Đức Phật nào cũng có thể xưng A Di Đà Phật, nghĩa của A Di Đà Phật là gì? Cả câu này là tiếng Phạn, được dịch âm, khi dịch sang tiếng Trung quốc thì quí vị đã hiểu. A dịch là vô, Di đà dịch thành lượng, Phật được dịch là Giác, trí tuệ. Nối các chữ Trung quốc lại, bạn đã rõ, đó là Vô lượng giác, Trí tuệ vô lượng, vị Phật nào không phải vô lượng giác? Có vị Phật nào không phải vô lượng trí tuệ? không phải hoàn toàn thế sao? Bởi thế ngài là tổng hiệu của tất cả chư Phật, niệm một câu danh hiệu Phật là niệm tất cả chư Phật, không sót danh hiệu nào cả. Tất cả đức tướng trí tuệ viên mãn của chư Phật đều được bao hàm trong một câu danh hiệu này, ta phải nắm được ý của vấn đề, để khỏi lúc phải niệm thứ này, lúc phải niệm thứ khác. Không cần phiền phức như vậy, nắm chắc ý chính thì những thứ khác cũng nắm được.

Danh hiệu này là cương lĩnh chung của tất cả mọi danh hiệu, danh hiệu là pháp môn đại diện, nó là đầu mối của tất cả các pháp môn, nên chúng ta phải nắm rõ nó. Đó là tổng vạn đức thành, thành tựu này chỉ nhờ vào một câu danh hiệu. Nhưng có thể nhất niệm để niệm danh hiệu Phật, trong nhất niệm đó đã đầy đủ vạn đức, trong mỗi niệm đã niệm vạn đức, quả thực không thể nghĩ bàn, chúng ta phải tìm hiểu rõ ràng, minh bạch, liệu có thể không niệm ư? Cái gì cũng có thể không niệm, thứ gì cũng buông bỏ được, chỉ nắm chắc một câu danh hiệu là đủ. Đây là câu nói của những đại đức tổ sư thời Tuỳ Đường phát biểu, không phải một người nói mà tất cả mọi người đều nói.

Ác nghiệp từ vô thỉ là do vọng tâm sinh ra, công đức niệm Phật được khởi lên từ chân tâm. Chân tâm như mặt trời, vọng tâm như bóng tối, chân tâm vừa khởi, vọng niệm liền mất, như mặt trời ló dang thì đêm tối không còn. Mấy câu này là nói về công đức của việc niệm Phật, những lợi ích của việc niệm Phật, có thể diệt trừ tội nghiệp, tiêu trừ nghiệp chướng của bạn, vì sao? Ác nghiệp vô lượng vô biên từ vô thỉ kiếp đến nay là do vọng tưởng sinh, vọng là gì? Mê, mê mà không giác, đi ngược lại với tự tánh, nên họ mới tạo tất cả tội nghiệp. Tội nghiệp là gì? Mê lầm ngay từ đầu, cho rằng thân này là của ta, tất cả khởi tâm động niệm đều vì thân này, để than này hưởng thụ, nhưng thân này là giả, không phải của ta.

Quý vị xem, chúng ta tận tâm tận lực vì nó, thật đáng thương, tạo tội nghiệp đầy thân. Khi có thân, đầu tiên là tự tư tự lợi xuất hiện, vì lợi ích bản thân, ta bắt đầu hại người. Tất cả khởi tâm, động niệm đều vì lợi ích chính mình, hại người lợi mình, khởi tâm động niệm là tổn người lợi mình. Trong quá trình đó ta đã tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, quả báo là rơi vào trong tam đồ: Địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Bởi thế điều đầu tiên Phật dạy chúng ta: Thân này không phải là tôi, mà thân thuộc về cái gì? Phật pháp gọi thân là ngã sở, chính là tôi sở hữu. Như áo quần vậy, áo quần không phải là tôi, mà nó là sở hữu của tôi, mình phải phục vụ cho áo quần ư? Không, vì sao? Biết nó không phải là của ta, cái gì mới là của ta? Cái gì là của ta? Có, giáo lý Đại thừa cho rằng thường, lạc, ngã, tịnh. Bốn chữ này là chân lý, không phải giả.

Thường là gì? Là vĩnh hằng bất biến, nếu còn thay đổi là vô thường, vô thường là giả, thường là chân. Đại sư Huệ Năng đã thấy nó, khi ngài trình kệ lên Ngũ tổ, câu thứ hai: Nào ngờ tự tánh, vốn không sinh diệt. Không sinh không diệt là thường, vốn không sinh không diệt là thường. Lạc, lac là thật, khổ là giả, đây là sự an lạc tuyệt đối. Ngày nay chúng ta thường nói khổ lạc là một đôi, kì thực trong vũ trụ không có thứ tương đối. Nhị biên khổ-lạc đều xả bỏ, đó là chân lạc. Tôi có chân lạc, chân lạc là gì? Lạc của đại Niết bàn, cái vui của sự thanh tịnh tịch diệt, Như Lai quả địa thượng mới lãnh hội được. Hiện tại chúng ta đang đánh mất tự tánh, nên hoàn toàn không cảm nhận được, cho dù có nói chúng ta vẫn không tin, không tiếp nhận.

Ngã, có nghĩa chủ tể, tự tại, có chăng? Có, trong bài kệ của đại sư Huệ Năng có nói đến: nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ, đó là nghĩa của chữ ngã, thực sự làm chủ tể, chứng đắc đại tự tại. Tịnh, câu thứ nhất ngài nói: Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh. Đầy đủ cả thường, lạc, ngã, tịnh, chỉ vì quên mất tự tánh nên không nhận ra đấy thôi, kiến tánh là thấy ngay, nó là tánh đức, tự tánh chính là chính mình, là ta. Bốn đức của tự tánh: Thường, lạc, ngã, tịnh, minh tâm kiến tánh, khi kiến tánh quý vị liền cảm nhận được ngay, chưa kiến tánh thì bốn chữ kia cũng chỉ là hữu danh vô thực, cần phải nắm rõ.

Vì thế trong giáo lý Tiểu thừa, Phật thường dạy cho chúng ta vô thường, vô ngã, khổ, không, vô thường, Phật luôn nói về những điều này. Đây là nói cho Tiểu thừa để phá tình chấp cho họ. Với Đại thừa, Phật dạy chân thường, thực sự có thường, lạc, ngã, tịnh. Ngày nay chúng ta đang sống với vọng tâm, vọng tâm là gì? Đó là tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng, quả là một sai lầm. Công đức niệm Phật được khởi lên từ chân tâm, phương pháp niệm Phật của đại sư Ấn Quang là phương pháp dùng vọng tâm khôi phục lại chân tâm, vọng tâm có niệm, chân tâm là vô niệm. Vọng tâm ngày nay của chúng ta, quí vị thấy niệm trước diệt, niệm sau liền sinh, mỗi ngày có vô lượng vô biên tạp niệm.

Có rất nhiều người hỏi tôi thuật dưỡng sinh như thế nào để giữ gìn sức khoẻ và sống lâu? Đây là vấn đề được rất nhiều người quan tâm, nếu sống bằng vọng tâm thì chính ta đã tàn phá sức khoẻ của mình, đang sống mà tàn phá thân thể của mình, đến khi mất sẽ tàn phá linh hồn của mình, thật đáng thương! Khiến cho linh hồn của mình luân hồi trong lục đạo. Cách bảo vệ sức khoẻ đúng đắn là gì? Chân tâm, chân tâm là cách bảo vệ sức khoẻ thiết thực nhất, nhất chân thì tất cả đều chân. Chân tâm là gì? Chân tâm ly niệm, được nói đến trong giáo lý Đại thừa. Vọng tâm là có suy nghĩ, chân tâm không có suy nghĩ. Không có suy nghĩ khó, rất khó thực hiện. Phật, Bồ tát rất thông minh, dùng một phương pháp dạy chúng ta chỉ khởi lên một niệm, ngoài niệm đó ra không có niệm nào khác, niệm đó chính là niệm Phật. Dùng ý niệm A Di Đà Phật đánh tan tất cả những niệm khác, quý vị chỉ giữ lại niệm này thôi, đây được gọi là dùng một pháp trị tất cả pháp. Theo cách đó, đến lúc không còn niệm nào nữa thì nhất pháp đó cũng không cần, thuần chân, chân lý niệm Phật chính là chỗ đó.

Nếu không còn tạp niệm thì quý vị niệm Phật làm gì? Không cần niệm nữa, niệm Phật là sai. Niệm Phật là uống thuốc, chữa bệnh, lành rồi thì uống thuốc làm gì, đấy gọi là thuần tịnh, thuần thiện. Dùng một niệm để ngăn tất cả niệm, căn tánh chúng sinh khác nhau, vọng niệm quá nhiều, nên Phật dùng tám vạn bốn nghìn pháp môn để đối trị tám vạn bốn nghìn phiền não của chúng sinh. Chúng ta có thể làm một phép thử, để xem phương pháp nào tốt, thì sử dụng phương pháp đó, có thể giúp quý vị giảm ít vọng niệm, có hiệu quả đối với mình. Tham thiền cũng được, trì chú cũng được, giữ giới cũng được, niệm Phật cũng được, nghiên cứu kinh giáo cũng được, bởi căn tánh của mỗi người không giống nhau.

Lúc còn trẻ, thầy tôi bảo niệm Phật, tôi không niệm được, vì nghi ngờ pháp môn này, nên không niệm được. Tôi chưa nhận thức rõ ràng về pháp môn này, nhưng tôi rất tập trung khi học tập. Lúc trẻ chúng tôi đã xuất gia, rất đông những vị hoà thượng tiền bối đã phê bình chúng tôi, cho rằng tôi thích giảng kinh, kì thực không phải như thế, họ đã nghĩ sai. Tôi vận dụng phương pháp giảng kinh để đối trị phiền não của tôi, vì vọng niệm nhiều quá. Khi giảng kinh, chúng tôi phải chuẩn bị bài vở, tài liệu, trong lúc soạn bài vở như thế chúng tôi phải chuyên tâm, như thế là giảm thiểu được vọng niệm, phương pháp này rất hiệu quả với tôi, nên tôi đi theo con đường này.

Giảng kinh, là tôi đã đối trị được tập khí phiền não của bản thân, thời gian càng dài thì phiền não càng giảm bớt. Mỗi ngày đều đọc kinh, mỗi suy nghĩ đều nghĩ về những kiến thức trong kinh điển, xa rời những mong muốn thế gian, ít nhất đã 50 năm tôi không để mắt đến báo chí, truyền hình, phát thanh. Bởi thế có người hỏi, không cập nhật những kiến thức, tin tức hiện tại, thầy có gặp những khó khăn trong cuộc sống không. Tôi trả lời có, nhưng đã có những người đồng học, người hảo tâm, khi họ biết được tin tức quan trọng, họ bèn viết vào một tờ giấy đưa tôi xem. Mỗi tuần đều có những người download tin tức trên mạng rồi chép vào mấy trang giấy cho tôi xem, bởi thế những tin tức quan trọng tôi đều nắm được, đỡ bớt rất nhiều việc.

Hai câu nói của cổ nhân mà tôi tin và giữ rất cẩn thận, đó là: Biết được nhiều chuyện thì phiền não nhiều. Những điều không cần biết thì cần gì phải cất công tìm tòi, lại còn chạy vạy nghe ngóng, đó không phải tự mình trói mình sao? Tôi dứt khoát không giây vào những chuyện đó. “Thức nhân đa xứ thị phi đa”, quen biết nhiều người thì thị phi càng nhiều, tất cả đều gây rắc rối cho mình. Bây giờ những người quen biết tôi rất nhiều, tôi không biết họ, họ biết tôi bằng cách nào? Nghe tôi giảng kinh trên truyền hình, vì tôi thường hay đi, những người không quen biết, gặp tôi họ cũng chào hỏi, hầu như nơi nào cũng gặp, nhiều lắm. Họ thấy trên mạng, trên đĩa, truyền hình vệ tinh, người quen nhiều là từ chỗ đó, thật ra tôi không thân quen nhiều người mà chỉ có họ biết tôi, tôi không biết họ.

Liệu có cần thiết phải quen biết người ta không? Không cần thiết, càng ít quen biết, càng ít người qua lại với ta, cuộc sống càng yên tĩnh,. Lui tới cũng một vài người bạn cũ, lần hồi những người bạn cũ cũng ra đi. Vì thế thời gian qua, mỗi năm tôi quay lại Đại lục hai ba lần để thăm bạn cũ, bây giờ họ cũng dần vắng bóng. Ông Triệu Phác, lão hoà thượng Danh Sơn, Hoàng Niệm Lão, Phó Thiết Sơn... đều đã mất. Phó Thiết Sơn là một tín đồ Thiên chúa giáo, là một người rất thân thiết với tôi.

Mỗi năm, mọi người muốn thăm nhau một vài lần, nhưng bạn bè trong nước, nước ngoài dần dần đi xa, tôi cũng đã già. Thật sự, tuổi trẻ không nghĩ ra được, nhưng đến độ tuổi này các bạn mới hiểu, không nên ôm đồm nhiều thứ. Rất nhiều hoạt động ở các nơi khác nhau tôi không tham gia, có người đến mời, tôi cử những vị trẻ tuổi, những người đồng tu trẻ tuổi thay tôi tham dự, cũng lợi dụng cơ hội này để dìu dắt họ. Không phải trường hợp bất đắc dĩ thì cố gắng tránh, vui nhất nhất là tu hành, phương pháp tu hành của tôi gồm đọc kinh, giảng kinh, niệm Phật, rất đơn giản. Mỗi ngày tôi dành bốn tiếng để đọc kinh, chia xẻ với mọi người độ bốn tiếng, thời gian còn lại là niệm Phật, không gì vui hơn.

Hỏi tôi chuyện thiên hạ, ngày nay thiên hạ đã thái bình rồi, không có chuyện gì nữa, tôi không biết, hết chuyện, thiên hạ thái bình. Các bạn đến cho tôi hay, hôm nay có một số chuyện, có chuyện đó nữa a, không không quan tâm, tốt hơn hết là đừng nói với tôi, ngày ngày sống cuộc đời êm thấm, biết thêm nữa để làm gì! Bởi thế người ta kháo nhau những tai nạn, tôi không phí lời, cứ chân thành niệm Phật. Tai nạn có xảy ra, sẽ được hoá giải, không có tai nạn, nghiệp chướng được tiêu trừ, không phải như thế sao? Không cần phải tránh, làm sao tìm được nơi thoát khỏi tai nạn.

Người xưa có câu: khó tránh kiếp nạn. Bạn không bị kiếp nạn, dù tai nạn ngay trước mặt, quý vị cũng bình yên vô sự, cần gì phải lo lắng? Lo lắng chính là vọng niệm, là tạo nghiệp, chi bằng niệm Phật, niệm Phật là tốt nhất để tiêu tai miễn nạn. Khi đã hết nghiệp chướng rồi, thì phước huệ sẽ tăng lên, đó là một cơ hội tốt, không cần phải lo lắng vô cớ. Vì thế công đức niệm Phật là từ chân tâm khởi, chân tâm như mặt trời, vọng tâm như đêm tối, khi chân tâm có mặt là vọng tâm biến mất, giống như ánh dương vừa ló thì bóng tối tan đi, ý nghĩa của nó là như vậy.

An Lạc Tập dẫn chứng kinh Quán Phật Tam Muội nói: Phật khuyên phụ vương thực hành niệm Phật tam muội. Quí vị thấy sự thù thắng của pháp môn này, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho thân phụ của ngài, nếu không phải là pháp môn tối ưu thì làm sao ngài lại giới thiệu cho phụ thân mình? Khuyên thân phụ mình tu niệm Phật tam muội.

Phụ vương bạch Phật: Quả đức Phật địa, chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không, tại sao không bảo đệ tử làm theo. Đây là những lời Phật thường nói trong kinh Đại thừa. Như lai quả địa chân như thật tướng, chân như thật tướng là chỉ tự tánh, pháp tánh. Đệ nhất nghĩa không, theo cách nói của Tịnh tông là Thường tịch quang tịnh độ, là tự tánh, tại sao lại có tên đệ nhất nghĩa không? Tự tánh vắng lặng trong suốt, bản thân nó không có hiện tượng, nó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, ngay hiện tượng tự nhiên cũng không. Nó tồn tại, không lúc nào không tồn tại, không nơi nào không tồn tại, bởi vì nó không có hình tướng, nên ta có thể hình dung nó bằng chữ “không”. Không ở đây không thể nói là không có gì, nó vẫn có, nó có nhưng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ta không thể tiếp xúc được, như kinh Phật nói, tất cả không thể duyên được.

Nó tồn tại, thực sự tồn tại, không phải không có, giống như chúng ta xem truyền hình, ta nhìn màn ảnh của truyền hình, khi ta mở một kênh nào đó, thấy những cảnh trên màn hình. Khi không có màn hình, thì màn hình đó ví như đệ nhất nghĩa không. Bây giờ chúng ta chỉ thấy những hình ảnh chuyển động trong đó, màn hình đâu có chuyển động, màn hình không sinh không diệt, màn hình chính là đệ nhất nghĩa không, màn hình là Thượng tịch quang tịnh độ. Đệ nhất nghĩa không không phương hại, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, không ảnh hưởng lẫn nhau, thập pháp giới y chánh trang nghiêm cũng không phương hại đến đệ nhất nghĩa không. Thực ra, đệ nhất nghĩa không từ xưa đến nay chưa bao giờ ô nhiễm, chưa bao giờ bị ô nhiễm, cũng không bao giờ bị phương hại, vì đó là tự tánh.

Nhà khoa học, chúng ta nghe những kết luận của nhà khoa học, trong vũ trụ hồng quan, nếu ta dùng máy móc tinh vi nhất để quan sát, đo đạc, cũng chỉ quan sát độ 10% vũ trụ, còn lại 90% không thể thấy được, đến đâu? Đến đệ nhất nghĩa không. Bởi thế nhà khoa học không thể nhìn thấy, nghĩa là trở về với tự tánh, vấn đề này kinh Đại thừa nói rất cụ thể, họ không biết kinh Phật nói rất rõ ràng, nên quay về tự tánh.

Giống như những nghĩa lý cao siêu nhất trong Đại thừa, sao không đem dạy cho một số người? Đây là câu hỏi vua Tịnh Phạn đặt ra cho Phật.

Phật trả lời: Quả đức của chư Phật, có cảnh giới vô cùng thâm diệu, thần thông giải thoát, không phải là cảnh giới người phàm phu có thể đến được. Trong số những đệ tử, đặc biệt là những đệ tử Thanh văn, Phật không bao giờ dạy cho họ chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không, những lời này không nói cho Tiểu thừa, nói cho ai? Những Bồ tát Đại thừa, vì họ hiểu. Cả đời dạy học của mình, Phật đã chỉ cho chúng ta thấy rất rõ, ngài tùy người để cho lời dạy. Sau khi đại triệt đại ngộ, ngài giáo hoá cho năm Tỳ kheo ở vườn Nai, đây là bước đầu tiên xây dựng Tam bảo: Phật, pháp và tăng. Ngài đã dạy cho năm vị Tỳ kheo Tứ A hàm, giảng kinh A hàm, mất 12 năm, tương đương cấp tiểu học của Phật giáo, 12 năm. Sau 12 năm, khi đã có cơ sở rồi, tiếp tục học tiếp lên nữa, giảng Phương đẳng, Phương đẳng là Đại thừa, mất tám năm, tương đương cấp trung học, cả giai đoạn này tổng cộng học hết 20 năm. Học 20 năm cơ sở xong mới học tiếp lên đại học, khi lên đại học được nghe giảng Bát nhã, đệ nhất nghĩa không, chân như thật tướng. Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong nền giáo dục Phật giáo, tổng cộng mất 22 năm.

Trải 49 năm giảng kinh dạy học, Phật Thích ca mâu ni đã mất 22 năm để giảng Bát nhã, chiếm gần một nửa thời gian, bởi vì đây là khoá học rất quan trọng của Phật giáo. Nhưng trước đó có 20 năm học cơ bản, nếu không có nền tảng 20 năm đó thì làm sao tiếp thu được những kiến thức sau này? Ngài đã từng bước nâng cao, tám năm cuối cùng mới giảng Pháp Hoa, tương đương viện nghiên cứu. Cảnh giới trong Pháp Hoa hoàn toàn tương đồng với cảnh giới Hoa Nghiêm, đó là quay về tự tánh. Những gì ngày nay chúng ta có tất cả đều do Thế tôn thị hiện, vì vậy khi học tập, chúng ta nên dựa vào thứ tự như trên để thực hiện. Không dựa theo những gì có sẵn để học, Tiểu thừa không cần, giống như nói không cần giai đoạn 12 năm trước đó, tôi bắt đầu học Phương đẳng thôi, thì bạn làm sao thành công? Không học tiểu học mà chỉ học trung học, liệu có thể được không? Thậm chí không học tiểu học, không học trung học, nhảy thẳng vào đại học, thậm chí tôi làm nghiên cứu sinh, làm gì có chuyện đó! Hoạ có thần đồng, mà thần đồng lâu mới xuất hiện.

Trong số ba vị thầy của tôi, lúc tôi đang thanh niên, đã cảnh cáo tôi không bao giờ được học Huệ Năng, họ bảo Huệ Năng là thần đồng. Trước Huệ Năng không có một Huệ Năng khác, sau Huệ Năng cũng không có Huệ Năng thứ hai, bạn làm gì có trình độ học theo Ngài? Đó là gì? Nghiên cứu sở, đó là thần đồng, không phải người thường. Chúng ta là những người bình thường, dứt khoát phải học từ tiểu học, trung học rồi đến đại học, có như thế ta mới học được, đây là những lời dạy chân thực của người thầy.

Thầy Phương Đông Mỹ bắt đầu dạy tôi từ Bách Pháp Minh Môn Luận, vì tôi học triết học, hai tông Tánh và Tướng là triết học của Phật giáo. Đây chính là những lời lúc bấy giờ thầy nói với tôi, khi tuổi đã lớn, thầy không nói thế nữa, thầy biết rằng tất cả giáo pháp của Phật đều là một môn triết học cao cấp. Càng đi sâu chúng ta càng cảm nhận rõ, càng am hiểu hơn. Đại sư Chương Gia bảo tôi nên học từ truyện kí Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu tiên là phải làm quen với lịch sử Đức Phật, bắt chước cách thức Phật Thích Ca Mâu Ni để học, không được đi đường tắt. Ở cùng với thầy Lý mười năm, thầy đã truyền đạt cho tôi phương pháp giảng kinh, dạy học. Tôi học tổng cộng 13 năm, tương đương giai đoạn 12 năm Thế tôn giảng kinh A Hàm, tôi học 13 năm, nền móng đã tương đối vững chắc.

Người học bây giờ không chú trọng cơ sở, nhảy tót nghiên cứu những tập kinh luận lớn, khó đấy, rất khó. Học gì đi nữa cũng không thể thâm nhập cảnh giới, chi bằng chuyên cần niệm Phật, nếu chuyên cần niệm Phật mà chứng được niệm Phật tam muội, đến mức nhất tâm bất loạn, thì đã thành công, thực sự thành công rồi.

Vì thế, những lời Phật nói với thân phụ rất sâu sắc.

Quả đức chư Phật, có cảnh giới vô lượng thâm diệu, thần thông giải thoát, đó không phải cảnh giới người phàm có thể bước vào được, nên con khuyên phụ vương nên thực hành niệm Phật tam muội. Không cần nghiên cứu những giáo lý này, chỉ nên chuyên cần niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, khi đến thế giới Cực lạc rồi thì tự nhiên khai ngộ, biện pháp thật thiết thực! Biện pháp này thù thắng, không gì sánh được, đó là thực sự là pháp đệ nhất trong Phật pháp. Nhưng với điều kiện bạn phải có niềm tin, bạn không tin thì không có cách nào cứu vãn, tin tưởng rất khó.

Trong Di Đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã dạy chúng ta, tín, nguyện, hạnh. Ngài đã dùng ba chữ này để làm cương lĩnh cho tác phẩm kinh Di Đà. Phần lời tựa nói tín, nguyện, hạnh, phần chánh tông cũng nói tín nguyện hạnh, phần lưu thông lại nói tín nguyện hạnh. Cách giảng như thế những vị đại đức tổ sư chưa bao giờ sử dụng. Đại sư Ngẫu Ích quả là là người có kiến giải chính xác và thấu triệt, là bậc thực sự có trí tuệ. Về chữ tín, ngài dạy chúng có sáu cách tin, sáu cách đó là: Một, tin bản thân. Đây là điều rất quan trọng, nếu bạn không tin bản thân mình thì dù Phật Bồ tát có đến cứu cũng vô dụng, tin Phật cũng không tác dụng gì, đầu tiên là tin chính mình. Thứ hai, tin Phật, Bồ tát, Phật, Bồ tát được đặt ở vị trí thứ hai.

Tin chính mình là gì? Tin mình là Phật, tin mình có Phật tánh, hiện tại chúng ta đang quên mất mình có tự tánh, làm sao để khôi phục lại tự tánh? Ta nên thỉnh giáo nơi Phật, Phật sẽ giúp ta khôi phục tự tánh. Phật giúp ta tìm lại tư tánh cho chính ta, cách tin thứ hai không giống đức tin tôn giáo.

Thường tiếp xúc một số tôn giáo, như Thiên chúa giáo và Cơ đốc giáo, tôi có quen biết khá nhiều những Mục sư, cha cố của họ và cũng thường hay trò chuyện. Họ bàn về đức tin, họ bảo đức tin của chúng tôi giống như đức tin trong Tịnh tông quí vị, tôi trả lời không giống, không giống ở chỗ nào? Đức tin đầu tiên của chúng tôi là tin bản thân, đức tin đầu tiên của quí vị là tin Thượng đế, quí vị không tin chính mình. Chúng tôi đầu tiên là tin chính mình, sau đó mới tin Phật, quả nhiên không giống nhau.

Văn hoá truyền thống xưa, điều đầu tiên cũng dạy tin chính mình, bản tánh vốn thiện. Khi chúng ta đang đi học, chúng ta phải nương tựa người thầy, Thánh hiền, mong họ dẫn dắt ta quay về gốc thiện, đó là một ý. Quí vị xem cách dạy học của Đông và Tây phương, điều đầu tiên, về ý niệm đã khác nhau. Tin bản thân có thể thành Thánh thành Hiền, tin bản thân mình là Thánh hiền, khi học Phật, ta tin mình là Phật, Bồ tát, như thế mình mới thành công. Nếu không tin mình là Phật, Bồ tát, học cả đời cũng chỉ là người phàm, coi như không học.

Tiếp theo, Phụ vương bạch Phật: Hình dáng của công đức niệm Phật ra sao? Hình dáng công đức niệm Phật ra sao? Phật thưa phụ vương: Như rừng Y lan, vuông bốn mươi do tuần\_Do tuần là đơn vị đo diện tích, có nhiều cách giải thích khác nhau, thường được nhắc đến trong kinh Phật. Một đại do tuần khoảng chừng tám mươi dặm Trung quốc, trung do tuần bằng sáu mươi dặm, tiểu do tuần bằng bốn mươi dặm. Tính đơn vị nhỏ, bốn mươi dặm là một do tuần, vuông bốn mươi do tuần, chắc độ bốn trăm dặm, cho thấy cánh rừng này khá rộng, đây là rừng cây.

Y lan là tiếng Phạn, là một loại thực vật, có mùi hôi không ngửi được, cả khu rằng toàn loại cây này, nhưng trong số các cây đó có một cây Ngưu đầu chiên đàn. Ta biết gỗ chiên đàn rất thơm, mùi hương quí, có một cây như thế, bạn nghĩ một khu rừng rậm rộng bốn trăm dặm như thế, tất cả các cây trong đó đều là cây Y lan, chỉ lọt vào một cây Ngưu đầu chiên đàn. Tuy có mầm nhưng chưa nhú lên khỏi mặt đất, cây Ngưu đầu chiên đàn đó chưa lớn, nó có gốc, có mầm, nhưng chưa thành cây,

Rừng cây Y lan, chỉ mỗi mùi hôi, nếu ăn nhầm hoa quả của nó, phát điên đến chết, cây Y lan có nhiều độc tố, hôi hám, nếu ai ăn nhầm hoa quả của nó, phát điên đến chết, trong quả cây này chứa rất nhiều chất độc. Sau đó cây chiên đàn nhú mầm, dần lớn lên, vừa mới thành cây hương toả một vùng, cả khu rừng liền thay đổi thành rừng hương. Chúng ta hãy tưởng tượng, một cây Chiên đàn, trong một khu rừng Y lan rộng bốn trăm dặm, hương một cây Chiên đàn có thể làm thay đổi cả một vùng xú uế. Cây Chiên đàn được ví cho sự niệm Phật, người nào được thấy, đều sinh tâm hi hữu. Quý vị xem một cây như thế mà có thể làm thay đổi cả một rừng cây.

Phật nói với phụ vương, tất cả chúng sinh lăn lộn trong dòng sinh tử, tâm niệm Phật cũng như thế. Tâm niệm Phật, công đức của việc niệm Phật giống như cây Chiên đàn. Chiên đàn là cây thường xuất hiện trong kinh Phật, nó là thứ gỗ có mùi hương thơm nhất trong thế gian này. Đàn hương trong quan niệm người Trung quốc không phải là cây Ngưu đầu chiên đàn, có thể bây giờ cây này đã không còn nữa, nó có khi thời Phật còn tại thế, được kinh sách ghi chép lại. Đã từng có một vị tăng sĩ người Ấn độ mang đến Trung quốc hạt giống cây Ngưu đầu chiên đàn, nhưng rất ít, chỉ có bốn lượng. Vị tăng sĩ muốn làm quà dâng lên Hoàng đế, nhưng quà tặng cho Hoàng đế ít nhất cũng được một cân, không đủ một cân thì không thể làm quà được. Vì thế vị tăng sĩ kia không biết cách nào, bèn cho một hạt, rất nhỏ, độ chỉ bằng hạt đậu nành, rồi xông lên, hương thơm của nó toả ra bốn mươi dặm. Lúc bấy giờ kinh đô nhà Đường đang ở Tràng an, chu vi bốn mươi dặm đều nghe mùi hương, lúc ấy mọi người mới biết đó là bảo vật, còn lại một ít nhà vua xin nhận. Quả là một chuyện rất hiếm thấy, thực sự được gọi là bảo hương, mùi hương của nó có thể trừ bệnh, rất nhiều người bệnh nhờ nghe mùi hương này mà được khỏi.

Tất cả những gì kể trên là để thí dụ người niệm Phật, tâm người niệm Phật giống như gỗ Chiên đàn. Rừng cây Y lan được ví cho ác nghiệp được tạo ra từ vô thỉ kiếp đến nay. Chỉ cần siêng năng niệm Phật thì được sinh trong nước Phật, chỉ cần bạn siêng năng niệm Phật. Hệ niệm, nhất tâm hệ niệm, đây là nguyên văn trong kinh, còn trong nguyên bản kinh Di Đà là nhất tâm hệ niệm. Đại sư Cưu ma la thập đã dịch thành nhất tâm bất loạn, muốn đạt đến nhất tâm bất loạn không phải dễ, nhất tâm hệ niệm chúng ta có thể thực hiện được, vậy liệu đại sư La thập có phiên dịch nhầm? Không bao giờ, đại sư La thập là dịch ý, không phải so văn trong kinh để dịch thẳng, đại sư Huyền Tráng thì dịch thẳng.

Trong kinh Phật dạy chúng ta: Người niệm Phật, khi khi lâm mạng chung, được vãng sinh thế giới Cực Lạc, đầu tiên là hào quang Phật chiếu đến, nếu Phật A di đà đến tiếp dẫn thì nhất định trước hết phải có hào quang chiếu đến. Khi hào quang Phật chiếu đến thì công phu niệm Phật được nâng lên một bậc. Bình thường là nhất tâm hệ niệm, nhưng khi hào quang Phật chiếu đế thì biến thành nhất tâm bất loạn. Vậy nên ta có thể kết luận ngài La thập không nhầm lẫn, nhờ sức Phật gia trì, khi sinh sang thế giới Cực Lạc ở phương Tây, được bản nguyện Phật A di đà gia trì, bạn xem, bạn trở thành Bồ tát bất thối chuyển, còn gì tuyệt vời bằng! Đó quả là không thể nghĩ bàn, Bồ tát bất thối chuyển là Bồ tát đã minh tâm kiến tánh. Quý vị chưa minh tâm kiến tánh nhưng trí tuệ, thần thông, đạo lực, gần giống với những vị Bồ tát đã minh tâm kiến tánh. Tất cả chỗ đó là nhờ Phật A di đà gia trì chứ không phải là công phu của quý vị Phật A di đà gia trì cho tất cả mọi người, chỉ cần bạn vãng sinh đến thế giới Cực lạc, cho dù bạn chưa chứng quả bất thối nhưng ngài vẫn gia trì bạn, đây chính là sự thù thắng trang nghiêm không nơi nào bằng của thế giới Cực lạc.

Khi đã vãng sinh thì tất cả cái ác, đều biến thành đại từ bi, giống cây gỗ hương kia đã thay đổi cả khu rừng Y lan. Đây là một thí dụ cực kì sắc sảo, thí dụ thế nào? Niệm Phật có thể tiêu trừ tất cả nghiệp chướng, tội chướng từ vô lượng kiếp đến nay, chỉ cần ta thực sự biết niệm Phật thì có thể tiêu trừ hết. Nếu vận dụng được phương pháp niệm Phật của đại sư Ấn Quang, thì mức độ tiêu trừ tội lỗi càng nhanh hơn nữa, mang lại hiệu quả cao nhất, tự thân bạn có thể cảm nhận được, tại sao? Khi niệm Phật thì không có tạp niệm, đấy chính là tiêu trừ nghiệp chướng. Nếu khi niệm Phật mà vẫn có tạp niệm, thì tội chướng vẫn chưa được tiêu trừ, nó nhắc nhở quý vị đang còn nghiệp chướng.

Vì vậy khi niệm Phật, ta phải để tịnh niệm liên tục, trong tịnh niệm có yếu tố đầu tiên là không hoài nghi, thứ hai là không để tạp niệm trộn lẩn trong đó. Vì vậy hiểu thật rõ ba yếu tố là một điều rất quan trọng. Ta phải niệm danh hiệu Phật thật rõ ràng, chậm một chút, không cần phải nhanh quá. Nhưng phải rõ ràng, nghe rõ ràng, ghi nhớ rõ ràng. Mỗi câu niệm Phật của ta là câu thứ mấy trong mười niệm, không cần hai mươi, ba mươi, không cần, chỉ mười tiếng trở lại, câu thứ mấy trong mười tiếng đó. Niệm xong mười tiếng lại trở về tiếng thứ nhất, từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, bạn cứ theo cách này mà niệm, không cần đếm, không cần dùng tràng hạt. Niệm đến khi nào không còn vọng niệm, tâm thật thanh tịnh, niệm Phật như vậy mới thực sự có công phu, đây tướng của nghiệp chướng đã tiêu trừ.

Trong sinh hoạt thường ngày, lúc nào ta cũng phải nhớ đến, khi gặp những chuyện vừa ý, ta vui vẻ, sinh tâm tham luyến, đấy là phiền não, lập tức niệm Phật để trấn giữ nó. Gặp những chuyện phiền hà, ta oán hận, bực bội, cũng phải niệm Phật để nâng nó lên, bực bội liền tiêu mất, oán hận cũng được hoá giải. Đây là điều người xưa nói: Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm. Không sợ niệm khởi là vì đã có giác, danh hiệu Phật nâng đỡ gọi là giác, khi quên danh hiệu Phật là ta đang mê, khi mê ta buông theo phiền não, như vậy sẽ chịu đau khổ. Khi tỉnh giác, ta không bị cuốn theo phiền não, phiền não lập tức bị ép xuống ngay, như thế gọi là công phu, như thế gọi là biết niệm, như thế gọi là chân niệm Phật. Bởi thế chân niệm Phật không phải ở chỗ mỗi ngày niệm được bao nhiêu, phương pháp chế ngự phiền não của tổ Ấn Quang rất hiệu quả, đây là phương pháp được ngài đề xướng.

Quý vị thấy phương pháp lão cư sĩ Hoàng Niệm tổ sử dụng, khác với phương pháp của tổ Ấn Quang. Phương pháp của Hoàng Niệm Tổ là truy đỉnh niệm Phật, nhanh, cực kì nhanh, mỗi câu nối tiếp mỗi câu, đuổi nhau, A di đà Phật, A di đà Phật, A di đà Phật. Cũng khiến phiền não không thể chen vào được, cư sĩ đã sử dụng phương pháp như vậy, quí vị thấy trước khi ông vãng sinh nửa năm, ông viết thư kể cho tôi. Ông đã niệm mỗi ngày mười bốn vạn tiếng, ông đếm hẳn hoi, đếm số, truy đỉnh, đó cũng là một phương pháp. Cứ đem cả hai phương pháp ra so sánh, xem phương pháp nào thích hợp. Nhưng phương pháp của pháp sư Ấn Quang dễ đắc định hơn, rất nhẹ nhàng, cứ niệm từ từ, không cần hấp tấp. Phương pháp của Hoàng Niệm Tổ giống như chiến đấu, xung phong, quyết liệt, từng câu đuổi nhau. Bởi thế phương pháp tuy đa dạng, nhưng tựu trung vẫn ở chỗ nhiếp tâm, đây mới là điều quan trọng.

Làm sao để thu nhiếp lục căn, Niệm Lão là người thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Ở Mật tông, ông mang danh nghĩa Kim Cang thượng sư. Khi vãng sinh, ông dùng phương pháp truy đỉnh niệm Phật, niệm trong vòng sáu tháng. Phương pháp của tổ Ấn Quang rất ôn hoà, thanh nhã, cả đời ngài theo đuổi phương pháp này.

Tiếp theo, Sở dĩ có tên là rừng Y lan, ví cho ba độc, ba chướng, vô biên chúng tội trong thân chúng sinh. Ngài đã dùng những cách như thế để thí dụ, ba độc là tham, sân, si. Ba chướng là hoặc, nghiệp, khổ. Mê hoặc là chướng ngại, tạo nghiệp là chướng ngại, thọ báo là chướng ngại. Nên mới có câu: nguyện tiêu tam chướng chư phiền não. Sau tam độc lại còn hai thứ nữa, đó là mạn và nghi. Hai độc này, bây giờ chúng ta xem tác dụng của nó, khi nó tác động thì thật đáng ngại.

Khi ngạo mạn nổi lên liền kéo theo động đất, núi lủa tuôn là hệ quả của tâm sân hận. Ngạo mạn là động đất, do không cân bằng, ngu si, núi đổ đất lún, tất cả những thứ này là gì? Vốn đất đai, núi non là những thành phần vững chãi, bây giờ nó trở thành gì? Trở nên mềm nhũn, rất dễ bị nước nhấn chìm. Tôi nghe ở một số quốc gia có hiện tượng này, một vùng đất rộng lớn tự nhiên bị nước nhấn chìm, thậm chí có cả một đại lục chìm hẳn xuống biển. Đó là những hiện tượng rất đáng sợ, bởi nó đã nhũn, mềm ra rồi, biểu hiện của tâm lý nào? Đó là sự hoài nghi, lòng ngờ vực. Nếu quý vị có niềm tin, lòng tin kiên cố thì trái đất cũng sẽ vững chắc, núi không lở.

Danh từ dòng chảy đất đá, ngày trước chúng ta chưa bao giờ nghe đến từ này, đây là một từ mới. Khoảng gần đây, hai ba mươi năm năm trở lại mới được nghe, ngày trước chưa bao giờ nghe, chưa bao giờ biết thế nào là dòng chảy đất đá, không hiểu, vậy đó là hiện tượng gì? Núi đã mềm, nhũn ra, không chịu được thử thách, một trận mưa xối xuốngthì núi lỡ đất tan, vì thế ý niệm có thể thay đổi được tất cả. Nếu chúng ta hoài nghi với bản thân mình, với người, lúc nào cũng giữ lòng nghi hoặc, thì hệ thống miễn dịch của ta sẽ có vấn đề, rất dễ mắc bệnh, vì sao? Thân thể của bạn không khoẻ, nếu một người có lòng tin kiên cố, sức miễn dịch của người đó rất tốt, mầm bệnh khó xâm nhập vào cơ thể, bởi thế lòng tin rất quan trọng!

Ngày trước chúng ta thường xem nhẹ hai từ này, bây giờ cảnh tượng hiện ra trước mắt, quý vị thấy, rất nhiều người mắc những căn bệnh quái ác, bạn cứ thử tiếp xúc với họ, xem họ có lòng tin hay không, họ hoàn toàn không có. Quý vị đã hiểu, lòng nghi ngờ của họ rất lớn, họ hoài nghi tất cả với người, với mọi vật, với mọi chuyện, đây là một tâm lý không tốt. Bởi thế ta thấy giáo lý Đại thừa xếp tham, sân, si, mạn, nghi là phiền não căn bản, một khi nó chuyển động là tai nạn xảy ra. Với mỗi người sẽ là bệnh tật, với môi trường nơi bạn cư trú sẽ là thiên tai.

Gọi là Chiên đàn, là ví cho tâm người niệm Phật. Một cây gỗ Chiên đàn có thể cải thiện một khu rừng Y lan rộng đến bốn trăm dặm, vấn đề này đã gửi cho chúng ta một tín hiệu: Tà không thể thắng chánh. Khu rừng Y lan rộng bốn trăm dặm, là tà, một cây Chiên đàn là chánh, tà không thắng chánh, vì thế nó mới biến đổi cả khu rừng Y lan. Cây mới nhú lên, ý nói tất cả chúng sinh chỉ cần tích niệm không ngưng nghỉ, là có thể thành tựu nghiệp đạo. Tích niệm không gián đoạn ở đây là lời của Bồ tát Đại thế chí: Thu nhiếp lục căn, tịnh niệm liên tục. Thì công đức niệm Phật sẽ bất khả tư nghị. Chúng ta nên tin tưởng nó một cách tuyệt đối, không nên ngờ vực. Tin tưởng chắc chắn thì chúng ta sẽ có lợi ích ngay trong hiện tại, đó là sức khoẻ dồi dào. Có thể nói không một chút bệnh tật, khoẻ mạnh sống lâu, môi trường nơi bạn cư trú cũng giống như cây Chiên đàn, nơi ta sống không bao giờ gặp phải thiên tai. Nếu căn cứ theo thí dụ này, trong phạm vi bốn trăm dặm nơi bạn đang cư trú không có tai nạn, nhờ một người tu hành, liệu có khả năng không? Rất có thể, việc này không phải nói chơi.

Các nhà khoa học cung cấp cho chúng ta một số liệu, cho chúng ta biết, tổng dân số trên quả đất ngày nay độ sáu mươi lăm ức. Lấy căn bình phương của 1% dân số, độ tám nghìn người, chưa đến một vạn. Nếu có tám nghìn người thực sự tỉnh ngộ, thì có thể trái đất được cứu vãn, việc này đã loan cho chúng ta một tin mừng. Lúc mới nghe tôi cũng hơi hoài nghi, nhưng khi nghĩ lại, có câu nói của người xưa: Tà không thể thắng chánh. Vấn đề này lại được cung cấp thêm bằng chứng: Khu rừng Y lan bốn trăm dặm, chỉ cần một cây gỗ Chiên đàn mà có thể biến đổi tất cả. Nếu trên quả đất này có tám nghìn người thực tâm niệm Phật, niệm Phật như pháp thì quả đất có thể được cứu, nếu chúng ta có niềm tin thì thực sự là bất khả tư nghị.

Thời gian hôm nay không cho phép, bài học chúng ta dừng lại ở đây.

Hết tập 400